

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ QUANG HUY

ĐẢNG BỘ KHU 5 LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC BINH VẬN
TỪ NĂM 1961 ĐẾN NĂM 1975

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã số: 9229015

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ QUANG HUY

**ĐẢNG BỘ KHU 5 LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC BINH VẬN
TỪ NĂM 1961 ĐẾN NĂM 1975**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã số: 9229015**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS.TS Trịnh Thị Hồng Hạnh



2. TS. Trần Tuấn Sơn

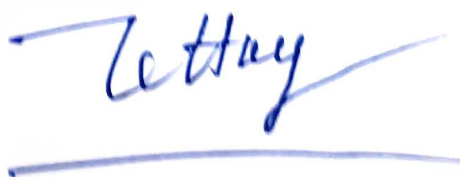


HÀ NỘI – 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan luận án là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi, không trùng lặp với các công trình khoa học khác đã được công bố. Luận án tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, các số liệu trong luận án là chính xác, có nguồn gốc rõ ràng, trích dẫn đầy đủ theo quy định.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN



Lê Quang Huy

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	7
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	7
1.2. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu	31
Chương 2. CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BÌNH VẬN (1961-1965).....	35
2.1. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác bình vận	35
2.2. Chủ trương của Đảng bộ Khu 5 về công tác bình vận.....	50
2.3. Đảng bộ Khu 5 chỉ đạo công tác bình vận.....	55
Chương 3. ĐẢNG BỘ KHU 5 LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BÌNH VẬN (1965-1975)	75
3.1. Tình hình mới tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ khu 5 đối với công tác bình vận	75
3.2. Chủ trương của Đảng bộ Khu 5 về công tác bình vận.....	86
3.3. Đảng bộ Khu 5 chỉ đạo công tác bình vận.....	91
Chương 4. NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM.....	123
4.1. Nhận xét sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 về công tác bình vận giai đoạn 1961-1975	123
4.2. Kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác bình vận (1961-1975)	160
KẾT LUẬN.....	181
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	184
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	185
PHỤ LỤC.....	205

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tiến công binh vận là nét độc đáo trong truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Tùy vào từng thời kỳ khác nhau binh vận còn có những cách gọi khác như: tâm công, địch vận, binh - địch vận, tuyên truyền đặc biệt. Thực chất của binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là cuộc vận động quần chúng “đặc biệt” trong binh lính Việt Nam Cộng hòa vì nhiều lý do khác nhau cầm súng làm việc cho địch, trở về với nhân dân, với cách mạng; tuyên truyền vận động làm cho binh lính Mỹ và đồng minh thấy cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam là chính nghĩa, cuộc xâm lược của Mỹ là phi nghĩa qua đó binh biến, phản đối chiến tranh, đòi về nước.

Trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh nhân dân của Đảng, công tác binh vận được xác định là một trong ba mũi giáp công (quân sự - chính trị - binh vận), giữ vai trò trực tiếp tác động vào hàng ngũ đối phương, làm tan rã ý chí chiến đấu và phá vỡ bộ máy chiến tranh của địch từ bên trong. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh phải “đánh vào lòng người”, coi đó là phương thức quan trọng để hạn chế tổn thất và giành thắng lợi bền vững. Trên thực tế, binh vận không chỉ là vận động binh lính đối phương mà còn bao hàm hoạt động xây dựng cơ sở nội tuyến, tác động đến gia đình binh lính, đồng thời kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và quân sự nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Chiến trường Khu 5 giữ vị trí chiến lược hết sức trọng yếu cả về quân sự, chính trị và địa - kinh tế. Địa bàn Khu 5 gồm đồng bằng ven biển Trung Bộ, Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên, là khu vực tiếp giáp với Đông Nam Bộ, với Đông Bắc Campuchia và Hạ Lào, đồng thời là cửa ngõ chiến lược nối liền đồng bằng ven biển với vùng rừng núi Tây Nguyên. Khu 5 là địa bàn Mỹ đổ bộ quân viễn chinh vào đầu tiên, cũng là địa bàn hoạt động mạnh nhất của quân đồng minh của Mỹ với các Lữ đoàn khét tiếng tàn bạo của Nam Triều Tiên như: Mãnh Hổ, Rồng Xanh, Bạch Mã. Để đối phó với phong trào cách mạng Khu 5, địch tập trung xây dựng hệ thống căn cứ quân sự, hành chính,

hậu cần quy mô lớn, triển khai nhiều đơn vị chủ lực tinh nhuệ, lực lượng bảo an, dân vệ dày đặc, do đó Khu 5 là địa bàn diễn ra sự giằng co quyết liệt giữa ta và địch trong suốt thời kỳ “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh”. Do đó, công tác binh vận càng có ý nghĩa đặc biệt trong việc làm suy giảm sức chiến đấu của đối phương, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy và bộ đội chủ lực tiến công. Vì vậy, nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận góp phần làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong lãnh đạo toàn bộ cuộc kháng chiến.

Sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận chịu tác động của nhiều yếu tố. Địa bàn rộng, bị chia cắt mạnh, nhiều khu vực rừng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hệ thống kìm kẹp của địch chặt chẽ; hoạt động tình báo, phản gián phức tạp. Những đặc điểm này đặt ra yêu cầu về tổ chức lực lượng, phương thức hoạt động và bảo đảm bí mật. Đảng bộ Khu 5 không chỉ quán triệt chủ trương của Trung ương mà còn chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng mạng lưới nội tuyến, phát huy vai trò của cơ sở trong lòng địch, linh hoạt kết hợp binh vận với địch vận và dân vận.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ từng giai đoạn của cuộc kháng chiến, Đảng bộ Khu 5 đã xác định rõ đối tượng, nội dung nhiệm vụ, khả năng, quy mô và phương thức tấn công binh vận, tạo thành một phong trào quần chúng rộng lớn, làm suy sụp về tinh thần địch, hạn chế thương vong tổn thất cho cách mạng; cùng với đấu tranh quân sự, chính trị tạo thành ba mũi giáp công, đánh bại mọi âm mưu và các chiến lược chiến tranh của Mỹ - chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa, đẩy lùi từng bước, giành thắng lợi từng phần, góp phần tiến lên đánh đổ địch, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác binh vận ở Khu 5 còn có những hạn chế: sự chỉ đạo của Khu ủy Khu 5 và một số cấp ủy có thời điểm còn lúng túng, bị động chưa theo kịp tình hình mới; việc chấp hành chính sách tù, hàng binh ở một số địa phương còn chưa tốt; có thời điểm chưa xây dựng được lực lượng binh vận trọng các đơn vị chủ lực của địch,...Nghiên

cứu sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975 nhằm góp phần đánh giá những thành công, hạn chế, đúc rút những kinh nghiệm có thể vận dụng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Với những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn vấn đề **“Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975”** làm đề tài Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Làm rõ sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975, từ đó đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án;

Làm rõ những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận;

Hệ thống, phân tích chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975;

Nhận xét, đúc rút các kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Công tác binh vận bao gồm nhiều nội dung như: công tác xây dựng tổ chức binh vận, xây dựng lực lượng binh vận, xây dựng cơ sở nội tuyến, đào tạo bồi dưỡng lực lượng binh vận, đấu tranh binh vận kết hợp đấu tranh chính trị và quân sự, tuyên truyền, vận động gia đình binh sĩ, vận động chống bắt lính, vận động binh lính, chính sách tù, hàng binh... Trong phạm vi

luận án, nghiên cứu sinh tập trung nghiên cứu chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Khu 5 trên các nội dung: xây dựng tổ chức binh vận; xây dựng cơ sở nội tuyến; đấu tranh binh vận kết hợp đấu tranh chính trị và quân sự; thực hiện chính sách tù, hàng binh.

Về thời gian: Từ năm 1961 đến năm 1975.

Luận án lấy mốc mở đầu là năm 1961: năm 1961 Trung ương Đảng quyết định giải thể Liên Khu 5, thành lập Khu 5 và Khu 6. Mốc kết thúc tháng 4/1975: cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi.

Luận án phân chia quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận thành hai giai đoạn 1961-1965 và 1965-1975. Giai đoạn 1961-1965, Khu 5 trực thuộc sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam; giai đoạn năm 1965-1975, Khu 5 trực thuộc sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng. Để đảm bảo tính hệ thống và toàn diện, luận án đề cập một số nội dung liên quan đến công tác binh vận trước năm 1961.

Về không gian: Trên chiến trường Khu 5. Phạm vi không gian điều chỉnh ở một số thời điểm:

Tháng 7/1961 đến tháng 3/1966, Khu 5 gồm các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam (năm 1962, Trung ương Đảng tách tỉnh Quảng Nam thành tỉnh Quảng Đà ở phía Bắc và tỉnh Quảng Nam ở phía Nam), Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai. Năm 1963, Khánh Hòa, Đắk Lắk của Khu 6 sáp nhập về Khu 5.

Tháng 4/1966, Trung ương tách tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên ra khỏi Khu 5 và thành lập Khu ủy Trị - Thiên - Huế. Lúc này Khu 5 gồm các tỉnh: Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai, Khánh Hòa, Đắk Lắk.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác binh vận.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đề ra, luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Lịch sử Đảng, bao gồm phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Bên cạnh đó, còn kết hợp các phương pháp bổ trợ như: phân tích tổng hợp, so sánh, thống kê trong đó:

Chương 1, chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê, tổng hợp phân tích để làm rõ tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án. Chương 2 và chương 3 chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử, phân tích, tổng hợp, logic, sánh để làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận qua hai giai đoạn: 1961-1965 và 1965-1975. Chương 4 chủ yếu sử dụng phương pháp logic, phân tích, tổng hợp, so sánh, tổng kết thực tiễn làm rõ ưu điểm, khuyết điểm và rút ra các bài học kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975.

4.3. Nguồn tài liệu

Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam, từ tập 16 đến tập 36.

Các Văn kiện (nghị quyết, chỉ thị, công điện, báo cáo...) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

Các Văn kiện (nghị quyết, chỉ thị, công văn, điện báo, báo cáo...) của Đảng bộ khu 5, Đảng bộ các địa phương được lưu tại Cục Chính trị Quân Khu 5, Văn phòng Quân Khu 5, Phòng lưu trữ các địa phương.

Các công trình nghiên cứu khoa học, sách lịch sử Khu 5, lịch sử đảng bộ các địa phương, tạp chí, luận án liên quan.

5. Những đóng góp mới của luận án

Luận án hệ thống hóa nguồn tư liệu phong phú, đa dạng về sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

Luận án phục dựng và tái hiện một cách khách quan, khoa học có hệ thống quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

Nhận xét, đánh giá và đúc rút một số kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo công tác binh vận của Đảng bộ Khu 5, có giá trị tham khảo vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần nghiên cứu tổng kết thực tiễn quá trình Đảng lãnh đạo công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thông qua hoạt động lãnh đạo thực tiễn của Đảng bộ Khu 5 giai đoạn 1961-1975.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án góp phần làm sáng tỏ, sâu sắc hơn về thực tiễn lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, thông qua thực tiễn tại chiến trường Khu 5.

Là tài liệu nghiên cứu, phục vụ giảng dạy lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, lịch sử Đảng bộ Khu 5 và các địa phương, góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống và đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

7. Kết cấu của luận án

Luận án bao gồm: Phần mở đầu, phần nội dung (gồm 4 chương, 10 tiết), phần kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước

1.1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đề cập đến công tác binh vận

Cuốn sách *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước*, tập 2 của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1973) khẳng định vai trò to lớn của nhân dân trong đấu tranh chính trị, binh vận. Tác giả nhận định: “trên khắp cả ba vùng chiến lược, quân và dân ta ở miền Nam ra sức đẩy mạnh và kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, thực hiện tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, đồng thời đẩy mạnh công tác binh vận” [97, tr.352] nhằm tiêu diệt và làm tan rã địch, giành quyền làm chủ của nhân dân và mở rộng vùng giải phóng, để chiến thắng kẻ địch.

Công trình *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập II, (1954-1975) của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995) đã làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Công trình khẳng định “Phải nắm vững công tác binh vận. Coi công tác binh vận là một cuộc vận động cách mạng của quần chúng. Tìm mọi cách để tuyên truyền, giáo dục cho ngụy quân hiểu rõ nhiệm vụ của họ là quay súng về với nhân dân, cùng với nhân dân đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm” [212, tr.171]. Đối với cách mạng miền Nam, Đảng tiến hành phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, bằng ba mũi giáp công: binh vận kết hợp với quân sự, chính trị.

Công trình *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch quân sự Việt Nam (1945-1975)* của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1995), công trình đã nhấn mạnh nghệ thuật chiến tranh Nhân dân; nghệ thuật quán triệt tư tưởng tích cực, chủ động, kiên quyết, liên lạc tiến công quân địch. Dưới sự lãnh đạo của Đảng thể làm chủ của đồng bào nhiều địa phương trên cả ba vùng chiến lược được củng cố và nâng cao “kết hợp ba mũi tiến công quân sự, chính trị và binh vận phát triển cao chưa từng thấy trên cả ba vùng chiến lược, trên hầu hết khắp các chiến trường ở miền Nam” [38, tr.279].

Cuốn sách *Đảng chỉ đạo giành thắng lợi từng bước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thời kỳ 1965-1975* của Nguyễn Xuân Tú (2003) [161], tác giả phân tích cách thức Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo, chỉ đạo toàn dân tộc từng bước đứng lên đấu tranh giành những thắng lợi quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965-1975. Tác giả phân tích nghệ thuật quân sự của Việt Nam, bao gồm kết hợp các lực lượng vũ trang và chính trị, đấu tranh trên cả ba vùng chiến lược, phương pháp đánh địch trên ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận) và rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu từ sự lãnh đạo của Đảng.

Luận án tiến sĩ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ 1965 đến 01/1973* của Nguyễn Văn Bạo (2007), Luận án đã làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong kết hợp các mũi đấu tranh chính trị, ngoại giao, quân sự từ năm 1965 đến tháng 01 năm 1973. Đặc biệt, từ sau năm 1968 “cực diện chiến tranh mới tạo ra cho đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao có điều kiện kết hợp và hỗ trợ cho nhau tốt hơn, thúc đẩy quá trình làm tan rã tinh thần của binh lính Mỹ trên chiến trường làm cho binh sĩ và chính quyền và quân đội Việt Nam Cộng hòa nhanh chóng suy sụp” [51, tr.101]. Tác giả đã chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến sự tan rã về tổ chức và sự suy sụp về tinh thần của quân Mỹ, đồng minh của Mỹ và binh sĩ Việt Nam Cộng hòa.

Công trình *Chung một bóng cờ Về Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam* của Trần Bạch Đằng, chủ biên (2010), công trình tập hợp các bài nghiên cứu khoa học về phong trào đấu tranh của quân và dân miền Nam dưới ngọn cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Công trình khẳng định sự sáng tạo của nhân dân đối với công tác binh vận “khi tiếp xúc với binh lính trong quân đội Sài Gòn, nhân dân rất chủ động làm công tác binh vận và tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể mà sáng tạo những cách vận động đầy tình cảm như: tìm cách để điều tra hoàn cảnh gia đình để biết binh sĩ nào thuộc gia đình nghèo khổ, từ thăm nghèo hỏi khổ...nhận họ làm con nuôi, bày cho họ cách đào ngũ, bỏ tiền ra cho họ ra vùng giải phóng gặp cán bộ ta” [82, tr.395].

Công trình *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và Cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945-1975)* của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (2011) đã làm rõ quá trình hình thành và phát triển của phong trào đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước. Công trình khẳng định vai trò của Khu ủy, Tỉnh ủy dựa vào dân làm công tác binh địch vận để phá áp chiến lược “Khu ủy Sài Gòn - Gia Định tranh thủ phân hóa dân vệ, binh sĩ và các gia đình binh sĩ Việt Nam Cộng hòa, gài nòng cốt của ta vào lực lượng xung kích, dân vệ” [81, tr.420 - 421].

Cuốn sách *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quân và dân ta chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969-1975)* của Lê Văn Mạnh (2012), tác giả phân tích bản chất của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, nhằm “Mỹ hóa” cuộc chiến tranh xâm lược, khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng trong việc đề ra chủ trương, đường lối làm thất bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Tác giả đã đề cập một số hoạt động binh vận và chỉ ra những hạn chế của công tác binh vận trong giai đoạn này là “đấu tranh chính trị và đấu tranh binh vận chưa phát triển kịp thời” [133, tr.46].

Công trình *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, tập IV, *Cuộc đọ đầu lịch sử* của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2013), công trình làm rõ các cuộc đọ đầu lịch sử của quân chủ lực của ta với quân viễn chinh Mỹ và quân đồng minh của Mỹ trên chiến trường Khu 5, đặc biệt là trận Núi Thành và trận Vạn Tường giành thắng lợi đã góp phần mở ra khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ. Đồng thời khẳng định chủ trương của Quân ủy Trung ương đối với công tác binh vận “triển khai công tác binh vận, địch vận (nhất là địch vận) trên quy mô lớn có tính chất chiến lược, tạo điều kiện làm tan rã, ly khai, gây binh biến trong hàng ngũ đối phương” [31, tr.93].

Cuốn sách *Vành đai diệt Mỹ ở chiến trường miền Nam (1965-1973)* của tác giả Trịnh Thị Hồng Hạnh (2014), tác giả đã làm rõ âm mưu, thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh”. Những sáng tạo trong xây dựng vành đai diệt Mỹ ở chiến trường Khu 5: Vành đai diệt Mỹ Đà Nẵng, Chu Lai, An Khê. Để giành thắng lợi trên các vành đai diệt Mỹ, tác giả khẳng định “Đồng thời với việc đẩy mạnh tiến công quân địch cả về quân sự, chính trị, binh vận, quân dân các địa phương nhanh chóng tổ chức, bố trí, tăng cường lực lượng và thể trận chiến tranh nhân dân, tổ chức một số trận đánh phủ đầu khi Mỹ vừa đặt chân lên chiến trường” [101, tr.41].

Công trình *Đại thắng mùa Xuân năm 1975, sức mạnh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam* của tác giả Giàng Seo Phử (2015), công trình là tập hợp các bài nghiên cứu khoa học của nhiều tác giả. Công trình đã đề cập chủ trương của Trung ương Đảng về công tác binh vận và khẳng định “Công tác binh vận là mũi tấn công rất quan trọng để buộc địch từng bước đi vào hòa bình và hòa hợp dân tộc, để làm tê liệt và tan rã hàng ngũ địch, làm cho chính quyền địch, nhất là ở cơ sở ngày càng suy yếu” [139, tr.44], làm rõ sức mạnh đoàn kết của các dân tộc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Công trình *Đại thắng mùa Xuân năm 1975, sức mạnh của ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình* của Bộ Quốc Phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (2015), công trình khẳng định ý chí của quân và nhân dân miền Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975. Đồng thời, đề cập đến sự sáng tạo trong công tác binh dịch vận ở Khu 5 “các địa phương cũng tổ chức tự đào tạo tại chỗ cho đội ngũ cán bộ binh vận, hoặc tìm những học sinh biết tiếng Anh, tiếng Hàn soạn ra những câu giao dịch cần thiết cho hoạt động binh vận để trang bị cho những người làm công tác binh vận” [49, tr.408] góp phần đấu tranh trực diện với quân Mỹ và đồng minh của Mỹ, hạn chế sự càn quét và làm lung lay ý chiến đấu của chúng.

Công trình *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975, thắng lợi và bài học* của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2015) khẳng định cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là cuộc đấu tranh chính nghĩa, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Phương pháp đấu tranh vừa kết hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và binh vận trên cả ba vùng chiến lược “binh vận là mũi đấu tranh sắc bén, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, hình thành phương châm chỉ đạo, phương thức đấu tranh toàn diện rộng khắp, rất có hiệu lực của cuộc kháng chiến toàn dân là “hai chân, ba mũi”, “ba vùng” [17, tr.217].

Công trình *Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 bước ngoặt quyết định và bài học lịch sử* của Bộ Quốc Phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (2017) đã tiếp cận đa chiều và làm rõ kết quả, ý nghĩa của tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 trên toàn miền Nam. Đặc biệt, công trình đề cập đến những thắng lợi của Khu 5 trong kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận “Bộ Tổng tham mưu chỉ đạo, động viên các lực lượng phát huy khí thế tiến công, mở rộng các mục tiêu chiếm được, tăng cường vận động quần chúng, thực hiện

tốt công tác binh vận, mạnh dạn đưa lực lượng ra chốt, cắt giữ giao thông đường 14, 19, 21 để cô lập địch” [48, tr.73].

Công trình *Tổng kết Đảng lãnh đạo quân sự và quốc phòng trong cách mạng Việt Nam (1954-2020)* của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh Bộ Quốc phòng (2021) làm rõ quá trình Đảng lãnh đạo chiến tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và củng cố quốc phòng (1945-2000) và những bài học kinh nghiệm. Ngoài đấu tranh chính trị, quân sự với lực lượng ba thứ quân, công trình còn đề cập đến “tâm công” “tiến công địch vận, tiến công binh vận làm tan rã tinh thần địch, dụ hàng trước khi đánh là cách đánh phát huy sức mạnh chính nghĩa trên chiến trường. Binh vận, địch vận là mũi tiến công chiến lược trong chiến tranh cách mạng” [37, tr.341].

Các công trình trên cung cấp cho nghiên cứu sinh đánh giá tổng quát về công tác binh vận của Đảng, là nguồn tài liệu quý cung cấp về nội dung và phương pháp cách tiếp cận, nghiên cứu vấn đề binh vận.

1.1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về công tác binh vận trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

** Công trình tổng kết công tác binh vận ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*

Công trình *Tổng kết công tác binh - địch vận trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Tổng Cục chính trị, Quân đội Nhân dân Việt Nam (2002), công trình đã hệ thống hóa chủ trương của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương về công tác binh - địch vận, trong từng giai đoạn lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và khẳng định “công tác binh địch vận trở thành một mũi tiến công chiến lược lập được những chiến công to lớn cùng với đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, ngoại giao làm nên thắng lợi vĩ đại của dân tộc và nêu cao chính nghĩa của cuộc đấu tranh của nhân dân ta trên trường quốc tế” [154, tr.193]. Công trình rút ra bốn bài học kinh nghiệm: xác định đúng vai trò chiến lược của công tác binh - địch vận; lãnh

đạo toàn dân làm công tác binh - địch vận; tiến hành kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công; xây dựng tổ chức và lực lượng binh vận.

Cuốn sách *Võ bực nhiệm màu* của Hà Bình Nhưỡng (2003), tác giả lựa chọn những nhân vật điển hình, những cơ sở nội tuyến chiến lược hoạt động trường kỳ mai phục trong lòng địch, vận động các sĩ quan của Việt Nam Cộng hòa đầu hàng, đã hạn chế đổ máu và hy sinh cho quân và dân miền Nam, tiêu biểu như: Thiếu tá, Tiểu đoàn trưởng Lê Quang Ninh, dẫn cả tiểu đoàn về với Quân Giải phóng an toàn “Ninh dẫn cả một tiểu đoàn còn nguyên vẹn về với cách mạng, với nhân dân” [137, tr.134]. Sự móc nối giữa Ban Binh vận Trung ương cục với Nguyễn Hữu Hạnh, Phó Tư lệnh Quân đoàn 4 và Vùng 4 chiến thuật. Tướng Hạnh chịu hợp tác với cách mạng, sau này trở thành cầu nối quan trọng tác động đến Tổng thống Dương Văn Minh sớm đầu hàng cách mạng tạo điều kiện thuận tiện cho quân ta tiếp quản thành phố nhanh gọn.

Bài viết trên Tạp chí Lịch sử quân sự số 8 (2008) *Binh vận mũi giáp công trọng yếu trên “vành đai diệt Mỹ”* của Trịnh Thị Hồng Hạnh, tác giả đã đi sâu, phân tích và làm rõ mũi tấn công binh vận trên “vành đai diệt Mỹ” ở miền Nam. Trong đó, có tập trung làm rõ mũi tấn công binh vận trên “vành đai diệt Mỹ” ở Khu 5 “năm 1966, tỉnh Quảng Đà lập 289 tổ binh vận hợp pháp, tổ chức 12 lớp học cho hơn 500 người làm binh vận vành đai diệt Mỹ. Tại Quảng Ngãi tỉnh lập 25 tổ binh vận hợp pháp, 687 người bám vành đai diệt Mỹ Chu Lai, Bình Sơn” [99, tr.32]. Tác giả đã làm rõ vai trò của binh vận góp phần đánh vào tư tưởng, tâm lý của quân xâm lược, làm chúng sa sút tinh thần chiến đấu, góp phần vào thắng lợi chung.

Bài viết trên Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 4 (2010), *Một đóng góp quan trọng của mũi binh - địch vận trong thời điểm kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* của Nguyễn Văn Định, tác giả khẳng định việc tác động vào giới thượng tầng chính quyền Sài Gòn là một bước đi chiến lược “thúc đẩy Dương Văn Minh ra lệnh ngừng bắn tức thời là thành công của công tác binh - địch vận đã biết chọn đúng đối tượng để tác động vào đúng thời điểm.

Đó là đóng góp quan trọng của mũi binh - địch vận trong thời điểm kết thúc chiến tranh” [84, tr.65]. Cụ thể việc tuyên bố của Dương Văn Minh cùng nhật lệnh của Nguyễn Hữu Hạnh đã trực tiếp làm tê liệt ý chí kháng cự của đại bộ phận binh lính đối phương, tạo thời cơ vàng để Quân giải phóng tiến thẳng vào thủ phủ Sài Gòn.

Cuốn sách *Công tác binh - địch vận góp phần làm nên thắng lợi, Đại thắng Mùa Xuân 1975, mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam* của Nguyễn Văn Bích (2016) [50], tác giả khẳng định vị thế chiến lược của mặt trận binh - địch vận trong xuyên suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ. Nội dung trọng tâm của công trình tập trung vào nghệ thuật tuyên truyền và vận động nhằm lôi kéo những người đang phục vụ trong hàng ngũ đối phương trở về với chính nghĩa của dân tộc, bằng cách tác động sâu sắc vào tư tưởng, hoạt động binh vận đã trực tiếp làm hoang mang, tê liệt ý chí chiến đấu và dẫn đến sự tan rã về mặt tổ chức của quân đội Sài Gòn.

Cuốn sách *Đường lối binh vận của Đảng (1930-1975)* của các tác giả Trần Thị Thúy Nga, Nguyễn Thị Hồng Phương, Phạm Thanh Thủy (2019) [135], cuốn sách làm rõ đường lối của Đảng và chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương Cục miền Nam về công tác binh vận. Đi sâu phân tích vị trí, vai trò của công tác binh vận, kiểm điểm công tác binh vận, bản chất của quân đội địch, chủ trương, nhiệm vụ, khẩu hiệu, phương châm, phương pháp, biện pháp và cách thức tổ chức binh vận qua từng giai đoạn. Từ đó khẳng định Đảng ta luôn xác định binh vận là một công tác quan trọng trong đường lối chiến lược của Đảng và đã vận dụng hiệu quả vào quá trình lãnh đạo cách mạng, góp phần đem lại những thắng lợi quan trọng.

Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1969 đến năm 1975* của tác giả Nguyễn Khắc Trai (2020) [159], Luận án đã làm rõ chủ trương của Trung ương Cục miền Nam về công tác binh vận từ năm 1969 đến năm 1975, trên các nội dung chủ yếu như: Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải

pháp; đồng thời, trình bày có hệ thống quá trình Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo công tác binh vận (1969-1975) trên các mặt: Xây dựng lực lượng binh vận; xây dựng cơ sở và hoạt động nội tuyến; binh vận kết hợp với tiến công quân sự, đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; thực hiện chính sách binh vận, nhận xét và kinh nghiệm.

Cuốn sách *Công tác binh vận của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vận dụng xây dựng quân đội hiện nay* của Nguyễn Khắc Trai (2023), tác giả nghiên cứu chủ trương của Trung ương Cục miền Nam đối với công tác binh vận trên chiến trường B2 và một số vấn đề rút ra và vận dụng trong xây dựng quân đội hiện nay. Đánh giá về vị trí, vai trò của công tác binh vận, tác giả cho rằng “Công tác binh vận có vai trò đánh vào tư tưởng tinh thần của binh sĩ đối phương, trước tiên làm cho họ nhận thức rõ tính phi nghĩa của cuộc chiến tranh, đồng thời thấy được tính chính nghĩa của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam” [160, tr.9 - 10].

Đề tài khoa học cấp cơ sở *Trung ương Cục Miền Nam lãnh đạo công tác binh vận tại miền Nam Việt Nam (1961-1975)* của Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023) [107] làm rõ bối cảnh lịch sử và chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam, kết quả về công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975. Đề tài đã đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và đưa ra ba bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác binh vận.

Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam *Công tác binh vận trên chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, từ năm 1961 đến năm 1975* của Lê Mạnh Tiến (2025), Luận án đã nghiên cứu làm rõ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Trung ương Cục miền Nam và kết quả công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975 ở miền Nam Việt Nam, trong đó cũng đề cập đến một số kết quả đạt được của Khu 5 trong đấu tranh binh vận “tại Khu 5, cuối năm 1964, đầu năm 1965, mũi binh vận đã phối hợp chặt chẽ với mũi quân sự, giành thắng lợi trong các trận đánh lớn vào căn cứ của địch tại: An

Lão, Đèo Nhông, Dương Liễu (Bình Định), Núi Sấm (Phú Yên), Đồng Dương, Suối Đá (Quảng Nam), góp phần làm tan rã trên 20.000 quân chủ lực và bảo an” [158, tr.58]. Đồng thời, cũng đưa ra các nhận xét và các bài học kinh nghiệm trong đấu tranh binh vận ở miền Nam Việt Nam.

** Công trình tổng kết công tác binh vận ở các địa phương trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*

Công trình *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Đồng Nai trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (1998) [26] hệ thống hóa chủ trương lãnh đạo và chỉ đạo của đảng bộ Đồng Nai đối với công tác binh vận suốt hai thập kỷ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa mũi tấn công binh vận với đấu tranh chính trị và quân sự nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp, đồng thời đúc kết bốn bài học kinh nghiệm trong đấu tranh binh vận, đó là: Quán triệt đường lối chính sách binh vận của Đảng; xác định công tác binh vận là nhiệm vụ chiến lược; nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công trong công tác binh vận; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách vững mạnh.

Công trình *Tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) trên chiến trường B2 cũ* của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2000), công trình nhấn mạnh công tác Binh vận được coi là mũi nhọn, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang và chính trị để làm tan rã quân đội Sài Gòn, đặc biệt là giai đoạn 1962 - 1963 với gần 100.000 binh sĩ rã ngũ. Đặc điểm công tác binh vận là sử dụng lực lượng “tập kết ngược” có kinh nghiệm từ miền Bắc vào làm nòng cốt, kết hợp với các cơ sở nội tuyến để đánh địch từ bên trong. Công trình khẳng định công tác binh vận của Trung ương Cục trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường B2 “góp phần quan trọng vào thắng lợi chung, xứng đáng với nhiệm vụ chiến lược mà Đảng đã giao” [163, tr.165]. Công trình đã đúc kết những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật binh vận, “đánh địch bằng ba mũi giáp công”.

Công trình *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2001) [27], công trình hệ thống hóa các phương thức triển khai đa dạng như: tuyên truyền tư tưởng, vận động quần chúng, thúc đẩy binh sĩ và sĩ quan ly khai hoặc đầu hàng. Đánh giá những thành tựu đã đạt được, đúc kết nhiều bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn. Công trình khẳng định đóng góp quan trọng của mũi tiến công binh vận vào thắng lợi của tỉnh nói riêng và sự nghiệp giải phóng miền Nam nói chung.

Công trình *Công tác binh vận tỉnh Bình Dương (1954-1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2002) [28] làm rõ những thuận lợi, khó khăn, các chủ trương và quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Dương trong đấu tranh binh vận giai đoạn 1954-1975. Đồng thời chỉ rõ kết quả đạt được, hạn chế trong đấu tranh binh vận và rút ra các bài học kinh nghiệm trong tấn công binh vận, đó là: sự lãnh đạo sáng suốt, kịp thời của Đảng là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi đối với công tác binh vận; công tác binh vận thực chất là dân vận; phải kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công; phải xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có bản lĩnh chính trị vững vàng, dũng cảm, có năng lực tuyên truyền với sức thuyết phục cao.

Bài viết trên Tạp chí Lịch sử Quân sự số 4 (2008), *Mũi tiến công địch vận ở Huế, Xuân Mậu Thân 1968* của Vũ Quang Hiền, tác giả đã phân tích sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa ba mũi tiến công: Quân sự, chính trị và binh vận tại địa bàn Huế năm 1968. Tác giả khẳng định mũi tiến công chính trị, quân sự phối hợp nhịp nhàng và đều khắp có tác dụng tiêu diệt lực lượng đối phương, tạo đà cho mũi tiến công binh vận “hoạt động binh vận của lực lượng vũ trang là sử dụng phương pháp gọi loa kêu hàng, vận động nhân dân tham gia tiến công binh vận rộng khắp và liên tục” [102, tr.15]. Mặc dù công trình chỉ tập trung vào một lát cắt hẹp về thời điểm và địa danh, những

phương pháp tiếp cận khoa học giúp làm rõ bản chất và hiệu quả của hoạt động binh vận trong thực tiễn chiến đấu.

Các công trình khoa học trên đã làm sáng tỏ các chủ trương, phương thức triển khai, kết quả cùng những bài học kinh nghiệm đối với công tác binh vận tại nhiều địa phương ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

1.1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về công tác binh vận ở Khu 5 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

**** Công trình nghiên cứu về Khu 5 đề cập đến công tác binh vận***

Cuốn sách *Mười năm trên tuyến đầu chống Mỹ của quân và dân khu 5*, của Tuyên huấn giải phóng Khu 5 xuất bản năm 1963, cuốn sách ghi lại những thành tích của quân và dân Khu 5 trong 10 năm chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1963. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 giành được nhiều thắng lợi quan trọng trong đấu tranh binh vận “năm 1962 - 1963, ở Khu 5 có 20.000 binh sĩ địch mang súng về cho cách mạng trên 1.000 súng các loại. Trên 100 vụ binh biến diễn ra ở các đồn. Cán bộ chiến sĩ đồng bào ta đặc biệt là các chị em phụ nữ đã tích cực đẩy mạnh việc tuyên truyền vận động binh lính Việt Nam Cộng hòa bằng mọi phương pháp sáng tạo, tranh thủ mọi lúc, mọi nơi lập nhiều thành tích tốt” [134, tr.14 - 15].

Cuốn sách *Quân khu 5 thắng lợi và những bài học trong kháng chiến chống Mỹ* của Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân xuất bản năm 1981 [140], cuốn sách đã làm rõ đặc điểm vị trí chiến lược của chiến trường Khu 5, đặc biệt năm 1967 đế quốc Mỹ đã tập trung trên dưới 2/3 số đơn vị chiến đấu Mỹ và quân đồng minh của Mỹ cùng quân lực Việt Nam Cộng hòa đánh phá các liệt phong trào cách mạng Khu 5, gây nhiều khó khăn cho ta. Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy 5 “quân và dân Khu 5 đã đẩy mạnh đấu tranh chính trị và binh vận, nhất là phong trào đô thị thật mạnh mẽ, tiến lên thực hiện cho được khởi nghĩa khi có thời cơ” [140, tr.92]. Cuốn sách khẳng định những thắng lợi quan trọng của công tác binh vận đã góp phần vào thắng lợi chung của dân

tộc, phân tích và tổng kết các bài học kinh nghiệm về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang và phương thức tác chiến phù hợp với đặc điểm của địa bàn Khu 5.

Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, tập II, Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1968)* [43] và *tập III, Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1969-1975)* [44], công trình nghiên cứu chuyên sâu về quá trình Đảng bộ khu 5 lãnh đạo đấu tranh chống Mỹ, cứu nước. Bên cạnh lãnh đạo đấu tranh chính trị, quân sự, dưới sự lãnh đạo Đảng bộ Khu 5 “các địa phương đã chú trọng chỉ đạo công tác vận động binh lính và gia đình sĩ quan Việt Nam Cộng hòa, đặc biệt là vận động phá rã phòng vệ dân sự” [44, tr.41], bằng sức mạnh tổng hợp của hai lực lượng và ba thứ quân và bằng truyền thống kiên cường bất khuất trong chống ngoại xâm, quân và Nhân dân Khu 5 đã từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai, góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cuốn sách *Kẻ thù nào cũng đánh thắng - Những trận đánh điển hình trên chiến trường Khu 5* của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1993), công trình đã ghi lại 12 trận đánh tiêu biểu của Quân khu 5 giai đoạn từ năm 1945-1975 với các đối tượng tác chiến: quân đội viễn chinh Pháp, quân đội viễn chinh Mỹ, Nam Triều Tiên, Ngụy Lào, Thái Lan, quân Pôn Pốt và các sắc lính của quân đội Sài Gòn. Trong đó, công tác binh vận trong các chiến dịch được chú trọng, như trận tiến công địch ở cao điểm 723 đường 9 - Nam Lào “sức cơ động của quân đội nhanh, tác phong chiến đấu linh hoạt, đoàn kết hiệp đồng chặt chẽ, kết hợp tốt với tác chiến binh vận” [45, tr.147].

Cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập 2 (1945-1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (1996) [22], cuốn sách ghi lại chặng đường 30 năm đấu tranh cách mạng kiên cường, đầy gian khổ nhưng vô cùng vẻ vang của quân và dân Quảng Trị từ năm 1945 đến năm 1975. Cuốn sách cũng đã đề cập tới công tác binh vận trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào

(1971) và Cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972, khi chiến sự diễn ra ác liệt, công tác địch vận đánh mạnh vào tâm lý hoang mang, rệu rã của quân đội Sài Gòn khi bị dồn vào thế chân tường, làm tê liệt các hệ thống thông tin, vận động binh sĩ trốn tránh chiến đấu, buông súng đầu hàng hoặc làm binh biến, tạo điều kiện cho các cánh quân chủ lực tạo những đòn đột phá quyết định.

Công trình *Một số kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh nhân dân địa phương ở Khu 5 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Viện Lịch sử quân sự (1999) [39], công trình đã làm rõ kinh nghiệm chỉ đạo “ba mũi giáp công”, mũi quân sự, tiêu diệt sinh lực địch bằng ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích. Mũi chính trị huy động sức mạnh quần chúng đấu tranh trực diện, phá ấp chiến lược, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Mũi binh vận vận động, làm tan rã hàng ngũ địch từ bên trong, biến gia đình binh sĩ thành lực lượng cách mạng. Công trình tổng kết kinh nghiệm xây dựng các vành đai diệt Mỹ (như Chu Lai, Hòa Vang), đây là mô hình kết hợp tại chỗ giữa bao vây quân sự và vận động binh lính Mỹ chán ghét chiến tranh, hạn chế đi càn quét. Khẳng định vai trò của Khu ủy 5 trong việc vận dụng sáng tạo đường lối của Trung ương vào đặc thù cụ thể của địa phương, đặc biệt là trong những giai đoạn bước ngoặt như 1965, 1968, 1972 và 1975.

Công trình *Vành đai diệt Mỹ trên chiến trường Khu 5 - Một sáng tạo của chiến tranh nhân dân Việt Nam* của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2002) [40], công trình làm rõ cách thức Đảng bộ Khu 5 chỉ đạo xây dựng các vành đai xung quanh căn cứ địch như: Vành đai Hòa Vang, Chu Lai, Cam Ranh, An Khê...đây là thế trận bao vây, áp sát để đánh Mỹ ngay tại nơi chúng vừa đặt chân đến. Mũi quân sự sử dụng lối đánh nhỏ lẻ, tinh nhuệ của du kích và bộ đội địa phương (bắn tỉa, đặt mìn, tập kích) khiến quân Mỹ luôn ở trạng thái căng thẳng, bị động ngay tại căn cứ. Mũi chính trị huy động quần chúng bám trụ “một tác không đi, một ly không rời”, đấu tranh trực diện với quân Mỹ đòi quyền lợi, chống bắn phá bừa bãi. Mũi binh vận vận động quân đội

Việt Nam Cộng hòa không can thiệp, trung lập hóa đồn bót xung quanh căn cứ Mỹ; đồng thời tác động tâm lý làm suy sụp ý chí chiến đấu của binh lính Mỹ và quân đồng minh.

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai, tập 2 (1945 - 2005) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (2005) [20], ghi lại chặng đường 60 năm đấu tranh, xây dựng và phát triển đầy vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và giai đoạn hòa bình xây dựng, đổi mới. Cuốn sách cũng đã đề cập đến vai trò của Đảng bộ trong chỉ đạo móc nối, xây dựng cơ sở nội tuyến ngay trong các cơ quan, đồn bót, doanh trại của địch tại các đô thị (như Pleiku) và các vùng địch kiểm soát, kêu gọi lính ngụy bỏ ngũ, làm binh biến về cách mạng, góp phần làm tan rã từng mảng lớn lực lượng của địch, bức rút nhiều đồn bót tiến tới giải phóng hoàn toàn tỉnh Gia Lai vào tháng 3 năm 1975.

Cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ Quân khu 5, tập 2, thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Đảng bộ Quân Khu 5 (2010), cuốn sách dựng lại lịch sử hào hùng của Đảng bộ Quân khu 5 trong đấu tranh chống Mỹ, cứu nước. Làm rõ quá trình lãnh đạo của Quân khu 5 trong kết hợp ba mũi giáp công “tập trung nỗ lực to lớn, lãnh đạo quân và dân tiếp tục quyết tâm cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đẩy mạnh đấu tranh quân sự cùng với đấu tranh chính trị, binh vận lên một bước cao hơn” [63, tr.121].

Cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, tập 1 (1930 – 1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2019) [18], cuốn sách làm rõ sự ra đời và lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bên cạnh đấu tranh quân sự, chính trị cuốn sách còn đề cập đến vai trò Đảng bộ tỉnh trong chỉ đạo các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở vận động gia đình binh sĩ kêu gọi con em bỏ ngũ, quay súng về với nhân dân; phối hợp với các chiến dịch quân sự, công tác binh vận góp phần làm tan rã từng mảng lớn ngụy quân Sài Gòn, đặc biệt trong các cao điểm nổi dậy và tấn công như cuộc

Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, chiến dịch Ba Gia, chiến dịch giải phóng Ba Tơ và tỉnh Quảng Ngãi năm 1975.

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum, tập 1 (1930 - 1975) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum (2019) [19], cuốn sách làm rõ truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Kon Tum trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, đồng thời cuốn sách đã đề cập đến công tác binh vận gắn liền với phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên chống lại chính sách dồn dân, lập “khu trù mật”, “ấp chiến lược” của Mỹ - ngụy, đặc biệt trong chiến dịch Bắc Tây Nguyên 1972, Chiến dịch Tây Nguyên mùa Xuân 1975 mở đầu bằng trận then chốt đánh chiếm Buôn Ma Thuột và làm chủ Kon Tum, công tác binh vận đã góp phần làm hoang mang tột độ hàng ngũ địch, khiến nhiều đồn bốt tự tan rã trước khi lực lượng ta tiến công góp phần giải phóng hoàn toàn tỉnh Kon Tum vào tháng 3/1975.

** Công trình nghiên cứu tổng kết công tác binh vận trên địa bàn Khu 5*

Công trình *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Gia Lai trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Tỉnh ủy Gia Lai (1998) hệ thống hóa quá trình chỉ đạo của Đảng bộ Gia Lai đối với công tác binh vận, tái hiện kết quả mũi tấn công binh vận trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1954-1975. Trong đó, ngày giải phóng tỉnh “có 4.154 ngụy quân, trong đó có 1.157 sĩ quan ngụy ra trình diện, nạp vũ khí cho chính quyền cách mạng, hàng vạn dân vệ lẩn trốn trong dân đều ra đăng ký trình diện các ban tự quản” [184, tr.133]. Công trình đã rút ra một số kinh nghiệm: nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, thâm nhuần tư tưởng chiến lược tiến công; thường xuyên quán triệt và nắm vững nguyên tắc, phương châm, chính sách dân tộc của Đảng; nắm vững tình hình, theo dõi, đánh giá đúng đối tượng, phát hiện kịp thời những vấn đề về tư tưởng, xu hướng địch, tìm các biện pháp tấn công binh địch vận phù hợp; nghệ thuật kết hợp công tác binh vận với đấu tranh vũ trang.

Công trình *Tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế (1998), công trình đã hệ thống hóa các quyết sách chỉ đạo của đảng bộ địa phương, đồng thời tái hiện sinh động những phương thức đấu tranh đặc thù của lực lượng vũ trang và nhân dân trong công tác binh vận như “xông vào đồn cho đến gọi loa, tuyên truyền văn nghệ vào các đồn bót, phong trào “nói đồng bào tôi nghe và nghe đồng bào tôi nói” ở các thành phố” [185, tr.126]. Qua việc đánh giá khách quan các kết quả được cũng như mặt còn hạn chế, công trình đã đúc kết những bài học kinh nghiệm của công tác binh vận.

Cuốn sách *Báo cáo tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1999), cuốn sách đã làm rõ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức đấu tranh binh vận của Đảng bộ, quân và Nhân dân Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi “từ năm 1961 đến năm 1975, công tác binh vận Quảng Ngãi đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: làm rã ngũ lẻ tẻ 68.401 lính, làm rã ngũ tập thể 629 trung đội, 28 đại đội, 4 tiểu đoàn và 21 đoàn bình định nông thôn, cơ sở làm binh biến, nội ứng 362 vụ, diệt 1.280 ác ôn, giáo dục vận động gia đình binh sĩ 80.280 lượt” [23, tr.167], góp phần cùng với quân và dân Khu 5 đánh bại chính quyền Việt Nam Cộng hòa và đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Công trình *Tổng kết công tác binh vận chiến trường Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Thường vụ Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1999), công trình đã hệ thống hóa kết quả đạt được của Đảng bộ Khu 5 về công tác binh vận. Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước Khu ủy 5 khẳng định “cần nhận rõ công tác binh vận là một trong những nhiệm vụ cơ bản có tính chất quyết định thắng lợi của cách mạng” [168, tr.68], công trình làm rõ phương châm của công tác binh vận coi

trọng ba mặt công tác, tuyên truyền, giáo dục; xây dựng cơ sở nội tuyến và lãnh đạo đấu tranh. Công trình chỉ ra ưu điểm, hạn chế và rút ra một số kinh nghiệm công tác binh vận trên chiến trường Khu 5, là cơ sở để nghiên cứu sinh kế thừa kết quả về công tác binh vận trong quá trình thực hiện luận án.

Công trình *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Đắk Lắk trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* của Tỉnh ủy Đắk Lắk (2001), công trình đã làm rõ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk trong đấu tranh binh vận giai đoạn 1954-1975. Kết quả đạt được của công tác binh vận trên các nội dung binh vận, đặc biệt khẳng định vai trò của “ba mũi giáp công” trong chiến dịch giải phóng tỉnh Đắk Lắk đạt được một số thành tựu quan trọng “ngoài số quân chủ lực nguy, một số trong 13 tiểu đoàn, 17 đại đội quân bảo an và một số ít đơn vị dân vệ, nghĩa quân bị diệt, bị bắt làm tù binh hoặc đầu hàng trong chiến đấu, còn phần lớn lực lượng bảo an, dân vệ, nghĩa quân, các sắc lính khác và toàn bộ trên 35.700 phòng vệ dân sự, trên 300 Ban tề xã, ấp và hầu hết lực lượng cảnh sát, nhân viên nguy quyền cấp quận, tỉnh...đều tan rã tại chỗ” [186, tr.126].

Công trình *Công tác binh vận trên chiến trường Bình Định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định (2004) làm rõ chủ trương, quá trình chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Định và vai trò của đấu tranh binh vận góp phần vào thắng lợi chung của tỉnh. Trong chiến dịch Xuân 1975, bằng tiến công chính trị và binh vận, vũ trang khởi nghĩa, lực lượng quần chúng “đã bao vây bức 180 chốt điểm (trong đó bức hàng, bức rút, bức rã, binh biến 20 chốt), làm tan rã 4 đại đội bảo an, 350 trung đội dân vệ, phá rã toàn bộ lực lượng phòng vệ dân sự, thanh niên chiến đấu, nhân dân tự vệ, (có 60 trung đội đầu hàng, binh biến, khởi nghĩa), phá rã và truy bắt trên 15.000 binh sĩ địch” [24, tr.142], đồng thời, công trình cũng rút ra bốn bài học kinh nghiệm.

Bài viết trên Tạp chí Lịch sử Quân sự số 1 (2011) *Hoạt động nội tuyến*

trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 ở Đắc Lắc của Trần Thị Lan, tác giả khẳng định nội tuyến là phương thức đấu tranh đơn tuyến, tính bảo mật phải tuyệt đối, đòi hỏi chiến sĩ cách mạng phải xây dựng được sự tin tưởng vững chắc trong lòng đối phương. Hình thức hoạt động nội tuyến ở Đắc Lắc là nắm chắc âm mưu, thủ đoạn, kế hoạch hoạt động của địch rồi báo cáo cơ quan cấp trên đánh phá các mục tiêu chiến lược do cấp trên chỉ định hoặc được cấp trên chấp nhận “là cách đánh bất ngờ ngay trong cơ quan đầu não đối phương khiến cho quân địch hoang mang, kinh hoàng, dẫn đến làm suy giảm tinh thần chiến đấu của binh sĩ Việt Nam Cộng hòa tại Buôn Ma Thuột và trên chiến trường Đắc Lắc” [129, tr.18], nghiên cứu này đã làm rõ vai trò của các cơ sở trong việc tạo thế trận “đánh từ bên trong” tại địa bàn tỉnh Đắc Lắc trong cao điểm Tết Mậu Thân năm 1968.

Bài viết trên Tạp chí Lịch sử Quân sự số 6 (2012) *Đấu tranh binh vận ở Quảng Nam trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* của tác giả Hà Văn Ngọc, tác giả đã làm rõ chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Nam trong lãnh đạo đấu tranh binh vận, vai trò của lực lượng phụ nữ trong đấu tranh chính trị - binh địch vận “Chị em phụ nữ là lực lượng nòng cốt làm binh vận, được bồi dưỡng tiếng Anh, tiếng Nam Triều Tiên để đấu tranh trực diện với lính Mỹ và lính Nam Hàn. Phụ nữ phát tán truyền đơn, trưng khẩu hiệu binh vận với nhiều hình thức, phối hợp với du kích, bộ đội địa phương, bám sát đồn địch, dùng loa đọc lời kêu gọi bằng tiếng Anh và tiếng Nam Triều Tiên (Hàn Quốc)” [136, tr.30].

Bài viết trên Tạp chí Lịch sử Quân sự số 10 (2015) *Công tác binh vận trên chiến trường Quảng Trị những năm 1961-1966* của Hoàng Chí Hiếu, tác giả đã làm sáng tỏ các hoạt động thực tiễn của quân và nhân dân Quảng Trị trong đấu tranh binh vận. Cụ thể, công tác binh vận đã kết hợp với đấu tranh chính trị và quân sự để làm tan rã lực lượng binh sĩ địch, nhất là các đơn vị tại chỗ. Bên cạnh đó, tiến công binh vận còn hướng tới mục tiêu phân hóa hàng

ngũ kẻ thù để triệt phá bộ máy kìm kẹp ở cơ sở, chống càn quét lấn chiếm và củng cố vùng nông thôn đồng bằng. Tác giả khẳng định “những kết quả đạt được trong công tác binh địch vận cùng với phong trào đấu tranh chính trị đã tiến công mạnh mẽ vào chính chỗ dựa chủ yếu của chính quyền Sài Gòn và quân Mỹ ở Quảng Trị, làm suy yếu lực lượng địch, góp phần hỗ trợ đưa cuộc chiến tranh cách mạng ở Quảng Trị lên bước mới” [103, tr.32].

Công trình *Tổng kết công tác đấu tranh chính trị, binh vận trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Ban Dân vận (2021), công trình đã làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Quảng Đà đối với công tác binh vận cùng với lực lượng vũ trang, binh vận và đấu tranh chính trị đã tạo nên “3 mũi giáp công”, hình thành thế trận “2 chân 3 mũi vững chắc”, góp phần làm tiêu hao sinh lực, làm tan rã hàng ngũ địch về mặt tư tưởng và tổ chức, từng bước làm suy yếu quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Đặc biệt, công trình khẳng định “trong ba năm 1969-1972, ngành binh vận tỉnh Quảng Nam đã tấn công chính trị làm tan rã hơn 9.000 binh sĩ, dân vệ. Công tác binh vận không những kết hợp với mũi tiến công quân sự và đấu tranh chính trị phá rã năng lực lượng phòng vệ dân sự mà còn vận động, biến một bộ phận lực lượng này thành lực lượng du kích, phục vụ cho công tác giành dân, giữ dân, diệt ác, phá kìm” [25, tr.209]. Công trình rút ra các bài học kinh nghiệm trong đấu tranh binh vận ở tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Các công trình khoa học trên đã làm rõ quá trình lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5, Đảng bộ địa phương đối với công tác binh vận trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đồng thời làm rõ những đặc điểm, phương pháp, ưu điểm, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo công tác binh vận của từng địa phương ở Khu 5.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu của các tác giả ở nước ngoài

Cuốn sách *Việt Nam cuộc chiến tranh mười nghìn ngày* của Maicon MacLia (1990), tác giả đã phản ánh đầy đủ, chân thực, có cách nhìn khách quan về cuộc chiến tranh Việt Nam và cho rằng mũi tấn công binh vận làm cho tinh thần binh sĩ Mỹ và đồng minh của Mỹ suy sụp về tinh thần dẫn đến hành động chống lệnh, phản đối chiến tranh và tự nêu khẩu hiệu “đừng là người lính chết sau cùng ở Việt Nam” và mục tiêu chung là “tự lo cho sinh mạng mình, sống qua giai đoạn này và ra khỏi Việt Nam” [131, tr.172]. Tác giả cho rằng đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa và gặp phải sự phản đối của dư luận tiến bộ Mỹ.

Cuốn sách *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam* của Phillip B. Davidson (1995), tác giả khẳng định sự thất bại của đế quốc Mỹ bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó binh vận là một bộ phận chiến lược của cách mạng Việt Nam. Tác giả cho rằng “binh vận là các hoạt động nhằm gây tư tưởng bất mãn trong hàng ngũ binh lính kẻ thù” [62, tr.38], bằng kết hợp linh hoạt giữa vận động binh sĩ với đấu tranh ngoại giao, phía cách mạng đã tận dụng tối đa các phương tiện thông tin đại chúng để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Mỹ và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới tạo nên sức mạnh tổng hợp của cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc.

Cuốn sách *Một anh hùng cộng sản được nuôi dưỡng trong hàng ngũ lính Mỹ*, *Việt Nam cuộc chiến không quên* của Ron Moreau (2001) [132], tác giả đã tái hiện quá trình hoạt động của Nguyễn Thành Trung - một cơ sở nội tuyến chiến lược được cài cắm sâu trong lòng địch. Dưới sự lãnh đạo và hướng dẫn của Ban Binh vận Trung ương Cục cơ sở nội tuyến này đã điều khiển phi cơ của quân đội Sài Gòn oanh tạc Dinh Độc Lập, giáng một đòn tâm lý mạnh mẽ khiến bộ máy lãnh đạo và binh lính chế độ cũ rơi vào tình trạng hoang mang cực độ, góp phần đẩy nhanh sự sụp đổ của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Cuốn sách *Cuộc tháo chạy toán loạn* của Frank Snepp (2003), tác giả dựng lại những ngày cuối cùng hỗn loạn của chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong tháng 4/1975 và sự bắt lức của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Tác

giả cho rằng nguyên nhân thất bại là do tinh thần chiến đấu rệu rã của quân đội Việt Nam Cộng hòa và do chính phủ Mỹ cắt giảm viện trợ về kinh tế, quân sự làm cho tinh thần quân đội Việt Nam Cộng hòa suy sụp “Không có viện trợ quân sự, ít nhất một tỷ đô la thì Nam Việt Nam chỉ là cái bóng của họ” [156, tr.82]. Và nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự sụp đổ của Việt Nam Cộng hòa là do lực lượng cách mạng tiến công mạnh về quân sự, chính trị và binh vận.

Cuốn sách *Một chiến thắng bị bỏ lỡ* của William Colby (2007), tác giả đã phân tích chi tiết các giai đoạn quan trọng của cuộc chiến tranh Việt Nam, từ khi Mỹ can thiệp trực tiếp cho đến khi rút quân về nước. Tác giả cho rằng Mỹ đã bỏ lỡ cơ hội chiến thắng do những sai lầm về chiến lược và chính sách của chính quyền Mỹ thời điểm đó là: chính quyền Mỹ không quyết tâm chiến đấu mà lại nhanh chóng rút quân về nước khi gặp áp lực chính trị nội bộ. Thay vào đó, việc rút quân vội vàng đã khiến cho Việt Nam Cộng hòa sụp đổ “đội quân của Thiệu, vì thiếu sự hỗ trợ của Mỹ, đã phải tiến hành một cuộc chiến tranh theo kiểu “con nhà nghèo” để chống lại mười bốn sư đoàn thiết giáp Bắc Việt” [54, tr.412]. Qua đó, cho thấy sự phụ thuộc và tinh thần chiến đấu bạc nhược của quân đội Việt Nam Cộng hòa là nguyên nhân thất bại của chiến tranh.

Cuốn sách *Chiến tranh Việt Nam được và mất* của Nigel Cawthorne (2007) [58], tác giả phân tích nguyên nhân thất bại của Mỹ và những bài học đắt giá từ cuộc chiến tranh tàn khốc này, nhấn mạnh sự bất lực của sức mạnh kỹ thuật trước ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc của người Việt Nam. Theo tác giả, nguyên nhân làm cho lính Mỹ suy sụp tinh thần là do hoạt động phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ và do hoạt động binh vận của ta. Cuốn sách đã làm rõ cái nhìn toàn diện về cuộc chiến tranh Việt Nam, từ sự xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, sự thất bại cay đắng của Mỹ và những bài học từ cuộc chiến tranh Việt Nam.

Cuốn sách *Hồ sơ chiến tranh Việt Nam* của Jeffrey Kimball (2007), tác giả khẳng định sự thất bại và sự sụp đổ về tinh thần của chính quyền và binh sĩ

Việt Nam Cộng hòa do nguyên nhân “Chính phủ Thiệu không những đã xét đoán kém cỏi về chính trị và chiến lược, nhất là trong suốt tháng Ba năm 1975 mà còn tham nhũng. Một số trang bị quân sự đã được cất giữ vào kho hoặc đã bị đem ra chợ đen. Quân đội Việt Nam Cộng hòa chịu sự lãnh đạo tồi nói chung và những yếu kém về cơ cấu nội tại và về tinh thần” [114, tr.80]. Hệ quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và cú sốc giá dầu năm 1973 và năm 1974 đẩy nền kinh tế chế độ Sài Gòn vào tình thế kiệt quệ. Cùng với sự kết hợp tấn công của Quân giải phóng đã giáng đòn tâm lý vào binh sĩ Việt Nam Cộng hòa.

Cuốn sách *Hồ sơ mật Lầu Năm Góc và hồi ức về chiến tranh Việt Nam* của tác giả Daniel Ellsberg (2018), cuốn sách được viết dưới dạng hồi ký, làm rõ những góc khuất của cuộc chiến tranh mà chính phủ Mỹ tiến hành ở Việt Nam. Theo tác giả, Mỹ đã bế tắc đến mức phải nghĩ đến dùng vũ khí hạt nhân chiến thuật ở Việt Nam. Tác giả cũng đề cập đến việc Mỹ mặc cả yêu cầu Quân đội Nhân dân Việt Nam rút khỏi miền Nam theo Hiệp định Paris, và Mỹ tiếp tục viện trợ để cứu vãn sự sụp đổ của chính quyền Việt Nam Cộng hòa “việc chúng ta tiếp tục viện trợ khí tài và tài chính, họ sẽ đủ khả năng trì hoãn sự thắng lợi của cộng sản thêm một, hai năm nữa... Trong lúc đó, họ sẽ có đủ thời gian để chuẩn bị cho một chính quyền mới bằng việc bắt chước hoặc tìm ra một cách thức mới cho thành phần tham gia chính quyền” [96, tr.330].

Cuốn sách *Rút quân - nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam* của Gregory A Daddis (2021), tác giả phân tích về chiến lược của Mỹ trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Sự phản công và giành thắng lợi của quân giải phóng, sự phản đối của dư luận Mỹ đã làm cho binh sĩ Mỹ và Việt Nam Cộng hòa rệu rã về thể lực và sa sút về tinh thần, khi vừa phải cầm súng trong vai những kẻ xâm lược phi nghĩa vừa day dứt với câu hỏi: Vì sao phải tiếp tục đánh nhau và liêu chết cho một cuộc chiến rõ ràng đang tàn cuộc “ngày 23/1/1973, Nixon tuyên bố: chúng ta có hòa bình trong danh dự, tù binh chiến tranh được hồi hương... miền Nam Việt Nam có quyền quyết định tương

lai của chính họ” [59, tr.323]. Và cuối cùng, Mỹ đã phải thừa nhận, chấp nhận thực tế thua cuộc, ký kết Hiệp định Paris, rút toàn bộ quân đội Mỹ khỏi Việt Nam, bỏ mặc đồng minh của mình là chính quyền Sài Gòn đang trên đà suy sụp.

Cuốn sách *Lực lượng mãnh hổ* của tác giả Michael Sallah & Mitch Weiss (2022), cuốn sách đã làm rõ hoạt động của Lực lượng Mãnh Hổ là tên gọi của trung đội viễn thám thuộc Sư đoàn Dù 101 của Quân đội Mỹ, được thành lập vào tháng 11/1965 để “dùng chiến thuật du kích trị du kích”. Theo tác giả từ khi ở trại huấn luyện cho đến khi đặt chân đến miền Nam Việt Nam, những người lính Mỹ được tuyên truyền rằng: “người bản xứ rất đáng khinh, đôi khi xảo quyệt, “họ không phải là người” [155, tr.67]. Lực lượng Mãnh Hổ đã gây ra những tội ác đối với dân thường ở vùng Quảng Ngãi - Quảng Nam.

Cuốn sách *Nhìn lại quá khứ, tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam* của Robert S. McNamara (2025), tác giả phân tích nguyên nhân dẫn đến thất bại và rút ra những bài học về chính sách đối ngoại; công khai thừa nhận những sai lầm của chính phủ Mỹ trong việc đưa ra quyết định can thiệp vào Việt Nam “suốt thời gian chiến tranh, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân chưa một lần cố vấn cho Tổng tư lệnh và Bộ trưởng Quốc phòng rằng, chiến lược đang theo đuổi rất có nhiều khả năng thất bại và Mỹ sẽ không thể đạt được những mục tiêu đề ra” [130, tr.174], phân tích những sai lầm trong nhận thức chiến lược, hiểu biết sai lệch về văn hóa và chính trị Việt Nam, cũng như các tính toán sai lầm về đối ngoại đã dẫn đến hậu quả thảm khốc.

Các công trình trên nghiên cứu về cuộc chiến tranh Việt Nam dưới nhiều góc độ khác nhau. Các tác giả đã chỉ rõ tính chất phi nghĩa của cuộc chiến, sự bế tắc chiến lược của Mỹ và sự rệu rã, lệ thuộc của quân đội Sài Gòn. Nhiều nghiên cứu thừa nhận sự thất bại tất yếu của một cường quốc quân sự trước ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc kiên cường của con người Việt Nam.

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan

1.2.1.1. Về tư liệu

Các công trình nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam nói chung và công tác binh vận nói riêng khá phong phú và đa dạng về thể loại, bao gồm: sách tổng kết chiến tranh, sách tham khảo, kỷ yếu hội thảo, các bài báo khoa học, hồi ký, đây là nguồn tư liệu quý giá, tin cậy để phục vụ nghiên cứu, làm sáng tỏ quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975. Các công trình nghiên cứu tham khảo nhiều nguồn tài liệu khác nhau là chỉ dẫn nguồn hữu ích, giúp nghiên cứu sinh kế thừa, khai thác tư liệu.

1.2.1.2. Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Các công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến công tác binh vận thời kỳ 1954-1975 được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Quân sự, Lịch sử Việt Nam. Các công trình đều sử dụng đa dạng các phương pháp nghiên cứu như: lịch sử, logic, phân tích, đối chiếu và thống kê, với phạm vi không gian nghiên cứu phong phú trên toàn chiến trường miền Nam đến các địa bàn trọng điểm tại Khu 5. Sự đa dạng về phương diện tiếp cận và phương pháp nghiên cứu là cơ sở để nghiên cứu sinh tham khảo, lựa chọn phương pháp nghiên cứu công tác binh vận trên chiến trường Khu 5 phù hợp với góc độ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2.1.3. Về nội dung

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã làm rõ vị trí rất quan trọng của Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Khu 5 đóng vai trò chiến lược quan trọng với vị trí địa lý hiểm trở, là “cửa ngõ” phía Nam, có vai trò kết nối Bắc - Nam và là tuyến hậu phương chiến lược của toàn quốc. Nhân dân Khu 5 có truyền thống yêu nước kiên cường bất khuất

trong chống giặc ngoại xâm, đây là nhân tố quan trọng góp phần xây dựng lực lượng binh vận trong nhân dân.

Thứ hai, các công trình đã luận giải khái niệm, nội dung, vai trò của công tác binh vận là một trong ba mũi giáp công sắc bén trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Công tác binh vận trực tiếp tác động vào tư tưởng, gây ra sự hoang mang, rệu rã và làm suy kiệt tinh thần của đối phương. Bên cạnh đó, các công trình cũng tập trung luận giải nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ về ý chí, tinh thần của quân đội Việt Nam Cộng hòa, quân Mỹ, quân đồng minh. Đó là hệ quả tất yếu từ tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược, đối lập hoàn toàn với tính chính nghĩa và khát khao bảo vệ độc lập, thống nhất đất nước của quân dân ta.

Thứ ba, một số công trình nghiên cứu tập trung tổng kết làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, của Trung ương Cục miền Nam, Đảng bộ Khu 5 trong kết hợp đấu tranh các mũi giáp công chính trị, quân sự, binh vận và ngoại giao, phương thức đấu tranh và các bài học kinh nghiệm trong công tác binh vận ở miền Nam. Một số công trình tổng kết công tác binh vận ở chiến trường Khu 5 trên các nội dung, như: tổ chức binh vận, phương pháp đấu tranh, nội dung đấu tranh, phối hợp giữa đấu tranh binh vận với đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và ngoại giao, biện pháp, phương thức xây dựng nội tuyến trong lòng địch; kiện toàn lực lượng và thi hành chính sách binh vận.

Thứ tư, một số công trình đánh giá thành công, hạn chế, đúc kết một số bài học kinh nghiệm trong công tác binh - địch vận, như: xác định đúng vị trí chiến lược của mũi tiến công binh vận; huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân; vận dụng linh hoạt “ba mũi giáp công”; chú trọng kiện toàn bộ máy tham mưu cùng đội ngũ cán bộ chuyên trách vững mạnh.

Thứ năm, các công trình khoa học của tác giả người nước ngoài chủ yếu đề cập đến chính sách của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Các tác giả khẳng định sự thất bại của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa do sai lầm về chiến

lược và sự chiến đấu không có lý tưởng đã làm suy sụp tinh thần binh sĩ Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng hòa.

Qua nghiên cứu các công trình khoa học có thể khẳng định công tác binh vận trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một nội dung thu hút sự quan tâm đặc biệt của giới học giả. Qua tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về quá trình đề ra chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Thứ nhất, những nhân tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

Thứ hai, chủ trương và sự chỉ đạo công tác binh vận của Đảng bộ Khu 5 qua hai giai đoạn 1961-1965 và 1965-1975 trên các vấn đề: xây dựng tổ chức binh vận; xây dựng cơ sở nội tuyến; binh vận kết hợp với tiến công quân sự, đấu tranh chính trị; thực hiện chính sách tù, hàng binh.

Thứ ba, nhận xét, đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân trong quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo, chỉ đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

Thứ tư, đúc kết những kinh nghiệm rút ra trong quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975, có thể tham khảo, vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một nội dung quan trọng của đường lối chính trị giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, đoàn kết tập hợp mọi người có thể đoàn kết, tập hợp được, kể cả những người đang đứng trong hàng ngũ của địch, phân hóa, cô lập cao độ kẻ thù, để chia mũi nhọn vào bọn hiếu chiến, kẻ xâm lược. Công tác binh vận cũng thể hiện đường lối, phương thức chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, ba mũi giáp công.

Qua nghiên cứu, công tác binh vận đã thu hút được sự quan tâm của nhiều học giả trong và ngoài nước. Số lượng công trình phong phú, được tiếp cận ở nhiều góc độ và phạm vi không gian, thời gian nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu khác nhau. Các công trình nghiên cứu bước đầu đã luận giải và khái lược về tình hình công tác binh vận nói chung và ở một số địa phương trên chiến trường miền Nam nói riêng. Các công trình nghiên cứu về công tác binh vận trên chiến trường Khu 5 bước đầu đã làm rõ một số chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Khu 5, của các đảng bộ địa phương đối với công tác binh vận trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời các công trình cũng làm rõ những kết quả đạt được và những hạn chế của công tác binh vận. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách độc lập, có tính hệ thống về Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

Thông qua tổng quan, từ kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, đã gợi mở giúp cho nghiên cứu sinh về hướng tiếp cận, luận giải, làm rõ sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận, cung cấp thêm cứ liệu khoa học làm rõ vị trí, vai trò và những đóng góp của công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cơ sở đó đánh giá, nhận xét cũng như đúc kết những kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BINH VẬN (1961-1965)

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BINH VẬN

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, văn hóa - xã hội địa bàn Khu 5

Khu 5 là vùng đất nằm ở miền Trung của đất nước, có dải Trường Sơn và Tây Nguyên hùng vĩ. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước “Khu 5 có diện tích khoảng 97.000km², kéo dài từ vĩ tuyến 16 đến vĩ tuyến 11” [42, tr.12]. Khu 5 có vị trí đặc biệt quan trọng, có đường biên giới chung với Campuchia, Lào, có nhiều đường từ đồng bằng lên Tây Nguyên; có sân bay và các hải cảng lớn. Địa bàn có 3 vùng: rừng núi, đồng bằng ven biển và đô thị. Chiến trường khu 5, là địa đầu phía Bắc của miền Nam. Do vậy, Khu 5 là địa bàn chiến lược vô cùng quan trọng của cả nước và 3 nước Đông Dương.

Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, Liên khu 5 bao gồm 12 tỉnh. Năm 1961, Trung ương Đảng quyết định giải thể Liên khu 5, thành lập Khu 5 và Khu 6. Khu 5 gồm các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai. Năm 1962, Trung ương Đảng quyết định tách tỉnh Quảng Nam thành hai tỉnh (tỉnh Quảng Đà ở phía Bắc và tỉnh Quảng Nam ở phía Nam). Năm 1963, Khánh Hòa, Đắk Lắk của Khu 6 sáp nhập về Khu 5 [47, tr.18]. Năm 1964, Trung ương Đảng thành lập Mặt trận Tây Nguyên (mật danh B3) gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai và Đắk Lắk (Mặt trận Tây Nguyên về tổ chức Đảng trực thuộc Đảng bộ Khu 5). Giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965, Khu 5 trực thuộc sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam.

Khu 5 là nơi tập trung nhiều dân tộc sinh sống, đông nhất là dân tộc Kinh chủ yếu tập trung ở ven biển và đồng bằng. Tây Nguyên và các huyện

miền núi Khu 5 là nơi tập trung sinh sống của đồng bào các dân tộc Xê Đăng, Gia Rai, Ba Na, Ê Đê, Mơ Nông, Cơ Ho, Mạ, Hre, Cor, Ca Dong, Kà Tu...Phần lớn đất đai Khu 5 là rừng núi hiểm trở, ở Tây Nguyên và miền núi dân cư thưa thớt. Vùng đồng bằng dân cư đông đúc với đường bờ biển dài 1.100km. Ngoài khơi có một hệ thống gần 100 đảo lớn nhỏ. Riêng cù lao Thu (Đảo Phú Quý) cách bờ biển 100km, quần đảo Hoàng Sa cách Đà Nẵng gần 300km và quần đảo Trường Sa cách Cam Ranh trên 500km [42, tr.13-14].

Khu 5 có mạng lưới giao thông khá phát triển. Nối liền từ Bắc vào Nam là quốc lộ 1 và đường sắt xuyên Đông Dương chạy dọc vùng đồng bằng ven biển và quốc lộ số 14 từ Đà Nẵng vòng lên phía Tây, xuyên suốt Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ. Hệ thống đường ngang là quốc lộ 14 từ Đà Nẵng lên Kon Tum nối liền với đường 18 qua Hạ Lào; đường số 19 từ Quy Nhơn lên Pleiku rồi chạy thẳng đến Xtung Treng ở Đông Bắc Campuchia; đường số 7 từ Tuy Hòa đi Cheo Reo và tiếp giáp với đường 14 ở ngã ba Mỹ Trạch; đường số 14 từ Ninh Hòa đi Buôn Ma Thuột và đường số 11 từ Phan Rang đi Đà Lạt [42, tr.14]. Mạng lưới đường sá đó không chỉ có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế, mà còn có tác dụng lớn đối với các hoạt động quân sự.

Trong kháng chiến, Khu 5 có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, là cầu nối giữa miền Bắc với phần còn lại ở phía Nam của Tổ quốc, là địa bàn có đầy đủ điều kiện để phát động chiến tranh du kích và để cho bộ đội tổ chức những chiến dịch tác chiến tập trung. Do vậy, Khu 5 đóng vai trò “xương sống” trong chiến tranh nhân dân, giữ vững và bảo vệ vững chắc các tuyến hành lang chiến lược, đảm bảo sự liên thông, tiếp viện quân nhu, vũ khí cho chiến trường miền Nam.

Đối với chính quyền Việt Nam Cộng hòa, dựa vào địa bàn ven biển và vùng biển Khu 5 là một đầu cầu quan trọng để triển khai lực lượng và cơ sở vật chất kỹ thuật cho cuộc chiến tranh xâm lược, là bàn đạp quan trọng để tiếp nhận một bộ phận lớn nhân lực và vật tư chiến tranh. Mỹ đã thiết lập ở đây

một hệ thống căn cứ quân sự và hậu cần có giá trị chiến lược, đảm bảo cho bộ máy chiến tranh xâm lược của chúng. Việt Nam Cộng hòa chia Khu 5 thành hai vùng chiến thuật: vùng 1 chiến thuật, từ Nam sông Hiền Lương (Quảng Trị) đến Quảng Ngãi; vùng 2 chiến thuật, từ Bình Định đến Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên. Vì vị trí đặc biệt quan trọng, nên trong suốt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chính quyền Việt Nam Cộng hòa xem Khu 5 là tiền tuyến, là bàn đạp triển khai lực lượng để thực hiện mưu đồ “Bắc tiến”.

Do đặc điểm địa hình và vị trí chiến lược quan trọng, Khu 5 trở thành một chiến trường ác liệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tại đây, ta và địch đã giành đi giặt lại rất căng thẳng, quyết liệt từng khu vực, từng địa bàn. Những thắng lợi quan trọng của ta trên chiến trường Khu 5, đều góp phần dẫn đến những biến đổi quan trọng cục diện chiến trường miền Nam, góp phần tạo ra những bước ngoặt quan trọng chung trên cả nước.

2.1.2. Tình hình công tác binh vận ở Khu 5 trước năm 1961

Sau Hiệp định Genève, đế quốc Mỹ “dựng lên” chính quyền Việt Nam Cộng hòa nhằm chia cắt đất nước, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự. Âm mưu của Mỹ là thiết lập phòng tuyến ngăn chặn, đè bẹp sức lan tỏa của chủ nghĩa xã hội xuống Đông Nam Á, đồng thời uy hiếp các quốc gia trong hệ thống này. Để thực hiện mục tiêu đó, chính quyền Việt Nam Cộng hòa liên tiếp mở các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” tàn bạo với khẩu hiệu “thà giết nhầm còn hơn bỏ sót”, “tát nước bắt cá” hòng tiêu diệt tận gốc lực lượng cách mạng.

Trước âm mưu và hành động của địch, phong trào cách mạng ở Khu 5 bị tổn thất khá nặng nề, đến năm 1957, ở Khu 5 có 32 Tỉnh ủy viên, 210 Huyện ủy viên, 470 cán bộ xã bị bắt và hy sinh. Ở đồng bằng nhiều xã không còn lãnh đạo, 15 huyện mất hết cơ sở, một số huyện còn vài ba đảng viên hoạt động đơn tuyến [168, tr.21]. Vì vậy, cuộc đấu tranh của Nhân dân Khu 5

chống đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa mang tính dân tộc và giai cấp sâu sắc.

Để đối phó với hành động đánh phá ác liệt của địch, bên cạnh xây dựng lực lượng và đấu tranh chính trị ở miền Nam, Trung ương Đảng còn đẩy mạnh đấu tranh binh vận. Ngày 5/9/1954 Bộ Chính trị yêu cầu: trước hết, cần nhận thức rõ, mặc dù hòa bình đã lập lại, ta vẫn không được coi nhẹ vận động binh sĩ và chính quyền ngụy...chú trọng vận động gia đình binh sĩ Việt Nam Cộng hòa để họ góp vào việc tuyên truyền binh sĩ. Tháng 10/1955, Chỉ thị *Về công tác binh vận* của Ban Bí thư chỉ rõ “Công tác binh vận nhằm đánh vào âm mưu xây dựng lực lượng, chuẩn bị chiến tranh của địch, tăng cường lực lượng đấu tranh cho ta, giảm sức khủng bố của địch và tạo điều kiện che giấu lực lượng ta trên cơ sở giác ngộ đại số binh lính đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh đòi hòa bình, thống nhất của ta” [154, tr.36].

Quán triệt tinh thần các Nghị quyết của Đảng về tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới và các chủ trương về công tác binh vận của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, năm 1956, Khu ủy Liên khu 5 ban hành Chỉ thị *Về công tác binh vận*, nêu rõ phương châm binh vận:

Khéo công tác, khéo che dấu lực lượng và phải có trường kỳ mai phục. Nhiệm vụ công tác binh vận là làm trở ngại cho địch trong việc xây dựng, hạn chế tác dụng đàn áp và công cụ gây lại chiến tranh, phá hoại hòa bình, thống nhất. Khẩu hiệu chung là: Đòi cải thiện sinh hoạt, đối xử tốt với dân, không tham gia khủng bố nhân dân, chống âm mưu biến quân đội thành công cụ đánh thuê cho Mỹ, tán thành hòa bình và thống nhất [168, tr.36 - 37].

Đến năm 1956, Liên khu 5 đã xây dựng được 75 cơ sở (phần đông là binh lính). Trong một số đơn vị bảo an, dân vệ đoàn ở các địa phương, ta đã xây dựng được 1 đến 2 cơ sở “Quảng Nam - Đà Nẵng, Quảng Ngãi đã tổ chức được một số cơ sở trong sĩ quan. Trong ngụy quyền cấp cơ sở thôn, xã,

phường ở đồng bằng, ta đều cài cắm người vào làm quận phó, ty cảnh sát và chính quyền cấp tỉnh của địch như ở Quảng Ngãi, Bình Thuận” [168, tr.44]. Hầu hết các đơn vị lính đồng bào dân tộc ta đều có cơ sở, nắm và tổ chức hoạt động tốt. Xây dựng được nhiều cơ sở trong bộ máy chính quyền thôn, xã. Trên 50% số nhân viên ngục quyền cơ sở và 20% ngục quyền quận của tỉnh Gia Lai, Kon Tum, ở Kon Tum còn giác ngộ tỉnh phó địch theo cách mạng. Đến đầu năm 1957 “trong 600 làng của đồng bào dân tộc ở Kon Tum có 520 làng ta xây dựng được cốt cán trong quần chúng. Tỉnh Gia Lai có cơ sở ở 911 trong tổng số 1001 làng, tỉnh Đắk Lắk có cơ sở ở 400 trong số 600 làng. Ở 16 huyện miền Tây các tỉnh đồng bằng cơ sở cách mạng đều phát triển rộng khắp” [168, tr.46].

Về mặt tổ chức, năm 1959, Ban Binh vận Liên Khu ủy 5 được thành lập do đồng chí Bí thư Liên Khu ủy trực tiếp chỉ đạo. Sau khi Ban Binh vận Liên Khu được thành lập, Ban Binh vận các tỉnh, huyện được hình thành dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy [168, tr.52]. Sự phối hợp các hoạt động của công tác binh vận trong các cuộc đấu tranh của quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm, khởi nghĩa cục bộ ở các địa phương ngày càng chặt chẽ. Nổi lên là cuộc đấu tranh chống địch cướp đất lập dinh điền của đồng bào huyện 4,5 (Gia Lai).

Công tác binh vận giai đoạn này là vận động gia đình binh sĩ, gia đình nhân viên chính quyền Việt Nam Cộng hòa, qua đó từng bước nắm lính, nắm tề, giải quyết tình trạng “đôi lập” nhân dân không quan hệ với binh lính và nhân viên chính quyền địch, nhiều địa phương còn lợi dụng mối quan hệ bà con, tộc họ, khuyên ngăn, thuyết phục những người ở trong hàng ngũ địch không tham gia gây tội ác, không giết hại đồng bào. Trong toàn khu, mỗi tháng có trên 1.000 tên bỏ ngũ, qua tuyên truyền vận động, công tác binh vận đã nắm được một số sĩ quan Việt Nam Cộng hòa, họ đã cung cấp những tin tức của địch cho ta và hạn chế được hành động đánh phá, lùng sục của địch.

Ưu điểm công tác binh vận trong giai đoạn 1954-1960 là khi có sự chỉ đạo kịp thời của Trung ương về tình hình và nhiệm vụ mới, trong đó có các

chỉ đạo về công tác binh vận, Khu ủy Liên khu 5 đã kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của chiến trường Khu 5, chuẩn bị cho nhân dân toàn Khu về cả tư tưởng, tổ chức và lực lượng để bước vào cuộc chiến đấu mới, đưa ra những chủ trương, nhiệm vụ, phương châm, phương thức đấu tranh giai đoạn mới, trong đó có chủ trương, nhiệm vụ, phương pháp về công tác binh vận, xác định công tác binh vận có vị trí chiến lược quan trọng đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng. Mặc dù trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, phong trào cách mạng của Khu 5 có những lúc tổn thất nặng nề, nhưng công tác binh vận đã gắn bó mật thiết với phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng để đấu tranh chống đàn áp, khủng bố của địch. Nhiều cơ sở binh vận, cán bộ binh vận đã bị bắt bớ, tra tấn, tù đầy và anh dũng hy sinh nhưng vẫn giữ khí tiết cách mạng, nhiều đồng chí hoạt động đơn tuyến trong lòng địch vẫn nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật và tin tưởng Đảng.

Bên cạnh những ưu điểm, công tác binh vận còn những hạn chế: đánh giá không hết những âm mưu, thủ đoạn của địch, nhận thức và vận dụng phương châm, phương thức đấu tranh không thích hợp, do hiểu đường lối đấu tranh chính trị một chiều, nên bị động đối phó. Mặc dù có chủ trương về công tác binh vận sớm, nhưng công tác triển khai chưa được chú trọng đúng mức, nhiều cấp ủy còn lúng túng trong vận dụng phương châm, phương thức vào thực hiện nên hiệu quả chưa cao, phong trào binh vận phát triển chậm. Trong những năm đầu chưa xây dựng được phong trào quần chúng làm công tác đấu tranh binh vận, nhiều nơi nhân dân có thái độ “đối lập”, “miệt thị” với binh lính và sĩ quan Việt Nam Cộng hòa, tạo ra sự căng thẳng và khoảng cách giữa nhân dân và binh lính, nên hạn chế trong việc quan hệ, tiếp xúc, tuyên truyền vận động và giác ngộ, gây trở ngại lớn đến công tác binh vận đối với binh sĩ và gia đình binh sĩ [64, tr.732]. Việc phổ biến, giáo dục đường lối, chính sách binh vận còn quá ít, lực lượng trực tiếp làm công tác binh vận bên dưới nhiều nơi chưa

giáo dục nên xem nhẹ công tác binh vận, gặp khó khăn buông xuôi, gờm ngại, xa lánh không mạnh dạn lãnh đạo quần chúng thực hiện, quần chúng đồng bào dân tộc ở miền núi chưa thông suốt chính sách đối với tù, hàng binh địch.

Chấp hành chính sách một số nơi phần nhiều lệch lạc có tính chất nghiêm trọng: đánh đập, ngược đãi, bắn hàng binh, dán truyền đơn cho địch xem để bắn, tư tưởng xem dân vệ là đối tượng tiêu diệt, nặng đánh, nhẹ vận động ngược lại có nơi thả làm những tên gian ác...Chỉ đạo ba mặt công tác vận động chính trị vào hàng ngũ địch chưa liên hệ chặt chẽ nhau, chưa theo kịp yêu cầu của tình hình: tuyên truyền mới chú ý bề rộng, chưa có bề sâu, chưa mạnh mẽ và liên tục; nội dung chưa tập trung vào những yêu cầu chính, chưa cụ thể và sắc bén, còn lệch lạc về đường lối sách lược; xem nhẹ phản tuyên truyền địch, chưa chú ý đúng mức tổ chức cơ sở nội tuyến, tư tưởng cục bộ địa phương, chỉ thấy lợi ích trước mắt, không nhận rõ lợi ích lâu dài, thiếu quyết tâm mạnh dạn chuyển cơ sở dân vận để làm công tác tổ chức nội tuyến. Hoạt động vũ trang, công tác binh vận chưa coi trọng mảng tác chiến, tư tưởng nặng đánh nhẹ vận động phổ biến trong cán bộ và chiến sĩ; kế hoạch tác chiến và kế hoạch binh vận chưa kết hợp chặt chẽ; tổ chức để hướng dẫn thực hiện kế hoạch công tác binh vận trong lực lượng vũ trang chưa có nền nếp. Lãnh đạo phong trào đấu tranh chống bắt lính còn xem nhẹ, thiếu liên tục; chưa kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chống bắt lính và vận động thanh niên tham gia cách mạng

Thành lập cơ quan chuyên trách làm công tác binh vận chậm, năm 1959 Liên Khu ủy mới thành lập Ban Binh vận, cuối năm 1959, đầu năm 1960 các quan binh vận từ Khu đến tỉnh, huyện mới được hình thành, lực lượng cán bộ làm công tác binh vận còn mỏng, thiếu, yếu, do những tổn thất hy sinh nhưng bổ sung, xây dựng lại không kịp thời [64, tr.375]. Những khuyết điểm đó ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng, làm cho công tác binh vận chưa được đưa lên ngang tầm với nhiệm vụ và tình hình mới. Đây cũng là những vấn đề

đặt cần khắc phục khi đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam.

2.1.3. Tình hình thế giới, trong nước và yêu cầu đặt ra cho cách mạng miền Nam

Bước vào đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, các lực lượng xã hội chủ nghĩa, dân tộc, dân chủ và hoà bình vẫn tiếp tục đà phát triển nhanh, mạnh và đã giành được những thắng lợi mới. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới mà Liên Xô là trung tâm vẫn phát triển với tốc độ cao, tiếp tục phát huy tính vượt trội của mình so với hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới [65, tr.182]. Lực lượng dân chủ và tiến bộ ở các nước tư bản chủ nghĩa mà nòng cốt là phong trào công nhân phát triển rộng rãi. Những cuộc đấu tranh sôi nổi giữa lao động và tư bản, giữa lực lượng tiến bộ và lực lượng phản động đã diễn ra với quy mô lớn chưa từng có trong hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa [65, tr.186]. Dòng thác cách mạng giải phóng dân tộc những năm 60 của thế kỷ XX thực sự trở thành đồng minh, hỗ trợ cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam.

Ở Đông Dương, theo quan điểm chiến lược của Mỹ, Việt Nam là nơi nóng bỏng nhất, nơi có nguy cơ phá vỡ “chiến lược vành đai” của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á. Vì vậy, ngày 28/1/1961, Tổng thống Mỹ Kennedy điều chỉnh “chủ nghĩa Aixenhao”. Để thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam, tại Sài Gòn, Johnson và Ngô Đình Diệm đã ra thông cáo “Mỹ tăng thêm viện trợ quân sự, kinh tế và cố vấn cho miền Nam Việt Nam; tăng cường và mở rộng lực lượng vũ trang, bán vũ trang của Sài Gòn gồm quân chủ lực, bảo an và dân vệ; lập nhóm chuyên viên kinh tế, tài chính, quân sự cao cấp của hai bên để xây dựng kế hoạch hành động chung giữa chính phủ Mỹ và Chính phủ Sài Gòn” [30, tr.16]. Mục đích của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” là chống lại chiến tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam. Hình thức là phối hợp các hành động quân sự, chính trị, kinh tế và tâm lý. Công cụ để tiến hành chiến tranh là chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Lực

lượng quân sự chủ yếu là quân đội Việt Nam Cộng hòa với vũ khí, phương tiện chiến tranh, kinh tế tài chính của Mỹ và do cố vấn Mỹ chỉ huy.

Để đàn áp phong trào cách mạng miền Nam Việt Nam, Mỹ đã xây dựng kế hoạch Staley-Taylor, chia thành ba giai đoạn. *Giai đoạn một*: Dự định trong vòng 18 tháng (kể từ giữa năm 1961 đến năm 1962) cơ bản “bình định” xong miền Nam bằng cách triển khai mạnh mẽ việc dồn dân tập trung vào 16.000 ấp chiến lược để triệt phá cơ sở cách mạng ở nông thôn; phát triển quân đội Sài Gòn bao gồm cả quân chính quy, bảo an, dân vệ; thiết lập các hệ thống cứ điểm chốt chặn ở khu vực giới tuyến quân sự để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam; đẩy mạnh hoạt động tình báo, gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý chống phá miền Bắc. *Giai đoạn hai*: Dự kiến trong năm 1963, củng cố những kết quả đạt được trong giai đoạn 1 bằng cách tập trung vào khôi phục kinh tế, hoàn tất chương trình “bình định”, tiếp tục tăng cường quân đội Sài Gòn, đẩy mạnh hoạt động chống phá miền Bắc. *Giai đoạn ba*: Dự kiến trong hai năm 1964 và 1965, hoàn tất các mục tiêu của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, chuyển trọng tâm sang phát triển kinh tế nhằm làm cho miền Nam trở thành quốc gia mạnh về quân sự, phồn vinh về kinh tế của “thế giới tự do”.

Đối với địa bàn Khu 5, đầu năm 1961, Mỹ - Việt Nam Cộng hòa ráo riết dồn quân, bắt lính, tăng quân, Khu 5 có 106.000 tên. Định tập trung 4 trong 7 sư đoàn: (Sư đoàn 1 ở Trị Thiên, Sư đoàn 2 ở Quảng Nam - Quảng Ngãi, Sư đoàn 22 ở Bình Định - Kon Tum - Gia Lai, Sư đoàn 23 ở Phú Yên - Ninh Thuận - Bình Thuận) và ra sức củng cố trung tâm chính trị, quân sự Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, v.v... liên tiếp mở các cuộc hành quân đánh sâu vào các vùng căn cứ của ta ở miền Tây Quảng Ngãi, Nam - Bắc đường số 5 Kon Tum, Khánh Sơn (Khánh Hòa), Bác Ái (Ninh Thuận); xung quanh Buôn Ma Thuột, phía Đông huyện Lắk (Đắk Lắk), Đông Đà Lạt [43, tr.92]. Tại 3 sân bay Đà Nẵng, Quy Nhơn, Pleiku thường xuyên

có trên 100 chiếc máy bay, trong đó có từ 70 đến 80 trực thăng. Địch đã đóng thêm 132 cứ điểm, phần nhiều là ở vùng giáp ranh đồng bằng (nhất là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi) và dọc các hành lang giao thông chiến lược ở miền núi, xây dựng thành cứ điểm cụm và từng mạn pháo.

Ở Khu 5, địch tiến hành gom dân lập ấp chiến lược với mức độ ngày càng tăng: ở đồng bằng Khu 5, đến tháng 6/1962 xây dựng 179 ấp, đến tháng 8/1962 lên 393 ấp, cuối năm 1962 lên đến 836 ấp [65, tr.918]. Ở miền núi, địch đã dồn 401 làng gồm 65.000 dân [65, tr.919]. Biện pháp dồn dân của địch chủ yếu là dùng càn quét khủng bố, đốt phá tài sản hoa màu ở làng cũ, kết hợp gián điệp đe dọa mua chuộc và vũ trang nhân dân.

Tuy nhiên, tình hình chế độ Sài Gòn cũng không ổn định, mâu thuẫn giữa giới cầm quyền Mỹ với chính quyền Ngô Đình Diệm và giữa gia đình dòng họ Ngô với các tầng lớp sĩ quan cao cấp của Việt Nam Cộng hòa, dẫn đến các cuộc đảo chính, thanh trừng lẫn nhau liên tiếp xảy ra từ năm 1960 đến năm 1965. Địch càng đẩy mạnh chiến tranh thì tư tưởng sợ chết của binh sĩ Việt Nam Cộng hòa càng phát triển trầm trọng. Sĩ quan con nhà giàu tìm cách lo lót để được ở phía sau, về thành phố hay ở các cơ quan, đơn vị không trực tiếp chiến đấu. Binh sĩ tìm cách đào ngũ, hoặc thà chịu bắt, bị ngồi tù để được sống, còn hơn phải đi càn, đi tiếp viện. Tình trạng đó làm cho nhiều đơn vị quân đội Việt Nam Cộng hòa xộc xệch, sức chiến đấu sút kém.

Trước âm mưu của Mỹ - Chính quyền Việt Nam Cộng hòa, vấn đề đặt ra đối với cách mạng miền Nam là phải phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh kết hợp cả “ba mũi giáp công” chính trị, quân sự và binh vận để đánh địch. Đối với công tác binh vận, Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam phải có chủ trương kịp thời, đúng đắn để lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh chống lại âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” của địch. Công tác binh vận phải thuyết phục binh lính nhận rõ âm mưu bán nước, không cầm súng bắn vào nhân dân,

và quay về với cách mạng. Đối với phá thế “bình định” và “Áp chiến lược” công tác binh vận cần tác động để lính chán ghét chiến tranh, nói lòng kiểm soát, hoặc hỗ trợ nhân dân phá ấp. Tăng cường xây dựng cơ sở binh vận trong lực lượng địch, xây đội ngũ cán bộ kiên cường, mưu trí để cắm sâu vào hàng ngũ địch. Đẩy mạnh kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự tạo thành “ba mũi giáp công”. Thực hiện tốt chính sách binh vận, đẩy mạnh công tác tuyên truyền xoáy sâu vào mâu thuẫn giữa binh sĩ Việt Nam Cộng hòa và cố vấn Mỹ, làm giảm ý chí chiến đấu của địch, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa.

2.1.4. Chủ trương của Đảng về công tác binh vận

Để đối phó với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và âm mưu “Dùng người Việt trị người Việt” của đế quốc Mỹ, ngày 24/1/1961, Bộ Chính trị ra *Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam* yêu cầu: “cần phải nắm vững công tác binh vận, làm cho địch không thể sử dụng lực lượng vũ trang của chúng đối phó với cách mạng. Phải coi công tác binh vận là một cuộc vận động cách mạng của quần chúng” [64, tr.166]. Chỉ thị chỉ rõ, một trong những công tác quan trọng về binh vận trong thời gian sắp tới là phải tìm mọi cách để tuyên truyền giáo dục cho tất cả lực lượng vũ trang của địch hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ cấp bách của họ là phải cùng với toàn dân tiến lên đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm. Phải giải thích cho họ hiểu rõ đi với cách mạng là bảo vệ quyền lợi của họ, là phục vụ lợi ích của Tổ quốc; họ được cách mạng và nhân dân yêu mến và trọng dụng.

Quán triệt chủ trương của Bộ Chính trị về phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, ngày 10/10/1961, Trung ương Cục miền Nam tổ chức Hội nghị lần thứ I (mở rộng). Đối với công tác đấu tranh binh vận, Nghị quyết chỉ rõ “đẩy mạnh công tác vận động binh lính và nhân viên chính quyền địch kết hợp với hoạt động vũ trang tiêu diệt sinh lực địch, có chính sách tù hàng binh tốt và phong trào chống bắt lính mạnh, nhằm làm tan

đã về tư tưởng và tổ chức của địch, tranh thủ từng bộ phận ngả về cách mạng” [64, tr.689]. Nghị quyết yêu cầu phát động phong trào quần chúng làm công tác vận động binh lính, tổ chức gia đình binh sĩ, dùng gia đình binh sĩ vận động gia đình binh sĩ, thông qua việc giáo dục gia đình binh sĩ về các chính sách của ta, giác ngộ họ về cách mạng. Lực lượng vũ trang cần kết hợp công tác binh vận với tác chiến, vừa đánh vừa phân hoá, kêu gọi. Chú trọng xây dựng cơ sở nội tuyến trong các đơn vị, các ngành chủ yếu trong quân đội địch nhằm phục vụ cho tổng khởi nghĩa. củng cố và tăng cường bộ máy binh vận các cấp, tăng thêm cán bộ có năng lực để giúp các cấp ủy lãnh đạo, rút kinh nghiệm công tác binh vận.

Để tiếp tục chỉ đạo đối với cách mạng miền Nam, ngày 26 đến ngày 27/2/1962, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết *“Về công tác cách mạng miền Nam”*, đối với công tác binh vận, Nghị quyết chỉ rõ “Công tác binh vận là một công tác chiến lược rất quan trọng. Phải giáo dục cho nhân dân, cho mọi người biết làm công tác binh vận, biết lợi dụng mọi cơ hội để tuyên truyền, vận động binh lính và sĩ quan địch” [65, tr.157]. Nghị quyết yêu cầu các cán bộ và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang cách mạng càng phải quán triệt chủ trương và phương pháp binh vận, phải học tập cách binh vận trong từng trường hợp tác chiến lớn, nhỏ, trong chống càn, trong vũ trang tuyên truyền. Phải vận động toàn dân tích cực tham gia công tác binh vận. Cần tuyên truyền sâu rộng trong binh sĩ người Việt, kêu gọi họ thực hiện khối “công nông binh liên hiệp” đánh đổ chính quyền tay sai, chống lại và đánh đuổi quân ngoại xâm cướp nước, xây dựng một chính quyền dân tộc, dân chủ, thực hiện độc lập thực sự.

Để phá kế hoạch tấn công, càn quét của địch, từ ngày 06 đến ngày 10/12/1962, Hội nghị Bộ Chính trị họp, ra Nghị quyết *Về tình hình, phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*, yêu cầu:

Công tác binh vận sắp tới vừa phải tích cực phục vụ nhiệm vụ công tác trước mắt của Đảng ở từng nơi, từng lúc nhằm phá vỡ những âm mưu đang tiến hành của địch như dồn dân lập ấp chiến lược, càn quét khủng bố, rải chất độc phá hoại ruộng vườn, bắt lính tăng quân, làm tan rã tinh thần binh lính địch để phục vụ tác chiến, đồng thời phải ra sức chuẩn bị cơ sở trong binh sĩ địch, nhất là trong sĩ quan, để nhân thời cơ thuận tiện, phối hợp với những công tác lớn của ta, giành những thắng lợi quan trọng khi nội bộ địch có xung đột lớn, khi ta cần giải phóng từng vùng rộng rãi, khi địch phải đàm phán với ta, hoặc khi có khả năng tổng khởi nghĩa [65, tr.832].

Để đẩy mạnh tấn công binh vận kết hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và đấu tranh phá ấp chiến lược, tháng 12/1963, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết *Ra sức phấn đấu, tiến lên giành những thắng lợi mới ở miền Nam*, chỉ rõ:

Binh vận phải là một công tác chính trị của toàn dân và toàn quân, là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng, khẩu hiệu công nông binh liên hiệp phải được thông suốt đầy đủ trong toàn bộ công tác chính trị và quân sự. Ngoài việc phục vụ cho những công tác hằng ngày như: phá ấp chiến lược, chống càn quét, tác chiến, chống địch bắt lính, tăng quân... công tác binh vận phải tiến đến trình độ là cùng với tác chiến làm nổ ra những cuộc khởi nghĩa của từng đơn vị địch. Phải chú ý làm công tác không những với binh lính và hạ sĩ quan, sĩ quan sơ cấp, mà cả với sĩ quan trung cấp và cao cấp và những viên chức làm việc ở những bộ phận cơ mật trong quân đội Việt Nam Cộng hòa [66, tr.900 - 901].

Cuối năm 1963, chính sách “bình định” của chính quyền Việt Nam Cộng hòa bắt đầu lún sâu và thất bại, phong trào cách mạng lan rộng, đòi hỏi phải nâng cao tinh thần cảnh giác, nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch và tổ

chức lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ hơn trong cuộc đấu tranh cách mạng. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương Cục (lần 2) ra Nghị quyết số 2/NQ, tháng 3/1964, đối với công tác binh vận Nghị quyết chỉ rõ:

Thực hiện cho được vấn đề công nông binh liên hiệp chống đế quốc Mỹ xâm lược và đánh đổ chính quyền tay sai ở miền Nam. Quân đội địch là công cụ chủ yếu đàn áp cách mạng, nhiệm vụ là phải giáo dục dân và quân ta căm thù sâu sắc, kiên quyết chiến đấu tiêu diệt và làm tan rã quân đội ấy, nhưng mặt khác cũng phải thấy rõ khả năng và tầm quan trọng của công cuộc vận động binh sĩ địch. Yêu cầu vận động không phải chỉ ở mức độ tranh thủ binh sĩ đồng tình ủng hộ các cuộc đấu tranh của nhân dân mà phải tiến hành cuộc vận động cách mạng trong quân đội địch, lôi cuốn từng đơn vị, từng bộ phận binh sĩ đứng về phía nhân dân chống chính quyền Việt Nam Cộng hòa, quay súng bắn vào kẻ thù giành thắng lợi cho cách mạng [67, tr.758].

Về nhiệm vụ công tác binh vận là kịp thời tận dụng mọi điều kiện thuận lợi, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự, chính trị, làm tan rã quân đội địch thêm một bước mới. Đồng thời đẩy mạnh hơn nữa việc phân hóa trong hàng ngũ sĩ quan địch, ra sức tranh thủ những phần tử tán thành “hòa bình trung lập”. Khẩn trương xây dựng phát triển thực lực cách mạng trong quân đội địch, thực hiện từng bước khẩu hiệu công nông binh liên hiệp góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch trong thời gian tới.

Chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam về công tác binh vận giai đoạn 1961-1965 tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

Mục tiêu tổng quát của công tác binh vận kết hợp đấu tranh binh vận, tấn công quân sự, chính trị với cuộc binh biến của binh lính để thực hiện Tổng khởi nghĩa, đánh đổ chính quyền tay sai và quân xâm lược. *Mục tiêu cốt lõi* làm tan rã hàng ngũ địch về cả tư tưởng và tổ chức; tranh thủ lực lượng địch

ngã về cách mạng để kết hợp tiêu diệt sinh lực địch. Thực hiện khẩu hiệu “công nông binh liên hiệp”; chuyển từ mức độ tranh thủ sự đồng tình sang lôi kéo từng đơn vị binh sĩ đứng về phía nhân dân, quay súng diệt địch.

Nhiệm vụ trọng tâm, phục vụ tác chiến, phá tan các âm mưu của địch như dồn dân lập “ấp chiến lược”; xây dựng cơ sở ngầm (đặc biệt là trong hàng ngũ sĩ quan) để sẵn sàng phối hợp khi có xung đột nội bộ địch hoặc khi thời cơ cách mạng đến. *Nhiệm vụ chiến lược*: khẩn trương xây dựng cơ sở cách mạng trong các đơn vị chủ lực và binh chủng quan trọng của địch. Đẩy mạnh phân hóa hàng ngũ sĩ quan, tranh thủ những phần tử có tư tưởng “hòa bình trung lập” để làm thay đổi so sánh lực lượng.

Về củng cố tổ chức và xây dựng lực lượng, thành lập các Ban binh vận từ cấp tỉnh trở lên (do Thường vụ cấp ủy phụ trách). Bố trí cán bộ chuyên trách để đi sâu vào công tác vận động sĩ quan địch. *Về xây dựng lực lượng nội tuyến*, chú trọng xây dựng cơ sở nội tuyến trong các quân binh chủng quan trọng và cơ quan tham mưu nhằm phục vụ chiến lược lâu dài và trước mắt. Thực hiện đúng chính sách khoan hồng với tù hàng binh; có phương án sử dụng phù hợp đối với sĩ quan, tướng tá địch khi họ thực tâm trở về với cách mạng. *Về phương thức vận động*, phát huy vai trò của quần chúng và gia đình binh sĩ để giáo dục, thuyết phục con em rời bỏ hàng ngũ địch. Kết hợp chặt chẽ giữa binh vận với tác chiến (vừa đánh vừa phân hóa), thực hiện tốt chính sách tù hàng binh để giác ngộ đối phương, không được phân biệt kỳ thị đối với gia đình binh sĩ.

Chủ trương của Trường ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam về công tác binh vận là cơ sở định hướng quan trọng để Đảng bộ Khu 5 kịp thời đề ra chủ trương, lãnh đạo công tác binh vận, tăng cường công tác xây dựng lực lượng binh vận, cơ sở nội tuyến, khoét sâu vào những mâu thuẫn trong nội bộ của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, đẩy mạnh kết hợp ba mũi giáp công binh vận, chính trị, quân sự tấn công làm tiêu hao bộ phận sinh lực địch, đồng

thời đẩy mạnh phá “áp chiến lược”, góp phần làm thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

2.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 VỀ CÔNG TÁC BÌNH VẬN

Thực hiện Chỉ thị về *phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*, ngày 24/1/1961 của Bộ Chính trị và Hội nghị lần thứ I (mở rộng) ngày 10/10/1961 của Trung ương Cục miền Nam, trước âm mưu của địch ở chiến trường Khu 5, tháng 2/1961, Khu ủy Khu 5 ban hành Nghị quyết số 62 “*Về công tác binh vận*”, yêu cầu:

Ra sức tuyên truyền tấn công chính trị vào hàng ngũ quân đội địch mạnh mẽ, sâu rộng, liên tục và kịp thời chủ yếu làm cho binh lính hiểu chính sách của ta, hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ cấp bách của họ phải cùng với toàn dân đứng lên đánh đổ Mỹ - Diệm. Phổ cập và chấp hành đúng chính sách đối với binh sĩ và gia đình họ. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong binh lính; tranh thủ số đông binh lính đồng tình, ủng hộ hoặc tham gia phong trào đấu tranh của quần chúng, chú trọng làm tan rã về tư tưởng, tiến đến làm tan rã từng bộ phận lực lượng vũ trang và bán vũ trang địch, hạn chế tác dụng đàn áp, phá thế kìm kẹp của địch ở các địa phương; vận động phong trào đào ngũ, giải ngũ, kêu gọi binh biến, nơi có điều kiện tổ chức một số đơn vị làm binh biến đứng lên chống Diệm, gia nhập Mặt trận. Tích cực lãnh đạo phong trào chống bắt lính, chống dồn quân từng bước, chống quân sự hóa thanh niên, chống động viên tái đăng [64, tr.739 - 740].

Về xây dựng cơ sở binh vận, Nghị quyết yêu cầu xây dựng cơ sở hợp pháp tuyên truyền trên các hành lang, trục giao thông, các cứ điểm, trong thôn xóm, trong các cuộc đấu tranh của quần chúng “phát triển mạnh mẽ các hình thức gọi loa, rải truyền đơn, gửi thư tay, cố gắng sáng tác thơ, ca, hò vè; tài

liệu truyền đơn chú trọng cả nội dung và hình thức; giáo dục tốt và chấp hành đúng các chính sách đối với tù hàng binh làm tài liệu sống để tuyên truyền; Mỗi tỉnh cố gắng ra tờ tin đặc biệt hằng tháng cho binh sĩ và tích cực giải quyết phương tiện để tuyên truyền kịp thời” [64, tr.742]. Nghị quyết chỉ rõ cơ sở nào đảm bảo đủ tiêu chuẩn thì phát triển đảng viên mới nhưng phải hết sức thận trọng, đảm bảo và phát triển đơn tuyến. Chia ra các loại cơ sở để sử dụng: cơ sở trường kỳ mai phục; cơ sở hoạt động làm nhiệm vụ điều tra, tuyên truyền, giáo dục, lãnh đạo binh lính đấu tranh; cơ sở tình hình; cơ sở người dân tộc. Phạm vi quản lý cơ sở: Cấp Quân khu, từ cấp thiếu úy trở lên và những cơ sở quan trọng khác trong chủ lực; từ cấp tiểu đoàn phó trở lên trong bảo an. Cấp tỉnh nắm số còn lại trong chủ lực; từ trung đội phó trở lên và những cơ sở quan trọng trong bảo an. Cấp huyện nắm số còn lại trong bảo an và dân vệ xã. Cơ sở tổ chức đến đâu phải củng cố và nắm chắc lai lịch, chất lượng, khả năng để có kế hoạch phân loại, sử dụng, bồi dưỡng cho đúng và kịp thời; giáo dục về nguyên tắc sử dụng, bảo vệ cho những cán bộ, đảng viên, cơ sở trực tiếp làm công tác tổ chức nội tuyến, có kiểm tra chặt chẽ. Kiên quyết khắc phục khó khăn trong việc định tuyến chuyển đổi phó và bảo vệ cơ sở trong tác chiến; kiên quyết bố trí cán bộ đi sâu vào xây dựng cơ sở các đối tượng, vị trí quan trọng; nhân lúc địch bắt lính cần giáo dục số thanh niên và sĩ quan tù bị cho chui vào hàng ngũ binh sĩ Việt Nam Cộng hòa.

Về chính sách tù hàng binh, Nghị quyết chỉ rõ: “giáo dục cho cán bộ, đảng viên, quần chúng và lực lượng vũ trang, bán vũ trang thông suốt ý nghĩa, nội dung chính sách để chấp hành nghiêm chỉnh (đặc biệt chú ý đảng viên, cơ sở, quần chúng và chiến sĩ người dân tộc). Phải biến chính sách thành hành động thực tế gây ảnh hưởng tốt vào quân đội địch” [64, tr.746].

Về đẩy mạnh công tác binh vận trong hoạt động vũ trang, Nghị quyết yêu cầu: “tiến hành giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ nhận thức đầy đủ ý nghĩa, đường lối, chính sách công tác binh vận của Đảng, nhất là thấy rõ tác chiến,

một mặt nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, mặt khác tạo điều kiện thuận lợi để tấn công tranh thủ chính trị giác ngộ và tranh thủ binh lính đồng tình ngả về phía cách mạng, nhất thiết không để binh lính đối lập với ta” [64, tr.747]. Trong tác chiến, một mặt phải kiên quyết tiêu diệt địch, nhưng mặt khác vừa đánh vừa tích cực kêu gọi, chấp hành thật đúng chính sách để phân hoá, tranh thủ. Năm vững phương châm “kết hợp chặt chẽ giữa binh vận và tác chiến”. Mỗi cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ binh vận như lực lượng tác chiến. Kiên quyết khắc phục tư tưởng nặng đánh, nhẹ vận động, cho rằng công tác binh vận không có thành tích bằng tác chiến, gặp khó khăn buông xuôi. Trong tác chiến tất cả cán bộ, chiến sĩ phải làm công tác binh vận, kiên quyết bố trí bộ phận chuyên trách coi như lực lượng tác chiến; gấp rút kiện toàn hệ thống binh vận trong lực lượng vũ trang để hướng dẫn toàn quân làm công tác binh vận.

Năm 1963, trước sự kiện Ngô Đình Diệm đàn áp Phật Giáo, tình hình đấu tranh chính trị của nhân dân diễn ra sôi nổi, trong nội bộ chính quyền Ngô Đình Diệm rơi vào khủng hoảng, trước tình hình đó, để tăng cường đấu tranh phá “áp chiến lược” của địch, Nghị quyết Hội nghị Khu ủy 5 mở rộng lần thứ III (từ ngày 15 đến 31/7/1963), đối với công tác binh vận chỉ rõ:

công tác binh vận phải phục vụ cho việc phá vỡ các âm mưu càn quét, khủng bố, lấn chiếm, gom dân lập áp chiến lược, rải chất độc hoá học, bắt lính tăng quân, phát triển các lực lượng bán vũ trang địa phương của địch. Công tác nội tuyến xây dựng thực lực cách mạng trong quân đội địch, đặc biệt là xây dựng cơ sở trong sĩ quan, ngày càng có nhiều khả năng và trở thành cấp bách [116, tr.37].

Nghị quyết yêu cầu trong quá trình chỉ đạo các cấp phải chỉ đạo đúng mức, tích cực giải quyết cán bộ và phương tiện để tiến hành cho có kết quả; cần chuyển một số đảng viên và cơ sở có điều kiện hoạt động hợp pháp sang cho ngành binh vận. Để làm tốt các nhiệm vụ trên cũng như để chuẩn bị điều

kiện và thực lực phối hợp với các hoạt động khác giành những thắng lợi lớn khi có thời cơ thuận lợi, cần phải làm cho công tác binh vận trở thành một công tác có tính chất quần chúng rộng rãi và có trình độ nghiệp vụ cao.

Tiếp đến Hội nghị Thường vụ Khu ủy lần thứ 4 (họp từ ngày 11 đến ngày 16/11/1963) đề phá “áp chiến lược” công tác binh vận cần phải:

tận dụng mọi khả năng hiện nay để tích cực giáo dục sử dụng gia đình binh lính và quần chúng rộng rãi xấp vào, tranh thủ vận động quân đội địch, vạch cho họ rõ bộ mặt thất bại của bọn tay sai mới, sự thất bại không thể tránh khỏi của đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, lấy thắng lợi của ta về mọi mặt để tấn công vào tinh thần hoang mang, sa sút của họ [171, tr.15].

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, Nghị quyết chỉ rõ phải biết dựa vào mâu thuẫn của sĩ quan và binh lính miền Nam với bọn Mỹ, mâu thuẫn giữa các binh quân chủng, mâu thuẫn giữa một số sĩ quan, một số đơn vị với bọn cầm quyền mới mà khoét sâu mâu thuẫn của địch, đẩy tới những cuộc thanh trừng xung đột lẫn nhau, tranh thủ vận động làm tan rã hoặc lôi kéo từng bộ phận binh lính về với nhân dân. Chú ý vận động binh sĩ Công giáo tại địa phương, kể cả cá nhân và đơn vị vì hiện nay ta có nhiều điều kiện thuận lợi hơn trước để làm việc này. Hết sức chú trọng xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng trong binh lính.

Tháng 12/1964, Hội nghị Thường vụ Khu ủy lần thứ 8 (mở rộng), xác định để phục vụ phá áp chiến lược, phá kèm kẹp, giành dân làm chủ, chống càn quét lấn chiếm, tiêu hao tiêu diệt địch và đấu tranh chính trị công tác binh vận cần phải:

Làm tan rã căn bản lực lượng thanh niên chiến đấu, vũ trang người Thượng, phần lớn dân vệ trong các thôn, ấp; đẩy mạnh phong trào đào rã ngũ trong quân đội địch, làm tan rã tinh thần quân đội địch hơn nữa; vận động binh sĩ người đồng bào dân tộc thiểu số chống

lại Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, thoát ly dần khỏi ảnh hưởng Pháp, làm nội ứng binh biến khi ta phá áp chiến lược, đánh đồn bót, nổi dậy binh biến lớn và ly khai chống địch khi có cơ hội; tấn công chính trị quyết liệt và khoét sâu mâu thuẫn trong hàng ngũ địch, ra sức tranh thủ những người có thể tranh thủ được; ra sức chống bắt lính [172, tr.35].

Nghị quyết chỉ rõ quan trọng nhất là nắm cho được thanh niên chiến đấu và một phần dân vệ để phục vụ cho phá mảng áp chiến lược và kèm kẹp; đồng thời tổ chức những cuộc binh biến nhỏ và tương đối đều trong bảo an, chủ lực; tranh thủ một số sĩ quan tiến bộ và liên hiệp hành động với họ. Tích cực tuyên truyền chính sách của Mặt trận, phát động một phong trào quần chúng thật rộng lớn tham gia làm binh vận; tấn công chính trị dồn dập, đều khắp, chống bắt lính, giáo dục gia đình binh sĩ vận động, chồng, con, em đang ở trong quân đội Việt Nam Cộng hòa đào ngũ về nhà, đi theo cách mạng. Tổ chức đợt binh vận lớn trong dịp Tết. Ra sức xây dựng cơ sở trong binh lính, sĩ quan, chú ý trong chủ lực và bảo an. Làm tốt công tác tù hàng binh, thực hiện đúng chính sách giáo dục, cải tạo tốt, giác ngộ một số để bổ sung lực lượng ta, nhất là số trong quân địch, thanh niên chiến đấu, dân vệ. Các Ban binh vận của các cấp ủy đảng phải phụ trách công tác tù hàng binh, kết hợp với binh vận của quân đội, kết hợp với Ban An ninh các cấp trong việc khai thác, sử dụng, nhất là ở những hướng hoạt động mạnh.

Chủ trương của Đảng bộ Khu 5 về công tác binh vận trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965, tập trung vào các nội dung chủ yếu: *Mục tiêu* phục vụ việc phá vỡ các âm mưu càn quét, khủng bố, lấn chiếm, gom dân lập áp chiến lược làm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực và phá rã lực lượng bán vũ trang của địch. *Nhiệm vụ*: tuyên truyền tấn công chính trị làm cho binh lính hiểu rõ chính sách của Đảng để đứng lên đánh đổ Mỹ - Việt Nam Cộng hòa. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong hàng ngũ binh lính địch. *Về xây dựng cơ sở*

nội tuyến: tăng cường xây dựng hệ thống cơ sở vững chắc tại các đơn vị, vị trí quan trọng trong quân đội địch. *Kiến toàn bộ máy binh vận*: tổ chức hệ thống binh vận xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cơ sở. Cấp tỉnh, cấp huyện do Ban Thường vụ phụ trách và Ban Chấp hành chuyên trách. Cấp xã và chi bộ phải có người chuyên trách công tác binh vận. *Thực hiện chính sách binh vận*: phổ cập và chấp hành nghiêm chỉnh chính sách đối với binh sĩ và gia đình binh sĩ, đảm bảo cán bộ, đảng viên và các lực lượng vũ trang thông suốt ý nghĩa, nội dung chính sách binh vận. *Kết hợp tác chiến và binh vận*: chú trọng công tác binh vận trong hoạt động vũ trang. Giáo dục cán bộ, chiến sĩ nắm vững phương châm “kết hợp chặt chẽ giữa binh vận và tác chiến”.

Chủ trương của Thường vụ Khu ủy và Khu ủy 5 là cơ sở quan trọng để các địa phương, các ngành và nhân dân tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh binh vận trong phá ấp chiến lược giành lại quần chúng nhân dân.

2.3. ĐẢNG BỘ KHU 5 CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC BINH VẬN

2.3.1. Chỉ đạo xây dựng tổ chức binh vận

Để đưa công tác binh vận đáp ứng được yêu cầu mới, Khu ủy 5 chỉ đạo các cấp ủy đảng và đảng bộ địa phương xây dựng và củng cố Ban Binh vận các cấp từ tỉnh đến các xã, đồng thời tăng cường giáo dục công tác binh vận làm cho toàn Đảng bộ, các lực lượng vũ trang và quần chúng hiểu rõ ý nghĩa, đường lối, chính sách, nhiệm vụ và phương pháp làm binh vận. Về kiến toàn Ban binh vận, Nghị quyết số 62 “*về công tác binh vận*”, tháng 2/1961 của Khu ủy Khu 5 chỉ rõ: “kiến toàn tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng binh vận là nhân tố quyết định thắng lợi của công tác binh vận. Đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng làm công tác binh vận, Khu ủy 5 yêu cầu: “phải kiến toàn xong Ban binh vận tỉnh” [64, tr.751]. Xây dựng nề nếp làm việc Ban binh vận; quy định quyền hạn, nhiệm vụ và quan hệ các ngành, trên dưới chặt chẽ; phải có bộ phận theo dõi nghiên cứu chung và bộ phận bám điểm.

Về biên chế Khu ủy Khu 5 chỉ đạo “Dựa vào yêu cầu sắp đến tạm thời quy định con số cán bộ thiết thực làm công tác binh vận các cấp: tỉnh quan trọng từ 8 đến 10 người (cả ủy viên và cán bộ trong Ban), Tỉnh ủy viên chuyên trách, Thường vụ phụ trách, các tỉnh khác từ 5 đến 6 người nếu không có Tỉnh ủy viên chuyên trách thì bố trí cán bộ có trình độ vững chuyên trách, Thường vụ phụ trách” [64, tr.751]. Nghị quyết yêu cầu các huyện quan trọng phải có Huyện ủy viên chuyên trách, những nơi khác phải có cấp ủy phụ trách nhưng phải thiết thực làm công tác binh vận đi sâu giúp cấp ủy chỉ đạo chung. Xã ủy, chi bộ phải có người chuyên trách công tác binh vận. Ra sức đào tạo cán bộ hợp pháp làm công tác binh vận ở các cứ điểm, hành lang địch thường qua lại, phải chú trọng giáo dục kỹ về chính sách và nghiệp vụ.

Đối với xây dựng lực lượng binh vận trong Quân đội, Khu ủy Khu 5 yêu cầu: “Đảng ủy quân sự chịu trách nhiệm lãnh đạo và thực hiện công tác binh vận trong lực lượng vũ trang, trong đó phần chính trị phải có người chuyên trách công tác binh vận giúp đỡ Đảng ủy chỉ đạo, tùy theo trình độ cán bộ đồng chí này có thể có chân trong Ban binh vận cấp ủy, nếu không có trong Ban phải có nề nếp liên hệ chặt chẽ” [64, tr.753]. Từ tiểu đoàn trở lên có một cán sự chuyên trách công tác binh vận, tiến tới có điều kiện thành lập tổ binh vận đại đội. Mỗi đại đội, trung đội, tiểu đội và tổ 3/3 có người phụ trách công tác binh vận; trong lúc tác chiến đại đội hoặc trung đội phải có người thực hiện kế hoạch binh vận xem như lực lượng tác chiến.

Thực hiện Nghị quyết số 62 “*về công tác binh vận*”, tháng 2/1961 của Khu ủy Khu 5, tháng 2/1962, Quân ủy Khu 5 ban hành Nghị quyết, yêu cầu “các cấp ủy thủ trưởng phải trực tiếp lãnh đạo đơn vị làm công tác binh vận, xây dựng tổ chức và nề nếp công tác binh vận trong bộ đội chủ lực, địa phương và dân quân du kích” [141, tr.51]. Đối với kiện toàn tổ chức binh vận ở Khu 5, giữa năm 1959 đồng chí Đinh Lư (Ba Chấn), Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định được điều động về Khu giúp Thường vụ Khu ủy chỉ đạo công tác

Binh vận. Cuối năm 1961 đến năm 1975, đồng chí Phan Tấn Trình, cán bộ Cục Dịch vận Tổng cục Chính trị được điều từ miền Bắc vào làm Trưởng ban Binh vận Khu 5, đồng chí Đỗ Minh Toại, Võ Hải Ninh, Nguyễn Thái, Trưởng phòng Dịch vận Quân khu 5 biệt phái sang Khu ủy giữ chức Phó ban Ban Binh vận Khu 5. Trưởng, Phó phòng Dịch vận Quân Khu 5 gồm các đồng chí: Nguyễn Tùng - Trưởng phòng Dịch vận Quân khu 5, các đồng chí Nguyễn Quốc Thành, đồng chí Nguyễn Quyên (Giao) Phó Phòng Dịch vận Quân Khu 5 [168, tr.403].

Từ năm 1961 trở đi, hệ thống ngành binh vận Khu 5 được chia thành 4 cấp (Khu, tỉnh, huyện, xã) và ngày càng được củng cố, hoàn thiện hơn. Ở cấp Khu, tỉnh có các Ban, Tiểu ban, đội, tổ, trạm trại, chia thành nhiều bộ phận hoạt động theo chức năng được giao. Ở cấp huyện, xã đầu mỗi được tinh gọn hơn, nhưng lực lượng hoạt động trực tiếp chiếm tỷ lệ cao hơn. Đội ngũ binh vận được tổ chức thành: Cán bộ chỉ đạo và các ngành chuyên môn nghiệp vụ; cán bộ hoạt động chuyên trách bao gồm cán bộ bí mật, công khai, hợp pháp và bất hợp pháp. Càng xuống cơ sở cán bộ hợp pháp càng đông (thường cấp huyện cán bộ hợp pháp chiếm 1/2, cấp xã chiếm 2/3). Các tỉnh trong toàn khu, lực lượng hợp pháp được tổ chức khá đông, mạnh, như ở Quảng Đà cán bộ hợp pháp chuyên nghiệp có lúc đến 960 đồng chí.

Đến năm 1962, Khu 5 đã kiện toàn 8 Ban Binh vận cấp tỉnh (nơi nhiều nhất 08, ít nhất là 03 cán bộ, hầu hết có ủy Ủy viên Thường vụ phụ trách, một số nơi có ủy viên chuyên trách). Kiện toàn 68 Ban Binh vận huyện (nơi nhiều nhất là 03, ít nhất là 03, ít nhất 01 cán bộ); có 515 hội đồng và Ban Binh vận xã, thôn của hơn 151 xã đã phát động. Về tổ chức đội ngũ: có 10.700 Tổ Binh vận hợp pháp, 8.000 Tổ Binh vận nòng cốt, 15.300 Chi hội và Tổ gia đình binh sĩ yêu nước [2, tr.2]. Đối với lực lượng vũ trang Khu 5, ngày 27/7/1961, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 được thành lập. Các cơ quan Quân khu gồm Phòng Tham mưu, Phòng Chính trị, Phòng Hậu cần, Phòng Hành lang. Trong đó,

Phòng Chính trị có: Ban Tổ chức, Ban Cán bộ, Ban Dân vận, Ban Dịch vận, Ban Bảo vệ [47, tr.173]. Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy, đến cuối năm 1961, Ban Bình vận Khu 5 và các địa phương đã thành lập và kiện toàn được hệ thống tổ chức Ban binh vận từ Khu đến xã, thôn.

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy 5, các đảng bộ địa phương khẩn trương tổ chức thực hiện công tác binh vận, tiêu biểu như: Tỉnh ủy Bình Định, đề ra yêu cầu “công tác binh vận trong giai đoạn này là xây dựng bộ máy, tổ chức các lực lượng làm công tác binh vận, phối hợp với các lực lượng vũ trang và các đội vũ trang công tác tiến hành các mặt hoạt động” [24, tr.37]. Từ một bộ phận công tác hình thành tháng 7/1960 trực thuộc Tỉnh ủy, đầu năm 1961, bộ máy công tác binh vận được tăng cường cán bộ và xây dựng thành một ban chuyên trách của các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến huyện, có nhiệm vụ giúp cấp ủy chỉ đạo và tổ chức thực hiện các mặt công tác: Công tác tuyên truyền, vận động binh sĩ Việt Nam Cộng hòa và nhân viên chính quyền địch; công tác binh vận trong đấu tranh chính trị của quần chúng; công tác binh vận của các lực lượng vũ trang; công tác nội tuyến trong hàng ngũ chính quyền địch; công tác giam giữ, quản lý, cải tạo tù hàng binh. Ban Bình vận tỉnh do đồng chí Tô Đình Cơ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trực tiếp làm Trưởng ban Bình vận tỉnh từ tháng 7/1960 cho đến cuối 1968, có các phó ban và ủy viên ban chuyên trách từng mặt công tác.

Cơ quan Ban Bình vận tỉnh Bình Định có các bộ phận: “văn phòng, in ấn tài liệu truyền đơn, liên lạc, phục vụ, hậu cần, một số cán bộ nghiệp vụ hoạt động bất hợp pháp chuyên trách xây dựng lực lượng, xây dựng phong trào ở các địa bàn trọng điểm, khung cán bộ của 2 trại cải tạo tù hàng binh. Ban Bình vận cấp huyện do đồng chí Phó Bí thư hoặc ủy viên Thường vụ cấp ủy phụ trách với 3-5 cán bộ chuyên trách [24, tr.36]. Ở cấp xã, phân công cán bộ phụ trách phối hợp với cán bộ chuyên trách của huyện, tỉnh đứng chân trên địa bàn. Ban Bình vận tỉnh Bình Định thành lập một số đội chuyên môn

như đội tuyên truyền xung kích, đội bám điểm, đội công tác hợp pháp, đội công tác nội tuyến. Ban Binh vận các huyện và thị xã được tăng cường và bổ sung cán bộ. Thành lập thêm “18 Ban Binh vận xã, 92 Tổ Binh vận thôn, 123 Tổ Binh vận nòng cốt, phát triển 458 cơ sở binh vận hợp pháp. Trong một số đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh, huyện tổ chức bộ phận làm công tác binh vận phối hợp chặt chẽ với Ban Binh vận của cấp ủy” [24, tr.47].

Tỉnh Quảng Ngãi, Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (mở rộng) tháng 12/1961, cụ thể hóa việc tổ chức tiến công và nổi dậy ở đồng bằng, kết hợp “2 chân, 3 mũi” giáp công, yêu cầu: “xây dựng, củng cố bộ máy làm công tác binh vận cấp tỉnh, huyện, thị xã, xây dựng cán bộ binh vận hợp pháp để thường xuyên liên lạc, nắm tình hình và chỉ đạo cơ sở nội tuyến trong binh lính hành động” [23, tr.48]. Từ năm 1960, tỉnh đã xây dựng Ban Binh vận của tỉnh, các huyện từ năm 1961 đến năm 1962 đã có Ban Binh vận cấp huyện. Ở tỉnh đã có cấp ủy viên phụ trách.

Tỉnh Đắk Lắk, Tỉnh ủy đã chỉ đạo thành lập Ban Binh vận cấp tỉnh đến cơ sở, mỗi cấp do một đồng chí cấp ủy viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm vụ trách, có các bộ phận giúp việc chủ yếu như: “tuyên truyền, địch vận...ở các huyện hoặc vùng có phân công cán bộ phụ trách binh tề vận và ở cơ sở đều do các đội, mũi công tác đảm nhiệm gắn với nhiệm vụ vận động quần chúng xây dựng cơ sở trên mỗi hướng địa bàn hoạt động” [186, tr.129]. Giữa năm 1961 về sau, từ nguồn cán bộ của trên bổ sung, tỉnh đã lần lượt bố trí mỗi huyện, thị từ 1 đến 2 cán bộ chuyên trách ở các địa bàn trọng điểm như thị xã Buôn Ma Thuột, Cheo Reo, các huyện H4, H5. Ở B3 do đồng chí cấp ủy viên phụ trách về Dân vận kiêm nhiệm B5 hình thành bước đầu Ban Binh vận, có cấp ủy viên trực tiếp và số ít cán bộ [186, tr.52]. Song về cơ bản hoạt động binh tề vận tại các địa bàn vẫn do các đội, mũi công tác tổ chức thực hiện.

Tỉnh Gia Lai, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tháng 2/1961, chủ trương “tiếp tục củng cố, xây dựng hệ thống công tác binh vận từ tỉnh xuống cơ sở; đẩy mạnh

việc tổ chức cơ sở bí mật trong lực lượng địa phương quân của địch” [184, tr.65]. Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập Ban Binh vận tỉnh do đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Tỉnh đội thành lập Tiểu ban Binh vận biên chế trong cơ quan chính trị tỉnh. Các huyện, thị xã đều thành lập ban binh vận huyện, thị xã, do ủy viên thường vụ Huyện ủy phụ trách, biên chế từ 1 đến 3 cán bộ, ở xã có 1 cấp ủy viên phụ trách [184, tr.63 - 64]. Trong một số làng có thành lập tổ công tác binh vận do chi hội phụ nữ đảm nhiệm. Từ đó, sự phối hợp hoạt động công tác binh vận trong các cuộc đấu tranh của quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kìm ngày càng chặt chẽ hơn.

Đại hội Đảng bộ Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế, tháng 4/1961 quyết định thành lập Ban Binh vận trực thuộc Tỉnh ủy, hình thành hệ thống tổ chức binh vận cấp huyện, tổ chức Ban địch vận từng đội và trợ lý ở các tiểu đoàn bộ đội địa phương, cán bộ chuyên trách binh vận trong các đội công tác huyện [185, tr.77]. Năm 1962, Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo củng cố Ban Binh vận Tỉnh ủy, chỉ thị tổ chức binh vận huyện và cơ sở binh vận ở thôn ấp.

Để thực hiện nhiệm vụ đấu tranh binh vận, Tỉnh ủy Quảng Nam, Quảng Đà chỉ đạo củng cố, kiện toàn bộ máy, đội ngũ cán bộ và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với Ban Binh vận các cấp từ tỉnh đến xã. Ban Binh vận tỉnh hình thành với các bộ phận, gồm: Hậu cần chăm lo công tác sản xuất, quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục tù hàng binh. Bộ phận nội tuyến phụ trách xây dựng cơ sở trong hàng ngũ địch. Bộ phận tuyên truyền phụ trách in ấn, truyền đơn, khẩu hiệu, thư tay, gọi loa và tổ chức quần chúng tấn công địch.

Giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965, ở Khu 5 các cấp ủy và địa phương tập trung củng cố, xây dựng hệ thống tổ chức binh vận hoàn chỉnh theo mô hình 4 cấp từ Khu đến tận cơ sở xã, thôn. Bộ máy lãnh đạo Ban binh vận chủ yếu là các đồng chí trong cấp ủy, hoặc ban thường vụ. Toàn Khu đã kiện toàn được tất cả các Ban Binh vận cấp tỉnh, cấp huyện và xã, đồng thời phát triển mạnh mẽ các tổ binh vận nông cốt cùng tổ chức gia đình binh sĩ yêu

nước. Song song với đó, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 cũng được thành lập và bố trí Ban Dịch vận nằm trong cơ cấu Phòng Chính trị. Các địa phương đã thực hiện tốt việc bố trí nhân sự, phân công cấp ủy viên phụ trách và lập các đội chuyên môn để đẩy mạnh phong trào binh vận.

2.3.2. Chỉ đạo xây dựng cơ sở nội tuyến

Xây dựng cơ sở nội tuyến là một nhiệm vụ quan trọng của công tác binh vận, để chỉ đạo xây dựng cơ sở nội tuyến vững chắc, bí mật, hoạt động hiệu quả, Nghị quyết số 62 về *công tác binh vận*, tháng 2/1961 của Khu ủy 5 yêu cầu” “xúc tiến mạnh mẽ xây dựng cơ sở nội tuyến vững chắc, đặc biệt chú trọng các đơn vị, vị trí quan trọng...chủ yếu là binh lính, đồng thời phải chú trọng sĩ quan. Đặc biệt, chú trọng công tác binh vận trong hoạt động vũ trang [64, tr.740]. “Phải tích cực, vững chắc, bí mật xây dựng lực lượng bên trong quân đội địch. Hết sức bí mật khéo che giấu: Tổ chức phải tuyệt đối bí mật, hoạt động của cơ sở phải dựa vào quan hệ hợp pháp để vận động quần chúng khác; tuyệt đối không cho biết giữa cơ sở đơn vị này với đơn vị khác; giữa binh lính và sĩ quan, giữa cơ sở mai phục và cơ sở hoạt động, giữa cơ sở binh vận và cơ sở quân báo” [64, tr.743].

Về phương pháp xây dựng cơ sở nội tuyến, Khu ủy chỉ đạo xây dựng cơ sở nội tuyến thành nhiều loại: *Cơ sở trường kỳ mai phục* gồm có sĩ quan và binh lính ở các bộ phận quan trọng như: tham mưu, thông tin liên lạc, cơ yếu, kho tàng, văn phòng, những cơ sở quan trọng trong hải, không quân, pháo binh, cơ giới, vận tải, trường huấn luyện, loại này chỉ tìm hiểu tình hình trong phạm vi mình biết, tạo quan hệ tình cảm với quần chúng chung quanh. *Cơ sở hoạt động làm nhiệm vụ điều tra, tuyên truyền, giáo dục, lãnh đạo binh lính đấu tranh* việc sử dụng loại này phải nắm vững phương châm, nguyên tắc, tổ chức và hoạt động của cơ sở đã nói ở trên. *Cơ sở tình hình* bất kỳ sĩ quan hay binh lính có khả năng giao nhiệm vụ điều tra cung cấp tình hình cho ta, ngoài ra không làm gì nữa (tiêu chuẩn loại này không đòi hỏi như hai loại trên), loại

mới bắt mỗi không phải cơ sở tùy đó mà giao nhiệm vụ để thử thách kiểm tra họ. Tất cả các loại cơ sở đều phải che giấu lâu dài chờ thời cơ, trường hợp cần thiết có thể sử dụng để phục vụ cho tác chiến nhưng phải cân nhắc kỹ, những cơ sở nào có tác dụng mai phục lâu dài thì nhất thiết không được sử dụng (sử dụng loại này phải do tỉnh và trên quyết định). *Cơ sở người dân tộc* trừ những cơ sở có tác dụng mai phục lâu dài còn có thể sử dụng hoạt động trong binh lính người dân tộc rộng rãi hơn. Các loại cơ sở phải giáo dục cho họ trước, trường hợp có đảo chính hoặc khởi nghĩa họ sẽ tham gia như thế nào để khỏi bị động mà lúc đó ta không trực tiếp chỉ đạo kịp.

Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy Khu 5, cơ sở binh vận được xây dựng, bổ sung phát triển để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, không những trong thanh niên chiến đấu, dân vệ, nhân viên nguy quyền trên cả 3 vùng chiến lược, mà cả trong quân chủ lực, sĩ quan chỉ huy các cấp, các đơn vị quân binh chủng của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Điểm sáng trong giai đoạn năm 1960 đến năm 1961 Khu 5 đã xây dựng được một số nội tuyến mới, xây dựng được một lực lượng mật giao, cán bộ binh vận hợp pháp bên dưới ở những nơi có cơ sở chính trị. Tính đến năm 1963 “Khu 5 đã phát triển cơ sở gấp 6 lần so với năm 1961, có tỉnh trên 300 cơ sở, như ở Bình Định lực lượng làm công tác binh vận tăng 62% so với năm 1962” [168, tr.96].

Thừa Thiên - Huế, năm 1962 các huyện đã xây dựng nội tuyến được 150 ấp trưởng trong 444 ấp và hầu hết 444 ấp đã có cơ sở binh vận gồm 612 cơ sở, trong đó có 2 ấp đến 3 cơ sở, phần lớn cơ sở được xây dựng vào các chị, các mẹ có chồng con trong dân vệ, bảo an. Xây dựng được cơ sở hoặc đưa người tốt vào các ban chính quyền xã: “xây dựng được 47 cơ sở là đại diện xã, 53 cơ sở là ủy viên thư ký xã, 62 cán bộ chỉ huy dân vệ các xã và 70 dân vệ, 36 cơ sở trong bảo an. Trong số 102 xã với 444 ấp trong toàn tỉnh đã có 250 cơ sở trong chính quyền ấp, xã 167 cơ sở trong dân vệ, bảo an, 612 cơ sở trong dân, tổng cộng tất cả có 1.024 cơ sở binh vận ở cơ sở” [185, tr.83].

Ở Quảng Nam, Quảng Đà từ năm 1961 đến năm 1965, đã xây dựng được 1.000 cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ địch. Nắm được 200 chỉ huy cấp tổng đoàn, trung đội dân vệ và đại đội bảo an. Tiêu biểu như các cơ sở nội tuyến: “Nguyễn Lương Y làm sĩ quan tùy viên báo chí của tướng Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh vùng I chiến thuật; Hồ Hoàng Khả làm sĩ quan đặc nhiệm, Lê Đại làm sĩ quan tài xế riêng cho Hoàng Xuân Lãm” [25, tr.107]. Ngoài ra, Ban binh vận tỉnh còn đưa một số cơ sở cách mạng đi học trường sĩ quan Việt Nam Cộng hòa cài cắm vào lòng địch để phục vụ cho nhiệm vụ lâu dài. Đưa người của ta vào nắm các mâm Hội đồng (thường gọi là Hội đồng xã, là cơ quan đại diện dân cử cao nhất cấp xã) các xã: Kỳ Hòa; Kỳ Trung, Kỳ Anh; Quế Lộc; Quế Thọ; Kỳ Nghĩa; Kỳ Hương, cài cắm cơ sở cách mạng nắm các trung đội dân vệ ở thị xã Tam Kỳ.

Ở đồng bằng Khu 5, năm 1964 “Khu ủy đã chỉ đạo xây dựng và phát triển được 43.000 cơ sở trong 1.500 thôn (bao gồm cả cơ sở đấu tranh chính trị và đấu tranh binh vận)” [168, tr.81]. Cài cắm được nhiều cơ sở trong binh lính, sĩ quan, nhân viên chính quyền từ tỉnh, huyện đến xã, ngay cả trong cơ quan Quân đoàn 1 Việt Nam Cộng hòa, cảnh sát Gia Long (Đà Nẵng), cơ quan chiêu hồi Quảng Nam cũng có cơ sở của ta bí mật hoạt động, lấy được nhiều hồ sơ tài liệu mật, cung cấp cho ta nhiều tin tức quan trọng. Nhờ có cơ sở nội tuyến, hai lần đột nhập vào nhà lao Hội An giải phóng gần 1.400 cán bộ, đảng viên của ta bị địch giam giữ.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác chỉ đạo xây dựng nội tuyến còn hạn chế, trong thời gian đầu công tác xây dựng nội tuyến còn chậm, xây dựng nội tuyến ở miền núi còn mỏng, chưa xây dựng được nội tuyến trong các cơ quan đầu não của địch, kết quả hoạt động và xây dựng nội tuyến không đồng đều giữa miền núi và đồng bằng, và giữa các tỉnh với nhau trong toàn Khu.

2.3.3. Chỉ đạo binh vận kết hợp với tiến công quân sự, đấu tranh chính trị trong phong trào diệt ác, phá kìm, phá áp chiến lược của địch

Kết hợp tiến công binh vận với tiến công quân sự, đấu tranh chính trị thành 3 mũi giáp công nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh nhân dân, góp phần làm tan rã địch cả về lực lượng và tư tưởng. Thẩm quyền quan điểm quân chúng và quan điểm bạo lực cách mạng Khu ủy Khu 5 xác định: “binh vận là một mũi tiến công chiến lược, cùng với đấu tranh quân sự, chính trị hình thành 3 mũi giáp công trên 3 vùng chiến lược, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù” [168, tr.293]. Nghị quyết số 62 “*về công tác binh vận*”, tháng 2/1961 của Khu ủy Khu 5 yêu cầu phải hướng dẫn kế hoạch, nội dung cho công tác binh vận trong từng trường hợp như: “chống càn quét, đánh điểm, vũ trang tuyên truyền để cán bộ, chiến sĩ thực hiện; phải có kế hoạch binh vận trước, trong và sau mỗi đợt hoạt động; trong từng trận tác chiến, phải phối hợp chặt chẽ giữa tác chiến và binh vận [64, tr.748].

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy Khu 5, các đảng bộ địa phương, ban ngành lãnh đạo kết hợp binh vận với tiến công quân sự, đấu tranh chính trị trong phong trào diệt ác, phá kìm, phá áp chiến lược của địch diễn ra quyết liệt trong toàn Khu. Ở miền núi Khu 5 đã tranh thủ các già làng, chức sắc có uy tín của tôn giáo, dùng phong tục tập quán, lệ làng, giáo lý để ngăn chặn hoặc rải truyền đơn, viết thư cảnh cáo, răn đe bọn ác ôn trong các đội công tác “áp chiến lược”. Các địa phương đã phát động hướng dẫn gia đình binh sĩ giáo dục con em là bảo an, dân vệ, thanh niên chiến đấu đánh dấu nơi gài mìn, gỡ chông, dẫn đường đưa bộ đội vượt qua áp chiến lược “hai sông, ba núi” ra vào áp chiến lược an toàn và cao hơn là vận động họ nổ súng diệt cố vấn Mỹ, diệt ác ôn, tước súng bọn kìm kẹp, làm nội ứng phối hợp với các lực lượng phá áp chiến lược.

Để chỉ đạo kết hợp “ba mũi giáp công”, tháng 2/1962 Quân khu 5 ban hành Nghị quyết yêu cầu: “đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền chính trị vào hàng ngũ địch một cách liên tục, mạnh mẽ, đập tan những luận điệu xuyên tạc, đầu độc của địch, kêu gọi ý thức cách mạng của quần chúng binh lính, gây

phong trào đấu tranh dân sinh, dân chủ, phong trào bỏ hàng ngũ Mỹ - Diệm chạy về vùng giải phóng, về gia đình, trả súng, giải ngũ, thôi việc, không khùng bố nhân dân, khi giao chiến thì tìm mọi cơ hội chạy sang lực lượng cách mạng” [141, tr.51].

Để tăng cường kết hợp 3 mũi giáp công phục vụ đấu tranh phá “áp chiến lược” của địch, Hội nghị Khu ủy 5 mở rộng lần thứ III (từ ngày 15 đến 31/7/1963) chỉ rõ “ra sức làm công tác tấn công chính trị làm tan rã tinh thần binh lính địch phục vụ cho tác chiến, nhất là làm tan rã và giải giới các lực lượng dân vệ và thanh niên vũ trang phục vụ việc phá áp chiến lược” [116, tr.37]. Hội nghị Thường vụ Khu ủy lần thứ 4 (họp từ ngày 11 đến ngày 16/11/1963), yêu cầu: “công tác binh vận phải phục vụ tốt cho nhiệm vụ phá áp chiến lược, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, phá rã lực lượng bán vũ trang của địch” [171, tr.15]. Hội nghị Thường vụ Khu ủy lần thứ 8 (mở rộng), tháng 12/1964, xác định: “công tác binh vận phải phục vụ phá áp chiến lược, phá kèm kẹp, giành dân làm chủ, chống càn quét lấn chiếm, tiêu hoa tiêu diệt địch và đấu tranh chính trị” [172, tr.35].

Trong chỉ đạo thực hiện kết hợp 3 mũi giáp công, Khu ủy Khu 5 yêu cầu: *Mũi chính trị*, giáo dục cho quần chúng nhận rõ âm mưu của địch, quán triệt chủ trương của Đảng kiên quyết phá “áp chiến lược”, phá khu đồn, giành và giữ vững quyền làm chủ, phát động quần chúng, huy động lực lượng quần chúng tự giác cùng nhau phá áp; *mũi quân sự*, bồi đội chủ lực tập trung lực lượng tiêu diệt, thu hút chủ lực địch ở những khu vực trọng điểm, lực lượng địa phương tiêu diệt cho được một số mục tiêu chủ yếu, phá kèm kẹp của địch cả trong và ngoài “áp chiến lược” để hỗ trợ quần chúng; *mũi binh vận*, nắm dân, nắm tề, nắm lực lượng vũ trang và bán vũ trang địch trong và ngoài áp, hướng dẫn tổ chức cho họ hành động phối hợp để không gây thương vong cho dân, phá được áp mà vẫn giữ được thế hợp pháp cho dân [168, tr.310-311].

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy và Quân Khu 5 về kết hợp “ba mũi giáp công” trong phá “ấp chiến lược” diễn ra sôi nổi, diễn hình như:

Toàn Khu 5, trong năm 1962, công tác binh vận tuy vẫn còn là mặt yếu trong ba mặt giáp công, nhưng đã thu được kết quả đáng kể: ở đồng bằng công tác binh vận đã lôi kéo được 400 lính địch, làm tan rã hàng chục tổng đoàn dân vệ, vận động được 8 cuộc nội ứng; ở miền núi số lính địch đào ngũ 2.051 binh sĩ (đa số là lính đồng bào dân tộc). Tiêu biểu như: ở Kon Tum làm tan rã 1.000 lính người đồng bào dân tộc thiểu số, ở Quảng Nam có 500 binh sĩ địch chạy về nhà. Số lính đào ngũ chiếm 1/3 tổng số tổn thất của địch trong năm 1962. Số vũ khí lấy được của địch do công tác binh vận trong năm 1962 trên 400 súng (chiếm gần 1/4 số súng ta thu được).

Tỉnh Quảng Đà là một trong những tỉnh điển hình của Khu 5 trong chống phá ấp chiến lược giai đoạn này “các đội võ trang tuyên truyền binh - địch vận luôn sâu vào ấp, vận động nhiều xã trưởng, ấp trưởng, ấp phó, tổng đoàn trưởng, trung đội trưởng dân vệ, đào hầm nuôi giấu cán bộ, du kích, dẫn đường đưa bộ đội tập kích, phục kích tiêu diệt địch, thu vũ khí” [154, tr.96]. Từ 1961 đến 1965 “có 200 tổng đoàn, trung đội dân vệ, 234 “mâm” hội đồng xã, nhiều đồn bót địch được vận động giác ngộ, trở thành lực lượng bảo vệ đường dây liên lạc từ huyện lên tỉnh” [154, tr.109]. Từ năm 1961 đến năm 1965 “Quảng Nam có khoảng 2 vạn binh sĩ đào ngũ, rã ngũ với nhiều hình thức. Phần lớn số này sau khi giáo dục, tuyên truyền đã tự nguyện gia nhập các đơn vị vũ trang của ta. Số còn lại được tổ chức giáo dục, huấn luyện rồi trả về đơn vị cũ để phục vụ lâu dài cho cách mạng” [25, tr.111].

Tại Quảng Ngãi, năm 1962, ở xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa dựa vào cơ sở nội ứng ta đã tiêu diệt gọn 1 trung đội thanh niên chiến đấu, quần chúng nhân dân nổi dậy làm chủ, giải phóng hoàn toàn xã Nghĩa Lâm. Tiếp đến giải phóng các xã phía Tây huyện Tư Nghĩa như: Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận (1963), Nghĩa Kỳ (1964), lực lượng cơ sở bên trong là nghĩa quân, dân vệ

cùng với lực lượng quần chúng nổi dậy và các đội công tác ta đã phá rã 4 trung đội dân vệ, 6 trung đội nghĩa quân [23, tr.51 - 52]. Trong số này có nhiều người mang súng chạy theo cách mạng, tham gia du kích và bộ đội.

Ở Bình Định, Tỉnh ủy chỉ đạo: “Phối hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang phát động quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm, phá rã bộ máy nguy quyền và lực lượng kẹp của địch, phá áp chiến lược, giành dân, giành quyền làm chủ ở cơ sở” [24, tr.37]. Quá trình vận động và phát triển công tác binh vận, phối hợp chặt chẽ 3 mũi giáp công đã tạo nên thắng lợi năm 1962, nhân dân nổi dậy mở ra 74 thôn, thực sự làm chủ 59 thôn với 54.600 dân, đánh phá toàn bộ 200 áp chiến lược. Vùng giải phóng và làm chủ mở rộng ở 91 thôn thuộc 32 xã với 87.000 dân [24, tr.45]. Từ tháng 4 đến tháng 6/1963, phối hợp với các hoạt động vũ trang, các đội công tác chính trị và binh vận mở 500 cuộc vũ trang tuyên truyền ở 184 thôn thuộc 47 xã, phát động trên 18.000 lượt quần chúng nổi dậy diệt 60 tên ác ôn, bắt giáo dục cải tạo 748 tên tề điệp, phá 130 áp chiến lược (có 38 áp bị phá dứt điểm) [24, tr.49].

Ở Gia Lai, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tháng 2/1961 chỉ rõ: “lãnh đạo quần chúng nhân dân tấn công binh vận bằng mọi hình thức nhằm trang thủ tập hợp các lực lượng có tinh thần yêu nước trong quân đội địch, hình thành khối “công nông binh liên hiệp” để đấu tranh, phá tan và làm thất bại kế hoạch Staley - Taylor gom dân, lập áp của địch” [184, tr.65]. Chỉ trong năm 1962 đã có 463 cuộc đấu tranh chính trị và binh vận với địch, với 52.799 lượt người tham gia [184, tr.67]. Tại Trung tâm huấn luyện biệt kích Plei Mơ-Rông (Chư Păh - Gia Lai), tháng 1/1963 nhân dân trong huyện đã nổi dậy phá rã hệ thống kìm kẹp các áp xung quanh trung tâm huấn luyện và vận động hàng trăm lính nguy ở các đồn Chư Nghé, Đức Cơ bỏ hàng ngũ về làng.

Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, năm 1963 đã chủ trương đẩy mạnh phá “áp chiến lược” và chỉ đạo phá áp chiến lược Hòa Mỹ (Phong Điền). Được nội tuyến giác ngộ binh lính và sự hỗ trợ của quần chúng, đơn vị K105 của tỉnh đã vũ trang

tuyên truyền, áp trứng và bảo an, dân vệ đã nổi dậy phá rào áp chiến lược, hợp mít tinh, tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng, bắt tên Trần Bá Có, là ác ôn Đảng Cần lao là phái viên của Ngô Đình Cẩn [185, tr.86].

Trong Đông Xuân 1964-1965, công tác binh vận phối hợp với bộ đội chủ lực ở các trọng điểm của các hướng chiến dịch ở Bình Định, Đông Gia Lai, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Phú Yên, Kon Tum, Đắk Lắk, Khánh Hòa tiêu diệt nhiều đơn vị địch, phong trào đồng khởi sôi sục của quần chúng với quy mô ngày càng lớn, hành động ngày càng quyết liệt đã phá từng mảng “áp chiến lược” mở ra nhiều khu vực. Toàn Khu 5, cuối năm 1964 đầu năm 1965, mũi binh vận đã phối hợp chặt chẽ với mũi quân sự giành thắng lợi trong các trận đánh lớn vào căn cứ của địch, như An Lão, Đèo, Nhông, Dương Liễu (Bình Định), Núi Sấm (Phú Yên), Đồng Dương, Suối Đà (Quảng Nam)...làm ta rã trên 2 vạn quân chủ lực và bảo an, trong đó có 14 đại đội, 172 trung đội tan rã hoàn toàn. Trong chiến dịch Ba Gia (Quảng Ngãi) tiêu diệt và bắt sống hoàn toàn 1 tiểu đoàn biệt động, 1 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, 1 tiểu đoàn bộ binh, nhân dân hai bên bờ sông Trà xông ra phối hợp với bộ đội gọi hàng, vây bắt giáo dục, phóng thích tù binh trong đó có tên đại úy tiểu đoàn trưởng. Ở Tây Nguyên, cơ sở trong căn cứ Plei Mrông cung cấp tình hình, dẫn đường đưa 1 tiểu đoàn đặc công tấn công tiêu diệt căn cứ, phóng thích 140 binh sĩ là người dân tộc [154, tr.103].

Toàn Khu 5, trong 6 tháng đầu năm 1964 đã phá 1.080 “áp chiến lược” ở đồng bằng và 292 “áp chiến lược” ở miền núi. Xuân-Hè 1965 các tỉnh trong toàn Khu 5 cơ bản phá 2.100/2.800 áp, số dân làm chủ và vùng giải phóng lên 2.104.000 người. Ở Bình Định, đến giữa năm 1965 đã phá 400/460 “áp chiến lược”, giải phóng 506/646 thôn, 56/87 xã, với hơn nửa triệu dân [168, tr.86]. Đến giữa năm 1965, trung bình toàn Khu 5 quân địa phương rã 72%, tỉnh cao nhất 85% (Quảng Đà, Quảng Ngãi), tỉnh thấp nhất cũng 50%. Lực lượng quân sự kìm kẹp tại chỗ các địa phương bị tổn thất nặng [168, tr.91]. Trong Xuân -

Hè 1965 (từ ngày 7/2/1965 đến ngày 30/8/1965), Khu 5 đã loại 36.949 tên địch và hàng vạn binh sĩ đào rã ngũ, diệt 12 tiểu đoàn, 36 đại đội, 258 trung đội [168, tr.282].

Từ năm 1962 đến năm 1965 “toàn Khu 5 đã làm tan rã 75.117 binh sĩ Việt Nam Cộng hòa (có 20 ngàn binh lính chủ lực), có 1.015 trung đội tan rã tập thể, phần lớn là dân vệ, thanh niên chiến đấu (năm 1964 cao nhất là 33.000 binh sĩ). Tổng số súng thu được 9.724 khẩu (trong tổng số 18.541 khẩu súng của toàn miền thu được)” [168, tr.91] góp phần quan trọng trang bị cho bộ đội địa phương và du kích.

Thắng lợi to lớn ở chiến trường Khu 5 đã góp phần cùng với Quân và Nhân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược và đưa quân Mỹ vào miền Nam để cứu vãn nguy cơ sụp đổ hoàn toàn của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

2.3.4. Chỉ đạo thực hiện chính sách tù, hàng binh

Để thực hiện tốt chính sách tù, hàng binh, Nghị quyết số 62 “*về công tác binh vận*”, tháng 2/1961 của Khu ủy 5 chỉ rõ: “trong lúc tác chiến phải có cán bộ nắm vững chính sách, có kế hoạch và tổ chức chu đáo để thực hiện tốt chính sách đối với thương, tù, hàng binh; trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải cố gắng giáo dục tốt tù hàng binh, ở những nơi có điều kiện cần giáo dục với thời gian dài ngày hơn; đi đôi với việc giáo dục tốt cần lấy hành động thực tế của ta đối với họ để cảm hoá, thuyết phục họ” [64, tr.746]. Nghị quyết yêu cầu làm cho mỗi cuộc phóng thích tù, hàng binh có ảnh hưởng tác động lớn vào hàng ngũ địch. Có thể lấy một số bổ sung lực lượng hoặc tăng người ở vùng căn cứ, chủ yếu lấy lính quân địch, lính mới có tư tưởng hòa bình, nhưng phải tiếp tục giáo dục, theo dõi giúp đỡ. Chỉ đạo phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc chấp hành chính sách lấy thực tế để giáo dục nâng trình độ nhận thức chính sách, đồng thời phải khen thưởng, kỷ luật đối với việc chấp hành chính sách.

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy 5, năm 1961 nhiều địa phương đã khắc phục khó khăn, đưa tù, hàng binh trong các trận đấu ta bắt được, sau khi được giáo dục đã phóng thích 284 tù hàng binh địch. Tập trung giáo dục cho tề điệp và dân vệ trên 1.000 tên (thời gian giáo dục ít nhất là 2 ngày, nhiều nhất là 1 tuần), các tù binh bắt được, sau khi giáo dục sẽ phóng thích tại chỗ [1, tr.6]. Ở tỉnh Gia Lai, qua hành động của quân chúng đối với binh sĩ địch, nên trong năm 1961 có 356 đào binh theo cách mạng. Đối với gia đình binh sĩ, gia đình nhân viên chính quyền Việt Nam Cộng hòa, gia đình dân vệ ở những vùng ta làm chủ, không phân biệt đối xử, đều được tập trung học tập.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy Khu 5, tháng 2/1962, Quân khu 5 ra Nghị quyết yêu cầu: “làm cho cán bộ chiến sĩ thường xuyên có ý thức và thành thạo phương pháp làm công tác binh địch vận trong tác chiến, nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách đối với thương, tù, hàng binh địch, chính sách đối với nhân viên chính quyền địch và gia đình họ. Lấy hành động thực tế để tấn công chính trị vào hàng ngũ địch. Ra sức giáo dục tù, hàng binh; với những người đủ tiêu chuẩn thì bổ sung quân đội, những người không bổ sung được thì phóng thích để tuyên truyền sâu rộng chính sách của ta” [141, tr.51]. Ở Khu 5, nhiều thôn, xã trong vùng giải phóng đã tổ chức “Hội gia đình binh sĩ”, “Đại hội gia đình binh sĩ yêu nước” kéo được hàng trăm lượt người nhà gia đình binh sĩ trong vùng địch kiểm soát ra vùng giải phóng cùng tham gia. Trong các cuộc Hội nghị “Đại hội gia đình binh sĩ” đã đi đến thống nhất: “gia đình có người đi lính phải tìm cách vận động chồng, con, em trở về; Gia đình binh sĩ hưởng ứng phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân; Hứa cùng nhau thực hiện “Tộc họ, thôn xóm dứt điểm” không có người đi lính cho Việt Nam Cộng hòa” [168, tr.73]. Qua Hội nghị, Đại hội gia đình binh sĩ đã giúp họ hiểu rõ chính sách của Đảng, của Mặt trận, động viên được đông đảo các lực lượng tham gia phong trào đấu tranh ở địa phương, tích cực gọi chồng, con, em trở về với cách mạng, với nhân dân, như ở huyện Đức Phổ (Quảng

Ngãi) trong năm 1962 gia đình binh sĩ đã gọi 150 con, em bỏ ngũ về nhà làm ăn. Có 3 gia đình ở Quảng Nam đã vận động hơn 100 dân vệ, nghĩa quân bỏ ngũ trở về với gia đình, mang theo cả súng.

Năm 1962, Khu 5 có 171.200 lượt quần chúng được học tập chính sách tù, hàng binh và công tác binh vận; 18.500 gia đình binh lính Việt Nam Cộng hòa được học tập chính sách và cách vận động chồng con và vận động binh lính khác; tổ chức cho 730 cán bộ các ngành ở tỉnh huyện được nghe phổ biến nhiệm vụ và các chính sách về binh tề vận. Hầu hết cán bộ của các công trường, tỉnh đội đều được học tập và liên hệ kiểm điểm công tác binh tề vận trong tác chiến và chấp hành chính sách trong đợt chỉnh huấn. Về đào tạo cán bộ binh vận “có 104 cán bộ binh vận huyện được học tập nghiệp vụ từ 10 đến 15 ngày; có 1.125 cán bộ binh vận xã, thôn và đội công tác được đào tạo nghiệp vụ từ 3 đến 5 ngày; 504 cơ sở mật giáo được đào tạo nghiệp vụ” [2, tr.2]. Ở những vùng do ta làm chủ, các địa phương đã kịp thời giáo dục rộng rãi các chính sách đã ban hành và thực tế đã chấp hành tốt một số chính sách đã tạo sự tin tưởng trong quần chúng và ảnh hưởng tốt trong binh lính và gia đình họ. Kết quả địch gặp ta binh sĩ địch ít chống cự, nhiều tù binh ta bắt được họ nói: “chúng tôi biết đầu hàng cách mạng không chết, được khoan hồng, có nhiều trường hợp chạy ra hàng ngay phút đầu trong trận đánh và đề nghị ta kiểm tra súng đạn không bắn phát nào (lính đồn 30 Quảng Nam, Ba Tư Quảng Ngãi), 19 Dân vệ ở Phước Sơn, Phước Cam chạy vào núi khi được ta giải thích về chính sách, họ đã mang 19 súng về với cách mạng” [2, tr.11].

Để thực hiện tốt chính sách tù, hàng binh, Nghị quyết Hội nghị Khu ủy 5 mở rộng lần thứ III (từ ngày 15 đến 31/7/1963) tiếp tục chỉ đạo: “công tác quản lý và giáo dục tù hàng binh, kể cả tù hàng binh ngoại quốc, phải được tổ chức và chấp hành chu đáo để phát huy tác dụng của chính sách, làm cho chính sách thực sự là một vũ khí sắc bén làm tan rã quân đội Việt Nam Cộng hòa” [116, tr.38]. Nhận thức được đúng chính sách tù, hàng binh, trong các

vùng giải phóng, vùng do ta làm chủ, chính quyền cách mạng, Ban tự quản và nhân dân đã đối xử bình đẳng và đúng đắn với các đối tượng: Đối với gia đình binh sĩ không có sự phân biệt, gia đình binh sĩ được tham gia vào các hội, đoàn thể của địa phương như: Hội phụ lão, phụ nữ, thanh niên; các hội nông dân, hội tương thân, tương ái, hội ái hữu... gia đình binh sĩ được chia ruộng đất như những hộ nông dân khác, có nơi còn để giành phần đất cho con em họ đang trong hàng ngũ của địch. Các gia đình binh sĩ gặp khó khăn, chính quyền địa phương, các đoàn thể, các hội giúp đỡ nhiệt tình. Mặc dù có những trận chiến đấu diễn ra giằng co, quyết liệt nhưng đối với binh lính địch đã hạ vũ khí đầu hàng, không có hiện tượng trả thù, bắn giết, sỉ nhục, đối với binh lính địch bị thương đều được băng bó cứu chữa. Trận đánh ở Đèo Nhông 1965, ta còn cho phép địch đưa lực lượng đến chở lính bị thương, bị chết về cứu chữa và chôn cất.

Ở tỉnh Quảng Ngãi, từ năm 1960 đến năm 1965 tỉnh đã tổ chức 3 trại tù binh “tiến hành giáo dục, cải tạo 2.243 tù binh các loại. Trong điều kiện thiếu thốn, việc chăm sóc tù hàng binh khá tốt. Bên cạnh việc tổ chức cho học nghề, học văn hóa cho tù hàng binh, kết hợp học tập tình hình và chính sách khoan hồng, nhân đạo của Mặt trận, cho gia đình tù hàng binh đi thăm, đem quà cho họ và động viên tù binh học tập tiến bộ” [23, tr.62]. Nhân dịp Tết năm 1965, tỉnh đã phóng thích 49 tù hàng binh. Vào dịp ngày 20/12/1965, kỷ niệm 5 năm thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đã phóng thích 14 sĩ tù hàng binh, trong đó có đại úy Ngọc, sĩ quan bị bắt trong trận Ba Gia. Cảm kích trước chính sách khoan hồng, nhân đạo của ta, sĩ quan này đã mang băng, cờ Mặt trận đi vào thị xã Quảng Ngãi và nói với đồng bào rằng Mặt trận là đúng, là tốt. Việc này đã có ảnh hưởng nhiều đến hàng ngũ địch.

Ở tỉnh Quảng Nam, công tác tuyên truyền, giáo dục và chấp hành tốt chính sách tù, hàng binh có tác dụng làm cho binh lính đào bỏ ngũ ngày càng tăng, hiện tượng đào rã ngũ hàng loạt diễn ra phổ biến, có nơi như Bắc Tam Kỳ địch kéo ra một lúc 120 người, ở Quế Sơn trong 5 ngày địch kéo ra 480

người. Tính từ năm 1961 đến năm 1965, ở Quảng Nam có khoảng 2 vạn lính đào ngũ, riêng năm 1964 có hơn 6000 người, trong đó nhiều người được giáo dục, giác ngộ được chọn bổ sung cho các đơn vị vũ trang [168, tr.93].

Ở Khu 5 năm 1965 trong số 5.707 tù, hàng binh có 252 người được bổ sung vào du kích và Quân giải phóng [168, tr.94]. Tù hàng binh được đối xử tử tế, được học tập chính sách nhân đạo của Đảng, Mặt trận dân tộc giải phóng, công tác giáo dục tiến hành chu đáo, bố trí việc làm cho binh sĩ khi trở về vùng giải phóng, cũng như việc phóng thích tù hàng binh đã được cải tạo tốt. Từ thực hiện tốt chính sách hàng binh của Đảng, Mặt trận giải phóng mà hàng năm có nhiều đào binh theo cách mạng, về với nhân dân, hoặc được giác ngộ, lựa chọn xây dựng cơ sở nội tuyến, giao cho một số nhiệm vụ thích hợp.

Giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965, Khu 5 thực hiện tốt chính sách tù, hàng binh các gia đình binh sĩ, được đối xử bình đẳng, không có sự cách biệt. Các gia đình binh sĩ sống trong vùng giải phóng gặp khó khăn được nhân dân và cán bộ địa phương cứu trợ, giúp đỡ tận tình. Tạo điều kiện cho gia đình binh sĩ tham gia các Hội ở địa phương như: Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội tương thân, tương ái, Hội ái hữu... đã tác động lớn đến tâm tư, tình cảm và trách nhiệm của họ đối với bà con chòm xóm với nhân dân địa phương. Đối với những binh sĩ, sĩ quan trong hàng ngũ địch đã lập công (nội ứng diệt ác ôn, phá đồn, khởi nghĩa, binh biến) được khen thưởng đúng mức, động viên kịp thời tạo điều kiện cho họ cống hiến nhiều cho cách mạng. Qua đó, góp phần củng cố niềm tin của binh sĩ và gia đình binh sĩ với cách mạng.

Tiểu kết Chương 2

Trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965, trước các âm mưu và hành động của địch, Đảng bộ Khu 5 đã quán triệt quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam, kịp thời đưa ra chủ trương về đấu tranh binh vận sát với tình hình thực tiễn và từng đối tượng góp phần đưa công tác binh vận ngang tầm với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự. Quán triệt chủ trương của Khu ủy Khu 5, Ban Binh vận Khu 5 và các cấp ủy địa phương đã hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng được lực lượng binh vận từ Khu đến các xã và thôn xóm, bộ máy binh vận bảo đảm cả về số lượng và chất lượng, từng bước đẩy mạnh phong trào binh vận. Hoạt động nội tuyến trong lòng địch được xây dựng rộng, mạnh ở khắp các đơn vị, kể cả trong các đơn vị quân đội Việt Nam Cộng hòa, chất lượng hoạt động của cơ sở bảo đảm tốt, đồng thời cũng thực hiện tốt chính sách tù hàng binh, huy động được toàn dân làm công tác binh vận. Đồng thời phối hợp và góp phần cùng với các mũi tấn công chính trị, quân sự trong phá thế kìm kẹp, phá “áp chiến lược” làm thất bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác binh vận còn những hạn chế: Cấp ủy các cấp thiếu nhanh nhạy để chỉ đạo kịp thời cho cán bộ, nhân dân, bộ đội nắm vững nội dung, phương thức hoạt động, nhất là vấn đề “Công-Nông-Binh liên hiệp”. Chỉ đạo công tác binh vận còn nặng về kêu gọi, ít có biện pháp cụ thể; chưa chú trọng đúng mức đối với quân chủ lực, quân binh chủng, sĩ quan và ở đô thị. Trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ binh vận cơ sở ít được bồi dưỡng học tập, hoạt động công tác nhiệt tình, kinh nghiệm, nhưng thiếu kiến thức cơ bản. Phương tiện bảo đảm cho hoạt động quá nghèo nàn, chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Từ thực tiễn trên, yêu cầu giai đoạn 1965-1975, Đảng bộ Khu 5 phải khắc phục những tồn tại, hạn chế, lãnh đạo đẩy mạnh công tác binh vận góp phần vào giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương 3

ĐẢNG BỘ KHU 5 LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BINH VẬN (1965-1975)

3.1. TÌNH HÌNH MỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BINH VẬN

3.1.1. Tình hình thế giới, trong nước và yêu cầu đặt ra cho cách mạng miền Nam

Từ năm 1965 đến năm 1975, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào cách mạng trên thế giới tiếp tục phát triển mạnh, ba dòng thác cách mạng với mục tiêu hòa bình độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội đã tác động lớn đến chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đứng đầu là đế quốc Mỹ. Các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển giành được những thành tựu to lớn trên lĩnh vực kinh tế, quân sự, văn hóa xã hội và đuổi kịp Mỹ trên một số lĩnh vực, về quân sự trở thành đối trọng chiến lược với Mỹ. Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhiều nước thuộc địa đã đạt được thắng lợi to lớn. Tuy nhiên “trong phong trào cộng sản quốc tế không có sự nhất trí về đường lối cách mạng trên thế giới. Những ý kiến bất đồng và sự tranh cãi công khai về đường lối có lúc đã dịu đi, nhưng từ năm 1965 trở về sau tình hình lại phát triển đến một giai đoạn gay go hơn” [68, tr.607].

Mặc dù cùng giúp đỡ, ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ, nhưng hai nước Liên Xô và Trung Quốc vẫn không thể thống nhất hành động chống Mỹ xâm lược Việt Nam. Mâu thuẫn Xô – Trung về nhiều vấn đề cơ bản của cách mạng thế giới đã làm rạn nứt khối đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế [68 tr.608]. Đứng trước tình hình khó khăn ấy, Đảng Lao động Việt Nam, trước sau như một, vẫn chủ trương đoàn kết phong trào cộng sản quốc tế, đoàn kết khối xã

hội chủ nghĩa, đoàn kết với Liên Xô và Trung Quốc, trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Trước sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đầu năm 1965, Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Ở miền Nam Việt Nam, Mỹ tiếp tục thực hiện chiến lược chiến tranh xâm lược mới “Chiến tranh cục bộ”, đưa quân Mỹ và quân đồng minh vào miền Nam Việt Nam, thực hiện âm mưu “tìm và diệt”. Tính đến tháng 12/1965 “Mỹ đưa tổng số quân chiến đấu Mỹ có mặt ở Nam Việt Nam lên đến 184.314 người gồm ba sư đoàn, sáu lữ đoàn và trung đoàn cùng hai phi đoàn máy bay chiến đấu chiến thuật số 3 và số 12, lực lượng hải quân đặc nhiệm 115, 116 tuần tra kiểm soát vùng duyên hải và trên sông” [31, tr.29].

Sau khi đưa quân Mỹ và quân của các nước đồng minh Mỹ vào miền Nam, cùng với nửa triệu quân đội Việt Nam Cộng hòa, đế quốc Mỹ tiến hành hai cuộc phản công chiến lược 1965-1966 và 1966-1967, lấy quân Mỹ làm lực lượng xung kích chủ yếu, mở các cuộc tiến công, càn quét ác liệt nhằm tiêu diệt chủ lực của ta, “bình định” nông thôn [70, tr.141], địch có gây cho ta những khó khăn, tổn thất nhưng vẫn không thực hiện được các âm mưu cơ bản của chúng: không tiêu diệt được một bộ phận lực lượng nào của ta, căn bản không thực hiện được âm mưu “bình định” lấn chiếm; chiến tranh phá hoại bằng không quân ở miền Bắc đã bị thất bại nặng, quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiếp tục mất tinh thần và tan rã.

Sau thất bại trong Tết Mậu thân năm 1968, Mỹ tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, biện pháp chủ yếu là tập trung nỗ lực xây dựng chính quyền Việt Nam Cộng hòa thành một đội quân tay sai hiện đại làm lực lượng chiến lược chủ yếu ở miền Nam, là đội quân xung kích ở Đông Dương, có thể thay thế được quân Mỹ trong chiến đấu trên bộ. Các loại quân địa phương (bảo an, dân vệ, cảnh sát, phòng vệ dân sự) được phát triển mạnh để

đủ sức làm nhiệm vụ bình định, kìm kẹp dân và phòng thủ vòng trong thay cho quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa rút ra làm nhiệm vụ cơ động tác chiến.

Trước những thất bại liên tiếp trên mặt trận quân sự ở miền Nam trong Xuân-Hè 1972, trong chiến tranh phá hoại miền Bắc, đặc biệt là thất bại trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm vào Hà Nội, Hải Phòng, Mỹ buộc phải ký Hiệp định Paris năm 1973, chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. Song đồng thời Mỹ mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Hành động này khiến phong trào phản chiến trong lòng nước Mỹ bùng phát mạnh mẽ; nhân dân và binh sĩ Mỹ yêu cầu Chính phủ chấm dứt chiến tranh để đoàn tụ cùng gia đình. Trước tình hình đó, Đảng ta đã kịp thời phân tích tâm lý đối phương để đẩy mạnh công tác binh vận, làm tan rã hàng ngũ địch, phối hợp cùng các thắng lợi chính trị, quân sự tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Đối với chiến trường Khu 5, hệ thống chính trị và địa giới hành chính trong giai đoạn này có sự thay đổi. Từ năm 1965 trở đi, Trung ương Cục miền Nam trực tiếp chỉ đạo các Đảng bộ Nam Bộ (Sài Gòn - Gia Định, đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ) và Khu 6 (Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận), Khu 5 (phiên hiệu B1) do Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo [15, tr.30-31]. Tháng 4/1966, Trung ương Đảng tách tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên ra khỏi Khu 5 và thành lập Khu ủy Trị - Thiên - Huế (B4). Lúc này Khu 5 gồm các tỉnh: Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai, Khánh Hòa, Đắk Lắk [47, tr.18].

Để thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở chiến trường Khu 5, đầu năm 1965, Bộ Chỉ huy Mỹ ở miền Nam Việt Nam gấp rút triển khai lực lượng chiếm đóng các vị trí then chốt có ý nghĩa chiến lược ở Khu 5, sẵn sàng mở cuộc phản công giành lại thế chủ động chiến trường: Sư đoàn 1 và Sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ mở rộng khu vực tác chiến ở ven biển, cùng với Lữ đoàn 1 dù được bố trí ở Chu Lai, Đà Nẵng, Phú Bài, Phan Rang, có nhiệm vụ

bảo đảm an ninh Vùng chiến thuật I. Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 được trang bị 434 máy bay lên thẳng và 1.600 xe các loại chiếm đóng An Khê (Gia Lai); Lữ đoàn dù 173 đóng tại Bồng Sơn (Bình Định); Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn bộ binh 25 (Tia chớp nhiệt đới) đóng ở Kon Tum. Các đơn vị Australia, Nam Triều Tiên và một số đơn vị binh chủng kỹ thuật Mỹ được bố trí ở Khánh Hòa, Bình Định, Quảng Ngãi và Chu Lai (Quảng Nam) [31, tr.30-31].

Đến cuối năm 1965, lực lượng địch có 257.000 quân, gồm 6 sư đoàn, 3 trung đoàn chủ lực. Đến cuối năm 1967, tổng số quân Mỹ, quân Nam Triều Tiên và quân ngụy trên chiến trường Khu 5 gần 376.000 quân, có 8 sư đoàn và 11 trung đoàn chủ lực (trong đó quân Mỹ và đồng minh của Mỹ là 222.000 quân) [168, tr.101-102]. Với lực lượng quân sự lớn, phương tiện chiến tranh hiện đại, đế quốc Mỹ liên tiếp mở 2 cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966) và lần thứ hai (1966 - 1967) tiến hành các cuộc hành quân càn quét quy mô lớn thực hiện cái gọi là “tìm diệt” chủ lực ta, triệt phá các khu căn cứ cách mạng, đồng thời đẩy mạnh càn quét “bình định” nông thôn, vùng ven, thực hiện cái gọi là “tranh thủ nhân tâm”, ráo riết tìm kẹp, quản thúc nhân dân vùng tranh chấp, lừa ép nhân dân vùng giải phóng vào vùng chúng kiểm soát. Sự đánh phá ác liệt của địch đã hủy hoại nhiều làng xóm, nhiều vùng dân cư trù phú trước đây trở thành vùng trắng đất, trắng dân, phong trào đấu tranh cách mạng ở một số nơi gặp nhiều khó khăn.

Thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mỹ ráo riết củng cố và tăng cường quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Để thực hiện chủ trương “xây dựng quân đội Việt Nam Cộng hòa đủ sức thay thế quân Mỹ”, chúng thực hiện các biện pháp: tăng cường bắt lính, ra sức củng cố tổ chức, đơn quân, đơn nhiệm vụ, hiện đại hóa quân đội. Năm 1968 “ở Khu 5 có 13,7 vạn sinh sĩ Việt Nam Cộng hòa. Đến năm 1972, tăng lên 20 vạn trong đó chủ lực 10 vạn, bảo an 4,3 vạn, dân vệ 5,7 vạn” [168, tr.161]. Chúng tiếp tục thực hiện chương trình “bình định nông thôn”, ra sức giữ các vùng chúng còn tìm

kẹp được, gài mìn phục kích để ngăn chặn hoạt động của ta; ra sức cày ủi thanh lọc ở một số nơi (Quảng Đà); tích cực phản kích giành lại những vùng đã bị mất ở Bắc Bình Định, Bắc Kon Tum, Tây Bắc Quảng Nam, gây cho phong trào cách mạng Khu 5 gặp nhiều khó khăn và tổn thất.

Bước sang năm 1973, mặc dù Hiệp định Paris được ký kết, nhưng nhân dân Khu 5 chưa có được một ngày hòa bình. Trước khi ký Hiệp định và ngay khi Hiệp định được ký kết, Mỹ - Việt Nam Cộng hòa đã tập trung lực lượng càn quét đánh phá quyết liệt, thực hiện “kế hoạch tràn ngập lãnh thổ” đánh chiếm từng khu vực và những địa bàn quan trọng, giải tỏa từng đoạn đường chiến lược. Đồng thời với việc càn quét đánh phá lấn chiếm “bình định”, địch ráo riết bắt lính đôn quân, ra sức phát triển và tăng quân nguy nhất là lực lượng địa phương quân. Từ sau khi có Hiệp định Paris “ở Khu 5 địch còn hơn 21 vạn quân, gần 50% quân chủ lực và hơn 50% quân địa phương, biên chế (3 sư đoàn, 1 trung đoàn, 8 liên đoàn, 55 tiểu đoàn)” [168, tr. 206]. Hệ thống tổ chức chỉ huy từ trên xuống dưới căn bản thông suốt, bộ máy kìm kẹp trong các binh chủng còn chặt, chiến tranh chính trị còn đầu độc nặng tinh thần binh lính và sĩ quan, trang bị còn mạnh, “lấn chiếm bình định” một thủ đoạn rất tàn bạo và thâm độc gây cho ta không ít khó khăn

Tuy nhiên, sau Hiệp định Paris, địch có điểm yếu là tư tưởng hòa bình, cầu an, chống chiến tranh phát triển mạnh, nhất là bộ binh. Phong trào binh biến chống đôn quân bắt lính, hành quân, tiếp viện, đào rã ngũ có chiều hướng phát triển trên diện rộng. Mâu thuẫn phân hóa trong sĩ quan, giữa sĩ quan với chính quyền Việt Nam Cộng hòa càng gay gắt hơn, tổ chức bộ máy chỉ huy từ trên xuống dưới ở nhiều nơi không ổn định, hiệu lực, chỉ huy giảm sút, chính quyền Việt Nam Cộng hòa rệu rã, mâu thuẫn, phân hóa gay gắt trong nội bộ quân đội và chính quyền. Tình hình trên đã tạo ra thuận lợi mới cho công tác binh vận của ta.

Trước âm mưu và hành động của địch, yêu cầu đặt ra đối với công tác binh vận giai đoạn 1965-1975 là: đẩy mạnh đấu tranh binh vận, đặc biệt là quân Mỹ và đồng minh, làm cho chúng hiểu tính chính nghĩa của nhân dân Việt Nam trong đấu tranh giải phóng dân tộc. Khắc phục những hạn chế của công tác binh vận trước năm 1965, đẩy mạnh xây dựng cơ sở nội tuyến trong các đơn vị chủ lực của địch; đẩy mạnh đấu tranh binh vận ở thành thị; đẩy mạnh “ba mũi giáp công” đồng thời kết hợp với đấu tranh ngoại giao làm suy yếu tinh thần địch, đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3.1.2. Chủ trương của Đảng về công tác binh vận

Đầu năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam và chuyển từ chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” sang tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 27/12/1965 ra Nghị quyết *Về tình hình nhiệm vụ mới*, xác định: “phương châm đấu tranh, tiếp tục kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, triệt để vận dụng ba mũi giáp công (đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và binh vận)” [68, tr.622].

Ngày 27/1/1967, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 154-NQ/TW *Về đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam*. Về công tác binh vận yêu cầu: “đẩy mạnh công tác binh vận, phối hợp với đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, nhằm làm tan rã quân đội Việt Nam Cộng hòa và gây phong trào phản chiến trong binh lính Mỹ và đồng minh của Mỹ” [70, tr.166 - 167]. Để thực hiện yêu trên, Nghị quyết chỉ rõ: *Đối với binh lính Mỹ và đồng minh* “cần nghiên cứu tư tưởng, nguyện vọng của chúng để tuyên truyền vận động cho thích hợp, gây phong trào phản chiến, đòi về nước. Đặc biệt chú ý vận động lính da đen, khơi sâu mâu thuẫn về vấn đề phân biệt chủng tộc, kêu gọi họ phản chiến, chống lệnh trên, đòi về nước”. *Về xây dựng cơ sở binh vận* chú trọng xây dựng cơ sở vững chắc trong quân đội Việt Nam

Cộng hòa, nắm chắc một số sĩ quan địch để khi ta đánh mạnh thì họ đem cả đơn vị theo ta, đồng thời cũng chuẩn bị cơ sở lâu dài để sau này tiếp tục làm tan rã binh sĩ địch. *Đối với chính sách binh vận*, Mặt trận Dân tộc Giải phóng cần nghiên cứu và ban hành chính sách đối với binh sĩ và nhân viên chính quyền Việt Nam Cộng hòa trở về với nhân dân.

Để tiếp tục phục vụ cuộc tổng tiến công và nổi dậy, tháng 8/1968, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết “*Về tổng khởi nghĩa, tổng công kích ở miền Nam*”. Đối với nhiệm vụ công tác binh vận Nghị quyết chỉ rõ:

Công tác binh vận, địch vận là một mũi tiến công chiến lược quan trọng của ta. Nhiệm vụ chủ yếu là góp phần làm cho quân đội Việt Nam Cộng hòa suy sụp về tinh thần, tan rã về tổ chức, gây phong trào binh biến khởi nghĩa trong quân đội Việt Nam Cộng hòa, thực hiện khẩu hiệu “công nông binh” liên hiệp và gây phong trào phản chiến trong quân Mỹ và quân đồng minh, làm cho tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi một cách thuận lợi [71, tr.423].

Để đẩy mạnh công tác binh vận, Nghị quyết yêu cầu cần nắm vững tình hình mọi mặt của quân đội Việt Nam Cộng hòa nói chung, của từng đơn vị quân đội Việt Nam Cộng hòa nói riêng, tăng cường công tác nghiên cứu có hệ thống tình hình quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng hòa về chính trị, tinh thần, tâm lý và tổ chức, phân biệt loại ngoan cố, phản động, loại vì sinh kế mà theo địch, loại bị địch ép buộc. Coi trọng nghiên cứu và phân loại sĩ quan, nhân viên địch các cấp để đề ra khẩu hiệu thích hợp nhằm phân hoá cao độ và làm tan rã địch. Kiên quyết khắc phục tình trạng chậm trễ trong công tác binh vận, địch vận “tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, củng cố bộ máy chuyên trách công tác binh vận, địch vận các cấp, phát triển lực lượng nòng cốt trong quần chúng, đưa phong trào quần chúng rộng rãi làm công tác binh vận, địch vận tiến lên một bước mạnh mẽ” [71, tr.425]. Để thực hiện chủ trương chiến lược và nhiệm vụ trước mắt, Nghị quyết yêu cầu phải làm tốt những nhiệm

vụ cụ thể: tiến công và nổi dậy ở thành thị, tiến lên giải phóng thành thị; tiến công và nổi dậy ở nông thôn, giải phóng từng vùng, tiến lên giải phóng toàn bộ nông thôn; tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch và phá hủy thật nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ - Việt Nam Cộng hòa; tiến công, bao vây căn cứ quân sự Mỹ, đánh phá các đường giao thông của địch; đẩy mạnh công tác binh vận, địch vận; đẩy mạnh tiến công địch trên mặt trận ngoại giao.

Ngày 9/11/1968, Bộ Chính trị ban hành *Chỉ thị nhận định tình hình về địch và về ta* và kết luận: “chúng ta đang đứng trước thời cơ lớn để đẩy mạnh tiến công quân sự, tiến công chính trị, tiến công ngoại giao, để kết hợp hết sức chặt chẽ công kích với khởi nghĩa, kết hợp quân sự, chính trị với binh vận, nhằm giành thắng lợi quyết định trong thời gian tới” [71, tr.512]. Chỉ thị yêu cầu đẩy mạnh công tác binh vận:

Các cấp uỷ Đảng cần nhận rõ tình hình mới và những khả năng mới và có kế hoạch thích hợp và cụ thể đẩy mạnh công tác binh vận đi đôi với công tác chống bắt lính. Đối tượng công tác phải nhằm vào binh sĩ Việt Nam Cộng hòa đồng thời nhằm vào sĩ quan các cấp. Cần phát động một phong trào quần chúng rộng khắp làm binh vận kết hợp với phong trào đòi hòa bình. Phải có kế hoạch gây binh biến, lôi kéo và trung lập hoá từng đơn vị, gây phong trào ly khai, tích cực thực hiện công nông binh liên hiệp [71, tr.520].

Để chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, ngày 10/5/1969, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 188-NQ/TW *Về tình hình và nhiệm vụ*. Nghị quyết xác định nhiệm vụ trước mắt: “tiến công quân sự là một mặt tiến công rất cơ bản và giữ vị trí ngày càng quan trọng, phải phối hợp với đấu tranh chính trị và binh vận; tiến công chính trị phải nắm vững thời cơ, kết hợp chặt chẽ với tiến công quân sự và binh vận, với tiến công về ngoại giao” [72, tr.133].

Ngày 10/3/1970, Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 196-NQ/TW xác định các phương châm chiến lược lớn

trong giai đoạn mới: “kết hợp ở trình độ cao với bước phát triển mới tiến công địch về quân sự, chính trị và binh vận trên cả ba vùng chiến lược” [73, tr.100].

Tiến công quân sự có nhiệm vụ “đánh mạnh vào quân Mỹ, đồng thời đánh mạnh vào quân đội Việt Nam Cộng hòa gây tổn thất nặng nề cho chúng về sinh lực và phương tiện chiến tranh, hỗ trợ đắc lực cho đấu tranh chính trị, nổi dậy của quần chúng và công tác binh vận” [73, tr.119]. Ở nông thôn “kết hợp với tiến công quân sự và công tác binh vận, tiến lên phát động một cao trào cách mạng ở thành thị và nông thôn...các thành thị miền Nam ngày càng phát triển, công tác binh vận địch vận càng có tầm quan trọng chiến lược và có những khả năng mới rất to lớn, cần được chú trọng đầy đủ” [73, tr.120].

Ngày 19/6/1970, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 107/QU về *tình hình mới ở bán đảo Đông Dương và nhiệm vụ mới của chúng ta*, chỉ rõ: “kiên quyết đẩy mạnh tấn công địch liên tục về quân sự, chính trị, binh vận và ngoại giao” [73, tr.247]. Nhiệm vụ cụ thể thực hiện ở miền Nam là “kết hợp chặt chẽ hơn nữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận” [73, tr.250]. Đẩy lên một bước mạnh mẽ công tác binh vận làm tan rã quân địch “cần đẩy mạnh hơn nữa công tác binh vận, địch vận, kết hợp với tấn công địch về quân sự và chính trị, ngoại giao. Cần tích cực tăng cường cán bộ, kiện toàn tổ chức binh vận” [73, tr.252 - 253].

Để chuẩn bị cho chiến dịch Xuân - Hè năm 1972, Hội nghị lần thứ 20 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 219-NQ/TW, ngày 4/4/1972. Nghị quyết xác định nhiệm vụ cần kíp: “phải đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và binh vận, phát triển thể tiến công chiến lược mới trên toàn chiến trường miền Nam là chiến trường chính; đồng thời đẩy mạnh tiến công ngoại giao” [75, tr.144]. Quán triệt các chủ trương “đẩy mạnh và kết hợp chặt chẽ chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích ở khắp các nơi, đồng thời ra sức đẩy mạnh mũi tiến công bằng binh vận” [75, tr.145].

Để tiếp tục lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh buộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa thi hành Hiệp định Paris, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 13/10/1973 ban hành Nghị quyết số 227-NQ/TW, xác định: “công tác binh vận là một mũi tiến công rất quan trọng buộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa từng bước đi vào hoà bình và hòa hợp dân tộc, làm tê liệt và tan rã hàng ngũ binh sĩ, làm cho chính quyền địch, nhất là ở cơ sở, ngày càng suy yếu, tiến tới thực hiện công nông binh liên hiệp và tạo điều kiện cho cao trào cách mạng của quần chúng” [76, tr.248]. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, Nghị quyết yêu cầu đi sâu nghiên cứu tình hình binh sĩ Việt Nam Cộng hòa, nắm yêu cầu, nguyện vọng của từng loại binh lính, từng hạng sĩ quan (thậm chí từng sĩ quan), thấy rõ và đánh giá đúng thực chất những chuyển biến về tư tưởng và thái độ chính trị của họ, tác động của sự kìm kẹp, khống chế của chính quyền Việt Nam Cộng hòa và mâu thuẫn trong nội bộ họ, v.v... để đề ra nội dung tuyên truyền và yêu cầu tiến công bằng binh vận từng nơi, từng lúc, đối với từng đơn vị cho sát.

Cuối năm 1974, đầu năm 1975, trước những thắng lợi của quân và dân miền Nam trên khắp các chiến trường, để chuẩn bị cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Hội nghị Bộ Chính trị, ngày 7/1/1975, xác định rõ nhiệm vụ, kế hoạch tác chiến: “đẩy mạnh công tác binh vận kịp với quy mô, cường độ tiến công nổi dậy, nhanh chóng làm tan rã chính quyền Việt Nam Cộng hòa khi ta đánh mạnh, thúc đẩy những cuộc binh biến, ly khai của một số đơn vị quân đội Việt Nam Cộng hòa ở những nơi có điều kiện” [78, tr.7].

Giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1975, chủ trương của Trung ương Đảng về công tác binh vận có những điểm mới nổi bật so với giai đoạn trước, đó là chú trọng đấu tranh ở thành thị; tăng cường đấu tranh ngoại giao kết hợp bốn mặt trận: Quân sự, chính trị, binh vận và ngoại giao và đưa ra các mục tiêu, nội dung, phương pháp đấu tranh binh vận cho từng giai đoạn, cụ thể:

Trong giai đoạn chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, các nghị quyết của Trung ương Đảng đều nhấn mạnh việc kết hợp chặt chẽ công tác binh vận với đấu tranh quân sự và chính trị để làm tan rã quân đội Việt Nam Cộng hòa và thúc đẩy phong trào phản chiến trong hàng ngũ quân Mỹ và đồng minh. *Về xây dựng cơ sở binh vận*: tập trung xây dựng cơ sở vững chắc, đặc biệt là tranh thủ đội ngũ sĩ quan. Đối với quân đội Mỹ và đồng minh: nghiên cứu tâm lý, nguyện vọng để tuyên truyền phù hợp, kích động phong trào phản chiến và đòi về nước. *Về xây dựng lực lượng binh vận*: thiết lập đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực và chuyên môn cao trong công tác binh vận.

Trong giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, chủ trương của Trung ương Đảng: kết hợp chặt chẽ với tiến công quân sự và binh vận, với tiến công về ngoại giao. Phương châm chiến lược: xác lập sự kết hợp trình độ cao giữa quân sự, chính trị và binh vận trên cả ba vùng chiến lược. Đặc biệt, khẳng định tầm quan trọng của công tác binh vận ở đô thị. Tích cực tăng cường cán bộ và củng cố tổ chức chuyên trách để nâng cao sức mạnh của mũi tiến công binh vận. Sau Hiệp định Paris đến năm 1975, mục tiêu tác chiến của công tác binh vận: làm suy yếu địch từ cơ sở, vô hiệu hóa đồn bốt, tan rã lực lượng phòng vệ dân sự. Phương thức thực hiện: biến binh vận thành phong trào quần chúng, tận dụng các mối quan hệ gia đình binh sĩ; nghiên cứu sâu sắc tâm tư, mâu thuẫn nội bộ của từng đối tượng sĩ quan, binh lính để có nội dung tuyên truyền sát thực tế.

Chủ trương của Đảng về công tác binh vận từ năm 1965 đến năm 1975 là định hướng quan trọng để Khu ủy 5 quán triệt kịp thời đề ra chủ trương binh vận phù hợp với tình hình của chiến trường Khu 5, kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận, ngoại giao, tiến lên Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường, góp phần làm cho binh sĩ Mỹ, quân đồng minh và binh sĩ Việt Nam Cộng hòa suy sụp và tan rã hoàn toàn.

3.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 VỀ CÔNG TÁC BÌNH VẬN

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, khắc phục những hạn chế và tăng cường đấu tranh ở thành thị, ngày 20/3/1966, Khu ủy 5 ban hành Nghị quyết *“Về công tác thành phố”*, nêu rõ nhiệm vụ cụ thể:

Đẩy mạnh công tác bình vận, địch vận ở thành thị. Phát động phong trào quần chúng rộng rãi làm công tác bình vận, vừa kiên quyết chống bắt lính, vừa ra sức vận động, tranh thủ phân hoá và kết hợp tác chiến của quân đội, làm tan rã binh sĩ ngụy. Khoét sâu mâu thuẫn, thức tỉnh và khơi gợi tinh thần dân tộc trong binh sĩ địch. Đồng thời đẩy mạnh địch vận đối với binh sĩ Mỹ và đồng minh trong quần chúng, tấn công vào chỗ yếu của quân đội viễn chinh Mỹ là xa gia đình, nhớ vợ, nhớ con...phát huy vai trò sinh viên, học sinh, trí thức tiến hành địch vận. Quan tâm giáo dục gia đình binh sĩ ở thành phố để họ vận động chồng, con, em của họ. Ra sức gây cơ sở trong hàng ngũ địch. Tích cực giải quyết phương tiện và cán bộ cho công tác bình vận [69, tr.456 - 457].

Nhằm đánh bại kế hoạch phản công mùa khô lần thứ hai và kế hoạch “bình định” lấn chiếm ở nông thôn của quân Mỹ và Việt Nam Cộng hòa, tháng 3/1967, Hội nghị lần thứ sáu Khu ủy 5 (mở rộng) ban hành Nghị quyết *Về tập trung toàn lực đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị quyết giành thắng lợi to lớn nhất trong thời gian tới*. Nghị quyết yêu cầu: “kích động phong trào đấu tranh và khởi nghĩa trong quân đội ngụy; tấn công làm suy nhược tinh thần tư tưởng quân viễn chinh Mỹ và đồng minh, hạn chế tác dụng của chúng trong việc thực hiện chính sách “tam quang”; trước mắt nhằm đánh bại kế hoạch phản công mùa khô lần thứ hai và kế hoạch “bình định” lấn chiếm, dồn dân ở nông thôn, phục vụ trực tiếp phá kìm kẹp, phá áp chiến lược” [117, tr.13].

Sau Tết Mậu Thân năm 1968, ngày 02/3/1968, Ban Binh vận Khu 5 ban hành *Nghị quyết binh địch vận*, yêu cầu chung: “thực hiện binh biến khởi nghĩa và phải đi đến binh biến khởi nghĩa lớn kết hợp với khởi nghĩa công nông, giành quân đội, phá tan chính sách thực dân mới của Mỹ, giành chính quyền về tay nhân dân; phải nắm chắc hai yêu cầu lớn là tổ chức nhiều vụ binh biến lớn và tiến công làm tan rã nhiều đơn vị lớn quân đội Việt Nam Cộng hòa” [4, tr.8].

Hội nghị Khu ủy lần thứ Tám (họp từ ngày 28/9 đến ngày 6/10/1968), về nhiệm vụ công tác binh vận, yêu cầu:

Đẩy mạnh công tác binh địch vận, đẩy mạnh phong trào rã ngũ, binh biến, khởi nghĩa trong quân đội Việt Nam Cộng hòa, phải tạo thế và điều kiện để phong trào đào rã ngũ, binh biến ngày càng lớn; đẩy mạnh tấn công tư tưởng hàng ngũ địch với nội dung thích hợp, vận động nhiều hình thức linh hoạt, sử dụng các lực lượng và quần chúng thực hiện nhằm làm cho binh sĩ và chính quyền địch tan rã, lôi kéo họ chạy về phía nhân dân, binh biến ly khai từ thấp đến cao, trung lập với nhiều mức độ, cô lập và diệt ác ôn đầu sỏ; kiên quyết chống âm mưu bình định của địch, phá rã các trại tân binh; đẩy mạnh xây dựng cơ sở trong binh lính, sĩ quan; phải có kế hoạch cụ thể cho hiện tại và chuẩn bị các kế hoạch và chính sách cho sau này; tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy các cấp đối với công tác binh địch vận, tăng cường cán bộ binh vận [120, tr.20].

Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (Mở rộng) ngày 13/10/1969, về binh địch vận, Thường vụ Khu ủy yêu cầu: “*Chỉ đạo tấn công binh vận phải tích cực, kiên trì và quyết liệt*. Đi đôi với tấn công chính trị thường xuyên phải có những đợt tấn công rầm rộ, kết hợp với tác chiến và đấu tranh chính trị, có trọng điểm tập trung vào từng đơn vị quân nguy, tạo điều kiện gây nên những đợt biến và tan rã lớn” [176, tr.18]. Để thực hiện tốt các yêu cầu trên,

Ku ủy chủ trương bố trí cán bộ, phương tiện và tài chính của hai mặt này phải tương xứng với yêu cầu và nội dung công tác. Phải có cấp ủy viên chuyên trách, trường hợp không chuyên trách được thì phải phân công phụ trách nhưng không kiêm nhiệm nhiều việc khác. Đưa cán bộ binh vận bên quân đội qua tăng cường cho ngành binh địch vận của cấp ủy. Duy trì một hệ tổ chức địch vận gọn nhẹ trong quân đội. Phối hợp thường xuyên giữa binh vận của cấp ủy, địch vận của quân đội và quân báo với nhau. Thường vụ các cấp ủy phải thường kỳ nghe báo cáo và có ý kiến chỉ đạo công tác binh địch vận.

Ngày 15/3/1970, Khu ủy 5 ban hành Nghị quyết *Về công tác tổ chức*, chỉ rõ: “đối với khu đồn, cơ sở binh vận, tích cực vận động phá rã phòng vệ dân sự, liên tục diệt kìm kẹp, nổi dậy phá khu đồn đưa dân về” [74, tr.495].

Tích cực phát triển cơ sở trong công nhân và quần chúng lao động làm công tác binh vận [74, tr.496]. Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ mười, tháng 3/1970 yêu cầu: “ra sức xây dựng cơ sở, chú ý nhiều loại, cả binh lính và sĩ quan, cơ sở phục vụ trước mắt và sau này, nhất là những đơn vị quan trọng, hướng quan trọng. Chú ý xây dựng cơ sở trong phòng vệ dân sự, cơ sở vận động trong lực lượng thứ ba” [123, tr.27]. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (mở rộng) từ ngày 5 đến ngày 7/10/1970, yêu cầu: “phải làm cho toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân quán triệt vai trò, vị trí của công tác binh vận. Trước mắt, cần nhận rõ chống bắt lính, vận động làn tan rã lớn quân địch là công tác lớn của Đảng, không chỉ có ngành binh vận làm, mà các cấp, cách ngành, nhất là các đoàn thể phải coi đây là nhiệm vụ lớn” [178, tr.25].

Để tăng cường kết hợp đấu tranh “ba mũi giáp công” trong chiến dịch Xuân-Hè năm 1972, Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (mở rộng) ngày 04/3/1972, yêu cầu:

Đẩy tốc độ tấn công binh vận lên thật nhanh, thật sôi nổi, phát huy được tác dụng làm tan rã lớn nhất quân nguy. Kết hợp cho được binh vận bên Dân, Đảng và địch vận trong quân đội. Phát triển các

hình thức binh biến, khởi nghĩa, ly khai sang hàng ngũ cách mạng. Chú ý giáo dục và thực hiện tốt chính sách tù hàng binh, phát động và cải tạo tư tưởng, giáo dục chính trị, phân loại, mạnh dạn sử dụng, chọn số tốt, số không phải ác ôn để bổ sung cho bộ đội ta, và tham gia các mặt công tác như làm đường, vận chuyển, sản xuất, tham gia binh vận [179, tr.15 - 16].

Hội nghị Đại biểu lần thứ III của Đảng bộ Khu 5, ngày 22/12/1973 ban hành Nghị quyết nêu rõ yêu cầu đối với công tác binh vận:

Công tác vận động binh lính phải nhằm trung lập đồn bốt, hạn chế càn quét, đánh phá, khủng bố làm thất bại “binh định”, “tổ cộng” lấn chiếm của địch. Tuyên truyền cho binh lính ngụy về hòa bình, dân tộc về chính sách hòa hợp dân tộc của ta, kêu gọi họ về nhà làm ăn, trốn tránh nhiệm vụ, chống đồn quân, bắt lính, quan hệ bình thường với nhân dân, không đàn áp, khủng bố quần chúng, đồng tình, ủng hộ quần chúng đấu tranh. Vận động gia đình binh sĩ và nhân viên làm trong chính quyền Việt Nam Cộng hòa nhằm tạo ra quan hệ bình thường giữa gia đình binh sĩ Việt Nam Cộng hòa với quần chúng khác, đoàn kết xóm làng. Sử dụng gia đình binh sĩ Việt Nam Cộng hòa thành một lực lượng làm binh vận [126, tr.37].

Để tăng cường chỉ đạo đấu tranh yêu cầu thi hành Hiệp định Paris, Hội nghị Thường vụ Khu ủy (mở rộng), từ ngày 13 đến ngày 14/5/1974, đối với binh vận yêu cầu:

Đẩy mạnh công tác binh vận, hình thành một phong trào chính trị trong binh sĩ Việt Nam Cộng hòa và gia đình họ chống Mỹ - Thiệu ngọan cố phá hoại Hiệp định. Vận động phong trào trong binh sĩ Việt Nam Cộng hòa không đồng tình, phản đối những hành động dã man của bọn ác ôn, đấu tranh chống đi càn quét, lấn chiếm. Đẩy mạnh đấu tranh của thanh niên và nhân dân vùng địch chống bắt

lính, đơn quân, kể cả hình thức bạo lực chống lại. Tăng cường cán bộ hợp pháp và cơ sở chuyên trách công tác vận động binh sĩ và người nhà gia đình binh sĩ [181, tr.7].

Hội nghị lần thứ hai của Khu ủy 5 tháng 7/1974, ban hành Nghị quyết về *công tác xây dựng Đảng*, yêu cầu: “cần hình thành phong trào chính trị của binh sĩ Sài Gòn và gia đình họ, chống Mỹ - Thiệu ngoan cố phá hoại hiệp định, tiếp tục chiến tranh gây đau thương tang tóc; phản đối hành động dã man của bọn ác ôn, chống lệnh đi càn quét lần chiếm” [77, tr.452].

Giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1975, chủ trương của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận tập trung vào những nội dung trọng tâm sau:

Trong đấu tranh chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Đảng bộ Khu 5 đẩy mạnh đấu tranh binh vận ở đô thị. Khôi phục và xây dựng cơ sở nội tuyến vững chắc phục vụ cả yêu cầu trước mắt và lâu dài. Biện pháp tiến công binh vận: khoét sâu vào mâu thuẫn trong nội bộ địch, đặc biệt là đánh vào tâm lý của quân Mỹ và đồng minh; phối hợp đấu tranh chính trị thường xuyên với các đợt tấn công binh vận có trọng điểm nhằm tạo đột biến, làm tan rã các đơn vị quân đội đối phương. Thực hiện tốt chính sách tù hàng binh, huy động quần chúng tham gia giáo dục, bảo vệ, giúp đỡ tù hàng binh tái hòa nhập hoặc phục vụ cách mạng. Nhiệm vụ và mục tiêu tác chiến trong binh vận: Phối hợp ba mũi giáp công, kết hợp chặt chẽ binh vận với đấu tranh quân sự và chính trị nhằm làm tan rã đại bộ phận quân đội Việt Nam Cộng hòa.

Giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Khu ủy 5 chủ trương đẩy mạnh kết hợp chặt chẽ quân sự, chính trị và binh vận ngay tại cơ sở để chống càn quét và bình định, mục tiêu làm tan rã tổ chức kìm kẹp của địch về cả tư tưởng lẫn tổ chức. *Địa bàn trọng điểm*, tập trung vào các khu đồn dân, vận động phá rã lực lượng “Phòng vệ dân sự” để đưa dân về làng cũ; xây dựng cơ sở trong cả binh lính và sĩ quan, chú trọng các đơn vị quan trọng và “lực lượng thứ ba”. *Mục tiêu*, tăng tốc độ tấn công binh vận để làm tan rã

lớn quân đội địch, hướng tới việc bức hàng từng đơn vị và thúc đẩy binh biến, khởi nghĩa; thực hiện tốt chính sách tù hàng binh, phân loại và giáo dục để bổ sung những người tiến bộ vào lực lượng cách mạng hoặc tham gia sản xuất, binh vận. Phát huy sức mạnh tổng hợp của ba mũi giáp công tại nông thôn để tiêu diệt lực lượng kìm kẹp, phá khu đồn dân và giành quyền làm chủ xã thôn.

Từ năm 1973 đến năm 1975, *mục tiêu*: tấn công tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã quân đội và chính quyền đối phương, đồng thời buộc địch phải thi hành Hiệp định Paris. *Về xây dựng lực lượng* tăng cường đội ngũ cán bộ hoạt động hợp pháp, phát triển các cơ sở chuyên trách tập trung vào việc vận động binh sĩ và gia đình binh sĩ. *Phương thức đấu tranh*: Kết hợp chặt chẽ giữa tác chiến quân sự, đấu tranh chính trị, binh vận kết hợp với đấu tranh ngoại giao. Tích cực xây dựng cơ sở ngầm trong các đơn vị quan trọng, dùng nội tuyến để diệt ác ôn, phá hủy kho tàng, hậu cứ địch. Chấp hành tốt chính sách binh tề vận để tác động vào tâm lý đối phương; chuẩn bị lực lượng nòng cốt bảo vệ vùng giải phóng. Biến binh vận thành phong trào của toàn dân và toàn quân.

Chủ trương của Đảng bộ Khu 5 là cơ sở để các cấp ủy đảng, các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác binh vận góp phần làm tan rã một bộ phận binh sĩ Việt Nam Cộng hòa, hạn chế sự tàn phá của lính Nam Triều Tiên, góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

3.3. ĐẢNG BỘ KHU 5 CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC BINH VẬN

3.3.1. Chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng tổ chức binh vận

Quán triệt các Nghị quyết Trung ương và chủ trương công tác binh vận của Khu ủy, nhất là từ sau Hội nghị binh vận toàn Miền (5/1965), Hội nghị binh vận của Khu 5 (1/1966) yêu cầu các cấp ủy tích cực kiện toàn hệ thống cơ quan binh vận các cấp từ khu đến xã, phường, tăng cường đội ngũ cán bộ trong khu vực đô thị, đồng bằng, tổ chức bộ máy binh vận theo hướng tăng cường cho xã, huyện,

tách binh dịch vận xã, phường ra khỏi ban đấu tranh chính trị, soát xét lại đội ngũ cơ sở nội tuyến, chỉ đạo, hướng dẫn hình thành các tổ nòng cốt binh vận.

Đến đầu năm 1966, Khu và các tỉnh đã chỉ đạo tổ chức được 31 đội công tác cấp huyện, 64 tổ bám điểm, đào tạo 205 cán bộ hợp pháp, 460 nòng cốt binh vận, 33 mật giao, bồi dưỡng 4.487 cán bộ thôn, xã về một số nhiệm vụ trước mắt của công tác binh dịch vận. Quảng Nam hình thành 372 tổ binh vận 1.304 người, 98 đội binh vận thường trực quanh các đồn bót. Quảng Đà lập 298 tổ binh vận hợp pháp, tổ chức 12 lớp học cho 500 người làm binh vận “vành đai diệt Mỹ”. Đà Nẵng (bao gồm Hòa Vang, Điện Bàn, Đại Lộc) thành lập 29 tổ gọi loa với 270 người. Quảng Ngãi thành lập 25 tổ binh vận hợp pháp 687 người bám “vành đai diệt Mỹ” Chu Lai, Bình Sơn...Các tỉnh Gia Lai, Bình Định hình thành các tổ binh vận quanh “vành đai diệt Mỹ” An Khê, đường 19, các căn cứ quân sự và các tổ binh vận cơ động bám theo bọn “binh định”, bảo an để vận động [168, tr.113].

Ở Đắk Lắk, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo hợp nhất B3 và B5 (cuối năm 1965), tổ chức lại binh vận và đấu tranh chính trị thành 1 Ban. Ở tỉnh (B3 và Quảng Đức) có: 1 trưởng ban, do đồng chí Tỉnh ủy viên chủ trì, 02 phó ban (01 thường trực và một chuyên trách đấu tranh chính trị), 03 ủy viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Có các bộ phận giúp việc như: Văn phòng Ban, tiểu ban tuyên truyền, phiên dịch, tiểu ban đấu tranh chính trị và lập thêm các đội chuyên trách bám điểm, các trại tù binh, đào binh (04 trại ở tỉnh và ở các huyện), cơ sở sản xuất tự túc. Ở các huyện, thị xã, Ban Binh vận và đấu tranh chính trị do một cấp ủy viên làm trưởng ban và 02 đến 03 cán bộ giúp việc. Riêng huyện căn cứ thì phân công một huyện ủy viên phụ trách “biên chế toàn ngành có khoảng 30 đồng chí. Đến năm 1967 và năm 1968, khoảng 80 đồng chí, đến năm 1970 khoảng 150 đồng chí. Tại cơ sở và đội ngũ công tác đều có phân công cán bộ làm công tác binh tề vận. Ở vùng giải phóng có Ban Binh vận và đấu tranh chính trị xã, thôn với 2-3 cán bộ” [186, tr.129 - 130].

Lực lượng vũ trang có hệ thống hoạt động binh dịch vận từ tỉnh (tiểu ban

địch vận thuộc tỉnh đội) đến lực lượng cán bộ hoặc cộng tác viên ở các đơn vị cơ sở trực thuộc và huyện, thị đội [186, tr.131].

Tỉnh Quảng Nam, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo củng cố Ban Đấu tranh chính trị tỉnh do đồng Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban kiêm Trưởng ban binh vận. Ban Binh vận có 40 cán bộ chuyên trách, 17 tổ, đội binh vận đứng ở các địa bàn trọng điểm, có 06 đội loa, 02 trại tù, hàng binh. Ban đấu tranh chính trị, binh địch vận tỉnh Quảng Nam phân công các đồng chí phó ban, ủy viên ban trực tiếp phụ trách ở các địa bàn trọng điểm, phối hợp cùng cấp ủy huyện, thị chỉ đạo các cuộc đấu tranh [25, tr.142].

Tỉnh ủy Quảng Đà chỉ đạo phân công đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ làm Trưởng Ban Binh vận tỉnh Quảng Đà. Chỉ đạo xây dựng Ban Binh vận tỉnh “có 10 cán bộ chuyên trách, có 10 tổ; 06 đội loa, 02 trại tù, hàng binh. Ban Binh vận cấp huyện, thị xã có 5-7 đồng chí, do ủy viên ban thường vụ hoặc cấp ủy viên làm trưởng ban, có 07-10 tổ binh vận nòng cốt, tổ bám điểm, tổ mật giao. Ban binh vận cấp xã, phường có 3-5 đồng chí, do đồng chí cấp ủy viên phụ trách, xây dựng 10-12 tổ binh vận nòng cốt; riêng ở Quảng Nam có 272 tổ, với 2.304 người tham gia, trong đó 98 tổ hoạt động hợp pháp bám các địa bàn trọng điểm [25, tr.142].

Để chuẩn bị Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Khu ủy 5 quyết định sáp nhập tỉnh Quảng Đà và thành phố Đà Nẵng thành Đặc khu Quảng Đà; thành lập Mặt trận 4 thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 5. Ban Binh vận Khu cử đồng chí Tô Diệu, Ủy viên Ban Binh vận Khu 5 về hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Bộ máy lãnh đạo công tác đấu tranh chính trị, binh địch vận các cấp ở Quảng Nam, Quảng Đà được kiện toàn. Ban Binh vận tỉnh Quảng Nam được bổ sung 04 cán bộ, nâng tổng số cán bộ lên 46 đồng chí và bổ sung 92 đảng viên, đoàn viên cho các đội công tác binh vận; thành lập Ban Binh vận thị xã Tam Kỳ do Ban Binh vận tỉnh trực tiếp phụ trách, phân công một số cán bộ phụ trách vận động sĩ quan, binh lính, tán phát truyền đơn và thư cho binh lính, sĩ quan [25, tr.160 - 161].

Để củng cố xây dựng lại tổ chức binh vận sau những tổn thất trong Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, giai đoạn đấu tranh chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” công tác binh vận tiếp tục được kiện toàn về tổ chức và lực lượng.

Tỉnh Bình Định, để đáp ứng yêu cầu công tác binh vận trong tình hình mới, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo kiện toàn bộ máy binh vận từ tỉnh đến cơ sở. Đặc biệt, đầu năm 1969, Đảng bộ chỉ đạo xây dựng bộ máy binh vận thành hệ thống tương đối hoàn chỉnh từ tỉnh đến huyện, thị xã, phường, xã và cơ sở. Ban Binh vận tỉnh đều do đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, hoặc Tỉnh ủy viên phụ trách [24, tr.105]. Ban Binh vận tỉnh Bình Định có 6 bộ phận: 1. Tuyên truyền - huấn học - đào tạo gồm các tổ chuyên môn: in ấn tài liệu; huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng cán bộ và cơ sở; binh vận nhân dân gắn với đấu tranh chính trị; vũ trang tuyên truyền; 2. Các đội binh vận bám điểm có nhiệm vụ: Xây dựng cán bộ hợp pháp, cơ sở bảo vệ, cơ sở liên lạc, cơ sở nội tuyến, lực lượng nòng cốt binh vận trong quần chúng; 3. Bộ phận cán bộ phái viên hợp pháp có nhiệm vụ liên lạc với cơ sở bảo vệ, cơ sở liên lạc, cơ sở trung gian, lập các hộp thư binh vận giữa tỉnh và huyện, thị xã; 4. Bộ phận văn phòng gồm: các bộ phận công tác tổ chức cán bộ; cán bộ độc chiến, văn phòng, văn thư, hành chính quản trị, tài vụ, thủ quỹ; hậu cần tiếp phẩm; 5. Cơ sở sản xuất tự túc có các đội sản xuất và chăn nuôi, trạm đón tiếp cán bộ và cơ sở, cơ sở sản xuất của trại tù hàng binh; 6. Trại tù hàng binh: có 2 trại ở căn cứ, 4 trại trung chuyển ở vùng giáp ranh các huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Cát, Bình Khê; đội sản xuất [24, tr.91 - 92]. Ban binh vận các huyện và thị xã có các tổ vũ trang tuyên truyền, cán bộ bất hợp pháp và hợp pháp chuyên trách công tác xây dựng cơ sở nội tuyến, cơ sở bảo vệ, cơ sở liên lạc theo hệ thống trực thuộc Ban binh vận của cấp ủy. Ở xã, thị trấn, các phường trong thị xã, cán bộ binh vận bán hợp pháp và hợp pháp chuyên lo xây dựng cơ sở liên lạc, cơ sở bảo vệ, cơ sở nội tuyến trong thanh niên chiến đấu, phòng vệ dân

sự, nhân dân tự vệ, trực tiếp chỉ đạo các tổ binh vận thôn, khóm, khối, các tổ binh vận nòng cốt, các tổ tuyên truyền, nắm gia đình binh sĩ và nhân viên chính quyền thôn, xã [24, tr.92 - 93]. Trong vùng giải phóng, hầu hết các xã, thôn đều thành lập Ban và Tổ Binh vận. Tất cả các quận lỵ, thị trấn và 2/3 số xã, phường trong vùng địch kiểm soát đã thành lập được Ban Binh vận.

Tỉnh Gia Lai năm 1969, để hoàn thành nhiệm vụ tấn công binh vận trong giai đoạn mới, Tỉnh ủy tiếp tục khẩn trương kiện toàn bộ máy binh vận từ tỉnh xuống cơ sở. Tỉnh tổ chức 2 đội công tác nội tuyến (1 đội chuyên trách thị xã, 1 đội hoạt động vùng ven thị). Tổ chức lớp học tập bồi dưỡng cho 50 cán bộ cơ quan binh vận tỉnh thời gian 10 ngày. Tổ chức một lớp cho 5 huyện phía tây, vùng đấu tranh hai chân hợp pháp cho các huyện uỷ viên, cán bộ các ban ngành huyện đến bí thư chi bộ xã, các đội trưởng, đội phó đội công tác [184, tr.104]. Các huyện tự tổ chức cho các cán bộ binh vận của từng địa phương, tính chung toàn tỉnh có 4.070 cán bộ cấp uỷ đảng các cấp, đảng viên, đoàn viên tham gia học tập. Công tác binh vận trong các đơn vị vũ trang tỉnh, huyện cũng có nhiều chuyển biến. Các Tiểu đoàn tỉnh có cán bộ trợ lý chính trị hướng dẫn công tác binh vận, thành lập tổ binh vận Tiểu đoàn, thực hiện tay súng, tay loa, vừa chiến đấu, vừa tấn công địch vận.

Đến năm 1972, Ban Binh vận tỉnh Quảng Nam có 74 cán bộ bí mật và hàng trăm cán bộ hợp pháp, bán hợp pháp. Ban Binh vận cấp huyện, thị được củng cố thường xuyên, mỗi huyện có từ 05-07 cán bộ binh vận. Hầu hết các xã trên địa bàn tỉnh đều có cán bộ phụ trách binh vận như huyện Quế Tiên có 10 xã có cán bộ phụ trách binh vận; ở Tiên Phước có 07/10 xã có cán bộ binh vận; ở Thăng Bình có 20 xã có Ban Binh vận xã; ở Bắc Tam Kỳ có 6/20 xã có phân công cán bộ phụ trách công tác binh vận.

Đầu năm 1972, Ban Binh vận Đặc khu Quảng Đà có 43 đồng chí, có 6 đội công tác nội tuyến và một đội loa máy, cơ quan Ban Binh vận Đặc khu có các bộ phận: văn phòng, tuyên truyền, huấn luyện và ấn loát. Ở cấp huyện,

Ban Binh vận có từ 05-15 cán bộ, trong đó Ban Binh vận Điện Bàn có số lượng nhiều nhất với 19 cán bộ. Mạng lưới binh vận nhân dân cũng được xây dựng đều khắp [25, tr.216]. Các tổ binh vận nòng cốt, các tổ binh vận bám điểm, đặc biệt là các đội loa binh vận được củng cố, xây dựng, đảm bảo làm tốt công tác tấn công binh vận, bám điểm và loa tuyên truyền tấn công địch, mạnh nhất là các huyện Điện Bàn, Thăng Bình, Bắc Tam Kỳ, Nam Tam Kỳ.

Ở Quảng Ngãi, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo kiện toàn và xây dựng được 165 tổ công tác binh vận hợp pháp gồm 427 người, trong đó có một số là người nhà gia đình binh sĩ. Qua các gia đình binh sĩ, tỉnh đã tổ chức được 47 tổ bám các điểm chốt và bao vây đồn bót với số lượng 174 người. Các xã dứt điểm về binh vận có trên 50 xã [23, tr.119]. Để đẩy mạnh đấu tranh binh vận, ngày 15/2/1972 Tỉnh ủy ban hành *Chỉ thị số 100-VP, về công tác binh vận 6 tháng đầu năm 1972*, yêu cầu: “Kiện toàn và tăng cường bộ máy binh vận các cấp, củng cố và phát triển nhanh đội ngũ hợp pháp cơ động chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp. Tổ chức đội ngũ binh vận nhân dân (xung kích, cơ động, nòng cốt, rộng rãi). Ra sức chuẩn bị đội ngũ binh vận các cấp đủ mạnh, nhanh chóng phát triển cơ sở cách mạng trong quân đội địch để đủ sức phục vụ nhiệm vụ chính trị trước mắt và tiếp theo” [197, tr.3]. Chỉ thị yêu cầu Ban Binh vận huyện có từ 5 đến 7 ủy viên, có từ 30 đến 50 hợp pháp chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp. Phân công 2 ủy viên chuyên trách (1 ủy viên phụ trách công tác nội tuyến, 1 ủy viên phụ trách công tác tuyên truyền và vận động gia đình có người thân đi lính ngụy). Ngoài số cán bộ thuộc biên chế của binh vận, ở tỉnh huy động 150 đến 200 cán bộ có trình độ từ cơ sở 2 đến sơ cấp, mỗi huyện huy động từ 20 đến 30 cán bộ có trình độ cơ sở 1 đến sơ cấp, tổ chức huấn luyện nghiệp vụ để sử dụng vào công tác sắp đến (các đoàn thể tỉnh, huyện, xã phân công 1/3 cán bộ trong ban chấp hành và 1/3 hội viên làm công tác binh vận). Ban Binh vận xã có từ 7 đến 12 người, xã có nhiều gia đình có người thân bị bắt lính và nhiều đồn bót, đơn vị nguy thì

phân công 2 xã ủy viên chuyên trách (phân công như cấp huyện), Ban binh vận thôn có từ 3 đến 5 cán bộ chuyên trách. Trưởng Ban binh vận thôn là ủy viên ban binh vận xã. Binh vận xã, thôn có từ 30 đến 50 nòng cốt binh vận.

Sau Hiệp định Paris, để tăng cường đấu tranh binh vận đòi địch thi hành Hiệp định, Hội nghị binh vận Khu 5 lần thứ 8 chỉ rõ: “phải ra sức đào tạo đội ngũ cán bộ binh vận đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới nhất là cán bộ binh vận ở cơ sở [168, tr.211]. Thực hiện chỉ đạo của Ban Binh vận Khu ủy, công tác kiện toàn tổ chức bộ máy tiếp tục đẩy mạnh, tiêu biểu như:

Để triển khai thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đấu tranh chính trị, binh vận sau Hiệp định Paris, Tỉnh ủy Quảng Nam, Quảng Đà chỉ đạo tập trung củng cố tổ chức bộ máy, tăng cường đội ngũ lãnh đạo công tác đấu tranh chính trị, binh địch vận ở các cấp. Ở mỗi tỉnh có một trưởng ban do đồng chí Tỉnh ủy viên hoặc Ủy viên Ban Thường vụ đảm nhiệm. Trong Ban Binh vận của tỉnh có các bộ phận: nội tuyến, tuyên truyền, nuôi dưỡng - giáo dục tù binh và văn phòng [25, tr.236]. Quảng Đà, có 7/8 huyện, quận có Ban Binh vận, có 06 huyện ủy viên chuyên trách. Đại Lộc, Điện Bàn có 08 cán bộ, Hội An có 04 cán bộ. Ở cấp huyện, thị xã, thành phố, Ban Binh vận do 01 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách chung, 01 huyện ủy viên chuyên trách và có từ 05-07 cán bộ, trong đó có 02 cán bộ chuyên trách, các ủy viên là đại diện các giới phụ nữ, thanh niên, nông hội. Ở cấp xã, Ban Binh vận có 01 đồng chí chi ủy viên hoặc đảng ủy viên phụ trách [25, tr.237].

Năm 1973, Đảng bộ tỉnh Gia Lai tiếp tục chỉ đạo kiện toàn Ban Binh vận, Trưởng Ban Binh vận do đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách. Ban Binh vận tỉnh có 72 cán bộ, sau tăng lên 100 cán bộ chuyên môn, kỹ thuật, trong đó có 25 cán bộ trung và sơ cấp. Tổ chức củng cố 2 đội công tác bám điểm có 10 cán bộ. Kiện toàn 2 khung cán bộ trại tù binh của tỉnh đủ biên chế. Kiện toàn ban binh vận các huyện: 7 huyện có ban binh vận, mỗi ban có từ 6 đến 9 cán bộ chuyên trách, do một ủy viên thường vụ huyện phụ trách. Cán bộ chuyên

trách của 7 huyện có 47 cán bộ, trong đó có 22 cán bộ sơ cấp. Cấp xã có 37 xã có ban binh vận, về sau tăng lên 41 xã lập ban binh vận, có 205 cán bộ, trong đó 41 đồng chí phó bí thư đảng uỷ xã làm trưởng ban binh vận xã. Ngoài ra, xây dựng được 29 tổ binh vận nông cốt, có 100 cán bộ và 317 cơ sở binh vận trong hàng ngũ binh sĩ Việt Nam Cộng hòa và bộ máy chính quyền địch. Các làng trọng điểm, đã xây dựng được 411 cán bộ bám các mục tiêu phân công. Riêng Huyện 5 (được chọn là huyện mạnh về hoạt động binh vận), 15 xã trong huyện (100% số xã) đều lập ban binh vận, biên chế từ 6 đến 8 cán bộ; xã (E5) bố trí 2 cấp uỷ viên phụ trách chỉ đạo [184, tr.123]. Ngoài đội ngũ công tác binh vận, tỉnh đã tổ chức xây dựng 48 đội công tác ở huyện có 336 cán bộ và 27 đội công tác các xã trọng điểm có 187 cán bộ. Các đội công tác này có nhiệm vụ xây dựng cơ sở trong 68 khu đồn áp chiến lược [184, tr.124]. Ngoài ra, còn huy động hàng trăm cán bộ các cơ quan, ngành, đoàn thể xuống các địa bàn khó khăn để góp sức cùng địa phương đẩy mạnh các mặt công tác tấn công địch, giữ vững vùng ta. Trong thời gian ngắn, các đội công tác chính trị, đội ngũ cán bộ binh vận bám điểm đã nhanh chóng khôi phục lại một số cơ sở bí mật, phát huy ba mũi giáp công, trừng trị các toán địch lấn chiếm, dẹp bỏ các “nhà hoà hợp” xuất hiện sau Hiệp định Paris, tẩy chay các cuộc tiếp xúc giả tạo của địch.

Từ năm 1973 trở về sau, ở Khu 5 các Ban Binh vận không ngừng được kiện toàn, củng cố, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới. Một số tỉnh đã đề ra cán bộ binh vận hợp pháp phải chiếm 1/2 ở cấp huyện, 2/3 ở cấp xã. Về lề lối và tác phong công tác, Khu 5 đề ra cho cán bộ binh vận 4 yêu cầu: Xông (xông lên phía trước không co thủ); Xáp (xáp vào binh sĩ địch mà tuyên truyền vận động); Bám (bám đất, bám dân, bám binh sĩ địch); Trí (mưu trí, sáng tạo, biết tạo thời cơ nắm thời cơ). Hệ thống tổ chức binh vận từ khu đến tỉnh, huyện, xã, phường được kiện toàn. Ban Binh vận của Khu uỷ có trên 100 cán bộ nhân viên, Ban được phân chia thành các bộ phận: ban chỉ đạo, tuyên truyền nguy vận; tuyên truyền địch vận, chỉ đạo nội

tuyển; tổ chức thi đua, chính sách; hành chính quản trị; trại tù binh; trường nghiệp vụ; nhà in, sản xuất dự trữ và tự túc. Ban Binh vận của các tỉnh biên chế từ 40 đến 50 đồng chí bao gồm các bộ phận ban chỉ đạo tuyên truyền, nội tuyển, nuôi dưỡng giáo dục tù binh, văn phòng, giao liên hợp pháp và chỉ đạo hàng trăm cơ sở binh vận hợp pháp và bất hợp pháp. Ban Binh vận huyện, thị trên dưới 10 đồng chí cán bộ chuyên trách, trực tiếp chỉ đạo hàng chục cơ sở binh vận hợp pháp và bất hợp pháp. Ở xã, phường phổ biến đều có cán bộ binh vận chuyên trách từ 1 đến 2 đồng chí, có nơi như tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Ban Binh vận xã - phường có từ 2 đến 5 đồng chí [168, tr.198]. Có những xã, phường điển hình đã sáng tạo nhiều hình thức tổ chức binh vận như tổ binh vận hoạt động hợp pháp, tổ binh vận hoạt động bất hợp pháp, tổ binh vận nông cốt xung kích, tổ binh vận cơ động, tổ binh vận vũ trang tuyên truyền đột áp.

Từ năm 1961 đến năm 1975, công tác xây dựng tổ chức binh vận đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn chiến trường khu 5, công tác kiện toàn bộ máy làm công tác binh vận, xây dựng đội ngũ cán bộ binh vận được chỉ đạo chặt chẽ, đảm bảo thống nhất từ khu đến tỉnh và các xã thôn, đội ngũ cán bộ binh vận có bản lĩnh chính trị vững vàng, số lượng và chất lượng ngày càng tăng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

3.3.2. Chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng cơ sở nội tuyển

Nhằm đẩy mạnh công tác binh vận, ngày 29/4/1965, Thường vụ Khu ủy Khu 5 ban hành Chỉ thị gửi các liên lĩnh, thành, Đảng ủy P120, các ngành, yêu cầu: “ra sức xây dựng cơ sở nội tuyển phục vụ cho tác chiến, làm tan rã mạnh hơn nữa hàng ngũ nguy quân, đồng thời phục vụ phương hướng chiến lược” [173, tr.1]. Năm 1966, toàn Khu 5 chỉ đạo tổ chức được 170 cơ sở nội tuyển trong đó gồm 93 cơ sở trong dân vệ, bảo an, 46 cơ sở trong lính cộng hòa và một số trong thanh niên chiến đấu, biệt kích, (có 7 sĩ quan) ngoài ra ở các thôn ấp đều xây dựng cơ sở nội tuyển trong bộ máy chính quyền Việt Nam Cộng hòa cấp xã, huyện, làm nhiệm vụ tuyên truyền vận động và tung

tin làm rối loạn bộ máy tề điệp ở cơ sở [168, tr.118]. Diễn hình trong công tác xây dựng cơ sở nội tuyến trong thời kỳ này, như:

Tỉnh Quảng Ngãi Ban Binh vận tỉnh đã chỉ đạo xây dựng được chính quyền “hai mặt” ở thị xã Quảng Ngãi, tiêu biểu như chính quyền thôn Gò Quán phía Nam Núi Bút, trước đây gọi là B6 của thị xã Quảng Ngãi [23, tr.89]. Tỉnh Quảng Đà công tác xây dựng cơ sở và nội tuyến phát triển mạnh, tỉnh xây dựng được hàng chục cơ sở nội tuyến trong Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 Việt Nam Cộng hòa đóng ở Đà Nẵng, trong đó có các sĩ quan cấp tá, giữ các chức vụ quan trọng. Đặc biệt, Ban Binh vận, Mặt trận Quảng Đà còn xây dựng được cơ sở nội tuyến Hồ Duy Quang (mật danh QT.13), Hồ Duy Hùng (mật danh H.6) trong quân đội Sài Gòn phục vụ đắc lực cho công tác địch tình của ta [25, tr.158].

Tỉnh Quảng Nam đã xây dựng được nhiều cơ sở trong bộ máy chính quyền Việt Nam Cộng hòa cấp huyện, xã; tập trung ở tỉnh lỵ Quảng Tín, quận lỵ Lý Tín, căn cứ đóng quân của Trung đoàn 4, 5 của Sư đoàn 2 Việt Nam Cộng hòa. Đặc biệt, ở Quế Sơn đã vận động, thuyết phục được Quận trưởng, Quận phó làm việc cho cách mạng và xây dựng được nhiều cơ sở trong các đại đội địa phương quân bảo vệ chi khu quận lỵ. Chính những cơ sở này đã nhiều lần giải thoát cho cán bộ của ta khỏi nhà lao quận, đưa ra vùng giáp ranh để về căn cứ an toàn [25, tr.145]. Công tác xây dựng cơ sở nội tuyến, cơ sở hợp pháp trong nội bộ chính quyền Việt Nam Cộng hòa đạt được nhiều kết quả quan trọng, tiêu biểu như Quận trưởng, Quận phó Thượng Đức (Đại Lộc); Hội đồng xã Kỳ Hương (thị xã Tam Kỳ) trong thời gian dài đều là cơ sở cách mạng, do ta nắm và điều hành hoạt động; vận động chỉ huy đồn Ngọc Nha (Kỳ Quế) làm cơ sở nội tuyến, hướng dẫn bộ đội tiêu diệt đồn [25, tr.157]; Đặc biệt, năm 1966, đã xây dựng được cơ sở nội tuyến Phạm Văn hoạt động trong tổ khảo sát địa lý (thực chất là cơ quan tình báo theo dõi hoạt động của ta dọc tuyến đường từ Đà Nẵng đến Bà Rén) [25, tr.158].

Để tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cơ sở nội tuyến phục vụ tổng khởi nghĩa, Hội nghị lần thứ sáu Khu ủy 5 (mở rộng) tháng 3/1967, yêu cầu:

Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở nội tuyến, phục vụ phương thức tác chiến kết hợp với binh biến, và phục vụ tổng công kích, tổng khởi nghĩa; chú trọng các sĩ quan có thực quyền, các đơn vị phòng thủ thị xã, thị trấn, các sĩ quan và binh lính các cơ quan, binh chủng trọng yếu. Kiểm tra nắm chắc số cơ sở nội tuyến dám hành động, bồi dưỡng, giao nhiệm vụ, nghiên cứu tổ chức uỷ ban hành động trong cơ sở nội tuyến để phát động khởi nghĩa khi có thời cơ. Tạo điều kiện chuyển đảng viên, đoàn viên bên ngoài vào làm nội tuyến, nghiên cứu xây dựng đảng, đoàn trong quân nguy [117, tr.14].

Quán triệt chỉ đạo của Hội nghị lần thứ sáu Khu ủy 5 (mở rộng) tháng 3/1967, Hội Nghị công tác binh vận toàn Khu lần thứ 4 năm (7/1967) yêu cầu:

Tăng cường xây dựng cơ sở nội tuyến (cả hợp pháp và bất hợp pháp) xây dựng thực lực cách mạng trong quân đội Việt Nam Cộng hòa, kết hợp chặt chẽ giữa tính chất quần chúng và tính chất chuyên môn trong công tác nội tuyến, đồng thời coi trọng và giữ gìn cơ sở, phân loại cơ sở và có phương hướng sử dụng cơ sở từng loại trên các hướng (cơ sở vận động phá rã, cơ sở phục vụ tác chiến, nội ứng, cơ sở phục vụ cho phương hướng); mạnh dạn xây dựng cơ sở trong quân Mỹ và Nam Triều Tiên nhưng lấy việc tấn công tư tưởng làm chủ yếu [168, tr.109 – 110].

Thực hiện chỉ đạo của Hội nghị binh vận Khu, năm 1967, toàn Khu 5 phát triển thêm nhiều cơ sở hoạt động nội tuyến, trong đó có 64% trong lính cộng hòa, 13,8% trong lính bảo an, 12% trong phụ quân (lực lượng bảo an, địa phương quân, dân vệ, nghĩa quân, phòng vệ dân sự). Toàn khu đã xây dựng được 85% ấp, xã trong khu có cơ sở nội tuyến [168, tr.119]. Điển hình

trong công tác xây dựng cơ sở nội tuyến là tỉnh Quảng Nam. Đến năm 1967 tỉnh Quảng Nam xây dựng được hơn 1.000 cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ địch, nhất là ở Sư đoàn 2 Việt Nam Cộng hòa, Tỉnh đường Quảng Tín, các chi khu quận lỵ [25, tr.142]. Tỉnh Bình Định, năm 1967, tỉnh đã xây dựng và phát triển 1.240 cốt cán binh vận hợp pháp trong quần chúng và gia đình binh sĩ, 72 cơ sở nội tuyến trong bảo an, cộng hòa, 62 giao liên mật, 11 cán bộ binh vận hợp pháp [24, tr.75].

Trong Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, cơ sở nội tuyến ở Khu 5 bị tổn thất nặng nề do thực hiện chủ trương “dốc túi” trong sử dụng nội tuyến (trừ nội tuyến chiến lược). Do vậy, trong thời kỳ chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Khu ủy tiếp tục chủ trương đẩy mạnh xây dựng cơ sở nội tuyến đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tình hình mới.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi ngày 13/1/1969 ra *Chỉ thị về kiểm điểm công tác binh vận và mở chiến dịch tấn công binh địch vận*, yêu cầu: “nhanh chóng tuyên truyền và phát triển cơ sở và chỉ đạo cơ sở hành động phục vụ cho nhiệm vụ chính trị trước mắt, đồng thời có cơ sở bảo đảm liên tục bám lại hoạt động” [187, tr.1 - 2]. Ngày 15/3/1969, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tiếp tục ban hành *Chỉ thị về đẩy mạnh chiến dịch binh địch vận đặc biệt mở đợt vận động tổng phá rã phụ quân phục vụ diệt kẹp giành dân*, yêu cầu: “nhanh chóng phát triển nhiều cơ sở trong phụ quân và giáo dục sử dụng cơ sở hành động, đánh bên trong từ binh biến lẻ tẻ đến binh biến ly khai tập thể” [188, tr.1]. Tỉnh Quảng Ngãi năm 1969 cơ sở nội tuyến đã tuyên truyền vận động phá rã 5 đại đội (1.100/1.200 tên) tại trung tâm huấn luyện Quảng Ngãi. Tại quân trường Quảng Ngãi, tỉnh đã xây dựng được 30 cơ sở và 50 cảm tình, tất cả có 80 người [23, tr.113]. Năm 1971, tỉnh có 314 cơ sở nội tuyến (trong đó, có 20 cơ sở trong đơn vị chủ lực quân đội Việt Nam Cộng hòa) [23, tr.114].

Để tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cơ sở nội tuyến, Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (Mở rộng) ngày 13/10/1969, về binh địch vận, Thường vụ

Khu ủy yêu cầu: “*Tăng cường công tác mật giao, xây dựng lại cơ sở nội tuyến phục vụ yêu cầu trước mắt và lâu dài. Đẩy mạnh công tác vận động sĩ quan, nhất là số nắm trực tiếp các D, E chủ lực. Đồng thời kết hợp công tác mặt trận, công tác tôn giáo vận với công tác binh vận, nhất là đối với binh lính sĩ quan Phật giáo, hình thành một mặt trận thật rộng rãi*” [176, tr.18].

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy, năm 1970 Tỉnh ủy Bình Định đã chỉ đạo phát triển thêm 83 cơ sở đơn tuyến và nội tuyến, 60 cơ sở cảm tình trong binh sĩ nguy. Mở 147 đợt bồi dưỡng tập huấn ngắn ngày cho trên 250 nòng cốt và cơ sở binh vận hợp pháp. Ban Binh vận tỉnh và huyện được bổ sung, tăng cường cán bộ, lập thêm một số đội chuyên môn [24, tr.98].

Tỉnh Quảng Nam, Quảng Đà công tác xây dựng cơ sở và hoạt động nội tuyến giai đoạn 1969-1972 mặc dù gặp nhiều khó khăn, thử thách, nhưng công tác chỉ đạo nội tuyến hoạt động cũng đạt được nhiều thành tích xuất sắc. Tỉnh Quảng Đà năm 1971 đã chỉ đạo củng cố và xây dựng 526 cơ sở (285 cơ sở nội tuyến cũ và phát triển thêm được 241 cơ sở mới), 5 tổ binh sĩ yêu nước và 03 ban cán sự binh vận trong lực lượng địch. Đặc biệt, đã xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến trong các cơ quan chiêu hồi, đảng phái chính trị của địch nhằm phục vụ công tác chống chiến dịch chiến tranh tâm lý, chiêu hồi của địch. Tiêu biểu như Ban Binh vận Quảng Đà xây dựng được cơ sở Hồ Thị Hạnh (bí danh Sáu Loan) làm nhân viên đánh máy cho Ty Chiêu hồi Quảng Nam lợi dụng sơ hở của địch đã cung cấp cho ta nhiều thông tin về danh sách cán bộ chiêu hồi khai báo, thậm chí cả tài liệu, lời khai của những kẻ phản bội để ta vừa kịp thời ứng phó, vừa tránh được tổn thất; xây dựng được cơ sở Hồ Mân (mật danh QT.30), tham gia Đảng Dân Chủ của Nguyễn Văn Thiệu giữ chức vụ Phó Bí thư Quận ủy Thăng Bình, nhờ đó cơ sở này được tham dự Đại hội Đảng Dân Chủ năm 1973 tại Sài Gòn và đã thu thập, chuyển cho ta toàn bộ tài liệu đại hội trong đó có Cương lĩnh, Điều lệ hoạt động của Đảng Dân Chủ để ta kịp thời đối phó [25, tr.212].

Tỉnh Gia Lai công tác chỉ đạo xây dựng cơ sở nội tuyến, hành động binh biến tấn công binh vận diễn ra sôi nổi, đã xây dựng được 30 cơ sở nội tuyến, trong đó có 1 Đại úy bảo an, phát triển 26 cơ sở, trong đó có 1 Trung úy bảo an, 1 Thiếu úy, 1 Trung đội trưởng [184, tr.109]. Năm 1972, đã có 64 cơ sở nội tuyến trong lực lượng bảo an, 4 trung đội phòng vệ dân sự. Quá trình hoạt động hè thu 1972 có 37 cơ sở nội tuyến, 27 cảm tình trong 4 trung đội bảo an hoạt động có hiệu quả [184, tr.116].

Tính đến năm 1972, Khu 5 đã chỉ đạo xây dựng được hơn 2000 cơ sở nội tuyến và các cơ sở tăng cường đánh địch, trung bình mỗi quý hơn 100 vụ (năm 1969 Khu 5 đã đánh 543 vụ so với tổng số 800 vụ toàn miền Nam, năm 1970 đã đánh 541/1.000 vụ toàn miền Nam, năm 1971 đã đánh hơn 600 vụ, có cơ sở nội tuyến đã đánh 18 vụ mà vẫn chưa bị lộ) [168, tr.184 - 185]. Ở miền tây Quảng Ngãi, các tỉnh Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ, đội công tác vẫn phát huy được hình thức gặp trực tiếp binh lính để tuyên truyền chính sách, gây cơ sở, nắm được một số đơn vị nhân dân tự vệ, nghĩa quân phục vụ canh gác, dẫn đường cho ta vào hoạt động trong vùng địch. Việc bồi dưỡng và nâng cao chất lượng cho cơ sở hợp pháp và nội tuyến được chú ý hơn [168, tr.221].

Hội nghị Đại biểu lần thứ III của Đảng bộ Khu 5, ngày 22/12/1973 nêu rõ yêu cầu đối với xây dựng cơ sở nội tuyến: “Ra sức tổ chức cơ sở trong binh lính địch, chú trọng tổ chức cơ sở ngầm trong những đơn vị quan trọng bảo đảm tồn tại lâu dài do Khu, tỉnh phụ trách. Đào tạo một lực lượng chuyên trách công tác binh vận ở xã, thôn, bám từng đơn vị, từng đồn. Phát động phong trào toàn dân, toàn quân làm công tác binh vận, biến công tác binh vận thành phong trào của quần chúng” [126, tr.37].

Sau năm 1973, công tác xây dựng cơ sở nội tuyến phục vụ đấu tranh pháp lý đòi thi hành Hiệp định Paris phát triển mạnh. Tỉnh Quảng Nam, Quảng Đà đã chỉ đạo phát triển được nhiều cơ sở, chất lượng các cơ sở được nâng lên, phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh. Ở Quảng Đà, có 50/70 xã có cơ sở của ta. Ở Quảng

Nam năm 1974 đã chỉ đạo xây dựng được 376 cơ sở trong binh lính và tề, 86 cán bộ hợp pháp, 143 phòng vệ dân sự và 570 nòng cốt làm công tác binh tế vận. Ở huyện Quế Sơn, Thăng Bình, Nam Tam Kỳ, Bắc Tam Kỳ, hầu hết các xã đều có cơ sở của ta, có xã có từ 10-30 cơ sở. Ở Thăng Bình, có 250 nhân dân tự vệ thì có 70 cơ sở của ta [25, tr.256].

Tỉnh Quảng Ngãi trong quý 3/1974 tỉnh đã chỉ đạo xây dựng, phát triển được 301 cơ sở hợp pháp mới, trong đó có 25 người nhà của binh sĩ và xây dựng được 43 cơ sở nội tuyến mới trong binh lính, sĩ quan Việt Nam Cộng hòa. Tỉnh đã nắm và sử dụng 2 trung đội thanh niên tân trang, 3 toán phòng vệ dân sự (19 người), 9 dân vệ và 47 liên gia, ấp. Tỉnh đã sử dụng cơ sở nội tuyến hành động 21 vụ (trong đó có 16 vụ binh biến, diệt ác ôn, 3 vụ nội ứng và 2 vụ khởi nghĩa ly khai) sử dụng cơ sở nội tuyến để lãnh đạo binh biến đấu tranh chống đi viện trợ cho các cuộc phản kích, lấn chiếm, vận động binh sĩ tự thương, rã ngũ 704 người, trong số này có 445 lính cộng hòa, 23 biệt động, 117 bảo an, 55 dân vệ, 126 lính chạy về vùng giải phóng, 124 người về các tỉnh Nam bộ. Trong số đào rã ngũ có 1 trung úy, 3 chuẩn úy và 2 thiếu úy [23, tr.148].

Giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1975, trước yêu cầu ngày càng khẩn trương với nhiều nhiệm vụ mới, công tác xây dựng cơ sở nội tuyến phát triển mạnh trong binh lính và nhân viên chính quyền địch. Đối tượng chủ yếu của công tác xây dựng cơ sở nội tuyến là phòng vệ dân sự, dân vệ, bảo an và nhân viên địch cơ sở, đồng thời từng bước phát triển vào chủ lực, các binh chủng kỹ thuật và cơ quan đầu não của địch. Thông qua việc nắm gia đình binh lính và nhân viên chính quyền, kết hợp với phong trào đấu tranh của quần chúng và hoạt động tiếp xúc với cán bộ, chiến sĩ, nhất là thông qua các cơ sở nội tuyến bên trong góp phần làm cho binh sĩ Mỹ, đồng minh và binh sĩ Việt Nam cộng hòa thấy được tính chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và tính phi nghĩa của Mỹ trong xâm lược Việt Nam.

3.3.3. Chỉ đạo đẩy mạnh tiến công binh vận kết hợp với tiến công quân sự, chính trị chống bình định nông thôn và lấn chiếm bình định

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ” đưa quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ đổ bộ vào chiến trường Khu 5, Khu ủy 5 đã phát động phong trào “Toàn dân hiến kế đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, đặc biệt sau chiến thắng Núi Thành, Vạn Tường mở ra phong trào “tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt”, “xé xác Rồng Xanh, phanh thây giặc Mỹ” trên chiến trường Khu 5. Để chống lại âm mưu bình định lấn chiếm của địch, ngày 29/4/1965, Thường vụ Khu ủy 5 ban hành Chỉ thị, yêu cầu:

Phát động từ đầu tháng 5/1965 đến hết tháng 7/1965 một đợt hoạt động thống nhất trong toàn khu với yêu cầu chính đánh bại âm mưu bình định lấn chiếm của địch, giải phóng vùng còn lại ở nông thôn, đồng bằng và miền núi, kể cả nhiều đoạn đường giao thông chiến lược, quận lỵ, thị trấn. Tiếp tục tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch gồm cả dân vệ, bảo an, chủ lực ngụy và Mỹ, làm tan rã hàng loạt quân đội địch. Ra sức chống càn quét, chống lấn chiếm, tiếp tục giải phóng mạnh nhiều vùng mới [174, tr.1 - 2].

Thực hiện chỉ đạo của Thường vụ Khu ủy, trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965-1966) của địch, cuộc chiến đấu kết hợp ba mũi giáp công diễn ra quyết liệt giữa ta và địch kéo dài 4 tháng, Khu 5 đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 47.000 quân địch (có 18.500 tên Mỹ và Nam Triều Tiên), đánh bại cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất của Mỹ, diệt 7 tiểu đoàn có 4 tiểu đoàn Mỹ, bắn rơi và phá hủy 700 máy bay, hơn 300 xe quân sự [168, tr.140]. Trong thắng lợi chung đó công tác binh vận đã kết hợp với tấn công quân sự đẩy mạnh tuyên truyền, tác động tâm lý binh lính địch, góp phần làm cho tư tưởng tinh thần quân địch thêm hoang mang dao động.

Trong cuộc phản công mùa khô lần thứ hai (1966-1967) của địch, ta đã chủ động tấn công và phản công địch trên toàn chiến trường Khu 5, liên tiếp

giáng cho quân Mỹ và Nam Triều Tiên, quân đội Việt Nam Cộng hòa nhiều đòn đau, loại khỏi vòng chiến đấu 73.422 quân địch (có 4062 quân Mỹ, 5856 lính Nam Triều Tiên) bắt sống 609 quân [168, tr.142]. Kết hợp với tiến công quân sự, công tác binh vận dựa vào thế hợp pháp của quần chúng, vừa đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động binh lính địch, hạn chế hành động tội ác của chúng trong các cuộc càn quét, vừa đẩy mạnh công tác binh địch vận trong chiến đấu của các đơn vị vũ trang, đã tác động mạnh đến tư tưởng, tinh thần tâm lý địch trên chiến trường.

Hội nghị lần thứ sáu Khu ủy 5 (mở rộng) tháng 3/1967, yêu cầu: “Binh địch vận phối hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự làm tan rã đại bộ phận quân nguy” [117, tr.13]. Để đẩy mạnh “ba mũi giáp công”, Hội Nghị công tác binh vận toàn khu lần thứ 4, (7/1967) yêu cầu:

Công tác binh vận phải phục vụ cho việc chống “bình định lấn chiếm” của địch, giữ vững vùng giải phóng. Để thực hiện tốt nội dung này phải thực hiện “dân bám đất, cán bộ bám dân, du kích bám địch, trên bám dưới...Phối hợp 3 mũi giáp công đánh địch ngay ở thôn xã; tổ chức các vành đai binh địch vận xung quanh các cứ điểm, quận lỵ; chủ động tấn công ra phía trước, tấn công vào vùng xung yếu, thực hành tư tưởng tích cực tấn công [168, tr.108].

Ở Khu 5, trong tác chiến kết hợp chặt chẽ 3 mũi giáp công bao vây cứ điểm bức hàng được phát huy và áp dụng nhiều nơi đạt hiệu quả cao, kết hợp tác chiến với bắn cối rải truyền đơn, gọi loa tại trận như ở Hoài Nhơn (Bình Định), Tam Kỳ (Quảng Tín), Hòa Vang (Quảng Nam), Tuy Hòa 2 (Phú Yên) đã tán phát hơn 5 triệu truyền đơn các loại. Đánh địch ngoài công sự tỉ lệ đầu hàng cao như ở huyện Trà Bồng (Quảng Ngãi) vũ trang kết hợp với binh vận chỉ trong 3 ngày ta làm rã 383 quân địch mang theo 362 vũ khí [168, tr.144]. Nhiều trận đánh nội ứng, phát động binh biến, tổ chức phá hoại phương tiện chiến tranh, tung rải truyền đơn gây rối loạn hậu phương, làm cho binh lính

và sĩ quan địch rất lo sợ, tiêu biểu là cơ sở nội tuyến ở Đà Nẵng trong lực lượng cảnh sát và quân vận đã tham gia vận chuyển vũ khí đạn dược từ các bàn đạp vào thành phố, chuẩn bị cho biệt động - đặc công tiến công Tòa Thị chính, Đài phát thanh, đồn quân cảnh.

Để chỉ đạo kết hợp “ba mũi giáp công” trong Đông Xuân 1967-1968, Quân khu 5 ban hành Chỉ thị ngày 29/9/1967, *Về nhiệm vụ công tác binh địch vận Đông Xuân 1967-1968*, nêu rõ: “Công tác binh địch vận phải phục vụ cho công kích tiêu diệt địch và làm tan rã lớn sinh lực địch, phục vụ cho khởi nghĩa... Phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị vũ trang chống địch bình định càn quét lấn chiếm giữ vững và mở rộng vùng giải phóng” [145, tr.1]. Chỉ thị đề ra mục tiêu tiếp tục làm tan rã về tư tưởng và tổ chức ở mức độ cao hơn, nhất là đối với quân của chủ lực nguy, các đơn vị bảo vệ thành phố, thị xã, các đơn vị phân khu ở vùng yếu đi đôi với phá ra lẻ tẻ, thường xuyên, phát triển một cách tương đối phổ biến các vụ tan rã trung đội, đại đội, tiểu đoàn, kết hợp chặt chẽ với quân sự, chính trị làm tan rã từng trung đoàn địch. Phát triển phong trào khởi nghĩa, binh biến của binh sĩ trong đại đội và một số vụ tiểu đoàn nhất là ở vùng chiến lược. Gây phong trào phản chiến ngày càng cao; khoét sâu mâu thuẫn trong một số quân nguy, giữa nguy và đồng minh, phát triển thật mạnh khuynh hướng muốn hòa bình trung lập trong nguy quân nhằm hạn chế đến mức tối đa tác dụng đánh phá của quân địch và làm tê liệt tinh thần chiến đấu của chúng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Binh vận Khu ủy, công tác binh vận phục vụ tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, diễn ra quyết liệt, giành được nhiều thắng lợi lớn. Toàn Khu 5, từ Xuân 1968 đến tháng 9/1968, công tác binh vận đã góp phần làm rã ngũ lẻ tẻ là 10.554 sinh sĩ và 30.700 binh sĩ đào rã ngũ tập thể trong đó có: 26 đại đội, 87 trung đội, 206 vụ binh biến. Cơ sở nội tuyến đánh diệt và làm bị thương 286 binh sĩ (có 165 lính Mỹ), 3 vụ phá phương tiện chiến tranh gồm 8 xe quân sự, 3 máy bay, đốt cháy

một kho xăng hàng triệu lít [168, tr.155]. Trong năm 1968, phối hợp “ba mũi giáp công” quân và dân Khu 5 loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 47.000 tên các lực lượng kìm kẹp và 3.000 tên ác ôn (chưa kể số bị rã), phát triển thêm được nhiều cơ sở [72, tr.465]. Điển hình nhất là: “tỉnh Bình Định, kết hợp cả ba mũi tiến công trong Xuân 1968 và sau Xuân năm 1968 làm rã ngũ 4.200 binh sĩ các sắc lính, rã ngũ tập thể 5 đại đội bảo an, 1 đại đội biệt kích, 6 đoàn “bình định”, 2 trung đội cộng hòa, 4 trung đội dân vệ, tổ chức 85 vụ binh biến. Tỉnh Quảng Ngãi, đã vận động phá rã và đào ngũ lẻ tẻ 1.773 lính; phá rã, đào ngũ tập thể 1 đại đội biệt kích, 2 đại đội tân binh trại Hoa Lư, 9 đại đội học viên đang tập quân sự để đổi quân, 1 đại đội phòng vệ dân sự, 3 đoàn bình định nông thôn, bức rút 4 đồn” [168, tr.150].

Sau Tết Mậu Thân năm 1968, Ban Binh vận Khu 5 ban hành Nghị quyết ngày 02/3/1968, xác định: “binh địch vận trong giai đoạn tổng công kích, tổng khởi nghĩa có nhiệm vụ cùng với công kích quân sự và đấu tranh chính trị, vũ trang khởi nghĩa làm tan rã hoàn toàn tổ chức quân đội Việt Nam Cộng hòa” [4, tr.8]. Nghị quyết yêu cầu chung: thực hiện binh biến khởi nghĩa và phải đi đến binh biến khởi nghĩa lớn kết hợp với khởi nghĩa công nông, giành quân đội, phá tan chính sách thực dân mới của Mỹ, giành chính quyền về tay nhân dân; phải nắm chắc hai yêu cầu lớn là tổ chức nhiều vụ binh biến lớn và tiến công làm tan rã nhiều đơn vị lớn quân đội địch. Nghị quyết yêu cầu cụ thể: tấn công chính trị liên tục, phối hợp với các đợt cao điểm chung, và sau mỗi đợt cao điểm chung binh địch vận phải mở đợt tấn công chính trị mới cao hơn, tấn công chính trị phải đi đến kết quả làm tan rã tổ chức địch và tạo điều kiện cho binh biến khởi nghĩa; tổ chức nhiều cuộc binh biến ở hầu hết thị xã, quận lỵ; làm suy yếu tinh thần chiến đấu Mỹ và đồng minh của Mỹ, tranh thủ thái độ đồng tình và trung lập của chúng [4, tr.10].

Tỉnh ủy Quảng Ngãi, ngày 13/1/1969 ra *Chỉ thị số 14-VP về kiểm điểm công tác binh vận và mở chiến dịch tấn công binh địch vận*, yêu cầu: “phát

động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tham gia công tác binh địch vận. Huy động mọi lực lượng, mọi phương tiện (kể cả nông thôn và thành thị) tham gia tấn công khắp các đồn bót, các loại quân, các đơn vị quân đóng bất kỳ ở đâu” [187, tr.1]. Ngày 25/9/1970, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra *Chỉ thị số 178-VP về đẩy mạnh đợt 1 tấn công binh địch vận*, yêu cầu: “nơi có điều kiện thì chuẩn bị cho nổ ra một số cuộc binh biến diệt ác ôn, nổi dậy phá bót, diệt đồn, rời bỏ hàng ngũ địch về với gia đình, với cách mạng, gắn chặt gắn mũi chính trị và vũ trang” [190, tr.1 - 2].

Để phục vụ công tác giành dân vùng ven và giữ dân xây dựng vùng giải phóng ở nông thôn, tháng 4/1969, Hội nghị lần thứ chín Khu ủy 5 ban hành Nghị quyết yêu đối với vùng giải phóng: chủ trương đẩy mạnh đấu tranh ba mũi giáp công: Trên cơ sở phát triển các đoàn thể quần chúng mà xây dựng phát triển lực lượng du kích, đội ngũ đấu tranh chính trị và binh vận của quần chúng...Phối hợp với hoạt động quân sự đẩy mạnh đấu tranh chính trị, tấn công binh vận chống kìm kẹp, khủng bố...Có kế hoạch thống nhất phối hợp chặt giữa ba mặt quân sự, chính trị, binh vận để tấn công địch và chống địch phản kích [72, tr.477]. Về biện pháp, đi đôi với tác chiến tiêu diệt, đẩy mạnh tấn công binh vận làm tan rã về tư tưởng và tổ chức các lực lượng kìm kẹp, đồng thời tích cực tranh thủ lôi kéo, tổ chức cơ sở lãnh đạo hành động có lợi cho cách mạng.

Ở Khu 5 “chiến dịch binh địch vận” phối hợp với quân sự đạt được nhiều kết quả “có 85% chiến sĩ và 90% cán bộ các đơn vị, 50% du kích được học tập về binh vận, các cấp ủy đều có nghị quyết về binh vận. Kết quả các đơn vị, địa phương trong toàn Khu 5 bắt được 8.000 tù binh” [168, tr.174]. Trong đợt tấn công đầu Xuân 1969, Khu 5 đã tấn công 284 mục tiêu kìm kẹp, giành quyền làm chủ với nhiều mức độ khác nhau 167.000 dân và chuyển lên thế tranh chấp và lỏng lẻo 127.000 dân [72, tr.465]. Diễn hình kết hợp “ba mũi giáp công” như:

Ngày 15/3/1970, Khu ủy 5 ban hành Nghị quyết *Về công tác tổ chức*, chỉ rõ: “Xây dựng lực lượng nòng cốt đấu tranh chính trị, binh vận vững vàng, hình thành ba mũi giáp công, liên tục tấn công địch” [74, tr.497]. Đối với lực lượng vũ trang Khu 5, trong kết hợp tác chiến với binh địch vận tiêu biểu là Trung đoàn 1, Sư đoàn 2 trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào tại cao điểm 660 từ 18/3 đến 21/3/1971 đã diệt gọn 4 Tiểu đoàn địch, thu 1000 súng, bắt sống 400 tên, có 4 ban chỉ huy tiểu đoàn [168, tr.185].

Tỉnh Gia Lai, trong “chiến dịch binh vận” có trên 2.500 gia đình binh sĩ Việt Nam Cộng hòa vào đồn đấu tranh đòi chồng, con em về. Trong năm 1970 “đào rã ngũ 2.534 binh sĩ, đào rã ngũ tập thể 10 đại đội bảo an, 23 trung đội bảo an, dân vệ. Mang về nộp cho chính quyền cách mạng 84 súng, 49 lựu đạn, 4 quả mìn, 13.250 viên đạn, 1 máy bộ đàm” [184, tr.108].

Tỉnh Bình Định, phối hợp với hoạt động quân sự, quần chúng liên tục nổi dậy trên diện rộng gồm 53 xã với 250.000 lượt người tham gia bằng nhiều hình thức và quy mô khác nhau. Tỉnh đã làm chủ, tranh chấp và phá lỏng kẹp ở 216 thôn với 233.800 dân, chiếm 34,20% số thôn và 32% số dân toàn tỉnh [24, tr.93]. Cuối năm 1970, đã có trên 60.000 lượt quần chúng và 20.000 lượt người nhà binh sĩ tham gia tiến công binh vận, làm rã ngũ lẻ 3.000 lính Việt Nam Cộng hòa, rã ngũ tập thể 50 trung đội, 3 đoàn “bình định”. Vùng tỉnh kiểm soát mở rộng 373 thôn và 51 xóm với 270.000 dân (chiếm 56,6% số thôn và 40% số dân nông thôn toàn tỉnh) [24, tr.99].

Tỉnh Quảng Nam, trong ba năm 1969-1972, ngành binh vận tỉnh đã tấn công chính trị làm tan rã hơn 9.000 binh sĩ, dân vệ [25, tr.208]. Tỉnh Quảng Đà, năm 1969 có tổng cộng 18 vụ phản chiến, năm 1970 có 04 vụ và năm 1971 có 6 vụ quân Mỹ phản chiến, có vụ lôi kéo hàng trăm lính Mỹ tham gia [25, tr.213]. Đến năm 1972, quân Nam Triều Tiên hoàn toàn rút khỏi chiến trường Quảng Nam, Quảng Đà [25, tr.214].

Để chỉ đạo kết hợp “ba mũi giáp công” trong chiến dịch Xuân-Hè năm 1972, Hội nghị Thường vụ Khu ủy (mở rộng) ngày 04/3/1972, yêu cầu: “kết hợp tác chiến tiêu diệt địch với công tác binh vận của quần chúng và của quân đội, nhằm đẩy mạnh và làm tan rã hàng loạt trong binh lính Việt Nam Cộng hòa, nhất là làm rã và bức hàng từng đơn vị” [179, tr.15]. Ngày 27/8/1972, Thường vụ Khu ủy tiếp tục ban hành Chỉ thị ngày yêu cầu: “động viên, nỗ lực cao nhất trong toàn Đảng bộ, quân và dân, tập trung toàn bộ lực lượng mở chiến dịch tổng hợp với quy mô lớn và liên tục trong thời gian 2,5 tháng (từ tháng 9 đến tháng 11) bao gồm lực lượng chủ lực, địa phương, du kích, lực lượng cán bộ quần chúng và lực lượng chính trị, binh vận, tập trung thực hiện nhiệm vụ trọng tâm và chiến lược của khu là tiêu diệt và làm tan rã lớn lực lượng địa phương và phụ quân của địch, đánh vỡ hệ thống kìm kẹp của địch ở cơ sở giải phóng và giành làm chủ đại bộ phận nông thôn” [180, tr.1].

Hội nghị Thường vụ Khu ủy 5 (mở rộng) họp từ ngày 6 đến ngày 13/9/1972, ban hành Nghị quyết, đối với công tác binh vận yêu cầu: “tăng cường công tác binh vận làm tan rã quân đội Việt Nam Cộng hòa, giành binh lính về với nhân dân” [75, tr.489]; phát huy sức mạnh bạo lực của quần chúng nông thôn, lực lượng binh vận kết hợp với lực lượng vũ trang tấn công làm tan rã địch, giành chính quyền [75, tr.496]. Về tác chiến của lực lượng vũ trang: “phải kết hợp chặt chẽ với binh vận và nổi dậy của quần chúng, nắm vững đối tượng tác chiến, gắn chặt tác chiến với giành dân, phải có phương thức tác chiến thích hợp để phục vụ cho giành dân” [75, tr.497]; Nghị quyết yêu cầu nhiệm vụ công tác binh vận sắp đến: “cùng với tấn công quân sự, nổi dậy của quần chúng ở nông thôn và đấu tranh chính trị ở thành phố, đẩy mạnh binh vận thành một đòn tấn công chính trị rộng lớn, nhằm làm tan rã lớn về tư tưởng, tổ chức quân đội Việt Nam Cộng hòa, chủ yếu là làm tan rã lớn lực lượng địa phương bảo an dân vệ phòng vệ dân sự; phục vụ nhiệm vụ trọng tâm giành dân, giành quyền làm chủ” [75, tr.503 - 504].

Tháng 9/1972, Bộ Chỉ ủy Quân khu 5 ban hành Chỉ thị, yêu cầu: “động viên nỗ lực cao nhất của ba thứ quân; sử dụng toàn bộ lực lượng vũ trang ba thứ quân trong toàn Quân khu, phối hợp chặt chẽ với lực lượng cán bộ, lực lượng nổi dậy của quần chúng, lực lượng binh vận của các địa phương mở chiến dịch tổng hợp với quy mô lớn và liên tục trong thời gian 2,5 tháng, từ nửa tháng 9 đến hết tháng 11/1972” [150, tr.3].

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy, phong trào kết hợp “ba mũi giáp công” diễn ra quyết liệt trong năm 1972, điển hình: Tỉnh Gia Lai năm 1972 Tỉnh ủy đã chỉ đạo “vận động 1.786 lính đào rã ngũ, đào ngũ tập thể 1 đại đội biệt kích, 5 trung đội và 2 tiểu đội bảo an, 20 trung đội dân vệ, rã 18 trung đội phòng vệ dân sự” [184, tr.116]. Trong Chiến dịch Xuân-Hè 1972, toàn tỉnh Bình Định đã tiêu diệt và làm tan rã 20.000 tên địch (chiếm 40% lực lượng quân sự địch toàn tỉnh). Các đơn vị và các sắc lính địch bị đánh tụt nặng: 85% cộng hòa, 58% bảo an, 30% dân vệ, 36% thanh niên chiến đấu, 30% “bình định”. Giải phóng hoàn toàn 4 huyện: An Lão, Hoài Ân, Hoài Nhơn, Vĩnh Thạnh, 10 xã bắc Phù Mỹ, 18 xã và 35 thôn các huyện phía nam tỉnh [24, tr.110]. Chính quyền cách mạng được thành lập ở 4 huyện, 37 xã, 2 thị trấn, 220 thôn. Với trên 330.000 dân được giải phóng và làm chủ, Bình Định là tỉnh giành dân đông nhất toàn miền Nam trong chiến dịch Xuân Hè 1972.

Sau Hiệp định Paris năm 1973, từ thực tiễn chiến trường và quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương trong đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định, tháng 7/1973, Hội nghị Khu ủy 5 (tháng 7/1973) yêu cầu: “*Nhiệm vụ của binh vận là tấn công làm tan rã và tiêu diệt sinh lực địch, chống “lấn chiếm và bình định”.* Về phương thức đấu tranh binh vận: kết hợp tác chiến với binh địch vận, kết hợp đánh, tổ cáo và vận động... Tổ chức 3 mũi giáp công bao vây bức rút các chốt điểm, nơi chưa bức rút được thì trung lập hóa, nơi nào có điều kiện thì tổ chức nội ứng, binh biến khởi nghĩa” [168, tr.209 - 210].

Ở tỉnh Quảng Ngãi, trước sức mạnh tấn công của “ba mũi giáp công”, phong trào phản chiến, tránh né mục tiêu khi hành quân diễn ra phổ biến ở nhiều đơn vị chiến đấu của các loại quân của địch. Để chỉ đạo đấu tranh binh vận trong tỉnh, ngày 4/8/1973 Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra Chỉ thị số 119/CT *kết hợp chặt với tấn công vũ trang, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và binh vận chống lấn chiếm, giành thắng lợi giữ vững vùng ta*, yêu cầu: “ở vùng giải phóng làm cho toàn đảng bộ và quân dân trong tỉnh thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của địch về lấn chiếm, bình định và nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của ta là phải chống lấn chiếm thắng lợi, giữ vững vùng ta” [200, tr.2].

Toàn Khu 5, năm 1974 có 273 vụ phản chiến, trong đó, có 9 tiểu đoàn chủ lực, 19 tiểu đoàn địa phương, 84 đại đội chủ lực và 104 trung đội nghĩa quân. Một số cuộc đấu tranh quy mô lớn trong đội hình hành quân cấp trung đoàn trong đó có cả sĩ quan tham gia (trung đoàn 2, trung đoàn 4, trung đoàn 54, lữ dù 3). Sĩ quan cấp tiểu đoàn tham gia phản chiến đã diễn ra nhiều đơn vị (tiểu đoàn 116, 102, 143 địa phương quân, tiểu đoàn 39 biệt động quân) có 15 vụ lính bắn chết chỉ huy khi bị đẩy ra trận. Binh lính tự thương phát triển, năm 1974 có 1.266 vụ (có 6 sĩ quan) [168, tr.217]. Ở Khu 5, trong năm 1974, địch đào rã ngũ 30.635 binh sĩ. Trong đó, chủ lực 19.376 tên, nhân dân tự vệ có 11.259 tên. Ở một số nơi lính chủ lực rã ngũ nhiều (Quảng Đà 70%, Quảng Ngãi 40%) [168, tr.205]. Đến tháng 10/1974 sau 2 đợt hoạt động Xuân - Hè và Thu 1974, Khu 5 đã đánh bại kế hoạch “bình định nông thôn của địch” [168, tr.213]. Năm 1974, Khu 5 giải phóng 44 vạn dân, vùng làm chủ 16 vạn dân [168, tr.214 - 215].

Đầu năm 1975, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về cuộc tiến công chiến lược giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, dưới sự lãnh đạo của Khu ủy 5, các binh đoàn chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương kết hợp với đấu tranh chính trị, binh vận liên tục tấn công tiêu diệt, bao vây bức rút, bức hàng nhiều đồn bót, nổi dậy giành quyền làm chủ và giải phóng các tỉnh thuộc

Khu 5. Trên chiến trường Khu 5 “trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, đã diệt 31.366 binh sĩ, bắt sống 26.340 binh sĩ, số ra trình diện 230.230 binh sĩ (có gần 1 vạn sĩ quan), truy quét bắt thêm 25.310 tên” [168, tr.228]. Với thắng lợi to lớn trong chiến dịch Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn Khu 5 sau 21 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ, quân dân Khu 5 đã góp phần xuất sắc cùng nhân dân miền Nam, cùng cả nước thực hiện trọn vẹn quyết tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3.3.4. Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện chính sách tù, hàng binh

Thực hiện tốt chính sách binh vận, đặc biệt với tù, hàng binh để họ thấy được tính nhân đạo của cách mạng và quay về với nhân dân. Thực hiện chỉ đạo của Hội nghị Thường vụ Khu ủy lần thứ 8 (mở rộng) tháng 12/1964 “các tỉnh phải trực tiếp phụ trách các trại tù hàng binh (kể cả tù hàng binh do bộ đội Khu giao lại)” [172, tr.36]. Khu ủy chỉ đạo giao việc quản lý, giáo dục tù, hàng binh cho các tỉnh đảm nhiệm, mỗi tỉnh đều có 2-3 trại tù binh, mỗi trại có 100 - 300 tù binh.

Năm 1966, toàn Khu 5 có 3.000 tù binh. Công tác tiếp quản và quản lý tù, hàng binh do lực lượng vũ trang chuyển giao cho tỉnh được thực hiện chu đáo, đảm bảo chính sách, nhiều trại tù binh nằm trong vùng địch càn quét, nhưng nhờ có kế hoạch bố phòng, bảo vệ tốt, nên đã đảm bảo an toàn. Quá trình quản lý giáo dục, ta đã phóng thích 2.254 binh sĩ (có 18 sĩ quan), phóng thích tại trận 2.000 binh sĩ. Riêng các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Đà, Bình Thuận đã chọn bổ sung 130 người vào Quân giải phóng, 80 người vào công tác khác, tỉnh Quảng Tín bổ sung 161 người vào lực lượng huyện, 50 người vào bộ đội chủ lực [168, tr.119 - 120].

Đối với gia đình binh sĩ, do làm tốt công tác tuyên truyền vận động, đại bộ phận khi có điều kiện đều quyết tâm đi gọi chồng con trở về. Có những địa

phương như ở Tiên Phước (Quảng Tín), Phù Mỹ (Bình Định) gia đình binh sĩ kéo lên đồn bắt đầu tranh đòi chồng con liên tục 3, 4 ngày liền làm cho chính quyền và binh sĩ nguy hoang mang. Tại Phú Yên có 9.527 lượt gia đình binh sĩ đấu tranh gọi về 249 binh lính. Ở Đắc Lắc 740 binh sĩ trở về, hầu hết là do gia đình đi gọi, Quảng Ngãi gọi về 242 binh sĩ, Quảng Đà, Lâm Đồng sau khi được học tập đã mở hội nghị “hiến kế” của người nhà binh sĩ để thảo luận nội dung phương pháp vận động, đã lôi kéo được hàng trăm binh sĩ về nhà làm ăn [168, tr.127]. Tiêu biểu tỉnh Quảng Nam năm 1966 có 03 trại tù binh của tỉnh với khả năng tiếp nhận từ 400 - 500 người, mỗi huyện đều có trại tù binh riêng, có khả năng tiếp thu từ 80-100 người; các trại của tỉnh và huyện đã tổ chức giáo dục cho 1.175 tù hàng binh, phóng thích 1.038 binh sĩ [25, tr.138].

Để thực hiện tốt chính sách tù, hàng binh, *Nghị quyết binh địch vận* ngày 02/3/1968 của Ban Binh vận Khu 5, yêu cầu:

Thực hiện tốt các chính sách binh địch vận. Phổ biến rộng rãi chính sách đối với quân đội địch trong Cương lĩnh chính trị và chính sách của Ủy ban Trung ương Mặt trận; thực hiện chính sách đối với nghĩa binh và binh lính rã ngũ: khen thưởng đối với nghĩa binh, binh lính rã ngũ, tích cực phát động tư tưởng và động viên tham gia cách mạng tại nơi họ đào ngũ, địa phương có nhiệm vụ bảo vệ họ không để địch bắt lại [4, tr.11].

Hội nghị Thường vụ Khu ủy (Mở rộng) ngày 13/10/1969, yêu cầu:

Chú ý các trạm đón tiếp lính đào rã ngũ; chuẩn bị cho quần chúng nắm vững chính sách, yêu cầu, phương pháp tiếp nhận và bảo giáo dục và giúp đỡ họ tiến bộ, đưa đi tòng quân hay phục vụ cách mạng bằng công tác khác, số quê quán ở vùng ta có thể giao về địa phương phụ trách giáo dục, giúp đỡ họ làm ăn [176, tr.18].

Thực hiện chỉ đạo của Thường vụ Khu ủy, Ban binh vận Khu, công tác thực hiện chính sách tù, hàng binh đạt được nhiều kết quả, điển hình như:

Tỉnh Gia Lai năm 1969 Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo xây dựng, củng cố 2 trại trung tuyển ở Tây đường 14 và Nam đường 19. Huyện 5 còn lập 1 trại phối hợp với Mặt trận Tây Nguyên (B3) để kịp thời phục vụ chiến đấu. Trại tù binh tỉnh được củng cố. Cuối năm 1972, tỉnh thu nhận 205 tù binh, 12 đào binh và 1 tù binh người Nam Triều Tiên (sau chuyển về cho Liên khu V). Số lượng tù binh đông, cán bộ quản giáo ít, công tác bảo đảm vật chất có khó khăn, nhưng cán bộ quản lý trại đã khắc phục khó khăn, chấp hành chính sách chu đáo, sau thời gian cải tạo các binh sĩ đều đưa về địa phương [184, tr.105]. Năm 1970, tỉnh Bình Định giáo dục, cải tạo 1.500 tề điệp, phóng thích 1.000 tù hàng binh, chủ yếu là dân vệ và thanh niên chiến đấu [24, tr.99].

Từ năm 1969 đến năm 1972, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam chỉ đạo lập thêm một số trại tù hàng binh nhằm phục vụ các chiến dịch lớn, trong đó Ban An ninh tỉnh có 02 trại trung tuyển (cấp tỉnh) tại Nà Cau (Tiên Lãnh), mật danh T154. Ban Binh vận thành lập 01 trại tù hàng binh ở Dốc Dê (Trà My), mật danh V2 và 01 trại đào nghĩa binh ở Tam Lãnh, Bắc Tam Kỳ, mật danh V4; mỗi huyện thành lập trại tiếp thu tù binh từ nghĩa quân trở xuống [25, tr.214]. Chỉ trong năm 1972, tỉnh Quảng Nam đã tiếp thu và giáo dục 683 tù binh, 150 binh sĩ bỏ hàng ngũ địch trở về và trên 200 binh sĩ yêu nước khởi nghĩa, diệt ác mang vũ khí về với nhân dân. Công tác giáo dục, cải tạo tù hàng binh ở Quảng Nam đạt kết quả tốt. Các đối tượng được học 10 chính sách binh vận và các chủ trương, chính sách của Đảng và Mặt trận. Vì vậy, hơn 800 tù hàng binh được giáo dục, hơn 200 binh sĩ yêu nước đã tham gia du kích và bộ đội. Tỉnh Quảng Đà, năm 1970 bắt được 31 tù binh trong đó có 01 lính Mỹ, 01 lính Nam Triều Tiên. Sau khi được giáo dục và có nhiều tiến bộ, tỉnh đã phóng thích 25 tù binh Việt Nam Cộng hòa và 01 lính Nam Triều Tiên về lại Đồn Thám, 01 lính Mỹ về lại Đà Nẵng [25, tr.215].

Ở Gia Lai, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo các cấp ủy đảng, các đội công tác chính trị của các huyện, thị đã trực tiếp xuống cơ sở mở cuộc vận động cho

nhân dân và gia đình binh sĩ ngụy học tập chính sách 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Có 27.998 lượt quần chúng nhân dân dự học. Riêng Huyện 5, có 1.616 lượt cán bộ thoát ly, cán bộ chủ chốt ở xã dự học, có 805 đảng viên, 3.490 đoàn viên thanh niên học tập. Tỉnh tổ chức cho 719 quần chúng trong ấp chiến lược học tập chính sách thông qua cơ sở, cốt cán bên trong [184, tr.113]. Ngoài ra, các đội công tác tán phát 113.185 tờ truyền đơn, 12.345 tấm áp phích, 6.072 thư tay, viết 12.241 khẩu hiệu treo dọc đường nơi công cộng địch thường qua lại.

Ở Quảng Ngãi, thực hiện *Chỉ thị số 100-VP ngày 15/2/1972 về công tác binh vận 6 tháng đầu năm 1972* của Tỉnh ủy “mở cuộc vận động học tập chính sách, tuyên truyền chính sách, thực hiện chính sách, thâm nhập chính sách sâu rộng trong toàn đảng viên, đoàn viên, hội viên, đến từng người dân, từng người có chồng, con, anh, em đi lính ngụy” [197, tr.4]. Tỉnh đã tiếp tục chỉ đạo tổ chức lại các trại tù binh, tùy theo từng thời điểm duy trì từ 3 đến 5 trại, mỗi trại đủ chứa từ 30 đến 50 người, mỗi trại có từ 7 đến 10 nhân viên, có 1 tiểu đội cảnh vệ canh gác, thời gian giáo dục từ 1 đến 1,5 tháng. Mỗi huyện có 1 trại giáo dục phụ quân, có 2 cán bộ phụ trách, có du kích canh giữ, thời gian giáo dục từ 3 đến 5 ngày [197, tr.6]. Sau khi giáo dục, khai thác và thẩm tra lý lịch, chọn số tốt bổ sung cho lực lượng chiến đấu của ta, số khác thì đưa về tỉnh giáo dục, cải tạo. Giáo dục và tuyên truyền chính sách mới, khi phóng thích tù hàng binh cần có hình thức tuyên truyền gây tác động tốt.

Hội nghị Thường vụ Khu ủy 5 (mở rộng) họp từ ngày 6 đến ngày 13/9/1972 ban hành Nghị quyết đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế, nhận định tình hình và đưa ra các nhiệm vụ, phương pháp đấu tranh trong thời gian tới. Về yêu cầu nhiệm vụ công tác binh vận sắp đến, Nghị quyết nhấn mạnh: Thực hiện tốt công tác tù hàng binh, sử dụng một số tù hàng binh được cải tạo tốt làm công tác binh vận. Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng đối với công tác binh vận, tăng thêm cán bộ có trình độ, có năng lực, kiên

toàn ban binh vận các cấp. Đồng thời, chuẩn bị cán bộ, phương tiện, kế hoạch để khi có giải pháp chính trị kịp thời đẩy mạnh công tác binh vận, làm tan rã lớn quân đội địch, giành binh lính địch về với cách mạng [75, tr.504-505]. Do thực hiện tốt chính sách tù, hàng binh, đặc biệt là giáo dục tư tưởng, cảm hóa họ, làm cho họ thấy được sự chính nghĩa của ta, qua đó đã giác ngộ họ trở thành những người lao động giỏi, công dân tốt, một số đã tự nguyện xin tham gia lực lượng cách mạng: “ở Khu 5, năm 1972, trong số hơn 1 vạn tù hàng binh đã có hơn 2.000 người tự nguyện xin tham gia lực lượng cách mạng (bổ sung cho bộ đội chủ lực 811 người, các ngành của dân chính 1.476 người)” [168, tr.345].

Sau Hiệp định Paris, từ thực tiễn chiến trường và quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương trong đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định, tháng 7/1973, Hội nghị Khu ủy 5 (tháng 7/1973) yêu cầu “Đối với vùng giải phóng tuyên truyền giáo dục và chấp hành tốt các chính sách binh tề vận để phát huy tác dụng vào địch và binh lính địch, chuẩn bị lực lượng nòng cốt thực hiện 3 mũi giáp công để chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng khi địch lấn ra. Chiến trường chính thường xuyên là vùng địch kiểm soát, chiến trường trước mắt là vùng địch lấn chiếm, tranh chấp [168, tr.211].

Sau năm 1973, ở Khu 5 việc chấp hành chính sách đối với tù, hàng binh và gia đình binh sĩ là một nội dung quan trọng của công tác binh địch vận, có tác dụng giáo dục, thuyết phục, cảm hóa, phân hóa sâu sắc binh lính và gia đình họ, thể hiện quan điểm khoan dung, độ lượng của cách mạng, đã được các cấp quan tâm thực hiện tốt, đem lại kết quả vượt bậc, tương xứng với tầm vóc thắng lợi của cách mạng. Tiêu biểu trong giai đoạn này là: Ở vùng giải phóng cũ một số nơi đã giải quyết tốt chính sách ruộng đất, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống và xây dựng ở vùng giải phóng, tạo ảnh hưởng tốt và thu hút nhiều gia đình binh sĩ đưa chồng con ra vùng giải phóng sinh sống như: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum. Ở các vùng mới giải

phóng cách mạng đã coi trọng giáo dục và chấp hành tốt các chính sách dân vận, binh vận và tù hàng binh, có tác dụng ảnh hưởng tốt đến binh lính và gia đình họ (Đắc Pét, Nông Sơn, Trung Phước). Chấp hành chính sách tù hàng binh có nhiều tiến bộ, tù binh tuy nhiều nhưng được quản lý chặt chẽ, tổ chức đời sống được ăn no, được cấp quần áo, thuốc men, ít ốm đau, chết như năm 1972 [168, tr.229]. Đối với binh lính khởi nghĩa đã tổ chức đón tiếp, động viên và giải quyết theo nguyện vọng của họ. Một số binh sĩ đã tự nguyện tham gia cách mạng.

Tỉnh Bình Định, mặc dù địch cố tình phá hoại Hiệp định Paris, dùng phi pháo đánh phá các điểm trao trả tù, hàng binh hai bên do tỉnh xây dựng tại Mỹ Trinh (Phù Mỹ) và Ân Tường (Hoài Ân), tỉnh phải dời đến Ân Tín. Nhưng với tinh thần nhân đạo, thực hiện chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc, tháng 3/1973, tỉnh đã trao trả cho đối phương 294 tù dân sự và 640 tù quân sự [24, tr.125]. Phần lớn số được trao trả hoan nghênh chính sách nhân đạo của cách mạng, cảm ơn sự đối xử khoan hồng, độ lượng của ta, tỏ thái độ phục thiện, hứa không quay trở lại con đường làm tay sai cho địch.

Tỉnh Quảng Nam, trong giáo dục, tỉnh thực hiện các biện pháp thuyết phục, khuyên giải, cảm hóa là chủ yếu thay cho hình thức lao động như thời gian trước. Tăng cường giáo dục về chính sách của Đảng và Mặt trận đối với tù, hàng binh, sự chính nghĩa của ta và bản chất phi nghĩa của địch, về thắng lợi của ta và sự thất bại tất yếu của địch, bồi dưỡng về tình yêu quê hương, đất nước, về nòi giống dân tộc. Sau khi giáo dục, cải tạo, tỉnh tiến hành phóng thích đối với những đối tượng tốt, có nhiều tiến bộ. Năm 1973, phóng thích 160 tù binh, trao trả 40 tù binh tại thôn 1 Kỳ Quế (Bắc Tam Kỳ) [25, tr.258]. Qua đó, thể hiện rõ chính sách khoan hồng, nhân đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng và đã có tác dụng tốt đối với binh lính và gia đình binh sĩ ở vùng địch tạm chiếm, tạo hiệu ứng dây chuyền để lôi kéo binh lính, nhân viên chính quyền địch rời bỏ hàng ngũ địch về với cách mạng.

Ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Khu 5 đứng trước muôn vàn khó khăn, nhưng với quan điểm vì con người, vì lợi ích lâu dài của cách mạng, phát huy truyền thống nhân ái khoan dung của dân tộc, chấp hành sự chỉ đạo của Trung ương và Tổng cục Chính trị, Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 5 đã “ng nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ trên giao, giải phóng 28 vạn tù, tàn binh ở Khu 5” [168, tr.230], đập tan luận điệu tuyên truyền tâm lý của kẻ thù “rằng sẽ có tám máu, sẽ có trả thù khi Cộng sản giành thắng lợi”.

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy 5, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách tù, hàng binh luôn thể hiện quan điểm của Đảng, truyền thống đạo lý của dân tộc, lòng nhân ái bao dung của nhân dân ta đối với những người vì lý do nào đó đã tham gia vào các lực lượng của địch; tuyên truyền vạch trần mọi âm mưu thủ đoạn tuyên truyền, xuyên tạc, nói xấu cách mạng của địch, làm chuyển biến tư tưởng, thái độ nhiều binh lính, sĩ quan, nhân viên chính quyền địch đối với cách mạng. Từ chỗ họ hiểu sai, đi đến có cảm tình và đồng tình với cách mạng, thấy đâu là chính nghĩa, đâu là phi nghĩa, nhiều người trong số họ đã chống lại chỉ huy, làm binh biến, nổi dậy, ly khai, phản chiến, làm nội ứng, rời bỏ hàng ngũ địch về với gia đình làng xóm làm ăn, ra vùng giải phóng, căn cứ, tham gia lực lượng cách mạng.

Tiểu kết Chương 3

Từ năm 1965 đến năm 1975, trên cơ sở quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, dưới sự lãnh đạo của Khu ủy 5, các cấp ủy đảng đã nhận thức đúng đắn vị trí chiến lược của công tác binh vận, phát động được một phong trào binh vận rộng khắp trên ba vùng chiến lược, tấn công chính trị vào các đối tượng trong mọi lúc mọi nơi, huy động được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia binh địch vận, kể cả gia đình binh sĩ Việt Nam Cộng hòa. Cán bộ chỉ huy lực lượng vũ trang có chuyển biến nhận thức đối với công tác địch vận trong tác chiến và thực hiện tốt chính sách tù hàng binh. Trong giai đoạn này công tác binh địch vận đã phát triển thành phong trào rộng khắp, đặc biệt sau Hiệp định Paris công tác binh vận phát triển phong phú, quy mô hiệu quả cao, sự lãnh đạo, chỉ đạo của công tác binh vận đã đề ra chủ trương đúng đắn, chỉ đạo kịp thời, tạo nên bước phát triển nhảy vọt của phong trào binh vận.

Tuy nhiên, công tác binh vận giai đoạn này còn có những hạn chế, đôi lúc công tác binh vận còn nhiều mặt yếu, nhiều khuyết điểm, chưa theo kịp tình hình phát triển ngày càng thuận lợi của phong trào cách mạng, đôi khi kết hợp ba mũi giáp công chưa thật nhịp nhàng, xây dựng lực lượng cách mạng trong lòng địch còn chậm, nhất là xây dựng các cơ sở trong các đơn vị chiến lược của địch. Sau Hiệp định Paris công tác binh vận ở một số địa phương có biểu hiện mất cảnh giác, mơ hồ. Việc giáo dục, quản lý, sử dụng tù binh còn nhiều khuyết điểm lúng túng, như năm 1972 còn có hiện tượng tù binh chết nhiều do ốm đau, bệnh tật do thiếu thuốc men. Phong trào binh vận ở đô thị, trong quân chủ lực và sĩ quan cao cấp còn nhiều hạn chế. Mặc dù còn có những hạn chế, nhưng dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Khu ủy 5, công tác binh vận đã phát huy được tính chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, huy động được sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh đánh đuổi đế quốc Mỹ, lật đổ chế độ tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN GIAI ĐOẠN 1961-1975

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Một là, Khu ủy Khu 5 đã quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng đề ra chủ trương đấu tranh binh vận đúng đắn, kịp thời

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Khu ủy Khu 5 luôn quán triệt nghiêm túc và vận dụng sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Trung ương Cục miền Nam vào thực tiễn ở Khu 5.

Giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965, để chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và quốc sách “áp chiến lược” của địch, tiếp thu tinh thần Chỉ thị ngày 24/1/1961 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Hội nghị lần I của Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Khu 5 đã ban hành Nghị quyết số 62 tháng 2/1961 về công tác binh vận nhấn mạnh “công tác binh vận là một trong những nhiệm vụ cơ bản có tính chất quyết định thắng lợi của cách mạng. Đó là một trong những nhiệm vụ lớn để chuẩn bị lực lượng ta, làm yếu địch tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền, giải phóng miền Nam” [64, tr.736]. Nghị quyết cụ thể hóa mục tiêu coi công tác binh vận là một cuộc vận động cách mạng của quần chúng, xác lập vị trí chiến lược của mũi binh vận bên cạnh vũ trang và chính trị; xác định rõ tấn công chính trị vào hàng ngũ địch, phổ biến chính sách đối với binh sĩ, đẩy mạnh đào ră ngũ, chống bắt lính và xúc tiến xây dựng cơ sở nội tuyến vững chắc.

Để tiếp tục phá “áp chiến lược” của địch, tiếp thu tinh thần của Hội nghị Bộ Chính trị tháng 12/1962, Nghị quyết Hội nghị Khu ủy 5 mở rộng lần

thứ III, họp từ ngày 15 đến 31/7/1963 xác định phương hướng, phương châm, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam và nhiệm vụ cách mạng Khu 5. Đối với công tác binh vận, Khu ủy Khu 5 yêu nhận định: “tình hình hiện nay và sắp tới có nhiều thuận lợi cho ta để đẩy mạnh công tác binh vận lên hơn nữa. Các cấp cần có kế hoạch tổ chức phổ biến Nghị quyết Hội nghị binh vận Trung ương Cục cho các cấp bộ Đảng và cán bộ ngành binh vận và tích cực thực hiện Nghị quyết đó” [116, tr. 37]. Thực hiện chủ trương Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 9 tháng 12/1963 và Nghị quyết số 2/NQ của Trung ương Cục miền Nam, tháng 3/1964, Khu ủy Khu 5 xác định công tác binh vận phải phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ trung tâm phá “áp chiến lược”, phá kìm kẹp, chống càn quét, giành dân làm chủ và tiêu hao sinh lực địch. Đồng thời, thúc đẩy phong trào đấu tranh chống bắt lính, chống động viên tái đăng. Khu ủy chỉ đạo phải dựa vào mâu thuẫn giữa quân đội với chính quyền Việt Nam Cộng hòa để đẩy mạnh các cuộc xung đột, thanh trừng lẫn nhau, từ đó lôi kéo hoặc làm tan rã từng bộ phận địch. Mở rộng đối tượng vận động đặc thù, chú trọng vận động cả hàng ngũ sĩ quan, lực lượng dân vệ, thanh niên chiến đấu, binh sĩ Công giáo và đặc biệt là binh sĩ người đồng bào dân tộc nhằm làm nội ứng binh biến khi ta phá áp chiến lược, đánh đồn bốt.

Giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965, chủ trương của Khu ủy Khu 5 về công tác binh vận nhằm mục đích đối phó với và âm mưu “dùng người Việt trị người Việt” của Mỹ - Diệm. Về đối tượng chủ yếu tập trung chủ yếu vào binh lính, sĩ quan người Việt và các lực lượng bán vũ trang tại chỗ (dân vệ, thanh niên chiến đấu). Địa bàn trọng điểm chủ yếu ở nông thôn, đồng bằng và miền núi nhằm phục vụ phá thế kìm kẹp, phá “áp chiến lược”, giành dân. Nội dung tuyên truyền vạch trần chế độ độc tài Mỹ - Diệm; kêu gọi thực hiện khối “công nông binh liên hiệp” để đánh đổ tay sai, giành độc lập. Phương thức phối hợp chặt chẽ 3 mũi giáp công để tiêu hao sinh lực địch. Mục tiêu trọng tâm tấn công tư tưởng làm hoang mang tinh thần binh lính; hạn chế đàn áp, hỗ

trợ quân chúng phá thế kìm kẹp, phá vỡ lực lượng bán vũ trang (dân vệ, thanh niên chiến đấu), phát động đào ngũ, tổ chức các cuộc binh biến nhỏ và vừa phục vụ đánh đồn bốt, phá ấp chiến lược.

Giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1975, khi đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, tiếp đó là “Việt Nam hóa chiến tranh”, Khu ủy đã linh hoạt chuyển hướng chỉ đạo công tác binh vận. Khu ủy quán triệt sâu sắc các Nghị quyết của Đảng như: Nghị quyết Trung ương 12 (năm 1965), Nghị quyết 154-NQ/TW (năm 1967), Nghị quyết Trung ương 18 (năm 1970), Nghị quyết Trung ương 21 (năm 1973), đưa mũi binh vận tấn công vào các đô thị, vùng giáp ranh, phối hợp chặt chẽ trên cả 4 mặt trận (quân sự, chính trị, binh vận và ngoại giao) để đối phó hiệu quả với quân viễn chinh Mỹ, quân đồng minh và quân đội Sài Gòn.

Trước tình hình quân viễn chinh Mỹ, quân đồng minh vào miền Nam Việt Nam, quán triệt các chủ trương của Trung ương Đảng, Khu ủy Khu 5 đã khắc phục những hạn chế trong đấu tranh ở thành thị ở giai đoạn trước, ban hành Nghị quyết “*Về công tác thành phố*”, yêu cầu đẩy mạnh binh vận ở thành thị, vì thành thị là nơi tập trung đông cơ quan đầu não của địch. Đảng bộ chủ trương đánh vào điểm yếu tâm lý của quân viễn chinh Mỹ (xa gia đình, nhớ vợ con), đồng thời phát huy vai trò của các tầng lớp nhân dân ở đô thị như sinh viên, học sinh, trí thức để tiến hành binh vận. Để chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa, Hội nghị lần thứ 6 Khu ủy 5 (tháng 3/1967) chỉ đạo bồi dưỡng và giao nhiệm vụ trực tiếp cho các cơ sở nội tuyến dám hành động, nghiên cứu tổ chức các “ủy ban hành động” ngay trong lòng địch để chủ động phát động khởi nghĩa khi thời cơ đến.

Với việc quán triệt đúng đắn, kịp thời chủ trương của Trung ương, trong giai đoạn chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” công tác binh địch vận ở Khu 5 đã phát triển thành phong trào rộng khắp “góp phần đánh bại 2 cuộc phản công chiến lược của đế quốc Mỹ, tiến hành cuộc tiến công và nổi dậy

năm 1968 giành thắng lợi to lớn, giáng một đòn chí mạng vào quân Mỹ - Việt Nam Cộng hòa, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, thay đổi chiến lược mới” [168, tr.157].

Thực hiện Nghị quyết số 219-NQ/TW, ngày 4/4/1972 của Hội nghị lần thứ 20 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thường vụ Khu ủy tiếp tục ban hành Chỉ thị ngày 27/8/1972 chỉ đạo đẩy mạnh tấn công địch năm 1972; Hội nghị Thường vụ Khu ủy 5 (mở rộng) từ ngày 6 đến ngày 13/9/1972, ban hành nghị quyết yêu cầu đẩy mạnh ba mũi giáp công trong tình hình mới.

Giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, công tác binh vận ở Khu 5 một số nơi ở vùng đồng bằng giai đoạn đầu có gặp lúng túng, khó khăn, nhưng Khu ủy Khu 5 đã vận dụng chủ trương của Trung ương vào thực tiễn đưa công tác binh vận đã phát triển lên một bước mới, tiến hành tương đối đồng đều ở cả 3 vùng và thu được những kết quả lớn, vừa góp phần chống phá “bình định”, phá kìm, giành dân có kết quả vừa làm tan rã, tiêu diệt và tiêu hao nhiều sinh lực địch và phương tiện chiến tranh, đẩy mạnh được phong trào đấu tranh rộng rãi trong quân đội Việt Nam Cộng hòa và một phần trong quân Mỹ và Nam Triều Tiên, làm rối loạn ngay trong lòng địch.

Sau hiệp định Paris, quán triệt Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng, Đảng bộ Khu 5 đề ra chủ trương dùng binh vận để trung lập đồn bót, tuyên truyền về hòa bình, hòa hợp dân tộc, vận động binh sĩ và gia đình họ đấu tranh chống Mỹ - Thiệu phá hoại Hiệp định, chống lệnh đi càn quét, lấn chiếm; biến công tác binh vận thành phong trào của quần chúng; tập trung đào tạo lực lượng chuyên trách binh vận bám trụ ở từng xã, thôn, từng đồn bót; sử dụng gia đình binh sĩ làm lực lượng cốt lõi để tuyên truyền về hòa bình, hòa hợp dân tộc, kêu gọi con em chống lệnh đi càn quét, lấn chiếm hoặc trốn lính. Trong chính sách binh vận, mạnh dạn tiến hành phân loại, cải tạo tư tưởng và chọn những tù hàng binh tốt (không phải ác ôn) để bổ sung trực tiếp vào bộ

đội ta hoặc sử dụng họ tham gia vào chính các hoạt động binh vận, sản xuất, giao thông vận tải của cách mạng.

Giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1975, quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, công tác binh vận ở Khu 5 được bổ sung, phát triển đẩy mạnh lên mức cao hơn. Về đối tượng, mở rộng thêm đối tượng là quân viễn chinh Mỹ và quân đồng minh. Về địa bàn, bên cạnh địa bàn ở miền núi, đồng bằng và nông thôn, công tác đấu tranh binh vận chuyển hướng và đẩy mạnh đấu tranh ở đô thị nơi tập trung các cơ quan đầu não và các căn cứ lớn của địch. Nội dung tuyên truyền xoáy sâu vào tư tưởng phản chiến của Mỹ; sau 1973 tập trung tuyên truyền về chính sách hòa hợp dân tộc và đấu tranh pháp lý đòi thi hành Hiệp định Paris. Phương thức phối hợp nâng tầm lên mức độ cao hơn, hình thành thể trận 4 mặt trận phối hợp: Quân sự, chính trị, binh vận và ngoại giao (nhất là giai đoạn sau Hiệp định Paris). Mục tiêu trọng tâm yêu cầu cao hơn, đẩy mạnh thành phong trào bạo lực quần chúng; hướng tới tổ chức các vụ binh biến, khởi nghĩa lớn ở hầu hết thị xã, quận lỵ; thúc đẩy rã ngũ hàng loạt; trung lập hóa và bức hàng từng đơn vị lớn, kết hợp chặt chẽ với đòn tiến công quân sự quy mô lớn để làm sụp đổ hoàn toàn bộ máy địch.

Hai là, Đảng bộ Khu 5 chỉ đạo công tác binh vận với những phương pháp linh hoạt, sáng tạo

Phương pháp chỉ đạo binh vận linh hoạt, sáng tạo có ý nghĩa to lớn trong việc làm tan rã hàng ngũ địch, xây dựng lực lượng cách mạng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; làm phá vỡ thế kìm kẹp, giảm thiểu tổn thất, và tạo ra sức mạnh tổng hợp to lớn để đi đến thắng lợi cuối cùng. Giai đoạn 1961 đến năm 1965, trước âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ và thực tiễn chiến trường Khu 5, Khu ủy Khu 5 đã chỉ đạo đấu tranh binh vận với phương pháp sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Ngay sau khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Khu ủy Khu 5 đã ban hành Nghị quyết số 62 về công tác binh vận tháng

2/1961, chỉ rõ phương châm công tác binh vận: “coi trọng ba mặt công tác tuyên truyền giáo dục, gây dựng cơ sở nội tuyến và lãnh đạo đấu tranh. Kết hợp chặt chẽ giữa tác chiến và binh vận, giữa binh vận và dân vận; diện phải thật rộng, điểm phải thật chắc; nắm dưới là căn bản, nắm trên là quan trọng; phối hợp nội ngoại tuyến chặt chẽ” [64, tr.738]. Khẩu hiệu tuyên truyền chung về công tác binh vận: “Anh em binh sĩ trong quân đội miền Nam đoàn kết với nhân dân đấu tranh chống chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm tiến lên vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền giải phóng miền Nam”; “chống chính sách dùng quân đội miền Nam làm công cụ đàn áp và gây chiến của Mỹ - Diệm”; “bãi bỏ chế độ cố vấn quân sự Mỹ”; “hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập và hòa bình thống nhất Tổ quốc”. Nghị quyết yêu cầu tùy nơi, từng lúc đề ra khẩu hiệu cụ thể trước mắt nhằm xoay quanh vấn đề “chống càn quét khủng bố”, “chống bắt lính”, “đòi cải thiện vật chất và bản thân gia đình binh lính. Chống chế độ hà khắc, ngược đãi, đảm bảo quyền lợi chính trị cho quân nhân”, “đòi đối xử bình đẳng giữa người Kinh và người đồng bào dân tộc thiểu số, giữ quan hệ bình thường giữa lính và dân” [64, tr.739].

Trong chỉ đạo chỉ đạo xây dựng tổ chức và cơ sở binh vận, Khu ủy chỉ đạo bố trí lực lượng theo phương thức “Hợp pháp hóa”, tổ chức đội ngũ binh vận gồm nhiều thành phần: bí mật, công khai, hợp pháp và bất hợp pháp. Đặc biệt, càng xuống cơ sở, lực lượng “hợp pháp” càng đông để dễ dàng bám sát địa bàn, tiếp cận đối tượng quân đội địch. Thành lập các đội binh vận có chuyên môn cao, tiêu biểu như tỉnh Bình Định có các đội tuyên truyền xung kích, đội bám điểm, đội công tác hợp pháp, đội công tác nội tuyến... tạo nên sự phối hợp chặt chẽ từ trên xuống dưới. Phương châm xây dựng cơ sở nội tuyến “tích cực, vững chắc, bí mật” và phương pháp “đưa người của ta” đi học các trường sĩ quan của Việt Nam Cộng hòa, Khu ủy 5 đã cài cắm sâu vào các cơ quan đầu não và các cấp chỉ huy, lực lượng nội tuyến không chỉ dừng lại ở dân vệ, thanh niên chiến đấu mà đã phát triển sâu vào hàng ngũ sĩ quan

chỉ huy, đơn vị quân binh chủng. Năm 1964, tại vùng đồng bằng Khu 5 đã xây dựng và phát triển được 43.000 cơ sở tại 1.500 thôn.

Trong chỉ đạo thực hiện chính sách tù, hàng binh, Khu ủy chỉ đạo dùng “hành động thực tế để tấn công chính trị”. Để vận động gia đình binh sĩ làm công tác binh vận, Khu ủy Khu 5 sáng tạo mô hình “Đại hội gia đình binh sĩ”, “Gia đình binh sĩ yêu nước” và phương thức “Xanh vỏ đỏ lòng”; tổ chức cho các gia đình thảo luận, cam kết thực hiện phong trào “Tộc họ, thôn xóm dứt điểm không có người đi lính cho địch”. Tại các vùng giải phóng, đã kết hợp tốt chính sách binh vận với các chính sách khác của Đảng. Điều này xóa bỏ mặc cảm và khơi dậy trách nhiệm của họ với xóm làng. Với phương pháp linh hoạt, sáng tạo, trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965, mũi tiến công binh vận ở Khu 5 đã làm tan rã hơn 7,5 vạn binh sĩ địch.

Giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1975 là giai đoạn chiến trường Khu 5 diễn ra vô cùng ác liệt. Trước tình hình mới, để tăng cường công tác đấu tranh binh vận, đặc biệt đấu tranh binh vận đối với quân Mỹ và quân đồng minh, Hội nghị lần thứ sáu Khu ủy Khu 5 (mở rộng) tháng 3/1967, chỉ rõ: “*Đối với lính Mỹ và chư hầu, cần nghiên cứu tư tưởng, nguyện vọng của chúng để có khẩu hiệu và nội dung tuyên truyền vận động thích hợp, gây phong trào phản chiến đòi hoà bình, đòi về nước. Đặc biệt chú trọng vận động lính da đen, khơi sâu mâu thuẫn về vấn đề phân biệt chủng tộc, kêu gọi họ phản chiến, chống lệnh trên, đòi về nước*” [117, tr.13]. Khu ủy Khu 5 và cấp ủy Đảng đã kiên định, tinh táo và nhạy bén phân tích đánh giá đúng chỗ mạnh yếu của địch, nhất là đánh giá đúng tình hình chính trị, tư tưởng, tâm lý của từng đối tượng tác chiến kiên định phương châm đấu tranh kết hợp “2 chân 3 mũi giáp công”, đã khắc phục được sự lúng túng, do dự, gờm, ngại ban đầu, phát động một phong trào quần chúng sâu rộng, hoạt động có hiệu quả, gây tâm lý thất bại, cầu an, trung lập, phản chiến và chống chiến tranh đòi hòa bình, rút về nước trong một bộ phận không nhỏ lính Mỹ và Nam Triều Tiên.

Trong chỉ đạo xây dựng tổ chức binh vận, Khu 5 đã linh hoạt tách Ban binh vận ra khỏi Ban đấu tranh chính trị để chuyên môn hóa đấu tranh binh vận, qua đó xây dựng lực lượng đa dạng, bám sát trận địa, hình thành các đội công tác cấp huyện, tổ bám điểm, tổ mật giao và các tổ nòng cốt binh vận quanh các “vành đai diệt Mỹ”, các căn cứ quân sự, trục đường chiến lược. Tại các địa bàn trọng điểm như Quảng Nam, Quảng Đà, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai..., hệ thống này được tổ chức chặt chẽ từ tỉnh xuống thôn, xóm.

Đảng bộ Khu 5 xây dựng “đội quân tóc dài” trên “vành đai diệt Mỹ”, tổ chức các vành đai bao quanh các cứ điểm, quận lỵ để chủ động tấn công chính trị, tư tưởng. Trong bao vây cứ điểm, bức hàng tại trận, sử dụng linh hoạt hình thức vừa tác chiến vừa bắn cối rải truyền đơn, gọi loa trực tiếp tại trận (như ở Hoài Nhơn, Tam Kỳ, Hòa Vang...) khiến tinh thần địch hoang mang, làm tăng tỷ lệ đầu hàng và rã ngũ tập thể. Nhiều xã, phường đã linh hoạt lập ra các tổ binh vận hợp pháp, bất hợp pháp, tổ nòng cốt xung kích, tổ cơ động, tổ vũ trang tuyên truyền đột áp.

Trong chỉ đạo xây dựng cơ sở nội tuyến, được phân định thành nhiều diện (vận động phá rã, phục vụ tác chiến, nội ứng, cơ sở chiến lược) để có phương hướng sử dụng phù hợp. Đặc biệt, vận động và xây dựng cơ sở là các sĩ quan nắm thực binh (cấp úy đến cấp tá). Sử dụng phương pháp linh hoạt trong xây dựng chính quyền “hai mặt” và cài cắm vào cơ quan đầu não địch, tiêu biểu xây dựng chính quyền “hai mặt” thôn Gò Quán (Quảng Ngãi).

Trong chỉ đạo thực hiện chính sách binh vận, thay vì chỉ sử dụng hình thức lao động như trước, Khu ủy đã chuyển sang dùng biện pháp thuyết phục, khuyên giải, cảm hóa làm chủ yếu, giúp họ nhận rõ chính nghĩa và bản chất phi nghĩa của cuộc chiến. Thực hiện chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc; tổ chức cho nhân dân và người nhà binh sĩ học tập “chính sách 10 điểm” của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam. Từ đó, tổ chức các hội nghị

“hiền kẻ”, huy động hàng ngàn lượt gia đình kéo lên đồn bắt đầu tranh trực tiếp để gọi chồng, con em rã ngũ trở về.

So với giai đoạn 1961 - 1965, qua thực tiễn lãnh đạo từ 1965 đến năm 1975, Khu ủy Khu 5 đã đẩy mạnh công tác binh vận trên tất cả các mặt, vận dụng các phương pháp phù hợp với thực tiễn Khu 5 và đấu tranh hiệu quả với các chiến lược chiến tranh của địch: Ban binh vận đã được nâng tầm về mặt chuyên môn hóa; sử dụng phương pháp binh vận phù hợp với đối tượng là lính Mỹ và quân đồng minh và quân đội Sài Gòn; phương thức tác chiến trực diện hơn; chính sách binh vận mang tính hòa giải dân tộc sâu sắc, huy động được sức mạnh của toàn dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Sự chỉ đạo công tác binh vận của Khu ủy Khu 5 từ năm 1961 đến năm 1975 là một minh chứng sinh động thể hiện sự nhạy bén, sáng tạo, không rập khuôn máy móc mà luôn bám sát đặc điểm chiến trường, biến binh vận thành một mũi giáp công sắc bén. Sự vận dụng sáng tạo công tác binh vận đã trực tiếp làm suy sụp tinh thần quân Mỹ và đồng minh, làm tan rã về mặt tổ chức, tư tưởng của quân đội Việt Nam Cộng hòa, hạn chế sự đàn áp của địch, tạo điều kiện phối hợp đặc lực cho các chiến dịch quân sự tiến công và nổi dậy.

Ba là, công tác binh vận đạt được thành tựu to lớn, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Hệ thống tổ chức binh vận thường xuyên được kiện toàn, lực lượng cán bộ binh vận đáp ứng yêu cầu cách mạng

Xây dựng tổ chức binh vận và lực lượng binh vận vững mạnh làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh binh vận là điều kiện quan trọng làm nên những thắng lợi. Ở khu 5 đến cuối năm 1961, cơ quan binh vận đã hình thành ở tỉnh, huyện và một số xã, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy và do một đồng chí cấp ủy viên chuyên trách. Đến năm 1962, toàn Khu 5 đã kiện toàn được 8 Ban Binh vận cấp tỉnh, 68 Ban Binh vận cấp huyện, và 515 hội đồng/Ban Binh vận cấp xã, thôn. Về tổ chức đội ngũ quần chúng, đã xây dựng được

10.700 Tổ Binh vận hợp pháp, 8.000 Tổ Binh vận nòng cốt, cùng 15.300 Chi hội và Tổ gia đình binh sĩ yêu nước.

Công tác huấn luyện, giáo dục, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ được tổ chức hàng năm hoặc bồi dưỡng từng mặt; cán bộ binh vận huyện, xã được học tập nghiệp vụ từ 10 đến 15 ngày, cơ sở mặt được bồi dưỡng nghiệp vụ riêng cho từng đối tượng. Việc bồi dưỡng nghiệp vụ, phương thức hoạt động trong lực lượng vũ trang luôn được chú ý trong từng lúc, từng đợt hoạt động, coi công tác binh địch vận là một nhiệm vụ của công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang. Về xây dựng nền nếp làm việc Ban binh vận, Khu ủy 5 quy định quyền hạn, nhiệm vụ và quan hệ các ngành, trên dưới chặt chẽ; có bộ phận theo dõi nghiên cứu chung và bộ phận bám điểm.

Trong giai đoạn đấu tranh chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, để phù hợp với tình hình mới, Khu ủy chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ chú trọng những vấn đề về tiêu chuẩn cán bộ binh vận không thiên về mặt lạnh lẽ, tháo vát, giỏi giao thiệp, biết ngoại ngữ mà cơ bản đầu tiên là “phải có lập trường quan điểm giai cấp vững vàng, có lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng, có tính tổ chức kỷ luật cao, có đạo đức khí tiết cách mạng làm cơ sở để bồi dưỡng và phát huy chuyên môn” [168, tr.196]. Ở các tỉnh Tây Nguyên và các địa phương có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, cán bộ binh vận ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, còn phải biết tiếng dân tộc, am hiểu phong tục, tập quán, có kinh nghiệm vận động đồng bào dân tộc và nhất là coi trọng bồi dưỡng cán bộ nòng cốt binh vận là người dân tộc, người địa phương. Sự tiến bộ vượt bậc trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ binh vận, xây dựng cơ sở và lực lượng quân chúng nòng cốt trong phong trào binh vận, đáp ứng sự phát triển đột biến từng giờ của tình thế thời cơ cách mạng mới.

Giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975, từ cấp Khu đến các địa phương thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, kiện toàn tổ chức, xây dựng lực lượng binh vận ngày càng trưởng thành vừa có trình độ

chuyên môn nghiệp vụ cao, vừa có tính quần chúng rộng rãi, vận dụng nhiều phương thức tấn công binh địch vận đạt hiệu quả “kết hợp hoạt động bí mật và hoạt động công khai, kết hợp giáo dục tuyên truyền nâng cao giác ngộ dân tộc, giai cấp và tổ chức hướng dẫn hành động kết hợp 3 mũi giáp công cả trong chiến đấu và chiến dịch” [168, tr.232]. Đội ngũ cán bộ và lực lượng binh vận đã phát triển từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, từ một lực lượng nòng cốt ít ỏi ban đầu, được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo giáo dục đã trở thành một hệ thống tổ chức hoàn chỉnh từ khu đến tỉnh huyện, thị cơ sở, làm nòng cốt cho phong trào quần chúng rộng lớn, chủ động tấn công kẻ thù mọi lúc, mọi nơi.

Đảng bộ Khu 5 đã xây dựng được cơ sở nội tuyến hoạt động hiệu quả

Xây dựng cơ sở nội tuyến, cài cắm, giác ngộ và tổ chức lực lượng cách mạng ngay bên trong hàng ngũ địch đạt được nhiều thành tích. Từ năm 1961 đến năm 1965, thông qua các cơ sở nội tuyến hợp pháp, người thân trong gia đình binh sĩ, cấp ủy, cán bộ binh vận các cấp đã gửi thư của Mặt trận, trực tiếp hoặc gián tiếp vận động, tuyên truyền. Hoạt động nội tuyến diễn ra sôi nổi và đạt nhiều kết quả tiêu biểu như: Năm 1962, ở Khu 5 đã sử dụng một số cơ sở trong dân vệ, thanh niên vũ trang và nhân viên chính quyền địch làm 18 cuộc nội ứng đánh tan 7B dân vệ, 5B thanh niên vũ trang, 7 Hội đồng xã [2, tr.7]. Năm 1963, tỉnh Thừa Thiên Huế “cơ sở nội tuyến phối hợp đơn vị K105 của tỉnh phá rào áp chiến lược, họp mít tinh, tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng, bắt tên Trần Bá Có, là ác ôn Đảng Cần lao là phái viên của Ngô Đình Cẩn. Tháng 5/1963, nhân ngày lễ Phật Đản cơ sở binh vận ở thành phố và huyện vận động hàng vạn nhân dân vào Huế vạch mặt Mỹ - Diệm, kêu gọi binh lính, cảnh sát đứng về phía nhân dân” [185, tr.86].

Toàn Khu 5, trong hai năm 1963 và 1964, có 110 vụ, trong đó có 30 trung đội làm binh biến, nổi dậy diệt ác ôn, giải tán dân vệ [154, tr.109]. Tổng số vụ binh biến giai đoạn 1961-1964 là 394 vụ, có 1 đại đội, 30 trung đội nổi dậy làm binh biến tập thể. Tuy nhiên, việc sử dụng nội tuyến trong thời kỳ này chủ

yếu là trong lực lượng dân vệ và các lực lượng bán vũ trang của Việt Nam Cộng hòa ở cơ sở. Phương châm hoạt động chủ yếu là đơn tuyển. Đối tượng và phạm vi cài cắm chủ yếu dân vệ, bảo an, thanh niên chiến đấu, nhân viên nguy quyền cấp xã, thôn, ấp. Bước đầu tiếp cận quân chủ lực và sĩ quan cấp thấp. Quy mô phát triển mạnh về số lượng ở đồng bằng, nhưng vùng miền núi còn mỏng, kết quả chưa đồng đều. Phương thức hoạt động và mục tiêu chủ yếu là lấy tin tức mật, làm nội ứng đánh đồn nhỏ, thu súng đạn, kêu gọi đấu tranh chống càn.

Trong giai đoạn đấu tranh chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ, Khu 5 đã kịp thời chuyển hướng xây dựng cơ sở nội tuyển trong binh lính và phụ quân phát triển nhanh, sử dụng cơ sở nội tuyển đúng khả năng trình độ của từng đối tượng. Bước đầu đã xây dựng được cơ sở nội tuyển trong quân đội Mỹ [168, tr.157]. Đến năm 1967, Khu 5 có 85% ấp xã trong toàn khu có cơ sở nội tuyển. Phương thức hoạt động và mục tiêu trực diện, táo bạo như: binh biến ly khai tập thể, diệt ác phá kìm, làm tê liệt bộ máy tê điệp, phá hoại kho tàng phương tiện chiến tranh, cung cấp tài liệu tình báo chiến lược, vận động rã ngũ hàng loạt. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1967, toàn khu có 14 lần cơ sở hoạt động phối hợp với bộ đội du kích tiêu diệt địch. Diễn hình trong sử dụng nội tuyển như:

Tỉnh Quảng Ngãi, năm 1968 “tổ chức 23 vụ cơ sở hành động, đánh diệt 279 binh sĩ, thu 150 súng, lựu đạn, 3 trung đội ly khai khởi nghĩa” [23, tr.92 - 93]. Tỉnh Gia Lai “cơ sở đánh nội ứng diệt 19 tên trong đó có 6 cố vấn Mỹ, phá hỏng 1 máy bay” [168, tr.154]. Tỉnh Bình Định “trong tháng 7 và 8/1968, cơ sở nội tuyển của tỉnh liên tiếp đánh 18 trận” [24, tr.80], trong 6 tháng đầu năm 1969 “cơ sở đơn tuyển và nội tuyển tổ chức 50 vụ phản chiến, binh biến, diệt 196 binh sĩ. Vận động đào rã ngũ 7 trung đội phụ quân, 2 đoàn “binh định”, đào rã ngũ 4.800 lính các loại” [24, tr.85].

Trong giai đoạn đấu tranh binh vận chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, cơ sở nội tuyến đều do cấp ủy trực tiếp chỉ đạo theo phân cấp và tuyệt đối bí mật. Ở xã, huyện các cơ sở nội tuyến do Bí thư và phó Bí thư trực tiếp nắm và chỉ đạo. Ở tỉnh, các cơ sở nội tuyến do Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp nắm và chỉ đạo cụ thể. Ở khu, Bí thư Khu ủy chỉ nắm số lượng các cơ sở nội tuyến ở các địa phương trong khu, còn Trưởng Ban binh vận khu và ủy viên Ban binh vận khu chuyên trách nội tuyến trực tiếp nắm và chỉ đạo các cơ sở nội tuyến do khu xây dựng.

Năm 1973, toàn Khu 5 “có 100 vụ cơ sở nội tuyến phối hợp đánh địch, diệt 366 binh sĩ. Năm 1974, cơ sở nội tuyến đánh địch 180 vụ (tăng 80%) diệt 702 lính, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch” [168, tr.221]. Trong tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975, mặc dù diễn ra rất khẩn trương, trên một quy mô rộng lớn, liên tục và quyết liệt. Nhưng do được chăm lo xây dựng lực lượng, nên khi thời cơ đến đã huy động toàn bộ lực lượng kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và công quân sự tiêu diệt và làm tan rã lớn quân địch. Ở các thị trấn, thị xã, thành phố, khi bộ đội đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu, lập tức các cơ sở bí mật, cơ sở nội tuyến cùng nhân dân nổi dậy phá nhà lao, giải thoát tù chính trị, chiếm công sở kho tàng, kêu gọi binh lính không nổ súng, đầu hàng.

Kết hợp giữa đấu tranh binh vận với đấu tranh quân sự, chính trị giành nhiều thắng lợi quyết định

Binh vận kết hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự, chính trị thành 3 mũi giáp công là thể hiện quan điểm phát huy sức mạnh tổng hợp trong chiến tranh nhân dân của Đảng. Ở Khu 5 “sự kết hợp binh vận với đấu tranh quân sự, chính trị không những chỉ kết hợp ở quy mô chiến lược, chiến dịch mà ngay trong từng đợt hoạt động, từng trận chiến đấu, ở phạm vi từng địa phương, mỗi đơn vị trong từng trận đánh đều có sự kết hợp” [168, tr.295].

Vận dụng sự kết hợp ba mũi giáp công trên chiến trường Khu 5 không phải lúc nào cần, thấy thuận lợi thì làm, lúc nào thấy khó khăn thì thôi, mà luôn coi

đây là phương pháp đấu tranh cách mạng, là một nội dung, nhiệm vụ thường xuyên trong các cuộc đấu tranh...về mặt chỉ đạo và tổ chức thực hiện không xem nhẹ mũi tiến công nào mà luôn đan xen lẫn nhau, hỗ trợ, tác động với nhau tạo thành sức mạnh tổng hợp.

Trên cơ sở nắm vững quan điểm kết hợp ba mũi giáp công không chỉ chặt chẽ thường xuyên mà có sự vận dụng sáng tạo, tiêu biểu như chiến dịch Ba Gia “trước chiến dịch, binh vận đã móc nối một số sĩ quan ở cứ điểm Gò Cao, khi chiến dịch nổ ra binh vận đã kết hợp tác chiến kêu gọi nhiều tên sĩ quan và binh lính ra hàng. Sau khi thắng lợi ngày 31/5/1965, hơn 10 vạn quần chúng ở các huyện lân cận đứng lên đấu tranh chính trị kéo về thị xã Quảng Ngãi tìm xác chết, đòi chồng con” [168, tr.298 - 299]. Cuộc đấu tranh 76 ngày đêm của Nhân dân Đà Nẵng và cuộc đấu tranh của hàng vạn sinh viên, học sinh và nhân dân Đà Lạt; cuộc đấu tranh của Nhân dân thành phố Nha Trang, Phú Yên, Bình Định năm 1966 có sự kết hợp ba mũi, nhưng mũi quân sự chỉ là hỗ trợ, mũi đấu tranh chính trị, binh vận là chủ yếu [168, tr.297 - 298].

Điểm nổi bật trong đấu tranh kết hợp ba mũi giáp công ở chiến trường Khu 5 là đấu tranh quân sự luôn vai trò “đòn xeo” tạo điều kiện, thời cơ cho binh vận. Tiêu biểu như: Trận tiêu diệt địch ở Dương Liễu - Đèo Nhông (Bình Định), sân bay Pleiku, sân bay Aréa, sở chỉ huy quân đoàn 2 (Gia Lai), Việt An, Quế Sơn (Quảng Nam) và bắc Kon Tum...tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giáng một đòn đau vào lực lượng cơ động địch, tạo điều kiện, thời cơ cho mũi binh vận toàn khu, đẩy mạnh các hoạt động với đấu tranh chính trị nổi dậy [168, tr.299 - 300]. Thắng lợi to lớn về quân sự ở Đường 9 - Nam Lào năm 1971, làm cho tinh thần binh lính hoang mang, dao động tâm lý thất bại phát triển cả trong quân chủ lực và địa phương quân, tận dụng thời cơ đó mũi tấn công binh vận tiếp tục tấn công mạnh vào tinh thần quân nguy, làm tăng thêm lo sợ, suy sụp về tinh thần trong binh lính và sĩ quan nguy.

Trong cuộc tấn công chiến lược Xuân năm 1972, bộ đội chủ lực Khu 5 tập trung ở ba khu vực trọng điểm: Bắc Kon Tum, Bắc Bình Định và Tây Quảng Nam...tranh thủ thời cơ quân chủ lực nguy bị thu hút vào các chiến trường chính, bị tiêu hao, thiệt hại nặng...các địa phương trong toàn khu đã kết hợp ba mũi giáp công tiêu diệt và làm tan rã lực lượng kìm kẹp của địch, phá vỡ từng mảng “áp chiến lược” [168, tr.301]. Tiêu biểu nhất cho kết hợp ba mũi giáp công là phối hợp giữa các địa phương, các cánh quân chủ lực, các mũi tiến công nổi dậy trong chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, giải phóng hoàn toàn Khu 5, tạo thời cơ và điều kiện tiến lên góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Khu 5 đã thực hiện có hiệu quả công tác tù, hàng binh

Thực hiện chính sách tù, hàng binh là nội dung rất quan trọng trong công tác binh vận. Đảng bộ Khu 5, các cấp ủy địa phương đã khắc phục khó khăn, bằng nhiều biện pháp phong phú, linh hoạt đã vận động, giáo dục cho nhân dân và gia đình binh sĩ nhận thức đúng trách nhiệm trong công tác binh vận, đặc biệt với gia đình binh sĩ làm cho họ hiểu được chính sách của Đảng, Mặt trận dân tộc giải phóng, thấy được âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - chính quyền Việt Nam Cộng hòa, đề cao tính tự tôn của dân tộc, qua đó tự cảm hóa họ tích cực tham gia phong trào đấu tranh của nhân dân; tuyên truyền đã vận động gia đình binh sĩ yêu nước, thương nòi, lấy chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, xây dựng tình làng nghĩa xóm để xóa đi những mặc cảm, thành kiến với gia đình binh sĩ.

Khu ủy 5 đã được quán triệt đến mọi lực lượng và mọi người dân phải có trách nhiệm chấp hành chính sách tù, hàng binh, trong đó cán bộ, đảng viên, chiến sĩ phải là người quán triệt sâu sắc, nắm vững nội dung, quan điểm chính sách hơn ai hết. Cán bộ đảng viên, chiến sĩ chính là người trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách, là lực lượng nòng cốt phát huy tác dụng và sức mạnh của chính sách, coi chính sách như một vũ khí để liên tục tấn công địch, phân hóa kẻ thù, góp phần làm tan rã hàng ngũ địch, tranh thủ đông đảo những người có thể tranh

thù, để giảm bớt lực lượng thù địch, chống đối cách mạng, tăng thêm lực lượng đứng về phía nhân dân chống kẻ thù chung, tăng cường khối đoàn kết toàn dân.

Từ sau năm 1970, đấu tranh chính trị, quân sự ngày càng gay gắt quyết liệt, thế và lực của ta càng mạnh, chiến thắng càng dồn dập thì chấp hành chính sách càng nghiêm túc hơn. Các cấp ủy đã quan tâm giáo dục cho cán bộ, nhân dân, các lực lượng vũ trang nội dung chính sách và ý nghĩa tấn công địch của chính sách, nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, tổ chức thực hiện tốt chính sách, khắc phục những biểu hiện vi phạm chính sách tù hàng binh. Quân khu 5 đã phát động phong trào học tập các chính sách binh vận, xây dựng phương án tác chiến, kết hợp với binh vận, bắt nhiều tù binh “trước khi bước vào chiến đấu 98% cán bộ, chiến sĩ và 50% du kích đã được học tập chính sách, học thuộc các khẩu lệnh bắt tù binh Mỹ” [168, tr.192]. Bộ đội chủ lực trong tác chiến sau khi bắt được tù binh đối xử đúng chính sách, số tù hàng binh bị thương được băng bó, giải thích chính sách rồi phóng thích đã gây ảnh hưởng tốt trong binh lính Việt Nam Cộng hòa.

Ở Khu 5, chính sách tù, hàng binh đã gắn với thực hiện các chính sách ruộng đất, dân tộc, tôn giáo, thanh vận, phụ vận...có tác dụng tuyên truyền, vận động, giác ngộ quần chúng tiến hành tốt công tác binh vận trong suốt cuộc chiến tranh, có những thời kỳ đặc biệt khó khăn nhưng các cấp, các ngành như binh địch vận, công an, lực lượng vũ trang và các địa phương đã tổ chức nuôi dưỡng, giáo dục, đối xử đúng đắn, nhân đạo với hàng chục vạn tù hàng binh, đã cảm hóa, giác ngộ, bồi dưỡng, sử dụng một số tù, hàng binh tiến bộ, tạo cơ sở thuận lợi cho việc thực hiện chính sách đại đoàn kết và hòa hợp dân tộc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Khu 5 đã huy động đông đảo quần chúng nhân dân chấp hành chính sách tù, hàng binh, chính vì vậy mà ở Khu 5 “nhân dân đã từng che chở, bảo vệ những người “trốn lính”, “lính trốn”, tuyên truyền vận động bày mưu, tính kế, chỉ đường, dẫn đường cho những đơn vị địch ra hàng cách mạng” [168, tr.337 - 338]. Nhân dân ở nhiều nơi đã cuơ mang, đùm bọc, giúp đỡ cho gia

đình binh sĩ lúc kho khăn; đau ốm, thiếu đói, ngay ở các vùng giải phóng, vùng ta làm chủ, nhân dân sống bình đẳng, thân thiện “tình làng, nghĩa xóm”, không có sự phân biệt đối xử, xa lánh những gia đình có chồng, con, anh, em đang trong hàng ngũ địch. Kịp thời động viên, khen thưởng những người có công với cách mạng, tạo niềm tin cho binh lính và nhân viên chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với cách mạng, đã có tác động với các lực lượng các đối tượng địch. Việc tiếp nhận, quản lý giáo dục tù hàng binh tốt, qua đó đã làm cho binh lính, sĩ quan và gia đình binh sĩ tin tưởng vào chính sách của Đảng nhiều hơn, thể hiện chính sách khoan hồng của cách mạng đối với binh sĩ.

4.1.1.2. Nguyên nhân ưu điểm

Thứ nhất, có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sáng suốt của Trung ương Đảng đối với công tác binh vận

Trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Tổng Bí thư thứ nhất Lê Duẩn thường xuyên đề ra chủ trương và chỉ đạo công tác binh vận kịp thời để đối phó với âm mưu của đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong từng chiến lược chiến tranh và từng giai đoạn cách mạng cụ thể. Chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương bảo đảm tính toàn diện trên các mặt của công tác binh vận.

Để đối phó với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và âm mưu “Dùng người Việt trị người Việt” của đế quốc Mỹ. Ngày 24/1/1961, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về *phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*, xác định nhiệm vụ của công tác binh vận: “cần chú trọng làm tan rã lực lượng vũ trang của địch, làm cho địch càng gặp khó khăn về quân số, không thể dựa vào lực lượng quân đội để duy trì thế lực chính trị, hạn chế tác dụng đàn áp của địch và phá thế kìm kẹp của địch ở các địa phương” [64, tr.167]. Tiếp đó, Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ I (mở rộng) ngày 10/10/1961 chỉ

rõ: “yêu cầu của công tác binh vận là vận động cách mạng trong hàng ngũ binh sĩ địch, từ chỗ làm tan rã về tinh thần và tổ chức từ nhỏ đến lớn, hạn chế sức đàn áp của quân đội địch hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, phục vụ cho tác chiến, đồng thời vận động binh sĩ Việt Nam Cộng hòa tiến lên cùng toàn dân đánh đổ Mỹ - Diệm” [64, tr.699].

Để phát động phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân ở đô thị, ngày 22/4/1966 Bộ Chính trị Điện mật gửi Trung ương Cục, Khu 5, liên tỉnh 1, yêu cầu “đẩy mạnh tác chiến tiêu diệt quân Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng hòa kết hợp chặt chẽ với công tác binh vận, địch vận và các cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn của hàng triệu quần chúng ở đô thị” [69, tr.125].

Để kịp thời chỉ đạo cách mạng miền Nam và Khu 5, ngoài các Nghị quyết, Chỉ thị chỉ đạo cụ thể, Bộ Chính trị và đồng chí Lê Duẩn luôn thường xuyên có công điện chỉ đạo trực tiếp những nhiệm vụ cấp bách, tiêu biểu như: ngày 27/3/1972, Bộ Chính trị có Điện số 119 (gửi anh: Bảy Cường, Năm Công (Võ Chí Công - Bí thư Khu ủy 5), Bảy Tiến, Tư Thuận), chỉ rõ: “phải có riêng một kế hoạch binh vận trong cuộc tấn công nhằm vận động được binh lính địch nổi dậy phối hợp với cuộc tấn công của ta để tiêu diệt và làm tan rã hàng ngũ của chúng” [75, tr.222]. Ngày 12/4/1972, Bộ Chính trị có Điện số 222/TK (gửi Trung ương Cục, Quân ủy Miền, Khu ủy và Quân khu ủy Trị - Thiên, Khu V, Đảng ủy B3), yêu cầu: “Triển khai mạnh mẽ công tác binh vận theo 10 chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng ở những vùng mới được giải phóng” [75, tr.241]. Ngày 28/9/1972, Điện của đồng chí Lê Duẩn (gửi Thường vụ Trung ương Cục, Thường vụ Khu ủy Khu V, Thường vụ Khu ủy Trị - Thiên) yêu cầu: “Phát động phong trào giành hòa bình, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và công tác binh vận, tranh thủ thời cơ đẩy tới cao trào cách mạng trong vùng địch” [75, tr.368].

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, để chỉ đạo phong trào cách mạng ở miền Nam trong tình hình mới, ngày 9/2/1973 Bộ Chính trị có Điện số 50

nêu rõ: “Vũ khí đấu tranh hợp pháp là Hiệp định, phải in nhiều các hiệp định, nghị định thư, lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời, 10 chính sách binh vận, 10 chính sách vùng giải phóng. Phương châm hoạt động là tranh thủ thời cơ làm nhanh, tấn công chính trị, binh vận kiên quyết, liên tục” [76, tr.22]. Tất cả các chủ trương của Trung ương Đảng, bên cạnh việc chỉ đạo chung đối với cách mạng miền Nam, nội dung chỉ đạo công tác binh vận bảo đảm tính toàn diện và kịp thời, đúng đắn, sáng tạo về những vấn đề cơ bản và cấp bách của công tác binh vận. Hình thức chỉ đạo rất phong phú (chỉ thị, điện, thông tri, nghị quyết) là cơ sở quan trọng, quyết định đến thành công trong xác định chủ trương và chỉ đạo công tác binh vận của Khu ủy 5.

Thứ hai, Đảng bộ Khu 5 có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần đoàn kết, tư duy sáng tạo

Trước kẻ thù mạnh về kinh tế, quân sự với các chiến lược chiến tranh tàn khốc, Đảng bộ Khu 5 luôn thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và đường lối cách mạng của Đảng. Bản lĩnh ấy được tôi luyện qua những giai đoạn gay go, gian khổ nhất, Đảng bộ Khu 5 đã giữ vững định hướng tư tưởng, khơi dậy tinh thần yêu nước cao độ của đồng bào các dân tộc trên địa bàn, kết thành một khối đoàn kết toàn dân bền chặt, keo sơn. Chính bản lĩnh kiên cường ấy đã tạo nên sức mạnh giúp quân và dân Khu 5 vượt qua mọi khó khăn thử thách, tin tưởng vào Đảng, sẵn sàng dấn thân và hy sinh vì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Không chỉ vững vàng về bản lĩnh và truyền thống đoàn kết, Đảng bộ Khu 5 còn khẳng định tư duy sáng tạo, nhạy bén trong việc vận dụng đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh của Đảng vào điều kiện đặc thù của chiến trường Khu 5. Đảng bộ thể hiện sự nhạy bén, quyết đoán trong việc hoạch định các phương châm tác chiến, tổ chức lực lượng, và linh hoạt điều chỉnh sách lược theo từng giai

đoạn, thậm chí từng thời điểm cụ thể của cuộc kháng chiến, “lấy yếu chống mạnh”, đánh vào chỗ yếu của địch, đặc biệt thông qua công tác binh vận tấn công vào tư tưởng của quân địch, vào tính phi nghĩa của cuộc xâm lược làm cho quân Mỹ, quân đồng minh và quân đội Việt Nam Cộng hòa dù đông và hiện đại nhưng vẫn rơi vào thế bị động, hoang mang về tư tưởng và suy yếu. Sự sáng tạo đó được cụ thể hóa bằng việc xây dựng thế trận ba thứ quân, triển khai phối hợp nhịp nhàng giữa quân sự, chính trị, binh vận và ngoại giao, phát huy cao độ sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại để đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Sức mạnh cốt lõi làm nên những thắng lợi của Khu 5 chính là truyền thống đoàn kết của Đảng bộ, Nhân dân lao động và các dân tộc trên địa bàn Khu 5. Đảng bộ Khu 5 đã phát huy cao độ khối đại đoàn kết trong Đảng, trong toàn dân, toàn quân, thống nhất ý chí và hành động. Đảng bộ Khu 5 luôn xuất phát từ thực tiễn, biết nhìn thẳng vào những khó khăn để tự phê bình, kịp thời uốn nắn những lệch lạc và chăm lo xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh. Bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy sáng tạo và truyền thống đoàn kết, những truyền thống tốt đẹp đó của Đảng bộ Khu 5 đã góp phần làm nên những thắng lợi to lớn trong công tác binh vận nói riêng và của Đảng bộ, quân và dân Khu 5 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thứ ba, Đảng bộ, quân và dân Khu 5 có truyền thống anh dũng, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm

Khu 5 là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc anh em, trong đó khu vực Tây Nguyên và miền tây các tỉnh đồng bằng là nơi cư trú lâu đời của đồng bào các dân tộc thiểu số như Ba Na, Gia Rai, Ê Đê, Xơ Đăng, Chăm Hroi, Rắc Giây... Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, trong quá trình lao động, đấu tranh sinh tồn và chống chọi với thiên tai, địch họa, nhân dân các dân tộc Khu 5 đã hun đúc nên những truyền thống quý báu. Đó là tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí quật khởi chống ngoại xâm, truyền thống đoàn kết gắn bó keo sơn

và tinh thần tự lực tự cường. Truyền thống ấy chính là cội nguồn sức mạnh để quân và dân Khu 5 giữ vững ngọn lửa cách mạng, hiên ngang đứng lên đấu tranh chống lại các thế lực ngoại bang xâm lược để bảo vệ Tổ quốc.

Suốt thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, với truyền thống anh dũng trong chống giặc ngoại xâm. Ở vùng đồng bằng ven biển, nhân dân hăng hái hưởng ứng phong trào Cần Vương dưới sự lãnh đạo của các văn thân yêu nước như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Trung Đình, Tăng Bạt Hổ... Trong khi đó, ở vùng rừng núi, dưới sự lãnh đạo của những thủ lĩnh như: Pa Ta Gi-ui, A-ma Trang Lơ, Đăm Brăm... đồng bào các dân tộc thiểu số cũng liên tục nổi dậy cắt máu ăn thề, dùng giáo mác, cung tên chống lại thực dân Pháp.

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với đường lối đúng đắn, sáng tạo truyền thống yêu nước của nhân dân các dân tộc Khu 5 đã được phát huy cao độ. Dưới ngọn cờ của Đảng, khối đại đoàn kết giữa các dân tộc Kinh, Ba Na, Gia Rai, Ê Đê... ngày càng được củng cố bền vững, tạo thành một làn sóng đấu tranh cách mạng sôi nổi và rộng khắp. Tiêu biểu nhất cho tinh thần anh dũng, quyết chiến quyết thắng đó là cuộc Khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi) ngày 11/3/1945, khai sinh ra Đội du kích Ba Tơ lực lượng vũ trang đầu tiên của Khu 5. Tinh thần của khởi nghĩa Ba Tơ đã lan tỏa, cổ vũ nhân dân các dân tộc trong toàn khu đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Bước vào thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), truyền thống yêu nước và đoàn kết của nhân dân Khu 5 lại được thử thách và hun đúc trong khói lửa chiến tranh. Với địa bàn bốn tỉnh vùng tự do cũ gồm Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và vùng giải phóng Kon Tum, nhân dân Khu 5 đã xây dựng nên hậu phương vững chắc cho cách mạng miền Nam. Qua chín năm kháng chiến, nhân dân Khu 5 đã đóng góp to lớn về sức người, sức của góp phần cùng cả nước đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Mỹ dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam. Nhận diện rõ Khu 5 là mảnh đất có phong trào cách mạng, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tập trung thực hiện chính sách “tổ cộng”, “diệt cộng” hòng tiêu diệt tận gốc lực lượng cách mạng. Tuy nhiên, sự tàn bạo phản động không thể khuất phục được ý chí của nhân dân Khu 5. Dưới ánh sáng của Đảng, nhân dân các dân tộc đứng lên đấu tranh vũ trang diễn ra sôi nổi như đồng bào Cơ Tu ở miền tây Quảng Nam, đồng bào Chăm Hroi ở Thờ Lò (Phú Yên), đồng bào Gia Rai ở Plây Yam, Lô Ngọc, Đức Nghiệp (Gia Lai), đồng bào Ba Na ở Tà Lóc, Tà Léc (Bình Định), đồng bào Rắc Giây ở Bác Ái (Ninh Thuận), đồng bào Tà Bóc (Kon Tum). Tiêu biểu nhất là khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi năm 1959, mở ra phong trào đồng khởi ở Nam Trung Bộ.

Trong giai đoạn 1961-1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng truyền thống yêu nước kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm lại được phát huy cao độ. Trong kháng chiến ác liệt, cách mạng Khu 5 có lúc bị tổn thất nặng nề, nhiều cán bộ, cơ sở binh vận đã hy sinh anh dũng, nhiều đồng chí bị bắt bớ tra tấn tù đầy nhưng vẫn giữ vững khí tiết, nhiều đồng chí được giao nhiệm vụ hoạt động đơn tuyến trong lòng địch luôn nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tin tưởng Đảng, tích cực xây dựng và phát triển cơ sở chính trị, tạo thế cho phong trào đi lên. Truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất của nhân dân các dân tộc khu 5 trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, cùng với đường lối đúng đắn của Đảng là nguyên nhân quan trọng, quyết định làm nên những thắng lợi của công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thứ tư, Khu 5 kết hợp tiến công binh vận và đấu tranh ngoại giao nêu cao tính chính nghĩa trong tiến công binh vận

Sự kết hợp binh địch vận với đấu tranh ngoại giao, với công tác đối ngoại, tuyên truyền quốc tế là một trong những khâu quan trọng chiến lược của Đảng ta nhằm khẳng định tính chính nghĩa, phát huy sức mạnh của dân

tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, để đánh thắng kẻ thù. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, Đảng ta có đường lối đối ngoại đúng đắn, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, công lý, kể cả nhân dân Mỹ. Trong thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi nhân dân Mỹ năm 1964, Người chỉ rõ “Nhân dân Việt Nam không bao giờ nhằm lẫn nhân dân Mỹ yêu chuộng công lý với chính phủ Mỹ đã phạm nhiều tội ác với nhân dân Việt Nam chúng tôi từ nhiều năm nay”, nhờ đó đã cảm phục được lòng tin yêu của nhân dân tiến bộ khắp các châu lục trên thế giới kể cả nhân dân Mỹ đồng tình, ủng hộ, cuộc kháng chiến, anh hùng của nhân dân ta; phản đối, lên án cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa, phi đạo lý của đế quốc Mỹ [168, tr.378-379].

Trong khi phong trào chống chiến tranh xâm lược của Mỹ đang lan tràn khắp các nước trên thế giới thì ngay trong nước Mỹ, phong trào phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam, của các tầng lớp nhân dân Mỹ liên tục diễn ra rầm rộ, sôi nổi, quyết liệt đòi rút quân Mỹ về nước, kêu gọi lính Mỹ ở Việt Nam hãy ngừng chiến đấu, “nhiều sinh viên, nhà khoa học, công nhân tuyên bố “sẵn sàng vì Việt Nam” bất chấp mọi sự đe dọa của nhà cầm quyền Mỹ. Tiêu biểu là ngọn lửa tự thiêu của chiến sĩ hòa bình Norman Morrison (2/11/1965)” [168, tr.380], đã gây sự xúc động về hành động dũng cảm của một thanh niên Mỹ phản đối nhà cầm quyền Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Phong trào ủng hộ Việt Nam, phản đối Mỹ xâm lược đã phát triển từ thấp đến cao, diễn ra ngày càng rầm rộ, sôi nổi và quyết liệt bằng nhiều hình thức, biểu tình, mít tinh, bãi công của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức thanh niên, học sinh, sinh viên, công nhân, nhà khoa học của nhiều nước cũng như của nhân dân Mỹ yêu chuộng hòa bình. Nhiều chính phủ, tổ chức quốc tế, phong trào các nước không liên kết, phong trào giải phóng dân tộc Châu Phi, các chính đảng của nhiều nước đã quyên góp tiền bạc thuốc men gửi giúp nhân dân Việt Nam đánh Mỹ góp phần to lớn làm cho

chính quyền và binh sĩ Mỹ, đồng minh và binh sĩ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam nói chung và ở Khu 5 nói riêng hoang mang dao động.

Sau Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, cục diện “vừa đánh vừa đàm” mở ra. Ở Khu 5, sự kết hợp binh địch vận với đấu tranh ngoại giao, công tác đối ngoại và tuyên truyền quốc tế do nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lực lượng tiến hành trên nhiều lĩnh vực khác nhau, nhằm tranh thủ dư luận và lực lượng nhân dân thế giới, trước hết là nhân dân nước có quân xâm lược nước ta phản đối, chống lại cuộc chiến tranh xâm lược do nhà cầm quyền của họ tiến hành, làm cho hậu phương địch không ổn định, nội bộ lục đục, chia rẽ. Trước những thất bại của Mỹ ở Việt Nam và phong trào chống Mỹ xâm lược rầm rộ trên thế giới đã làm cho quân đồng minh dao động, rã rời: “Bộ quốc phòng Nam Triều Tiên lo sợ cho binh lính Nam Triều Tiên đã yêu cầu quốc hội nghiên cứu rút 49.000 quân Nam Triều Tiên khỏi Nam Việt Nam; Ủy ban ngoại giao của quốc hội Nam Triều Tiên kêu gọi phải rút hết quân Nam Triều Tiên về nước” [168, tr.379].

Những cuộc đấu tranh biểu tình, mít tinh nổ ra liên tiếp từ khi Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam đã nói lên sự thức tỉnh mạnh mẽ của lương tâm nước Mỹ, sự phẫn nộ và chán chường của nhân dân Mỹ, sự đoạn tuyệt bằng hành động của đa số người Mỹ đối với cuộc chiến tranh Việt Nam, điều đó đã tác động rất mạnh mẽ đến tinh thần, tư tưởng, tâm lý binh lính Mỹ ở Việt Nam, càng thúc đẩy tinh thần phản chiến của binh lính Mỹ tại chiến trường, càng cổ vũ tăng thêm áp lực tạo thành sự phản ứng dây chuyền, phối hợp hành động của những người lính viễn chinh với nhân dân, các lực lượng ngay trong nước Mỹ chống lại cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam làm cho nhà cầm quyền Mỹ phải đối phó lúng túng, góp phần thực hiện phương thức kết hợp binh địch vận với ngoại giao và tuyên truyền quốc tế. Khi Hiệp định Paris có hiệu lực, Khu ủy Khu 5 đã dùng mặt trận ngoại giao làm vũ khí pháp lý đấu tranh đòi đối phương nghiêm chỉnh thi hành hiệp định, vạch trần hành

động vi phạm của Mỹ - ngụy, đồng thời kết hợp chặt chẽ với mũi tiến công binh vận để làm tan rã tinh thần, lợi dụng mâu thuẫn nội bộ trong hàng ngũ quân đội Sài Gòn, phối hợp nhịp nhàng với đòn tiến công quân sự để giải phóng hoàn toàn Khu 5 vào mùa Xuân năm 1975.

Thứ năm, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo Đảng bộ Khu 5 đã nhận thức đầy đủ, toàn diện về vị trí, vai trò của công tác binh vận

Nhận thức đúng vai trò chiến lược của công tác binh vận trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc là nguyên nhân quyết định sự thành công của công tác binh vận. Trong giai đoạn 1961 đến 1975, Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Khu 5 luôn nhận định đúng và quán triệt các quan điểm cơ bản của đường lối chính trị, quân sự của Đảng, nhất là quan điểm về vai trò, vị trí chiến lược của công tác binh vận, coi đây là vấn đề cơ bản, đầu tiên, xuyên suốt quyết định thành công của công tác binh vận. Trong từng giai đoạn chiến tranh, Khu ủy Khu 5 và các cấp ủy địa phương đã kiên quyết đấu tranh khắc phục những nhận thức sai trái, lệch lạc, đề cao quá mức hoặc hạ thấp, coi nhẹ công tác binh vận, đề ra chủ trương binh vận đúng đắn, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt” trên cơ sở chủ Trương của Trung ương Đảng, Khu ủy Khu 5 đã làm rõ vị trí, vai trò của công tác binh vận “phải nhận rõ công tác binh vận là một cuộc vận động cách mạng của quần chúng, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, phải giáo dục toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thấy rõ trách nhiệm thiết thực làm công tác binh vận. Nếu sự chỉ đạo không chú ý hoặc chú ý không đúng mức thì trước mắt và lâu dài cách mạng sẽ gặp nhiều khó khăn [64, tr.736]. Từ nhận thức đúng vị trí chiến lược, ý nghĩa to lớn của công tác binh vận và tính cấp thiết của binh vận trong sự kết hợp với đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị, Khu ủy Khu 5 và các cấp ủy Đảng trong toàn khu tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác binh vận tạo được phong trào mạnh mẽ của quần chúng tấn công vào hàng

ngũ địch, chống phá thế kìm kẹp, phá “áp chiến lược”, càn quét, dồn dân, lập ấp (nhất là đồng bằng, nông thôn) [168, tr.97]. Vận động được đông đảo gia đình binh lính, sĩ quan và lực lượng trong dân vệ, nghĩa quân, thanh niên chiến đấu, nhân viên hành chính của chính quyền Việt Nam Cộng hòa...đồng tình ủng hộ tham gia phong trào đấu tranh của quần chúng phá ấp, giành dân, diệt ác ôn, tước vũ khí địch có hiệu quả, góp phần đánh bại biện pháp chiến lược gom dân lập ấp của địch, tiêu diệt và làm tan rã lớn sinh lực địch, tiến lên làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Trong chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, cục diện chiến trường có sự thay đổi về lực lượng, Khu ủy Khu 5, các cấp ủy Đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo làm cho công tác binh vận thực sự là của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, phát động được một phong trào binh vận rộng khắp trên ba vùng chiến lược, tấn công chính trị vào các đối tượng trong mọi lúc mọi nơi, huy động được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia binh vận, kể cả gia đình binh sĩ Việt Nam Cộng hòa. Ở Khu ủy 5 công tác binh vận đã phát triển thành phong trào rộng khắp, góp phần đánh bại 2 cuộc phản công chiến lược của đế quốc Mỹ, tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 giành thắng lợi, giáng một đòn chí mạng vào quân Mỹ và Việt Nam Cộng hòa, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh.

Giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” công tác binh vận đã phát triển lên một bước mới, phát huy được sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, của đông đảo nhân dân, già, trẻ, gái, trai tham gia công tác binh vận, làm cho binh vận thật sự trở thành phong trào quần chúng sâu rộng, liên tục tấn công kẻ thù với những hình thức phong phú và quy mô thích hợp, đưa lại hiệu quả lớn, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài của cách mạng. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đi vào giai đoạn cuối, năm 1972, Khu ủy Khu 5 yêu cầu “làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân quán triệt công tác binh vận là một trong những nhiệm vụ chiến

lược để tổ chức thực hiện đầy đủ, cùng với tấn công quân sự, nổi dậy của quần chúng ở nông thôn và đấu tranh chính trị ở thành phố, đẩy mạnh binh vận thành một đòn tấn công chính trị rộng lớn, nhằm làm tan rã lớn về tư tưởng, tổ chức quân đội Việt Nam Cộng hòa” [75, tr.503], làm tan rã lớn lực lượng địa phương bảo an dân vệ phòng vệ dân sự; phục vụ nhiệm vụ trung tâm giành dân, giành quyền làm chủ; làm thay đổi so sánh lực lượng giữa địch và ta, có lợi cho ta chủ yếu là lực lượng ở địa phương.

Trong giai đoạn năm 1961 đến năm 1975, Khu ủy Khu 5 và các đảng bộ địa phương đã nhận thức đúng vai trò chiến lược của công tác binh vận, nên công tác binh vận ở Khu 5 từng bước phát triển ngang tầm với vị trí chiến lược của binh vận, góp phần vào thắng lợi chung trên toàn chiến trường. Qua thực tiễn Khu ủy Khu 5 đã lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh binh vận phát triển từ thấp đến cao, nhận thức rõ công tác binh vận cũng là quan điểm chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện; quan điểm chiến lược tấn công kết hợp 2 chân, 3 mũi, 3 vùng; quan điểm giai cấp, quan điểm quần chúng và quan điểm bạo lực cách mạng trong công tác binh vận; nhận thức rõ binh vận thực chất là dân vận, là công tác vận động đối với quần chúng đặc biệt, nhằm giành lại quần chúng từ tay địch, thực hiện toàn toàn dân đánh giặc, làm thất bại cuộc “chiến tranh giành dân” và âm mưu “dùng người Việt trị người Việt” của đế quốc Mỹ, trên cơ sở đó để Khu ủy Khu 5 đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, phương pháp và khẩu hiệu binh vận phù hợp với từng thời kỳ cụ thể.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Thứ nhất, sự chỉ đạo công tác binh vận của Khu ủy 5 và một số cấp ủy có thời điểm còn lúng túng, bị động chưa theo kịp tình hình mới

Chủ trương của Đảng, của Khu ủy 5 về công tác binh vận là liên tục, xuyên suốt. Tuy nhiên, mỗi khi đế quốc Mỹ chuyển chiến lược chiến tranh mới, khi có sự thay đổi đối tượng tác chiến, đối tượng binh địch vận, trước

những âm mưu thủ đoạn mới của địch, nhận thức của các cấp ủy đảng về vai trò chiến lược của công tác binh vận thường có biểu hiện lúng túng, xác định phương châm, phương thức, biện pháp chỉ đạo và tổ chức thực hiện chậm.

Trong chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, công tác binh vận luôn có những vấn đề phát sinh mới. Song cấp ủy các cấp thiếu nhanh nhạy để chỉ đạo kịp thời cho cán bộ, nhân dân, bộ đội nắm vững nội dung, phương thức hoạt động, nhất là vấn đề “Công - Nông - Binh liên hiệp”. Do đó, hoạt động binh vận chưa mạnh, chưa đều, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, thậm chí có cấp ủy, có nơi còn xem nhẹ công tác binh vận như sau phá kềm (1962 - 1963) [168, tr.98]. Chỉ đạo công tác binh vận có lúc chưa tập trung tấn công vào các đối tượng chủ yếu trong từng thời điểm để phá vỡ địch nhiều hơn, còn nặng về kêu gọi ít có biện pháp cụ thể; tập trung được ở đồng bằng, nông thôn, lĩnh địa phương quân, nhưng đối với quân chủ lực, binh chủng, sĩ quan và ở đô thị chưa được chú ý đúng mức nên kết quả công tác binh vận đối với lực lượng này còn hạn chế.

Trong chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” nhận thức của cán bộ, đảng viên về công tác binh địch vận ở nhiều nơi chưa chuyển biến kịp thời với tình hình và nhiệm vụ, nhất là khi quân địch điên cuồng đánh phá ác liệt “Ở một số đơn vị vũ trang cán bộ chỉ huy ít chú ý đến tấn công binh địch vận. Trong đấu tranh chính trị của quần chúng nhiều nơi chỉ nặng về đòi yêu sách hơn là vận động thức tỉnh giác ngộ để lôi kéo binh lính và nhân viên nguy quyền ủng hộ phong trào. Ở các hướng trọng điểm công tác binh vận còn lúng túng khi thực hiện hiệp đồng 3 mũi giáp công, chỉ đạo hiệp đồng có lúc thiếu thống nhất” [168, tr.157 - 158].

Trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, Khu ủy 5 đánh giá chưa đúng so sánh lực lượng giữa ta và địch, đề ra mục tiêu quá lớn, đánh giá quá cao khả năng nổi dậy của quần chúng trong khu vực đô thị, nên đưa ra nhiều chủ trương binh vận không thích hợp “dốc túi” số lớn lực lượng binh

vận, huy động đông số lượng quân chúng, nổi dậy là chủ yếu, tấn công quân sự chỉ là hỗ trợ, do đó mũi vũ trang không đủ mạnh để tạo thời cơ cho quân chúng nổi dậy. Do nhận thức không đúng, dồn tất cả lực lượng để giành thắng lợi quyết định nên sau Tết Mậu Thân 1968 nhiều cơ sở tan vỡ, thiệt hại lớn đến đội ngũ binh vận và quân chúng. Mặt khác “đưa ra chủ trương trung lập hóa quân Mỹ và Nam Triều Tiên là không thực tế, ảo tưởng; ý tưởng dựa vào lực lượng thứ 3 để phối hợp quân chúng, giành chính quyền về tay nhân dân là không thực tế với tình hình” [168, tr.158]. Ngoài ra, trong tổng tiến công Xuân Mậu Thân 1968, công tác binh vận chỉ tập trung vào chiến trường chính là đô thị; xem nhẹ việc tiếp tục làm tan rã quân địch, củng cố và giữ vững nông thôn, nên khi địch phản kích giành giật lại nông thôn, nhiều nơi gặp nhiều khó khăn về công tác binh vận. Đồng thời cũng đánh giá địch chưa thật đúng, chưa lường hết sự phản kích điên cuồng của địch.

Trong giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” công tác binh vận còn nhiều mặt yếu, nhiều khuyết điểm chưa theo kịp tình hình mới. Sau Tết Mậu Thân năm 1968, quá trình chuyển hướng công tác chậm (địa bàn đối tượng, mục tiêu, yêu cầu, khẩu hiệu vận động); chưa thực hiện được phong trào quân chúng rộng rãi tiến hành binh vận, kết quả 3 mũi giáp công có lúc chưa thật chặt (1969-1970). Sau chiến dịch Xuân-Hè năm 1972 còn chủ quan, bị địch phản kích lấn chiếm gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác binh vận còn nhiều hạn chế [168, tr.200].

Mấy tháng đầu năm 1973 (sau khi Hiệp định Paris được ký kết) do không nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, tư tưởng chiến lược tiến công và do chưa thấu suốt chủ trương của Trung ương và chủ trương của Khu ủy, nên ở nhiều địa phương, bộ phận có biểu hiện mất cảnh giác, mơ hồ, muốn xả hơi để địch lợi dụng thực hiện kế hoạch “lấn chiếm bình định”, làm cho lực lượng ta bị tổn thất, gần cuối năm 1973 phong trào mới được khôi phục.

Thứ hai, chỉ đạo tổ chức, xây dựng lực lượng binh vận có thời điểm còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn

Mặc dù Khu ủy chỉ đạo chặt chẽ và quyết liệt trong xây dựng lực lượng và cơ sở binh vận, nhưng ở một số địa phương xây dựng lực lượng binh vận chưa đáp ứng được yêu cầu mới dẫn đến bỏ qua nhiều thời cơ tấn công binh vận để giành thắng lợi lớn hơn như: “đón thời cơ giành thắng lợi lớn hơn do đấu tranh quân sự, chính trị tạo ra (Xuân-Hè năm 1965, tấn công chiến lược năm 1972), hoặc khi nội bộ chính quyền Việt Nam Cộng hòa mâu thuẫn, tranh giành, đảo chính, phản đảo chính năm 1961 và năm 1963-1964. Vụ 76 ngày đêm ở Đà Nẵng (năm 1966)” [168, tr.240]. Trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ binh vận cơ sở ít được bồi dưỡng học tập, hoạt động công tác nhiệt tình, kinh nghiệm, nhưng thiếu kiến thức cơ bản “việc sắp xếp bố trí cán bộ, củng cố tổ chức ở một số cấp ủy còn xem nhẹ, cán bộ binh vận thường xáo trộn nhiều (nhất là ở huyện, xã). Phương tiện bảo đảm cho hoạt động quá nghèo nàn, chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra” [168, tr.98 - 99]. Nhận thức về công tác binh vận còn chưa thật sâu sắc, nhất là ở cơ sở và các đoàn thể. Hoạt động binh vận chưa trở thành một phong trào mạnh mẽ, đều khắp của quần chúng. Việc kết hợp hoạt động binh vận với đấu tranh chính trị, vũ trang có lúc, có nơi còn chưa nhịp nhàng nên kết quả tấn công, nổi dậy còn hạn chế. Bộ máy cơ quan và cán bộ binh vận một số nơi chưa được kiện toàn đồng bộ, nghiệp vụ còn yếu, việc kết hợp địch vận với tác chiến nhiều nơi làm chưa tốt.

Sau chiến dịch Xuân-Hè năm 1972, còn chủ quan, bị địch phản kích lấn chiếm gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất. Thực tiễn ở Khu 5 “cuối năm 1972 có 2.000 cơ sở trong chính quyền Việt Nam Cộng hòa, đến đầu năm 1973 bị hy sinh, biến động mất 50%” [168, tr.325 - 326]. Xây dựng cơ sở trong các đơn vị chủ lực nguy, trong đối tượng sĩ quan cao cấp còn yếu [168, tr.240]. Phong trào binh vận ở đô thị, trong quân chủ lực và đối tượng sĩ quan

các cấp còn nhiều hạn chế [168, tr.234]. Xây dựng thực lực cách mạng trong lòng địch phát triển chậm, chất lượng yếu, nhất là vận động sĩ quan còn nhiều khó khăn, hạn chế. Cơ sở nội tuyến trong sĩ quan và chính quyền còn ít, nhất là trong quân chủ lực. Sử dụng cơ sở nội tuyến có lúc chưa thỏa đáng, còn sử dụng non, chưa có nội tuyến chiến lược lâu dài trong sĩ quan và chính quyền địch các cấp.

Thứ ba, công tác binh vận đối với quân Mỹ và quân đồng minh chưa đạt kết quả như mục tiêu đề ra

Để thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” Mỹ bắt đầu ồ ạt đưa quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Ngày 8/3/1965 đơn vị thủy quân lục chiến đầu tiên của Mỹ đã vào Đà Nẵng. Cuối năm 1965, quân Mỹ 104.000 quân, gồm 3 sư đoàn, 1 trung đoàn” [168, tr.101]. Ngoài quân Mỹ “quân đồng minh của Mỹ ở Khu 5 đông nhất là Nam Triều Tiên khoảng 5 vạn quân, gồm 2 sư đoàn, 1 lữ đoàn” [164, tr.14]. Trong tình thế mới, công tác binh vận phải đối phó với hai đối tượng: quân đội Việt Nam Cộng hòa và Quân Mỹ và đồng minh của Mỹ. Ngay sau khi quân Mỹ và đồng minh của Mỹ đặt chân vào Khu 5, Đảng bộ khu 5 đã yêu cầu “*Đối với quân Mỹ và đồng minh của Mỹ* gây phong trào phản chiến rộng rãi từ thấp tới cao, nhất là phong trào phản đối không chịu ra trận đòi trở về hậu cứ và thành phố, đòi về nước” [145, tr.2]. Quá trình binh vận với quân Mỹ và quân đồng minh bước đầu cũng làm cho lực lượng này hoang mang, dao động, một bộ phận có thái độ án binh bất động hoặc trung lập.

Tuy nhiên, trong vấn đề binh vận quân Mỹ và quân Nam Triều Tiên có tư tưởng điều kiện vận động khó, ngôn ngữ bất đồng. Dù đã có những cố gắng như tổ chức lớp học tiếng Anh, tiếng Hàn cho cán bộ, tìm học sinh biết tiếng để soạn câu giao dịch thông dụng, dùng loa kêu gọi hoặc phát truyền đơn, nhưng việc tự đào tạo tại chỗ và trang bị gấp rút nên hiệu quả chưa cao. Còn những hạn chế về quy mô, số lượng, chất lượng, chưa có những vụ binh biến

tập thể điển hình, chưa cài cắm được cơ sở nội tuyến trong các đơn vị quân đội của địch, chưa hạn chế được sự tàn sát của địch. Lính Mỹ và Nam Triều Tiên đã gây rất nhiều thảm sát tàn khốc giết hại hàng nghìn người vô tội ở Khu 5. Riêng binh lính Nam Triều Tiên đã tiến hành hơn 40 cuộc thảm sát đẫm máu trong giai đoạn 1965-1973. Tiêu biểu như vụ thảm sát của lính Nam Triều Tiên ở Bình Hòa, (Quảng Ngãi) giết hại hơn 430 người; vụ thảm sát Sơn Mỹ (Quảng Ngãi) do lính Mỹ gây ra giết hại hơn 503 người dân vô tội, chủ yếu người già, phụ nữ và trẻ em. Trong báo cáo tình hình công tác binh vận ở miền ở miền Nam từ 1961-1971 chỉ rõ “công tác binh vận quân Mỹ và quân chư hầu chưa mạnh, nhất là vấn đề vận động để trung lập” [164, tr.41]. Nguyên nhân quân Mỹ và quân đồng minh đặc biệt là quân đội Nam Triều Tiên là quân đội nước ngoài, có hệ thống tổ chức, kỷ luật riêng, khiến cho việc cài cắm cơ sở nội tuyến hoặc tiếp cận tuyên truyền trực diện gặp rất nhiều nguy hiểm và hạn chế về địa bàn, nên Khu 5 chưa xây dựng được cơ sở nội tuyến trong quân Mỹ và Nam Triều Tiên.

Nội dung công tác binh vận đối với quân Mỹ và đồng minh còn hạn chế, chủ yếu là công tác tuyên truyền vận động, rải truyền đơn, biểu ngữ, áp phích, tranh ảnh, văn hóa, văn nghệ, dùng loa kêu gọi. Đồng thời nghiên cứu tư tưởng, tâm lý và nguyện vọng của binh sĩ Mỹ và đồng minh để đưa ra các nội dung tuyên truyền thích hợp, khơi sâu phong trào phản chiến đòi hòa bình, đòi rút quân về nước. Tấn công vào điểm yếu tâm lý của quân đội viễn chinh xa nhà là nhớ gia đình, vợ con, sợ chết. Đánh mạnh vào vấn đề phân biệt chủng tộc bằng cách đặc biệt chú trọng vận động, kêu gọi lính da đen phản chiến, chống lệnh cấp trên. Đối với quân Nam Triều Tiên, tập trung khoét sâu mâu thuẫn giữa Mỹ và quân chư hầu. Vạch trần bản chất chúng đang bị Mỹ nô dịch và đưa sang làm lính đánh thuê, từ đó vận động chúng phản đối lệnh hành quân, đòi về nước, không đi đánh thuê cho Mỹ và không

bắn giết nhân dân Việt Nam. Chưa có những biện pháp mạnh và binh vận trực diện và liên tục với quân Mỹ và đồng minh.

Thứ tư, việc chấp hành chính sách tù, hàng binh ở một số địa phương có lúc chưa tốt

Giáo dục chấp hành tốt chính sách là một vũ khí đánh địch, tranh thủ phân hóa địch sắc bén, góp phần làm tan rã hàng ngũ địch và tạo điều kiện thuận lợi cho tấn công quân sự. Đây là một nội dung quan trọng của công tác binh địch vận được Khu ủy, các cấp ủy địa phương hết sức quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện chính sách giai đoạn 1961 đến năm 1965 còn nhiều khuyết điểm đối với tù hàng binh, nghĩa binh và gia đình binh sĩ, một số địa phương có lúc còn đối xử hẹp hòi, thành kiến, nặng truy ép, nhẹ thuyết phục, khiến binh sĩ và gia đình binh sĩ nghi ngờ, thiếu lòng tin với cách mạng, gây trở ngại quá trình hoạt động binh vận.

Trong giai đoạn chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, nhiều trường hợp vi phạm chính sách tù, hàng binh, gây ảnh hưởng không ít đến công tác tuyên truyền vận động giác ngộ binh lính địch và gia đình họ. Năm 1969 nhiều chính sách tù, hàng binh đề ra đúng đắn nhưng thực hiện ít hiệu quả vì điều kiện thực hiện chính sách hạn chế, vùng giải phóng còn nhiều khó khăn về kinh tế nên chưa thu hút được lính Việt Nam Cộng hòa đào rã ngũ ra vùng giải phóng, vùng đô thị chưa đánh mạnh nên chưa có tan rã lớn “vấn đề đặt ra là phải có chính sách phân hóa địch, phân biệt bọn gian ác và lưng chừng, Mỹ và lính Việt Nam Cộng hòa, Mỹ và lính Nam Triều Tiên” [168, tr.191-192].

Một số địa phương chấp hành các chính sách tù, hàng binh còn nhiều sai phạm, bồi dưỡng sử dụng còn ít, phân loại để giáo dục cải tạo, một số nơi nhận thức máy móc “lao động là cải tạo” nên nặng về lao động, chưa chú ý đúng mức việc bố trí cán bộ có trình độ, năng lực làm công tác giáo dục [168, tr.240]. Việc chấp hành chính sách ở một số địa phương, đơn vị vẫn còn có khuyết điểm

như “du kích ở một vài địa phương vẫn còn vi phạm, bắn giết tù binh” [168, tr.194]. Việc sử dụng tù, hàng binh vội vàng. Chưa điều tra nghiên cứu phân loại kỹ, chưa đầu tư giáo dục cảm hóa nâng cao giác ngộ cách mạng cho họ đã bỏ sung sử dụng nên kết quả rất hạn chế, có người bỏ chạy trở lại hàng ngũ địch” [168, tr.195]. Giai đoạn sau Hiệp định Paris, việc giáo dục, quản lý, sử dụng tù binh còn khuyết điểm lúng túng; quản lý trước mắt và lâu dài còn nhiều sơ hở nhất là năm 1972 đến 1975.

4.1.2.2. Nguyên nhân hạn chế

Thứ nhất, âm mưu, thủ đoạn thâm độc và chính sách đàn áp, kìm kẹp tàn bạo của địch tác động đến công tác đấu tranh binh vận

Trong quá trình xâm lược Việt Nam, giai đoạn 1961-1975 Mỹ tiến hành ba chiến lược chiến tranh mục tiêu chiến lược xuyên suốt của đế quốc Mỹ là ngăn chặn sự lan rộng của chủ nghĩa xã hội, chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự. Để thực hiện mục tiêu này, Mỹ và Việt Nam Cộng hòa tiến hành âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” và các kế hoạch dồn dân lập “ấp chiến lược” nhằm tách dân ra khỏi lực lượng cách mạng, biến mỗi ấp thành một căn cứ quân sự kiên cố kìm kẹp Nhân dân; tiến hành các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” nhằm vào các căn cứ chủ lực của ta; thực hiện các kế hoạch bình định cấp tốc, dồn dân, bòn rút sức người sức của cho chiến tranh; viện trợ phương tiện chiến tranh, vũ khí, tài chính cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa và quân Mỹ và quân của các nước đồng minh vào miền Nam Việt Nam nhằm đàn áp phong trào cách mạng.

Trong quá trình xâm lược miền Nam Việt, Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiến hành đàn áp phong trào cách mạng, kìm kẹp, quản lý chặt chẽ của địch đối với binh lính, sĩ quan địch và gia đình của họ nên ảnh hưởng đến công tác binh vận; phong trào đấu tranh binh vận phá kèm giành dân, phát triển du kích chiến tranh chưa mạnh. Các đoàn thể quần chúng chưa đủ sức

làm chỗ dựa cho binh vận, tổ chức chỉ đạo của các chi bộ đảng ở vùng sát địch về các mặt công tác cũng như binh vận còn yếu nhất là vùng ven và đô thị; vùng nông thôn giải phóng chưa ổn định đã hạn chế công tác vận động và sự tan rã của binh sĩ [5, tr.8]. Địch dùng chính sách hai mặt vừa tăng cường mua chuộc vừa khống chế sĩ quan và binh lính, đồng thời phát triển lưới mật vụ gián điệp, dùng hình phạt nặng đối với binh sĩ có xu hướng yêu nước, tiến bộ, khống chế gia đình binh sĩ ở các khu gia binh, nên công tác binh vận gặp nhiều khó khăn.

Ở Khu 5 trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, có trên dưới 4 triệu dân, thời điểm cao nhất có 80-90% số dân bị địch gom vào các “ấp chiến lược” và ở các thành phố, thị xã, thị trấn do chúng kiểm soát. Ở các vùng đông dân, trừ phú địch tạm thời kiểm soát có 80-90% gia đình có con em bị địch cưỡng ép cầm súng cho địch [168, tr.260]. Âm mưu của địch rất tinh vi và xảo trá, dựa vào vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại, đàn áp phong trào cách mạng rất khốc liệt, đồng thời tiến hành lập “ấp chiến lược”, bình định nông thôn, giành dân, chiếm đất làm cho công tác binh vận gặp nhiều khó khăn và tổn thất. Với sức mạnh và âm mưu của Mỹ cũng ảnh hưởng lớn đến chủ trương binh vận và tổ chức thực hiện công tác binh vận của Đảng bộ Khu 5.

Thứ hai, Một số cấp ủy còn có biểu hiện chủ quan trong nhận thức và chỉ đạo đấu tranh binh vận

Trong quán triệt chủ trương, một số cấp ủy địa phương chưa quán triệt nhận thức sâu sắc vị trí chiến lược của binh địch vận trong thời kỳ trước mắt cũng như lâu dài về tính chất tấn công của binh địch vận; tư tưởng co thủ hữu khuynh không bám sát quân đội địch còn xuất hiện trong một số cán bộ binh vận; tổ chức thực hiện còn những mặt yếu cơ bản: “chưa quan tâm đúng mức việc xây dựng thực lực trong quân đội địch (0,31%), đội ngũ cán bộ công tác binh vận hợp pháp còn ít và yếu (0,29%), chưa thực sự đưa vào các đoàn thể quần chúng để phát động và xây dựng đội ngũ, phát huy hết khả năng và sức

mạnh quần chúng và gia đình binh sĩ tấn công binh địch vận liên tục, công tác phát động tư tưởng binh sĩ địch chưa mạnh, chưa dẫn đến mức tự giác hành động” [5, tr.9]. Tổ chức chỉ đạo còn thiếu sót, xa thực tế, nắm tình hình không kịp thời, chặt chẽ, kiểm tra, đôn đốc đi sát cơ sở còn ít, sơ kết tổng kết, bồi dưỡng cán bộ còn chưa thành nề nếp thường xuyên, Ban binh vận các cấp chưa làm đủ vai trò tham mưu cho cấp ủy.

Từ “chiến tranh đặc biệt” chuyển sang “chiến tranh cục bộ” và nhất là thời kỳ tổng tấn công và nổi dậy, tình hình có những phát triển mới, nhưng công tác binh địch vận chưa theo kịp tình hình, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chiến lược đã đề ra, có những mặt yếu cơ bản: “cơ sở nội tuyến ít, đội ngũ cán bộ và cơ sở binh vận hợp pháp tiếp cận địch ít và chất lượng yếu, chưa thực sự đưa vào các đoàn thể quần chúng để tiến hành binh địch vận, gia đình binh sĩ chưa được phát động tổ chức thành đội ngũ tấn công vận động binh sĩ nguy thường xuyên, liên tục; đội ngũ binh vận bất hợp pháp thực tế xấp phía trước làm công tác không nhiều” [5, tr.9].

Thứ ba, Ban Binh vận các cấp có thời điểm chưa làm tốt chức năng, nhiệm vụ

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo Ban Binh vận Khu, Ban Binh vận tỉnh chưa làm tròn chức năng của mình, mới làm được một phần nhiệm vụ nghiên cứu kế hoạch phục vụ cấp ủy, chưa hướng dẫn cấp dưới thật tốt về nhiệm vụ; một số Ban Binh vận tỉnh vẫn còn quá đơn giản, xộc xệch, không đủ người và bộ phận cần thiết nên không đủ sức làm việc và nghiên cứu phục vụ cấp ủy tốt; xã là khâu tổ chức thực hiện lớn nhất, có tính chất quyết định sự thành công của mọi chủ trương binh vận, nhưng Ban Binh vận các cấp còn xem nhẹ việc chỉ đạo, chưa giúp đỡ cấp xã tích cực xây dựng bộ máy tốt, có khả năng tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện cho cán bộ xã nắm được nội dung, cách thức công tác binh vận, chưa có biện pháp cụ thể giải quyết những khó khăn về việc xây dựng phong trào quần chúng; việc tổ chức phối hợp với các

ngành giới chưa chặt chẽ do đó chưa tạo được sức mạnh để giải quyết những khó khăn của ngành cũng như sức mạnh để tấn công địch; kế hoạch công tác của ngành cấp trên thường thiếu biện pháp cụ thể, chỉ đề ra chủ trương và chỉ tiêu, do đó cấp dưới khó thực hiện, nhất là cấp xã [6, tr.4-5].

Tổ chức nghiên cứu ở cơ quan Ban Binh vận cấp Khu và Tỉnh có thiếu sót: “Ban Binh vận cấp Khu, cấp Tỉnh chưa làm tròn chức năng nghiên cứu là chức năng chủ yếu của mình, nắm tình hình ở địa phương chưa chắc, chưa sâu, chưa toàn diện, do đó thường ít phát hiện những vấn đề đột xuất cho Ban. Báo cáo dưới gửi lên trên thường nghiên cứu không kỹ, ít nhận xét góp ý cho địa phương. Cán bộ đi công tác địa phương cung cấp tình hình về Ban ít thường xuyên; việc kiểm tra và chỉ đạo tình hình có thực hiện nhưng còn yếu nên ít rút được kinh nghiệm để chỉ đạo chung” [6, tr.5].

Những kinh nghiệm để giải quyết những khó khăn, chỉ đạo điển hình chưa gắn liền và phục vụ công tác nghiên cứu, cán bộ chỉ đạo điểm thường sa vào đốc chiến giúp địa phương thực hiện một số công tác cụ thể. Việc phổ biến kinh nghiệm được chú ý nhưng còn quá ít. Kinh nghiệm ở các địa phương thì rất nhiều nhưng chưa đúc rút. Từng tiểu ban, từng cán bộ chưa quan tâm đầy đủ việc thu thập kinh nghiệm của mặt công tác do mình phụ trách. Kinh nghiệm trong các Hội nghị chuyên đề, Hội nghị ngành chưa được chú ý ghi lại đầy đủ, nhất là những báo cáo điển hình. Việc phổ biến và sử dụng cũng chưa kịp thời và khẩn trương, chưa có biện pháp tốt để phổ biến kinh nghiệm một cách rộng rãi, nhanh chóng và sâu sát xuống địa phương. Một số vấn đề cơ bản, quan trọng nhưng là kẹt số chưa được giải quyết đi sâu một cách thiết thực như phong trào binh lính quân chúng, phong trào binh vận miền núi.

Thứ tư, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ binh vận ở một số địa phương còn hạn chế

Đội ngũ cán bộ binh vận có vai trò quan trọng làm nòng cốt cho phong trào binh vận, mặc dù Khu ủy 5 thường xuyên chỉ đạo xây dựng đội ngũ binh vận để đáp ứng phong trào cách mạng. Tuy nhiên, ở một số địa phương, đội ngũ yếu cả số lượng và chất lượng, lập trường tư tưởng, quan điểm và phương pháp công tác, năng lực chuyên môn cả ba mặt cơ bản của số đông cán bộ còn yếu: “tư tưởng hữu khuynh, ngại hy sinh, ngại ác liệt, tư tưởng tiêu cực cầm chừng còn phổ biến trong đội ngũ cán bộ ảnh hưởng rất lớn khí thế tiến công địch và tinh thần công tác, không bám trụ xáp địch, do đó hiệu quả công tác thấp; không nắm vững ba mũi giáp công trong công tác binh vận, xem nhẹ, không đi sâu vận động, tổ chức và lãnh đạo phong trào đấu tranh trong quân đội Việt Nam Cộng hòa (đấu tranh chính trị, phản chiến, đấu tranh của các lực lượng đối lập)” [6, tr.4]. Phương pháp công tác còn nhiều thiếu sót do chưa thấm nhuần quan điểm quần chúng; chưa thực sự lấy dân làm gốc, còn nặng về chuyên môn đơn thuần, chưa tiến hành công tác binh vận trên cơ sở một phong trào quần chúng binh vận vững mạnh; năng lực chuyên môn còn yếu trong lúc tình hình đòi hỏi cán bộ phải có trình độ nghiệp vụ cao; đội ngũ cán bộ xã là đội ngũ đông đảo nhất trực tiếp chỉ huy quần chúng tấn công địch nhưng chưa được thường xuyên bồi dưỡng, huấn luyện về nghiệp vụ.

Mặc dù trong quá trình lãnh đạo công tác binh vận có những hạn chế trong quán triệt chủ trương và chỉ đạo thực hiện ở một số cấp ủy, địa phương, ban, ngành trong từng giai đoạn, thời kỳ nhất định. Nhưng nhìn chung công tác chỉ đạo xây dựng tổ chức, lực lượng binh vận; xây dựng cơ sở nội tuyến; chính sách binh vận... vẫn đáp ứng được yêu cầu cơ bản của cách mạng, góp phần cùng với các mũi tiến công chính trị, quân sự, ngoại giao đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa.

4.2. KINH NGHIỆM TỪ QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ KHU 5 LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC BINH VẬN (1961-1975)

4.2.1. Luôn kịp thời đánh giá đúng tình hình, xác định đúng đối tượng, đề ra chủ trương công tác binh vận phù hợp

Kịp thời đánh giá đúng tình hình, xác định đúng đối tượng, nắm chắc diễn biến tư tưởng của đối phương, đề ra chủ trương đấu tranh binh vận phù hợp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác binh vận. Ngay sau khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, Khu ủy 5 đã ban hành Nghị quyết số 62 *Về công tác binh vận* tháng 2/1961, yêu cầu: “tranh thủ binh lính và sĩ quan đồng tình, ủng hộ, đoàn kết với nhân dân đấu tranh chống chế độ độc tài phát xít, chống âm mưu gây chiến tranh của Mỹ - Diệm; làm tan rã về chính trị, tư tưởng và làm tan rã từng bộ phận về tổ chức tiến tới làm tan rã toàn bộ khi có thời cơ” [64, tr.737].

Trên cơ sở đó, Khu ủy 5 tranh thủ nắm một số binh sĩ trong từng đơn vị tiến tới nắm chắc những đơn vị, bộ phận, vị trí quan trọng, xây dựng thực lực cách mạng trong hàng ngũ quân nguy để phục vụ yêu cầu cách mạng khi có thời cơ. Đối với dân vệ, tích cực tranh thủ số đông lòng chừng, nắm chắc số tốt, cô lập, không chế số đầu sỏ gian ác làm mất tác dụng đàn áp phong trào cách mạng địa phương, tiến tới làm tan rã những nơi có điều kiện; ở miền núi làm tan rã toàn bộ; vận động nắm chắc và tiến lên làm tan rã các lực lượng hậu bị khác của địch. Đồng thời đề ra phương châm công tác binh vận là kết hợp chặt chẽ giữa tác chiến và binh vận, giữa binh vận và dân vận; diện phải thật rộng, điểm phải thật chắc; nắm dưới là căn bản, nắm trên là quan trọng; phối hợp nội ngoại tuyến chặt chẽ. *Khẩu hiệu tuyên truyền chung*: “Anh em binh sĩ trong quân đội miền Nam đoàn kết với nhân dân đấu tranh chống chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm tiến lên võ trang khởi nghĩa giành chính quyền giải phóng miền Nam”. *Khẩu hiệu trong tác chiến*: Kêu gọi đào ngũ, binh biến...kết hợp chặt chẽ giữa khẩu hiệu quyền lợi trước mắt và khẩu hiệu chính trị lâu dài; giữa khẩu hiệu đấu tranh trong hàng ngũ binh sĩ và khẩu hiệu đấu tranh của quần chúng bên ngoài.

Nhờ xác định đúng đối tượng, chiến trường, nên trong chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, nên Khu ủy 5 đã đưa ra phương châm hoạt động phù hợp, binh vận đã góp phần cùng với đòn tấn công quân sự, chính trị làm suy sụp nhanh tinh thần, tư tưởng và tổ chức quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa, nhiều trận chiến đấu tỷ lệ quân địch đầu hàng gấp 2 đến 3 lần số địch bị diệt (trong số quân đầu hàng có cả chỉ huy cấp đại đội, tiểu đoàn).

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ” đưa quân Mỹ và quân đồng minh vào miền Nam Việt Nam. Với vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại, địch thực hiện âm mưu “tìm diệt” và “bình định” và tổ chức hai cuộc phản công mùa khô 1965-1966 và 1966-1967. Trước tình hình đó, Hội nghị Thường vụ Khu ủy (Mở rộng) ngày 13/10/1966, yêu cầu: *Đối với quân đội Việt Nam Cộng hòa*: “liên tục đẩy mạnh công tác binh vận trong mùa khô, nhằm yêu cầu làm tan rã cho được 1/2 đến 2/3 quân số Ngụy, nhất là các đơn vị chủ lực, đồng thời vận động làn tan rã lực lượng bảo an, dân vệ và các đơn vị vũ trang người Thượng, phục vụ tác chiến phá ấp, phá kẹp, giành dân, chống càn, chống lấn” [176, tr.17]; *đối với quân viễn chinh*: “làm cho tinh thần chúng sa sút, tan rã dần, hạn chế và ngăn chặn tác dụng của chúng trong việc thực hiện chính sách “tam quang”, chính sách bình định, lấn chiếm, tát dân, tiến tới vận động cho khẩu hiệu đấu tranh đòi hòa bình, đòi về nước” [176, tr.18].

Trên cơ sở đánh giá đúng âm mưu và tư tưởng, tổ chức, tâm lý của địch, Khu ủy 5 kịp thời đưa ra mục tiêu và nội dung, phương thức tấn công binh vận phù hợp, hiệu quả trong từng giai đoạn, từng đối tượng tác chiến (Mỹ - ngụy, Nam Triều Tiên), từng sắc lính trên cả 3 vùng chiến lược. Trước các âm mưu, thủ đoạn mới của địch, Khu ủy 5 đã quán triệt các nguyên tắc “3 bám” trong đấu tranh binh vận: Cán bộ bất hợp pháp bám cán bộ hợp pháp; cán bộ hợp pháp bám dân; dân bám binh sĩ địch đã trở thành phong trào rộng khắp trong toàn khu, góp phần giữ vững thế chủ động chiến trường, đánh bại

2 cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất (1965-1966) và lần thứ hai (1966-1967) của đế quốc Mỹ.

Trong lãnh đạo đấu tranh binh vận chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Khu ủy 5 nhận định: “trong thực tế quân đội Việt Nam Cộng hòa ở Khu 5 càng phát triển về số lượng, thành phần càng ô hợp, càng bị đẩy đi đánh phá cách mạng, càng bị đánh đau, chất lượng càng giảm sút và diễn biến về tư tưởng tâm lý càng phức tạp khủng hoảng. Đối với quân Mỹ và Nam Triều Tiên: tinh thần tiếp tục sa sút, tư tưởng cầu an phản chiến, chờ đợi ngày về nước phát triển” [168, tr.162]. Hội nghị Khu ủy 5 lần thứ 10, tháng 3/1970 chỉ rõ: “Quân đội Mỹ và quân đồng minh hiện nay bạc nhược không muốn đánh và không dám đánh với quân đội ta, chỉ chờ ngày về nước” [123, tr.26]. Trên cơ sở đó, Khu ủy 5 xác định công tác vận động binh lính địch là vấn đề quan trọng và cấp bách, là một nhân tố làm cho địch thua, ta thắng.

Về đối tượng, Khu ủy 5 xác định đối tượng chủ yếu của công tác binh vận trong giai đoạn 1969-1972 là các lực lượng địch trực tiếp kìm kẹp, bình định nông thôn (phòng vệ dân sự, dân vệ, bảo an, nguy quyền ấp, thôn, xã và các đơn vị yểm trợ bình định). Yêu cầu đặt ra đối với việc phá rã tổ chức phòng vệ dân sự là phá rã đi đôi với tranh thủ từng bộ phận, biến các bộ phận này thành lực lượng bán vũ trang tại chỗ của cách mạng, phục vụ hoạt động quân sự và đấu tranh chính trị, diệt ác, phá tề, chống địch bình định nông thôn. Thực hiện chủ trương này, công tác vận động đào ngũ, rã ngũ, phá rã phòng vệ dân sự đã có nhiều kết quả.

Về nhiệm vụ, trước âm mưu lấn đất dành dân của địch, Khu ủy 5 đã xác định chiến trường, phương thức hoạt động binh vận để chống phá “bình định nông thôn” của địch không chỉ tiến hành ở nông thôn và chi bằng nổi dậy của quần chúng mà phải đồng thời đẩy mạnh các mặt hoạt động, kết hợp nhuần nhuyễn 3 mũi giáp công, tiêu diệt và làm tan rã lớn quân địch trên khắp 3 vùng chiến lược. Thực tế đó của công tác binh vận đã thúc đẩy phong trào đấu

tranh chống “bình định nông thôn” ngày càng mạnh, phục vụ và tạo điều kiện cho tấn công chiến lược năm 1972 giành thắng lợi lớn, góp phần làm phá sản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ.

Từ sau khi Hiệp định Paris được ký kết, cuộc đấu tranh của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn mới, Khu ủy Khu 5 nhận định: “do thắng lợi của cách mạng, quân Mỹ và Nam Triều Tiên rút dần về nước, viện trợ Mỹ giảm dần, quân đội Việt Nam Cộng hòa mất chỗ dựa, tinh thần chiến đấu bạc nhược hơn bao giờ hết, mâu thuẫn, phân hóa nội bộ diễn ra sâu sắc, nhiều tên sĩ quan tìm mọi cách để kiếm tiền” [168, tr.162]. Tất cả những nhận thức tư tưởng trên đưa đến một thái độ chung là cầu an giữ mạng sống, chờ xem diễn biến tình thế, lo thu vén cho gia đình, đồng thời bết tắc không có lối thoát. Đối với số binh lính này công tác binh vận có thể tác động phân hóa, trung lập, khoét sâu mâu thuẫn nội bộ hạn chế tội ác của chúng. Với những nhận định đúng đắn, sát với diễn biến tâm lý của từng đối tượng, Khu ủy Khu 5 đã lãnh đạo công tác binh vận có những chuyển biến thích hợp, từ nội dung, phương châm, phương thức và lực lượng, đã liên tục tấn công làm suy yếu địch về chính trị, tinh thần, tư tưởng, tổ chức, phục vụ đấu tranh thi hành Hiệp định Paris, giữ vững vùng giải phóng, vùng làm chủ, góp phần tạo thời cơ và phục vụ đắc lực cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy giành thắng lợi hoàn toàn năm 1975.

Vận dụng bài học kinh nghiệm này để đấu tranh làm thất bại các âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch chống phá đất nước ta hiện nay, yêu cầu quan trọng là phải xác đúng đối tượng và nhận diện được các âm mưu, thủ đoạn chống phá, đặc biệt trong giai đoạn hội nhập quốc tế xác định rõ mối quan hệ giữa “đối tượng” và “đối tác”, vì trong “đối tượng” có “đối tác” và ngược lại trong “đối tác” cũng có “đối tượng”, cần nhận diện rõ và có những phương thức đấu tranh thích hợp dựa trên nguyên tắc luật pháp quốc tế và bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.

4.2.2. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh binh vận với đấu tranh chính trị, quân sự, vận dụng linh hoạt các hình thức binh vận

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thẩm nhuần quan điểm quần chúng và quan điểm bạo lực cách mạng Khu ủy Khu 5 xác định binh vận là một mũi tiến công chiến lược, cùng với đấu tranh quân sự, chính trị hình thành 3 mũi giáp công trên 3 vùng chiến lược, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù. Qua thực tế lãnh đạo chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” trên cơ sở kết hợp “3 mũi giáp công” công tác binh vận đã kịp thời đón nhận những điều kiện, thời cơ của mũi đấu tranh quân sự, chính trị tạo ra, đồng thời binh vận cũng tạo thời cơ và điều kiện cho đấu tranh quân sự, chính trị giành thắng lợi lớn hơn. Ở Khu 5, sự kết hợp “3 mũi giáp công” về mặt chỉ đạo và tổ chức thực hiện không coi nhẹ mũi tiến công nào, vì trong các mũi tấn công có sự đan xen lẫn nhau, hỗ trợ, tác động với nhau tạo thành sức mạnh tổng hợp. Nhưng thông thường phải thắng về quân sự mới có điều kiện thúc đẩy đấu tranh chính trị, binh vận. Tuy nhiên, trong kết hợp “3 mũi giáp công”, thì công tác binh vận được tiến hành thời gian dài hơn, không gian rộng hơn. Vì trước đó, công tác binh vận đã có bước điều tra nắm địch, xây dựng cơ sở, bồi dưỡng nòng cốt chuẩn bị cho mũi tấn công quân sự, đấu tranh chính trị. Khi các mũi tấn công quân sự, chính trị hoạt động thì binh vận đồng thời cùng kết hợp trong suốt quá trình cuộc đấu tranh.

Trong chỉ đạo đấu tranh phá “áp chiến lược”, Khu ủy Khu 5 đã vận dụng linh hoạt phương pháp đa dạng theo vùng miền: *Ở miền núi*: tranh thủ các già làng, chức sắc uy tín, dùng phong tục tập quán, giáo lý để răn đe bọn ác ôn. *Ở đồng bằng*: tổ chức các đội vũ trang tuyên truyền binh địch vận luôn sâu vào ấp, giác ngộ các tổng đoàn trưởng, xã trưởng, ấp trưởng để đào hầm nuôi giấu cán bộ, dẫn đường cho bộ đội tập kích. Với phương thức “nội ứng ngoại hợp”, sự kết hợp nhuần nhuyễn, chặt chẽ, linh hoạt giữa “ba mũi giáp” trong đó mũi tấn công binh vận có tác dụng làm cho binh lính, sĩ quan địch

hoang mang dao động, làm rối loạn hậu phương địch, góp phần phá tan các “ấp chiến lược” đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Khu ủy Khu 5 xác định: “Đẩy mạnh công tác binh địch vận, kết hợp ba mũi giáp công, tiêu diệt làm tan rã quân Mỹ - Việt Nam Cộng hòa, lĩnh Nam Triều Tiên trên khắp ba vùng chiến lược” [168, tr.144]. Trong kết hợp “ba mũi giáp công”, các đơn vị vũ trang thực hiện phương châm “tay súng, tay loa”, vừa chiến đấu vừa làm địch vận. Đặc biệt, Khu ủy 5 đã sử dụng phương châm tác phong công tác “4 chữ”: Xông - Xáp - Bám - Trí cho cán bộ binh vận. Thực hiện phong trào “hai chân ba mũi” và năm mặt công tác: “*Hai chân* là quân sự và chính trị. *Ba mũi* là quân sự, chính trị, binh vận. *Năm mặt công tác* là: phục vụ phát triển du kích chiến tranh; phục vụ đấu tranh chính trị của quần chúng; phục vụ phát triển công tác binh vận, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của binh sĩ lên; phục vụ kinh tế; phục vụ an ninh” [164, tr.43]. Điển hình của sự kết hợp này là Xuân Mậu Thân 1968, khi đòn quân sự đồng loạt nổ súng ở các đô thị, lực lượng chính trị tại chỗ ngay lập tức nổi dậy giành quyền làm chủ, dẫn đường cho bộ đội, đồng thời công tác binh vận được tung ra để kêu gọi binh lính địch hạ vũ trang đầu hàng.

Để chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, phục vụ công tác giành dân vùng ven và giữ dân xây dựng vùng giải phóng ở nông thôn, Hội nghị lần thứ chín Khu ủy Khu 5 tháng 4/1969, ban hành Nghị quyết yêu cầu: “phối hợp với hoạt động quân sự đẩy mạnh đấu tranh chính trị, tấn công binh vận chống kìm kẹp, khủng bố...có kế hoạch thống nhất phối hợp chặt giữa ba mặt quân sự, chính trị, binh vận để tấn công địch và chống địch phản kích” [72, tr.477]. Kết quả của kết hợp “ba mũi giáp công” đã làm suy sụp nặng về tinh thần và tan rã từng mảng về tổ chức của chính quyền Việt Nam Cộng hòa; hạn chế và đi đến triệt phá nguồn bổ sung quân nguy, phát triển phong trào binh biến, nội ứng phục vụ tác chiến hỗ trợ đấu tranh chính trị, làm cho

quân Mỹ và Nam Triều Tiên tinh thần sút kém, đòi hỏi hương, phản chiến góp phần đánh bại âm mưu bình định cấp tốc của địch.

Khi Hiệp định Paris có hiệu lực, chính quyền Việt Nam Cộng hòa điên cuồng vi phạm, tiến hành các chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” và càn quét bình định. Bên cạnh kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận, quân sự, Khu ủy Khu 5 đã dùng mặt trận ngoại giao làm vũ khí pháp lý đấu tranh đòi đối phương nghiêm chỉnh thi hành hiệp định, vạch trần hành động vi phạm của Mỹ - ngụy, đồng thời kết hợp chặt chẽ với mũi tiến công binh vận lợi dụng mâu thuẫn nội bộ trong hàng ngũ quân đội Việt Nam Cộng hòa, phối hợp nhịp nhàng với đòn tiến công quân sự, chính trị làm tan rã tinh thần đối phương.

Giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975, Khu 5 đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận. Trong từng giai đoạn chiến tranh, Khu ủy và các cấp ủy địa phương đã đề ra chủ trương binh vận đúng đắn, tổ chức thực hiện có hiệu quả, kiên quyết đấu tranh khắc phục những nhận thức sai trái, lệch lạc như đề cao quá mức hoặc hạ thấp, coi nhẹ công tác binh vận. Sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận và ngoại giao đã tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, là một nghệ thuật và phương pháp cách mạng, phương châm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng cũng như chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Kế thừa tinh thần của “ba mũi giáp công” trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cần kết hợp chặt chẽ các mặt trận: kinh tế, chính trị, quốc phòng, đối ngoại. Tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, chủ động đấu tranh trên không gian mạng, đây là “mặt trận chính trị” mới, phản bác các luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch. Phát triển kinh tế gắn liền với an sinh xã hội. Kết hợp chặt chẽ giữa thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân. Thực hiện đường lối ngoại giao bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; vận dụng linh hoạt phương thức “ngoại giao

cây tre”, gia tăng đối tác, giảm thiểu đối tượng. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ của dư luận thế giới để bảo vệ chủ quyền quốc gia bằng biện pháp hòa bình.

4.2.3. Vận động và tổ chức toàn dân tham gia công tác binh vận là nhân tố cơ bản quyết định thành công của đấu tranh binh vận

Quan điểm cơ bản trong đường lối cách mạng của Đảng là quan điểm chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Huy động đông đảo các tầng lớp nhân dân làm công tác binh vận, biến công tác binh vận thành phong trào của quần chúng, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ binh vận mạnh về mọi mặt làm nòng cốt cho phong trào, là một nhân tố cơ bản quyết định thành công của công tác binh vận, là một nguyên tắc cốt lõi, bài học sâu sắc trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác binh vận ở Khu 5.

Để chống lại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” Khu ủy Khu 5 ra Nghị quyết số 62 về công tác binh vận tháng 2/1961, xác định “vận động binh lính đoàn kết với nhân dân chống âm mưu của Mỹ - Diệm, sẵn sàng phá tan âm mưu gây chiến của đế quốc Mỹ...chuẩn bị điều kiện kịp thời cùng với nhân dân đánh đổ chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm” [64, tr.739]. Để đảm bảo đẩy mạnh công tác binh vận, Khu ủy Khu 5 chỉ đạo tiến hành các đợt giáo dục công tác binh vận làm cho toàn Đảng, các lực lượng vũ trang và quần chúng hiểu rõ ý nghĩa, đường lối, chính sách, nhiệm vụ và biết cách làm binh vận; tùy theo mỗi cấp, mỗi đối tượng mà quy định việc phổ biến, học tập nội dung Nghị quyết binh vận và các chính sách đến tận quần chúng, chiến sĩ. Có kế hoạch cụ thể kiểm tra theo dõi kết quả, học tập có liên hệ kiểm điểm để khắc phục những nhận thức lệch lạc và có kế hoạch đẩy mạnh công tác binh vận ở địa phương, đơn vị mình.

Trong quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện công tác binh vận, các cấp ủy Đảng, các đoàn thể quần chúng, đội ngũ cán bộ đảng viên đã nắm vững quan điểm quần chúng đúng đắn “tin quần chúng, đánh giá đúng khả năng

cách mạng của quần chúng, hiểu quần chúng, quan tâm đến lợi ích thiết thực hàng ngày của quần chúng, biết phát động quần chúng, cán bộ đảng viên phải vừa có quan điểm quần chúng vững vàng vừa có kinh nghiệm và phong cách vận động quần chúng tốt” [168, tr.255]. Đối với quần chúng là binh lính địch, tuy bị địch mua chuộc, lừa bịp, khống chế nhưng vốn là quần chúng của ta bị bắt buộc cầm súng cho địch, nếu biết phát động có thể lôi kéo họ trở về với cách mạng, với nhân dân. Không có lòng tin này không thể làm được công tác binh vận. Năm vững quan điểm binh vận thực chất là dân vận, là vận động đối tượng quần chúng đặc biệt, nhằm giành lại quần chúng công-nông từ tay địch, thực hiện toàn dân đánh giặc. Qua thực tiễn đấu tranh đã huy động được đông đảo quần chúng tham gia đấu tranh chính trị, binh vận góp phần làm thất bại cuộc “chiến tranh giành dân” và âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” của đế quốc Mỹ.

Để chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (mở rộng) ngày 13/10/1966, yêu cầu: “*phải gấp rút tổ chức đội quân binh vận của quần chúng*, coi trọng việc xây dựng đội quân binh vận như đội quân du kích và đội quân đấu tranh chính trị, lấy phụ nữ làm lực lượng nòng cốt, đồng thời tận dụng khả năng vận động rộng rãi của nông dân, thiếu nhi, người già, gia đình binh sĩ nguy, học sinh, sinh viên, thương nhân” [176, tr.17-18]. Quan điểm chỉ đạo xây dựng lực lượng binh vận ở Khu 5 là tin dân, dựa vào dân, đi vào lòng dân. Chỉ có tin dân, dựa vào dân, đi vào lòng dân mới thực hiện được phong trào “4 bám” (Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám địch, cấp trên bám cấp dưới).

Trong quá trình chỉ đạo Khu ủy Khu 5 và cấp ủy các địa phương trong toàn khu đã xác định rõ nhiệm vụ, nắm vững quan điểm, nguyên tắc tổ chức và xây dựng lực lượng binh vận là nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành. Lực lượng binh vận gồm: các lực lượng làm công tác binh vận của tổ chức Đảng các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các đoàn thể

quần chúng, các lực lượng vũ trang và phong trào rộng lớn của nhân dân, của gia đình binh sĩ, của binh sĩ tiến bộ trong hàng ngũ địch, trong đó, các cấp ủy Đảng là người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức xây dựng lực lượng binh vận. Thực tiễn ở Khu 5 đã khẳng định chỉ có tin dân, dựa vào dân, đi vào lòng dân, cùng với dân bàn bạc, cùng dân chiến đấu thì mới giữ vững, củng cố được lòng tin của dân và mở rộng được khối đoàn kết toàn dân, huy động được phong trào toàn dân đánh giặc, toàn dân làm công tác binh vận.

Nhằm đẩy mạnh phong trào quần chúng đấu tranh binh vận, tháng 3/1967, Hội nghị lần thứ sáu Khu ủy Khu 5 (mở rộng) yêu cầu: “đẩy mạnh phong trào quần chúng xáp vào làm công tác binh địch vận. Xây dựng mạng lưới binh địch vận rộng khắp, nhất là quanh các cứ điểm, vùng đóng quân của địch. Phát huy khả năng binh địch vận của các đoàn thể quần chúng, phụ nữ, ông bà già, thiếu niên, học sinh, tiểu thương, gia đình binh lính và công chức nguy” [117, tr.14]. Đặc biệt, trong tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, nhiều nơi hình thành đội ngũ có tiểu đội, trung đội, đại đội, có người phụ trách chỉ huy như ở Bình Định đã thành lập 590 đại đội với 272.000 quần chúng được tổ chức chặt chẽ và tập dượt chu đáo trở thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh chính trị, binh vận ở địa phương. Ở Đà Nẵng, Xuân 1968 đã có 2 vạn quần chúng tổ chức thành nhiều đại đội do các tổ, đội xung kích chính trị, binh vận dẫn đầu để tràn vào thành phố.

Trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975, ở Khu 5 công tác binh vận đã thật sự trở thành một phong trào quần chúng, phát huy được sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, các giới, các đoàn thể như công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ, hội mẹ chiến sĩ, học sinh, sinh viên, gia đình binh sĩ và các tổ chức tôn giáo yêu nước. Huy động được đông đảo nhân dân, già, trẻ, gái, trai, đồng bào kinh, đồng bào dân tộc thiểu số tham gia công tác binh vận, làm cho binh vận trở thành phong trào sâu rộng, liên tục tấn công kẻ thù, kết hợp hoạt động thường xuyên với phát động những cao trào, những chiến dịch,

những đợt hoạt động dài ngày, huy động hàng chục vạn quần chúng tấn công chính trị, binh vận vào các đô thị, làm rối loạn hậu phương ngay tại sào huyệt của địch, giành những thắng lợi to lớn.

Vận dụng kinh nghiệm này trong giai đoạn hiện nay, muốn phát huy được sức mạnh của quần chúng nhân dân, trước tiên phải nhận thức rõ “đề mười lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”, phải “tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với nhân dân”. Thường xuyên tiếp xúc, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của quần chúng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” để phát huy sức mạnh toàn dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4.2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ binh vận vững mạnh về chính trị, tư tưởng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ làm nòng cốt cho phong trào

Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm nòng cốt về chính trị, tư tưởng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, công tác binh vận mới có phong trào rộng khắp, liên tục, hiệu quả cao. Để chống lại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” Khu ủy Khu 5 ra Nghị quyết số 62 tháng 2/1961, yêu cầu: “đối với cán bộ chuyên trách, phụ trách công tác binh vận phải kết hợp với sinh hoạt thường kỳ mà bồi dưỡng thường xuyên về đường lối, chính sách và nghiệp vụ; chuẩn bị điều kiện tiến tới mở các lớp huấn luyện nghiệp vụ ngắn ngày cho cán bộ chuyên trách binh vận ở tỉnh và huyện, cơ sở” [64, tr.752]. Điều đó khẳng định vị trí của đội ngũ cán bộ chuyên trách là rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với phong trào. Tuy nhiên không phải ngay từ đầu và cùng một lúc có thể xây dựng, hình thành một đội ngũ cán bộ mạnh, mà là một quá trình xây dựng công phu, từng bước phát triển theo yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của chiến tranh. Một trong những đặc điểm ở Khu 5 là phần lớn cán bộ binh vận chưa được qua trường lớp chính quy (trừ một số cán bộ của khu, tỉnh) còn đại đa số là trưởng thành từ cơ sở, bồi dưỡng từ thực tiễn,

qua rèn luyện thử thách trong chiến tranh và bồi dưỡng nghiệp vụ bằng những kinh nghiệm hoạt động của chiến trường.

Nắm vững tư tưởng chỉ đạo xây dựng lực lượng binh vận vừa có tính quần chúng rộng rãi, vừa có tính chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao. Khu ủy và các cấp ủy trong toàn khu đã tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ binh vận phát triển ngày càng mạnh, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, trước hết là xác định tiêu chuẩn của người cán bộ binh vận và xây dựng đội ngũ cán bộ binh vận. Do tính chất hoạt động của cán bộ binh vận thường là “độc lập” trong lòng địch, trong dân, tiếp xúc với nhiều đối tượng, nhất là nơi binh lính, sĩ quan, ngụy quyền và những đối tượng bị đầu độc, nhồi sọ chống phá cách mạng quyết liệt. Vì vậy, điều cơ bản trước tiên của cán bộ binh vận: “phải có lập trường quan điểm giai cấp kiên định, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, có đạo đức khí tiết cách mạng vững vàng, trước uy vũ của kẻ thù không khuất phục, trước tiền tài vật chất mua chuộc không sa ngã, kiên quyết chủ động tấn công địch” [168, tr.328]. Khu 5 đã xây dựng đội ngũ cán bộ binh vận luôn luôn giữ vững tính tổ chức kỷ luật cao, bám dân, bám cơ sở, kịp thời rút kinh nghiệm trong công tác, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Đối với những cán bộ được giao nhiệm vụ hoạt động ở những khu vực, vùng khác nhau, ngoài các yêu cầu chung, còn có những yêu cầu cụ thể như: *cán bộ hoạt động ở vùng rừng núi*, nơi có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống và nhiều binh lính dân tộc, cán bộ binh vận phải biết tiếng dân tộc tại địa phương, am hiểu phong tục tập quán, tâm tư nguyện vọng của đồng bào dân tộc, biết chăm lo lợi ích của bà con, dìu dắt, bồi dưỡng cho cán bộ binh vận người địa phương, được quần chúng tin yêu, cảm phục. *Cán bộ hoạt động hợp pháp ở các vùng đô thị*, được bố trí vào các cơ quan, đơn vị của ngụy quân, ngụy quyền phải khôn khéo che mắt địch, xử trí các tình huống phải kịp thời, linh hoạt, sáng tạo, giữ đúng các quy định bí mật trong hoạt động. *Cán bộ*

hoạt động ở những vùng địch không chế, kiểm soát gắt gao, phải sống dưới hầm bí mật hàng tháng, phải vùi mình dưới cát, hoặc ngâm mình dưới nước nhiều ngày để bám dân, bám địa bàn, bám cơ sở, bám phong trào, yêu cầu người cán bộ phải kiên định vững vàng, có kinh nghiệm hoạt động bí mật, dũng cảm và mưu trí bền bỉ, có bản lĩnh chính trị, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Cán bộ mà đối tượng vận động là quân Mỹ, Nam Triều Tiên, phải có khả năng nghiên cứu, viết được tài liệu tuyên truyền sát hợp, biết được tâm lý, tư tưởng của quân Mỹ và Nam Triều Tiên. Đội ngũ cán bộ binh vận Khu 5 được tổ chức thành: “Cán bộ chỉ đạo và các ngành chuyên môn nghiệp vụ. Cán bộ hoạt động chuyên trách bao gồm cả cán bộ bí mật, công khai, hợp pháp và bất hợp pháp” [168, tr.329]. Càng xuống cơ sở cán bộ hợp pháp càng đông (cấp huyện cán bộ bí mật chiếm 1/2, cấp xã chiếm 2/3).

Trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Khu ủy, cấp ủy các địa phương, đội ngũ cán bộ binh vận Khu 5 không ngừng phát triển từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, từ một số lượng ít ỏi, nòng cốt ban đầu thành một đội ngũ vừa có số lượng lớn, cơ cấu phù hợp, vừa có chất lượng chính trị và chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, trong một hệ thống tổ chức hoàn chỉnh từ khu, tỉnh, huyện đến cơ sở, làm nòng cốt cho phong trào quần chúng rộng lớn, chủ động liên tục tấn công kẻ thù, là một trong những nguyên nhân thành công của công tác binh vận.

Vận dụng bài học kinh nghiệm này trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, phải thường xuyên chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách “vừa hồng, vừa chuyên” có đạo đức cách mạng trong sáng, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, có tinh thần “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với những khó khăn thử thách, dám hành động vì lợi ích chung”; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

4.2.5. Nêu cao nhân đạo, tính chính nghĩa trong đấu tranh binh vận và thực hiện chính sách tù, hàng binh

Thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc Việt Nam trong đấu tranh giải phóng dân tộc. Để đấu tranh làm cho binh sĩ Việt Nam Cộng hòa thấy được tính chất chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Nghị quyết số 62 của Khu ủy Khu 5 “*Về công tác binh vận*”, yêu cầu: “làm cho binh sĩ hiểu rõ kẻ thù của họ là đế quốc Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đang dùng họ tàn sát đồng bào để bảo vệ quyền lợi của chúng; làm cho binh sĩ hiểu chính sách của cách mạng; tin vào sức mạnh của phong trào quần chúng, thấy rõ tính chất chính nghĩa và con đường tất thắng của cách mạng” [64, tr.740-741]. Trong chỉ đạo tuyên truyền, Khu ủy đã vạch trần bản chất chế độ độc tài phát xít và sự suy yếu của Mỹ - Diệm, lấy thực tế đập lại luận điệu lừa bịp, xuyên tạc của chúng một cách sắc bén. Nội dung tuyên truyền vận động chính trị của công tác binh vận tập trung vào vấn đề cốt lõi nhất là nêu cao chính nghĩa của ta, phi nghĩa của địch, thắng lợi của ta, thất bại của địch, tính khoan dung nhân đạo của cách mạng và tính chất thù địch dã man, tàn bạo, phản động trong những chủ trương chính sách của địch.

Qua thực tiễn đấu tranh, Khu 5 đã làm cho kẻ thù biết cuộc kháng chiến cứu nước của nhân dân ta là một sự nghiệp chính nghĩa, có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, có hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa trực tiếp chi viện về mọi mặt, nhân dân ta có tinh thần dân tộc, có truyền thống yêu nước nồng nàn và truyền thống nhân đạo, khoan dung “lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, có sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bạn bè quốc tế. Đặc trưng nổi bật của tấn công binh vận ở Khu 5 là lấy chính nghĩa thắng phi nghĩa, lấy cách mạng thắng phản cách mạng, lấy độc lập tự do thắng “độc lập” quốc

gia giả hiệu theo quan điểm chính trị mị dân phản động theo chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ.

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đưa quân Mỹ và quân đồng minh vào miền Nam Việt Nam. Với binh lính Mỹ, khi đưa sang chiến trường miền Nam Việt Nam, cũng như ở Khu 5 đều bị đầu độc nặng tư tưởng chống cộng: họ bị thông tin sai lệch về cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta, bị lừa bịp rằng vào miền Nam Việt Nam là để đẽ bẽp “phiến loạn cộng sản” bảo vệ thế giới tự do, ngăn chặn miền Bắc xâm lược miền Nam, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản tràn xuống Đông Nam Á. Với binh lính Nam Triều Tiên và quân đồng minh khác bị lừa bịp rằng: sang miền Nam Việt Nam là để giúp đồng minh chống cộng sản, rằng: tất cả những người dân Việt Nam đều theo “Việt cộng”, đều là “kẻ thù”.

Trước tình hình đó, Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy Khu 5 (Mở rộng) ngày 13/10/1966, yêu cầu: “đẩy mạnh công tác tuyên truyền tấn công chính trị làm cho binh lính thấy âm mưu của chính phủ Mỹ là xâm lược, thấy nhân dân ta chống Mỹ và chính quyền tay sai là chính nghĩa; nêu rõ tội ác của đế quốc Mỹ đối với nhân dân ta; vạch cho họ thấy chính quyền Sài Gòn là tay sai của Mỹ bị nhân dân phản đối, thấy Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là chính nghĩa, có chính sách khoan hồng nhân đạo” [176, tr.18].

Qua thực tiễn công tác binh vận ở Khu 5, đã làm cho tư tưởng của quân Mỹ, quân đồng minh có sự thay đổi. Về nhận thức chính trị “từ chỗ bị đầu độc, bùng bít, tưởng có thể chiến thắng dễ dàng, nhanh chóng, chỉ vài ba năm trong một vài “cuộc hành quân dạo mát” có thể loại trừ được “Việt cộng”. Nhưng thực tế trên chiến trường hoàn toàn ngược lại, làm cho họ dần dần hiểu được cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam; cuộc chiến tranh Mỹ tiến hành là phi nghĩa” [168, tr.359]. Đối với quân Nam Triều Tiên, Australia...do tác động của các cuộc tấn công quân sự, đấu tranh chính trị và

binh vận của ta, đã làm cho họ bước đầu thấy “Mỹ là xấu, mình bị lừa gạt, làm lính đánh thuê chống lại nhân dân Việt Nam. Cuộc chiến tranh của Mỹ là phi nghĩa, không tin vào sức mạnh của Mỹ. Lương tri con người trong quân đồng minh đã có phản thức tỉnh, những hành động hung hăng đánh phá giảm dần” [168, tr.360].

Chỉ sau 2 năm, khi quân Mỹ vào miền Nam, một phong trào phản chiến trong quân đội Mỹ ở chiến trường Khu 5 kết hợp với cuộc đấu tranh chống chiến tranh ở nước Mỹ đã hình thành. Lúc đầu binh sĩ Mỹ phản chiến lẻ tẻ ở một số đơn vị, về sau nhiều cuộc phản chiến tập thể liên tiếp nổ ra: “ở Quế Sơn, Chu Lai, Đà Nẵng, Quy Nhơn...quy mô từ 1 đến 2 đại đội đến tiểu đoàn, với khẩu hiệu hành động “bảo vệ lấy tính mạng, không chết uổng ở Việt Nam” “hòa bình ở Việt Nam”, “phản đối cuộc chiến tranh phi đạo lý, phi pháp ở Việt Nam”” [168, tr.358]. Nhiều nơi ta vận động được đồn bót Mỹ án binh bất động như ở Hòa Vang, Điện Bàn, Quế Sơn. Những hành động hung hăng, hiếu chiến của binh lính Mỹ và quân đồng minh không như lúc mới vào chiến trường, tên nào cũng trông ngóng, chờ đợi, tính ngày, tính tháng để được hồi hương, sum họp với gia đình, vợ con, nhiều tên khắc lên bảng sủng, lên mũ ngày mãn hạn được về nước.

Đến cuối giai đoạn “Chiến tranh cục bộ” các đồn do quân Nam Triều Tiên đóng giữ, ta đều có thể tiếp xúc trực diện được, nhiều nơi tỏ thái độ trung lập. Tiêu biểu ở một số địa phương quân ta đánh quân ngụy, quân Nam Triều Tiên không can thiệp, án binh bất động (Bình Định) một số đồn quân Nam Triều Tiên đóng ở Duy Xuyên, Điện Bàn (Quảng Nam) phản chiến chống đi càn quét, chống lệnh đi tiếp viện ở Tam Kỳ. Một số tên đào ngũ ra hàng cách mạng ở Phú Yên.

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Nghị quyết Hội nghị Khu ủy Khu 5 lần thứ 10, tháng 3/1970 yêu cầu: “cần tuyên truyền chính nghĩa của ta, phi nghĩa của địch, địch thua ta thắng, âm

muu của “Việt Nam hóa chiến tranh” là dùng người Việt đánh người Việt, kích động tinh thần chống Mỹ, tuyên truyền chính sách của ta” [123, tr.26].

Trước những thắng lợi liên tiếp trên mặt trận quân sự và tác động của đấu tranh binh vận cùng với ảnh hưởng của phong trào phản chiến tranh ở nước Mỹ và loài người tiến bộ trên thế giới đã làm cho tư tưởng cầu an, sợ chết, đòi hòa bình, đòi hồi hương ngày càng phổ biến trong binh lính Mỹ và quân đồng minh. Nhiều binh sĩ công khai đeo huy hiệu phản chiến, công khai truy điệu số lính chết trận, lấy chữ ký đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, một số binh sĩ tự thương, tự sát (Bình Định), chống lệnh, bắn chỉ huy, thà chịu hình phạt để khỏi đi hành quân bỏ thân ngoài mặt trận. Có binh sĩ gửi thư cho cán bộ ta xin được gặp (Quảng Ngãi), một số binh sĩ được ta tuyên truyền, giáo dục thấy được cuộc kháng chiến chính nghĩa của ta, tự nguyện xin tham gia làm công tác binh địch vận, tham gia kháng chiến (Quảng Nam).

Dưới tác động về tính chính nghĩa trong tiến công binh vận, làm cho tinh thần chiến đấu của binh sĩ Mỹ và quân đồng minh đã diễn ra một quá trình chuyển hóa từ hung hăng, hiếu chiến, hiếu thắng ban đầu khi mới vào Khu 5, nhưng do liên tiếp bị thất bại về quân sự, bị tấn công dồn dập về chính trị và binh vận, sinh lực và phương tiện chiến tranh bị tổn thất lớn, bị nhân dân tiến bộ trên thế giới lên án, phong trào chống chiến tranh của nhân dân Mỹ tác động, lại phải tác chiến ở một địa hình, thời tiết khắc nghiệt đã làm cho binh sĩ hoài nghi về mục tiêu của chiến tranh, nghi ngờ khả năng của quân Mỹ, đồng minh và chính quyền tay sai, dẫn tới tư tưởng cầu an, sợ chết, phản chiến, đòi hòa bình, đòi về nước ngày càng diễn ra mạnh mẽ.

Chấp hành tốt chính sách tù, hàng binh là một phương thức có hiệu quả làm cho lính Mỹ và đồng minh, quân đội Việt Nam Cộng hòa thấy rõ sự khoan dung, nhân đạo của cách mạng, đập tan những luận điệu chiến tranh tâm lý, bịp bợm của kẻ thù. Ở Khu 5, tù hàng binh được giáo dục ở các trại, trừ những người tự nguyện tham gia lực lượng cách mạng, số còn lại kẻ cả sĩ

quan cấp úy, cấp tá, được tổ chức phóng thích chu đáo, có người xin về vùng giải phóng làm ăn sinh sống, có người về lại gia đình trong vùng địch tạm kiểm soát. Do chấp hành tốt chính sách, nên trong nhiều cuộc phóng thích đã diễn ra rất xúc động, nhiều người trong số họ đã nói lên nỗi lòng mình, vô cùng biết ơn và cảm phục cách mạng, hứa sẽ là người công dân tốt, không làm điều gì có hại cách mạng. Do thấy được tính chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc nên một số đã tự nguyện xin tham gia vào lực lượng cách mạng.

Thắng lợi của công tác binh vận tại chiến trường Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là minh chứng cho sức mạnh của chính nghĩa, tính nhân đạo và tinh thần khoan dung của dân tộc Việt Nam. Thành quả đó không chỉ khẳng định nghệ thuật chỉ đạo tài tình, khéo léo của Đảng bộ Khu 5 mà còn biểu thị giá trị nhân văn cao đẹp của chính sách tù hàng binh - một vũ khí sắc bén “lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo” của dân tộc Việt Nam góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Vận dụng bài học kinh nghiệm trên vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa, đồng thời chủ động ngăn ngừa, hóa giải các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; chăm lo xây dựng thể trận lòng dân; đồng thời sẵn sàng khoan dung, nhân đạo nhưng kiên quyết vạch trần các âm mưu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Tiểu kết Chương 4

Trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975, Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận đạt được nhiều kết quả. Khu ủy 5 quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng đề ra chủ trương đấu tranh binh vận đúng đắn, kịp thời; chỉ đạo công tác binh vận với những phương pháp linh hoạt, sáng tạo; công tác binh vận đạt được thành tựu to lớn, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: hệ thống tổ chức binh vận thường xuyên được kiện toàn, lực lượng cán bộ binh vận đáp ứng yêu cầu cách mạng, xây dựng cơ sở nội tuyến hoạt động hiệu quả, kết hợp giữa đấu tranh binh vận với đấu tranh quân sự, chính trị giành nhiều thắng lợi quyết định, thực hiện có hiệu quả công tác tù, hàng binh. Thành công trên do nhiều yếu tố: có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sáng suốt của Trung ương Đảng; Đảng bộ Khu 5 có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần đoàn kết, tư duy sáng tạo; Đảng bộ, quân và dân Khu 5 có truyền thống anh dũng, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm; Khu 5 kết hợp tiến công binh vận và đấu tranh ngoại giao nêu cao tính chính nghĩa trong tiến công binh vận; trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo Đảng bộ Khu 5 đã nhận thức đầy đủ, toàn diện về vị trí, vai trò của công tác binh vận.

Bên cạnh đó, công tác binh vận còn có những hạn chế: sự chỉ đạo công tác binh vận của Khu ủy 5 và một số cấp ủy có thời điểm còn lúng túng, bị động chưa theo kịp tình hình mới; chỉ đạo tổ chức, xây dựng lực lượng binh vận có thời điểm còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; công tác binh vận đối với quân Mỹ và quân đồng minh chưa đạt kết quả như mục tiêu đề ra; việc chấp hành chính sách tù, hàng binh ở một số địa phương có lúc chưa tốt. Hạn chế xuất phát từ các nguyên nhân: âm mưu, thủ đoạn thâm độc và chính sách kìm kẹp, đàn áp tàn bạo của địch ảnh hưởng đến công tác đấu tranh binh vận; một số cấp ủy còn có biểu hiện chủ quan trong nhận thức và chỉ đạo đấu tranh binh vận; Ban Binh vận các cấp có thời điểm chưa làm tốt chức năng, nhiệm

vụ của mình; số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ binh vận ở một số địa phương còn hạn chế.

Từ thực tiễn quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận giai đoạn 1961-1975, có thể rút ra những kinh nghiệm: Luôn kịp thời đánh giá đúng tình hình, xác định đúng đối tượng, đề ra chủ trương công tác binh vận phù hợp. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh binh vận với đấu tranh chính trị, quân sự, vận dụng linh hoạt các hình thức binh vận. Vận động và tổ chức toàn dân tham gia công tác binh vận là nhân tố cơ bản quyết định thành công của đấu tranh binh vận. Xây dựng đội ngũ cán bộ binh vận vững mạnh về chính trị, tư tưởng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ làm nòng cốt cho phong trào. Thực hiện tốt chính sách binh vận, nêu cao nhân đạo, tính chính nghĩa trong tiến công binh vận.

KẾT LUẬN

1. Thắng lợi của Đảng bộ, quân và nhân dân Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó có sự đóng góp quan trọng của công tác binh địch vận. Đảng bộ, quân và nhân dân Khu 5 đã kế thừa và phát huy truyền thống đánh giặc bằng “tâm công” “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, đem chí nhân thay cường bạo” của ông cha ta, với đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện của Đảng, gương cao ngon cờ chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, dựa vào sức mạnh của ba mũi giáp công, Đảng bộ, quân và nhân dân Khu 5 đã kiên trì, bền bỉ tuyên truyền, vận động giác ngộ tinh thần dân tộc, yêu nước, thương nòi trong binh sĩ Việt Nam Cộng hòa, thức tỉnh lương tri của họ và binh sĩ quân đội xâm lược Mỹ và quân đồng minh của Mỹ, đưa công tác binh vận trở thành một phong trào quần chúng rộng lớn, với nhiều nội dung, hình thức phong phú và thu được những kết quả to lớn có ý nghĩa chiến lược cả về quân sự, chính trị, xã hội, ngoại giao góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

2. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5, công tác binh vận đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, phát triển từ thấp đến cao, bám sát tình hình thực tiễn và đạt được nhiều thắng lợi quan trọng.

Những năm 1961-1965, khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, được sự hậu thuẫn của Mỹ, chính quyền Việt Nam Cộng hòa lập các “ấp chiến lược” để kiểm soát nhân dân và đàn áp phong trào cách mạng. Trước âm mưu và hành động của địch, bên cạnh chỉ đấu đấu tranh chính trị, quân sự, Đảng bộ Khu 5 đã kịp thời đề ra chủ trương về đấu tranh binh vận với các phương pháp, phương châm sáng tạo, linh hoạt sát với tình hình thực tiễn. Khu ủy 5 và các cấp ủy địa phương chỉ đạo xây dựng lực lượng binh vận từ Khu đến các xã và thôn xóm, bộ máy binh vận bảo đảm cả về số lượng và chất lượng, hoạt động nội tuyến trong lòng địch được xây

dụng rộng, mạnh ở khắp các đơn vị địch, đồng thời cũng thực hiện tốt chính sách tù hàng binh, huy động được toàn dân làm công tác binh vận, kết hợp ba mũi giáp công trong phá thế kìm kẹp, phá “áp chiến lược” làm thất bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Những năm 1965-1975, đặc biệt khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ” đồng thời đưa quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ vào miền Nam Việt Nam, được trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại thực hiện phương châm “tìm diệt” và “bình định” làm cho phong trào cách mạng gặp tổn thất, bước đầu có tư tưởng “ngại Mỹ, sợ Mỹ”. Công tác binh vận cũng gặp rất nhiều khó khăn phải vận động hai đối tượng là quân Mỹ, quân đồng minh và quân đội Việt Nam Cộng hòa. Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, Đảng bộ chủ trương đẩy mạnh đấu tranh binh vận với nội dung, phương pháp đúng đắn, như: tăng cường đấu tranh binh vận ở các đô thị, chú trọng đấu tranh tư tưởng với quân Mỹ và đồng minh nêu cao tính chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tăng cường xây dựng cơ sở nội tuyến hợp pháp để đấu tranh trực diện với địch và kết hợp nhuần nhuyễn giữa đấu tranh binh vận với quân sự, chính trị và ngoại giao, cùng với các phương pháp đấu tranh sáng tạo như thành lập “vành đai diệt Mỹ”, phương thức “xanh vỏ đỏ lòng”, “đại hội gia đình binh sĩ”... đã góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa.

3. Nhìn nhận một cách khách quan, chiến trường Khu 5 là địa bàn quan trọng tập trung nhiều binh sĩ Việt Nam cộng hòa, đặc biệt binh sĩ Mỹ, đồng minh và địch thường xuyên tăng cường kiểm soát và đàn áp cách mạng, nên trong quá trình lãnh đạo công tác binh vận còn có những hạn chế nhất định: chỉ đạo công tác binh vận của Khu ủy 5 có thời điểm còn lúng túng, bị động; tổ chức, xây dựng lực lượng binh vận có thời điểm còn hạn chế; công tác binh vận đối với quân Mỹ và đồng minh chưa đạt được kết quả như mong muốn; chấp hành chính sách tù, hàng binh vận ở một số địa phương còn chưa tốt.

4. Nghiên cứu Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975 rút ra 5 bài học kinh nghiệm: 1) Luôn kịp thời đánh giá đúng tình hình, xác định đúng đối tượng, đề ra chủ trương công tác binh vận phù hợp. 2) Kết hợp chặt chẽ đấu tranh binh vận với đấu tranh chính trị, quân sự, vận dụng linh hoạt các hình thức binh vận. 3) Vận động và tổ chức toàn dân tham gia công tác binh vận là nhân tố cơ bản quyết định thành công của đấu tranh binh vận. 4) Xây dựng đội ngũ cán bộ binh vận vững mạnh về chính trị, tư tưởng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ làm nòng cốt cho phong trào. 5) Nêu cao nhân đạo, tính chính nghĩa trong đấu tranh binh vận và thực hiện chính sách tù, hàng binh.

Hiện nay, đất nước ta đang bước vào kỷ phát triển mới của dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, đưa đến cả thuận lợi và thời cơ, khó khăn và thách thức đan xen. Đặc biệt là âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Vì vậy, những kinh nghiệm trong đấu tranh binh vận giai đoạn 1961-1975 có nghĩa thực tiễn vận dụng trong công tác dân vận tình hình mới, góp phần phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ
CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Lê Quang Huy (2025) “Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận (1961 – 1965), *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 10, tr.96 - 101.
2. Lê Quang Huy (2026) “Một số chủ trương, chỉ đạo công tác binh vận và đấu tranh binh vận của Đảng bộ Khu 5 (1965-1968)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 1, tr.101 – 107.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ban Binh vận Khu 5, *Báo cáo công tác binh vận của B1 năm 1961*. Trung tâm lưu trữ, VP Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Hồ sơ số 33.
2. Ban Binh vận Khu 5, *Báo cáo tình hình công tác binh vận của B1 (K5) năm 1962*. Trung tâm lưu trữ, VP Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Hồ sơ số 33.
3. Ban Binh vận Khu 5, *Báo cáo công tác binh vận của B1 (K5) năm 1964*. Trung tâm lưu trữ, VP Tỉnh ủy Quảng Ngãi, hồ sơ số 34.
4. Ban Binh vận Khu 5, *Nghị quyết binh địch vận ngày 02/3/1968 về tình hình công tác binh địch vận trong đợt tổng công kích, tổng khởi nghĩa vừa qua và nhiệm vụ binh địch vận sắp tới*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
5. Ban Binh vận Khu 5, *Báo cáo tổng kết Hội nghị Binh vận toàn Khu 5 (B1) lần thứ 7 (từ ngày 5/6-15/6/1969)*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
6. Ban Binh vận Khu 5, *Biên bản Hội nghị cán bộ binh vận Khu 5, từ ngày 15 đến 20/12/1969, kiểm điểm công tác binh vận năm 1969 và bàn công tác Xuân Hè năm 1970*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
7. *Báo cáo tổng kết Khu 5, năm 1962 và phương hướng năm 1963*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 12.
8. *Báo cáo số liệu so sánh về địch ở Khu 5 từ năm 1961 đến năm 1963*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 19.
9. *Báo cáo thực tế địch vận kết hợp với tác chiến năm 1973 của B1 (Khu 5)*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
10. *Báo cáo ngày 15/1/1974 về công tác binh địch vận của các lực lượng vũ trang giải phóng tỉnh Quảng Nam 1973*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
11. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn phòng (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975, tập 7 (1957 - 1960)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

12. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn phòng (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 8 (1961 - 1962), Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
13. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn phòng (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 9 (1963), Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
14. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn phòng (2020), *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 10 (1964 - 1965), Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
15. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn phòng (2005), *Lịch sử Văn phòng Trung ương Cục miền Nam (1961 - 1975)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975, thắng lợi và bài học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2015), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2019), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, tập 1 (1930 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
19. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum (2019), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum, tập 1 (1930 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
20. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (2005), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai (1945 - 2005)*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Huế (2010), *Lịch sử Đảng bộ thành phố Huế 1930 - 1975*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

22. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (1996), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (1945-1975)*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1999), *Báo cáo tổng kết công tác Binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, lưu Viện LSD, phòng TL-PP, V.004322.
24. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định (2004), *Công tác binh vận trên chiến trường Bình Định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*.
25. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Ban Dân vận (2021), *Tổng kết công tác đấu tranh chính trị, binh vận trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Đà Nẵng. TP Đà Nẵng.
26. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (1998), *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Đồng Nai (1954 - 1975)*, Đồng Nai.
27. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2001), *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2002), *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Bình Dương (1954 - 1975)*, Bình Dương.
29. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, tập II, “Chuyển chiến lược”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, tập III, “Đánh thắng chiến tranh đặc biệt” Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, tập IV, “Cuộc đọ đầu lịch sử”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

32. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, tập V, “tổng tấn công và nội dậy năm 1968”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, tập VI, “Đánh thắng Mỹ trên chiến trường ba nước Đông Dương, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, tập VII, “Thắng lợi quyết định năm 1972”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, tập VIII, “Toàn thắng”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, tập IX, “tính chất, đặc điểm, tầm vóc và bài học lịch sử”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh (2021), *Tổng kết Đảng lãnh đạo Quân sự và quốc phòng trong cách mạng Việt Nam (1954 - 2020)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
38. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1995), *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch quân sự Việt Nam (1945 – 1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
39. Bộ Tư lệnh Quân khu 5, Viện lịch sử quân sự (1999), *Một số kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh nhân dân địa phương ở Khu 5 trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb quân đội Nhân dân, Hà Nội.
40. Bộ Tư lệnh Quân khu 5, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2002), *Vành đai diệt Mỹ trên chiến trường Khu 5 - Một sáng tạo của chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

41. Bộ Tư lệnh Quân khu 5, (2002), *Tổng kết chiến thuật của lực lượng vũ trang Quân khu 5 trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975)*, Nxb, Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
42. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 1, Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*.
43. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 2 Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1968)*.
44. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 3 Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1969 - 1975)*.
45. Bộ Tư lệnh Quân khu 5, (1993), *Kẻ thù nào cũng đánh thắng - Những trận đánh điển hình trên chiến trường Khu 5*, Thư viện Quân khu 5, M13209.
46. Bộ Tư lệnh Quân khu 5, (1995), *Chiến sĩ khu 5 đánh giặc*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
47. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (2020), *Lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 5, tập 1, thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
48. Bộ Quốc Phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy TP Hồ Chí Minh (2017), *Cuộc tổng tấn công và nổi dậy, xuân Mậu Thân 1968 bước ngoặt quyết định và bài học lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
49. Bộ Quốc Phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Đại thắng mùa Xuân năm 1975, sức mạnh của ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Nguyễn Văn Bích (2016), *Công tác binh - địch vận góp phần làm nên thắng lợi, Đại thắng Mùa Xuân 1975, mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
51. Nguyễn Văn Báo (2007), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ, cứu*

- nước từ 1965 đến năm 1973*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
52. Trần Quý Cát (1999), *Một số kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh nhân dân địa phương ở Khu 5 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
 53. Võ Chí Công “*Một số ý kiến về lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng bộ Khu 5 từ 1954 - 1975*”. Thư viện Quân đội SL - 1997.
 54. William Colby (2007), *Một chiến thắng bị bỏ lỡ*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 55. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1975), *Lời kêu gọi các sĩ quan binh lính, cảnh sát trong quân đội Sài Gòn bỏ vũ khí về sum họp với gia đình*, Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 42, đơn vị bảo quản 436.
 56. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1975), *Chương trình về việc công bố nội dung 7 điểm của chương trình hành động trước mắt*, Cục Lưu trữ TW Đảng, phòng 42, Đơn vị bảo quản 510.
 57. Cục địch vận, *Điện gửi Ban Binh vận Khu 5, ngày 14/5/1969*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
 58. Nigel Cawthorne (2007), *Chiến tranh Việt Nam được và mất*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, TP Đà Nẵng.
 59. Gregory A Daddis (2021), *Rút quân nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật. Hà Nội.
 60. Trương Minh Dục (1993), “Cuộc đấu tranh chống, phá “áp chiến lược” ở đồng bằng Khu V (1961 - 1965), *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số 1, tr.38.
 61. *Dự thảo báo cáo công tác quân sự tại Hội nghị Khu ủy lần thứ hai, tháng 9/1974*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 132.
 62. Philip B. Davítson (1995), *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

63. Đảng bộ Quân Khu 5, (2010), *Lịch sử Đảng bộ Quân khu 5, tập 2, thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 22, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 24, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 25, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 27, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 28, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 29, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 30, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 31, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 32, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 33, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

76. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 34, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 35, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 36 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Đảng bộ khu V, *Những kinh nghiệm về chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*. Tư liệu Viện Lịch sử Đảng, K5/22/2.
80. Đảng bộ tỉnh Phú Yên - Ban Thường vụ (1999), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Yên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (2011), *Lịch sử miền Đông Nam bộ và Cục Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Trần Bạch Đằng, chủ biên (2010), *Chung một bóng cờ Về Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Đại hội đại biểu Quốc dân miền Nam Việt Nam (1969), *Lời Hiệu triệu kêu gọi nguy quân mau mau tách khỏi số phận nhục nhã của bọn xâm lược Mỹ về với cách mạng, ngày 07/6/1969*, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 42, Đơn vị bảo quản 510.
84. Nguyễn Văn Định (2010), “Một đóng góp quan trọng của mũi binh - địch vận trong thời điểm kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 4, tr.64 - 65.
85. Nguyễn Thị Định (2015), “Đấu tranh chính trị, ba mũi giáp công”, *Chung một bóng cờ (Về Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Đơn vị 500, số 174/I.22, *Báo cáo tình hình địch tháng 8/1965*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 21.

87. Đơn vị A85 gửi Ban binh vận tỉnh, thành và các đồng chí Phái viên binh vận Khu 5, về việc chuẩn bị cho đợt hoạt động năm 1968. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
88. Đơn vị HK 650, *Báo cáo số 5/BC về tổng kết công tác binh địch vận phục vụ tổng công kích và đồng loạt nổi dậy ở Quảng Nam năm 1968*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
89. Đơn vị VQ20, VQ30, Báo cáo số 841, *Báo cáo sơ kết chiến dịch binh địch vận năm 1969*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
90. Đơn vị B70, *Báo cáo số 73/BC/ĐV về tình hình công tác binh địch vận năm 1973 ở Quảng Đà*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
91. Đơn vị A.85, *Báo cáo đặc điểm tình hình nguy quân, nguy quyền và công tác binh tề vận 6 tháng đầu năm 1973 ở Khu 5*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
92. Đơn vị 200, *Báo cáo số 11/VP về công tác binh địch vận năm 1973 ở Phú Yên*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
93. Đơn vị 500, *Báo cáo soát xét tình hình từ 21/9 đến 5/11/1974*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 134.
94. Đơn vị 130, *Báo cáo số 82/Vp về tình hình địch 6 tháng đầu năm 1975, ngày 24/6/1975*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
95. *Đề cương mấy vấn đề cơ bản trong công tác binh vận của Đảng ta, năm 1973*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
96. Daniel Ellsberg, (2018), *Hồ sơ mật Lầu Năm góc và hồi ức về chiến tranh Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
97. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1973), *chiến tranh giải phóng Khu 5 chiến tranh giữ nước*, tập 2, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
98. Nguyễn Ngọc Giao (1973), “Bước phát triển mới trong công tác binh vận của Quân giải phóng miền Nam”, *Tạp chí Quân đội Nhân dân*, số 10, tr.58 - 63.

99. Trịnh Thị Hồng Hạnh (2008), “Bình vận mũi giáp công trọng yếu trên “vành đai diệt Mỹ””, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 8, tr.31-35.
100. Trịnh Thị Hồng Hạnh (2008), *Đảng lãnh đạo xây dựng và hoạt động của vành đai diệt Mỹ ở chiến trường miền Nam (1965 - 1973)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học Viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
101. Trịnh Thị Hồng Hạnh (2014), *Vành đai diệt Mỹ ở chiến trường miền Nam (1965 - 1973)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
102. Vũ Quang Hiến (2008), “Mũi tiến công địch vận ở Huế Xuân Mậu Thân 1968”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số 4, tr.15-19.
103. Hoàng Chí Hiếu (2015), “Công tác binh vận trên chiến trường Quảng Trị những năm 1961 - 1966”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số 10, tr.27 - 32.
104. Ngô Trọng Hiệu (2010), “Đấu tranh binh vận ở Gia Lai trong những năm đầu đánh Mỹ và thắng Mỹ”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số 12, tr.39 - 43.
105. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng (2008), *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
106. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng (2021), *Biên niên Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 3 (1954 - 1964)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
107. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng (2023), *Trung ương Cục Miền Nam lãnh đạo công tác binh vận tại miền Nam Việt Nam (1961-1975)*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Hà Nội.
108. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng (2021), *Biên niên Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 4 (1965-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
109. Học viện Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1999), *Đại thắng mùa Xuân năm 1975, nguyên nhân và bài học*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

110. Trương Tử Hồ (2007), “Những kỷ niệm trong cuộc đời làm công tác Binh, địch vận”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, Số 188, tr.56-59.
111. Học viện Chính trị (2014), *Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong một số chiến dịch của Quân đội nhân dân Việt Nam (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
112. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, PGS.TS Nguyễn Quý chủ biên (2015), *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
113. Trần Thị Thu Hương (2002) *Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá “quốc sách” Áp chiến lược của Mỹ - ngụy ở miền Nam Việt Nam (1961 - 1965)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
114. Jeffrey Kimball (2007), *Hồ sơ chiến tranh Việt Nam, tiết lộ lịch sử bí mật của chiến lược thời kỳ Nixon*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
115. *Kỷ yếu phong trào đấu tranh chính trị - binh vận Đội công tác huyện Bắc Tam kỳ (1954 - 1975)* (2020) Nxb Đà Nẵng.
116. Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ 3 (Mở rộng)*, từ ngày 18 đến 31/7/1963. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 14.
117. Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ 6 (Mở rộng)*, tháng 3/1967. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 51.
118. Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ 7*, từ ngày 11 đến 17/4/1968. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 61.
119. Khu ủy 5, *Báo cáo số 42/K5 về một số nét về binh địch vận Quý II năm 1969 của Khu 5*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
120. Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ 8 (từ ngày 28/9 đến ngày 6/10/1968)*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 61.
121. Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ 9, tháng 4/1969 về tình hình và nhiệm vụ trước mắt*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 71.

122. Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy 5 mở rộng ngày 13/10/1969*. Trung tâm lưu trữ, VPTU Quảng Ngãi. Phong số 1, hồ sơ số 9.
123. Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ 10, tháng 3/1970 về tình hình và nhiệm vụ*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 82.
124. Khu ủy 5, *Báo cáo thực tế địch vận kết hợp với tác chiến ở (B1) Khu 5 năm 1973*, sao bản số 2. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
125. Khu ủy 5, *Báo cáo của Ban chấp hành Đảng bộ Khu 5 tại hội nghị đại biểu Đảng bộ lần thứ 3 năm 1973*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
126. Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng bộ Khu 5 (hợp từ ngày 15 đến ngày 22/12/1973)*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 117.
127. Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Khu ủy 5 lần thứ hai, ngày 12/9/1974*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 131.
128. Khu ủy 5, *Một số số liệu về binh địch vận từ năm 1961 - 1974*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
129. Trần Thị Lan (2011), “Hoạt động nội tuyến trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 ở Đắc Lắc”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số 1, tr.18 - 21.
130. Robert S. McNamara (2025), *Nhìn lại quá khứ, tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật. Hà Nội.
131. Mai-con-Mac-Lia (1990), *Việt Nam cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
132. Ron Moreau (2001), “Một anh hùng Cộng sản được nuôi dưỡng trong hàng ngũ lính Mỹ”, *Việt Nam cuộc chiến không quên*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
133. Lê Văn Mạnh (2012), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quân và dân ta chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

134. *Mười năm trên tuyến đầu chống Mỹ của Quân và Dân khu 5*, (1963), Tuyên huấn Quân giải phóng khu 5 xuất bản, Thư viện Quân đội, VN/72 16.060.
135. Trần Thị Thúy Nga, Nguyễn Thị Hồng Phương, Phạm Thanh Thủy (2019), *Đường lối binh vận của Đảng (1930 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
136. Hà Văn Ngọc (2012), “Đấu tranh binh vận ở Quảng Nam trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số 6, tr.26 - 30.
137. Hà Bình Nhưỡng (2003), *Võ bọc nhiệm màu*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
138. Ngô Minh Oanh (2015), “Công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước”, *Đại thắng mùa Xuân 1975, sức mạnh ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
139. Giàng Seo Phử (2015), *Đại thắng mùa Xuân năm 1975, sức mạnh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
140. *Quân khu V thắng lợi và những bài học trong kháng chiến chống Mỹ (1981)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội. Tài liệu Viện Lịch sử Đảng, Phòng TL-PP, V.001743.
141. Quân Khu 5, *Nghị quyết của Quân ủy Khu 5, tháng 2/1962*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 11.
142. Quân Khu 5, *Nghị quyết của Thường vụ Quân ủy (mở rộng) họp từ ngày 24 đến ngày 25/12/1965 về sơ kết giai đoạn I*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 29.
143. Quân Khu 5 (A15), *Chỉ thị về công tác đấu tranh chính trị và binh vận trong đợt D (ngày 23/7/1967)*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
144. Quân khu 5, *Báo cáo tổng kết tại Hội nghị Quân chính lần thứ 3, từ ngày 15/7 đến 4/8/1967*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.

145. Quân Khu 5 (A15), *Chỉ thị nhiệm vụ công tác binh địch vận Đông Xuân 1967 - 1968*, ngày 29/9/1967. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
146. Quân Khu 5, *Dự thảo báo cáo tình hình chính trị, tư tưởng trong đợt tổng tấn công toàn diện tháng 2/1968*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
147. Quân Khu 5, *Nghị quyết Hội nghị Quân ủy Khu 5, tháng 10/1968, bản số 2*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
148. Quân ủy Trung ương, *Chỉ thị ngày 30/4/1969, gửi Quân khu 5, đồng gửi Khu ủy 5*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
149. Quân Khu 5 (A15), *Báo cáo tình hình năm 1969*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 72.
150. Quân Khu 5, *Chỉ thị của Bộ Chỉ huy Quân Khu về đẩy mạnh tiến công quân sự kết hợp tấn công chính trị, tấn công và nổi dậy tiêu diệt và làm tan rã địa phương quân và phụ quân, đưa phong trào đấu tranh quần chúng tổng tấn công nổi dậy căn bản giải phóng nông thôn từ tháng 9 đến tháng 11/1972*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5.
151. Quân Khu 5, *Nghị quyết của Hội nghị Quân ủy tháng 8/1973*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 117.
152. Quân khu 5, *Tổng kết tình hình quân sự năm 1973*, ngày 25/12/1973. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 118.
153. Quân khu 5, *Tình hình và nhiệm vụ quân sự cấp thiết trước mắt*, ngày 19/4/1975. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 147.
154. Quân đội Nhân dân Việt Nam - Tổng Cục chính trị (2002), *Tổng kết công tác binh - địch vận trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
155. Michael Sallah & Mitch Weiss (2022), *Lực lượng mãnh hổ*, Nxb Thế giới.
156. Frank Snepp (2000), *Cuộc tháo chạy toán loạn*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
157. *Sổ tay của cán bộ binh vận ở thôn, xã*. Tài liệu huấn luyện, tập huấn. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.

158. Lê Mạnh Tiến (2025), *Công tác binh vận trên chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, từ năm 1961 đến năm 1975*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam, mã số 9229013, Viện chiến lược và Lịch sử Quốc phòng Việt Nam.
159. Nguyễn Khắc Trai (2020), *Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1969 đến năm 1975*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
160. Nguyễn Khắc Trai (2023), *Công tác binh vận của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vận dụng xây dựng quân đội hiện nay*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
161. Nguyễn Xuân Tú (2003), *Đảng chỉ đạo giành thắng lợi từng bước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thời kỳ 1965 - 1975*, Nxb Lao động, Hà Nội.
162. Sedgwick Tourison (1996), *Đội quân bí mật, cuộc chiến bí mật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
163. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2000), *Tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), trên chiến B2 cũ*, Cục Dân vận, Tổng Cục Chính trị, Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
164. *Tình hình công tác Binh địch vận của ta ở miền Nam từ 1965 đến 1971*, Tư liệu Viện Lịch sử Đảng, II3/6/21.6.
165. *Tuyên bố của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 10/6/1968*. Hồ sơ 857, ĐIICH, lưu tại TTLTII.
166. Phùng Quang Thanh (2002), “Nhân dân Khu V chống phá chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)” *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 4 (136), tr.1.
167. Phạm Hữu Thắng (2002), Vành đai diệt Mỹ Khu V - Một sáng tạo của chiến tranh Nhân dân, *Tạp chí Khoa học Quân sự*, số 10, tr.30-32.

168. Thường vụ Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu V (1999), *Tổng kết công tác Binh vận chiến trường Khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
169. Thường vụ Khu ủy 5 “*Chỉ thị về đẩy mạnh hoạt động vũ trang ở miền Nam năm 1961*”. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, hồ sơ số 33.
170. Thường trực quân ủy Trung ương, *Chỉ thị số 14-QU*, ngày 30/4/1969 gửi Quân khu 5, đồng gửi Khu ủy 5. Lưu tại Thư viện Quân đội T/88 -12385.
171. Thường vụ Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy lần thứ 4, ngày 11 đến ngày 16/11/1963, về nhận định tình hình từ đầu năm 1963 đến nay và bổ sung công tác sắp đến trong Khu*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 14.
172. Thường vụ Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy lần thứ 8 (mở rộng), tháng 12/1964*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 21.
173. Thường vụ Khu ủy 5, *gửi các liên tỉnh, tỉnh, thành, các ngành, ngày 29/4/1965*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 30.
174. Thường vụ Khu ủy 5, *Chỉ thị Thường vụ Khu ủy 5, ngày 29/4/1965*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 33.
175. Thường vụ Khu ủy 5, *Báo cáo tình hình Khu 5 năm 1965*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 44.
176. Thường vụ Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (Mở rộng), ngày 13/10/1969*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 42.
177. Thường vụ Khu ủy 5, *Báo cáo tình hình Khu 5 năm 1966*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 44.
178. Thường vụ Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (Mở rộng) từ ngày 5 - 7/10/1970*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 82.
179. Thường vụ Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (Mở rộng) ngày 04/3/1972*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 104.

180. Thường vụ Khu ủy 5, *Chỉ thị ngày 27/8/1972*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 104.
181. Thường vụ Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (Mở rộng), từ ngày 13 - 14/5/1974*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 131.
182. Thường vụ Khu ủy 5, *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (Mở rộng) ngày 23/3/1975 về tình hình và nhiệm vụ trước mắt*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 134.
183. *Thư của Ban Thường vụ Khu ủy V, ngày 20/2/1971*, Tư liệu Viện Lịch sử Đảng K5/24/3.
184. Tỉnh ủy Gia Lai (1998) *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Gia Lai trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
185. Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế (1998), *Tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế.
186. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2001), *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Đắk Lắk trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
187. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Chỉ thị số 14-VP, ngày 13/1/1969 về kiểm điểm công tác binh địch vận và mở chiến dịch tấn công binh địch vận*”. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 10.
188. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Chỉ thị đẩy mạnh chiến dịch binh địch vận đặc biệt mở đợt vận động tổng phá rã phụ quân phục vụ diệt kẹp giành dân*”, số 54/VP ngày 15/3/1969. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 10A.
189. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Chỉ thị khẩn cấp đẩy mạnh công tác binh vận trong thành phố và tiếp theo*” số 107/VP, ngày 19/9/1969. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 10A.

190. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Chỉ thị đẩy mạnh 1 đợt tấn công binh địch vận*” số 178/VP, ngày 25/9/1970. T701. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 17.
191. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Tổng kết Hội nghị công tác binh vận từ ngày 12/8 đến 19/8/1970*”. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 22.
192. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Phát biểu bổ sung công tác đấu tranh binh vận và thị xã, thị trấn (trình bày tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 4, tháng 11/1970)*”. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 24A.
193. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Chỉ thị bổ sung một số nét cấp bách về công tác binh địch vận*” ngày 19/4/1971. T740. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 26.
194. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Chỉ thị về đẩy mạnh công tác binh địch vận tốt hơn nữa, ngày 25/4/1971*”, số 72. T740. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 26.
195. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Nhiệm vụ cấp bách và một số vấn đề cần nghiên cứu để chỉ đạo công tác binh địch vận trong thời gian đến*” ngày 10/9/1971. T740. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 29.
196. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Kế hoạch binh địch vận đợt 3 V22*”, ngày 13/3/1971. T740. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 29.
197. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Chỉ thị về công tác binh vận 6 tháng đầu năm 1972*”, số 100/VP, ngày 15/2/1972, T500. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, hồ sơ số 30.

198. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Chỉ thị một số điểm cấp bách về công tác binh vận trong thời gian tới*”, số 162/VP, ngày 14/6/1972, T.300. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi Phòng số 1, hồ sơ số 42A.
199. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Gửi các Thường vụ Huyện ủy về công tác vận động sĩ quan Ngụy*”, số 77/VP, ngày 8/4/1972, T500, Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 42A.
200. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Chỉ thị kết hợp chặt chẽ với tân công vũ trang, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và binh vận trong lần chiếm giành thắng lợi giữ vững vùng ta*” số 119, ngày 4/8/1973, T500. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, hồ sơ số 48.
201. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 5*”, tháng 8/1973. Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 52A.
202. Tỉnh ủy Quảng Ngãi “*Chỉ thị đẩy mạnh công tác chính trị, binh vận ở miền núi*”, số 67/VP, ngày 31/7/1974. C500 Trung tâm lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Phòng số 1, hồ sơ số 57A.
203. Tổng Cục chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam, Cục Dân vận (2017), *Lịch sử Cục Dân vận (1947-2017)*.
204. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Cục Dân vận và Tuyên truyền đặc biệt (2008), *Công tác dân vận và tuyên truyền đặc biệt trong Quân đội nhân dân Việt Nam (1947 - 2002)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
205. Tổng Cục chính trị, Cục nghiên cứu, số 207/NC, ngày 11/6/1968 về một số tình hình và kinh nghiệm về chỉ đạo công tác binh địch vận từ cuộc tổng tấn công đầu Xuân đến nay. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
206. Tổng Cục chính trị, *Điện về kế hoạch binh địch vận năm 1969*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.

207. Tổng Cục chính trị (Văn phòng), *Đề cương gợi ý một số vấn đề thảo luận về công tác nguy vận hiện nay của ngày 25/6/1969*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
208. *Tổng kết chỉ đạo, công tác chỉ đạo của các Lực lượng vũ trang trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*. Lưu tại Cục Chính trị Quân khu 5.
209. *Tình hình địch từ năm 1966 đến năm 1968*. Lưu tại Văn phòng Quân Khu 5. Hồ sơ số 110.
210. Nguyễn Công Thục (2006), *Phong trào đấu tranh chống phá “Áp chiến lược” của Mỹ - nguy ở miền Nam Việt Nam (1963 - 1964)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
211. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2009), *Quân đồng minh trên chiến trường miền Nam Việt Nam (1964-1973)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
212. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II, (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Tiếng Anh

213. Gordon Baxter (1967), *13/13 Việt Nam: Search and Destroy*, N.Y. World Publishing Company.
214. Major Ricky James Drake (1992), *The Rules of Defeat: The Impact of Aerial Rules of engagement on USAF Operations in North Vietnam 1965-1968* School of Advanced Airpower Studies Air University Maxwell Air Force Base, Alabama.
215. R.B.Asprey (1975), *War in the Shadaws (the guerrilla in history)*, N.Y. Doubleday.

PHỤ LỤC

Phục lục 1

Nghị quyết của Khu ủy V, số 62 tháng 2 năm 1961 về công tác binh vận

731

NGHỊ QUYẾT CỦA KHU ỦY V Số 62, tháng 2 năm 1961 Về công tác binh vận

I- TÌNH HÌNH QUÂN ĐỘI DỊCH VÀ CÔNG TÁC BINH VẬN TRONG NĂM QUA

1. Âm mưu địch và tinh thần binh sĩ quân đội miền Nam

Trước phong trào cách mạng ngày phát triển, Mỹ - Diệm đã và đang khẩn trương xây dựng và sử dụng các lực lượng vũ trang, tiến hành chiến tranh với nhân dân miền Nam, âm mưu tiếp tục thực hiện chuẩn bị gây chiến tranh của chúng; dự định tăng chủ lực từ 15 vạn đến 30 vạn, tăng hạn quân địch và lính cũ, huấn luyện và gọi lính trừ bị nhập ngũ; chuyển lực lượng bảo an cho Bộ Quốc phòng; thành lập các đơn vị biệt kích, đặc biệt chú trọng củng cố và phát triển các lực lượng bán vũ trang; tăng và tập trung dân vệ lên quận, tổng và đưa dân sang bảo an; tổ chức, huấn luyện và sử dụng thanh niên vào việc chống phá phong trào quần chúng nông thôn và đưa dân vào lực lượng vũ trang của chúng. Những biện pháp trên nhằm đánh phá cách mạng và nhân dân một cách ác liệt hơn.

732

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP

Chúng ra sức tuyên truyền "chế độ nhân vị", "quốc gia độc lập", "quân đội cộng hòa", ra sức xuyên tạc ta và phe ta; lưu manh truy lạc hoá binh lính; vừa dùng tiến tài, địa vị, khen thưởng để mua chuộc, vừa tổ chức bọn phản động nằm sát trong các đơn vị, đồng thời tăng cường các biện pháp kỷ luật nhằm khống chế quần chúng binh sĩ.

Tuy vậy, tình hình thế giới năm qua có những biến chuyển lớn có lợi cho ta, phong trào chống Mỹ của nhân dân thế giới và phe ta ngày càng mạnh; miền Bắc kiến thiết thắng lợi; nhất là phong trào cách mạng miền Nam ngày càng phát triển sôi nổi mạnh mẽ, vừa đấu tranh chính trị vừa có hoạt động vũ trang, nội bộ địch mỗi ngày bộc lộ các mâu thuẫn một cách sâu sắc và nghiêm trọng... do đó, tinh thần tư tưởng: cầu an, bạc nhược, hoang mang dao động... của quân đội địch cũng mỗi ngày một phát triển, tinh thần dân tộc dân chủ có phát triển trong binh lính rõ nhất là thanh niên quân dịch, lính người dân tộc Thượng và lính đi lúc hoà bình; trong sĩ quan cũng có một số có ý thức chống Mỹ - Diệm, sau vụ đảo chính ngày 11-11-1960 tại Sài Gòn đã thấy rõ; phong trào đấu tranh của quần chúng binh sĩ dưới nhiều hình thức ngày một nhiều, từ chỗ tiêu cực chấp hành mệnh lệnh có số đã không chịu đi càn quét với khẩu hiệu: "Thà ở tù không đi càn quét", nhiều nơi đảo ngũ lẻ tẻ bằng cách này hay cách khác; nhiều binh lính cũng đã có hành động đồng tình, ủng hộ nhân dân đấu tranh. Dân vệ nói chung qua hoạt động có biến chuyển nhiều, thường hoang mang, dao động, bạc nhược có nơi tệ liệt; tỷ lệ xấu ít hơn trước.

Nhưng cũng cần thấy rõ trong quân đội địch có một số binh sĩ chống lại ta ác liệt, loại này thường ở số công giáo bị đầu độc, lính cũ, thanh niên mới lớn lên bị đầu độc, lưu manh

NGHỊ QUYẾT CỦA KHU ỦY V SỐ 62...

733

hoá, lạc hậu về chính trị sinh ra mù quáng hoặc phản động hoá; có số sĩ quan phản động hằn chống ta có ý thức. Mặt khác, bị khủng bố, bức, xuyên tạc, khống chế nên binh sĩ một mặt không hiểu ta, sợ ta, cũng sợ Diệm; tấn thủ lưỡng nan, chờ thời.

2. Tình hình ưu khuyết điểm công tác binh vận trong năm qua

Hội nghị X đầu năm 1960 đặt vấn đề tích cực hơn, đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, chính sách cụ thể cho công tác binh vận. Các cấp uỷ nhất là tỉnh có chú ý hơn trước, đã tiến hành giáo dục đường lối chính sách binh vận trong Đảng, trong lực lượng vũ trang và trong một số quần chúng, bộ máy chuyển trách nhiệm thành; nhờ đó công tác binh vận có những tiến bộ.

Tuyên truyền chính trị vào hàng ngũ quân đội địch phát triển hơn trước; việc chấp hành chính sách ít nhiều có tác dụng tốt bước đầu có ảnh hưởng đến một số binh sĩ miền Nam; cơ sở nội tuyến một số nơi có phát triển; vận động gia đình binh lính, binh sĩ cũ, binh sĩ tại ngũ và vấn đề người Tây Nguyên kết quả tốt.

Nhìn chung, công tác binh vận còn nhiều khuyết điểm chưa theo kịp yêu cầu phát triển của tình hình:

Khuyết điểm lớn là việc phổ biến, giáo dục đường lối, chính sách binh vận còn quá ít, lực lượng trực tiếp làm công tác binh vận bên dưới nhiều nơi chưa giáo dục nên xem nhẹ công tác binh vận, gặp khó khăn buông xuôi, gom ngại, xa lánh không mạnh dạn lãnh đạo quần chúng thực hiện, quần chúng Thượng chưa thông suốt chính sách đối với thương, tù, hàng binh địch...

Việc chấp hành chính sách nhiều nơi phần nhiều lệch lạc

734

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP

có tính chất nghiêm trọng: đánh đập, ngược đãi, bắn chết hàng binh, dân truyền đơn cho địch xem để bắn, tư tưởng xem dân vệ là đối tượng tiêu diệt, nặng đánh, nhẹ vận động; ngược lại có nơi thả những tên gian ác...

Chỉ đạo ba mặt công tác vận động chính trị vào hàng ngũ địch chưa liên hệ chặt chẽ nhau, chưa theo kịp yêu cầu của tình hình: tuyên truyền mới chú ý bề rộng, chưa có bề sâu, chưa mạnh mẽ và liên tục; nội dung chưa tập trung vào những yêu cầu chính, chưa cụ thể và sắc bén, còn lệch lạc về đường lối sách lược; xem nhẹ phản tuyên truyền địch, chưa chú ý đúng mức tổ chức cơ sở nội tuyến, tư tưởng cục bộ địa phương, chỉ thấy lợi ích trước mắt không nhận rõ lợi ích lâu dài, gom ngại bề võ cơ sở, thiếu quyết tâm mạnh dạn chuyển cơ sở dân vận để làm công tác tổ chức nội tuyến, chấp hành các nguyên tắc sử dụng, bảo vệ còn nhiều lệch lạc, nhiều nơi còn khó khăn lúng túng chưa được tích cực tìm cách khắc phục. Xem nhẹ lãnh đạo phong trào quần chúng binh lính đấu tranh.

Hoạt động vũ trang, công tác binh vận chưa coi trọng mạng tác chiến, tư tưởng nặng đánh nhẹ vận động phổ biến trong cán bộ và chiến sĩ; kế hoạch tác chiến và kế hoạch binh vận chưa kết hợp chặt chẽ; tổ chức để hướng dẫn thực hiện kế hoạch công tác binh vận trong lực lượng vũ trang chưa có nề nếp.

Lãnh đạo phong trào đấu tranh chống bắt lính còn xem nhẹ, thiếu liên tục nhất là ở trung châu, chưa kịp thời khắc phục tư tưởng tiêu cực trong thanh niên và quần chúng để ra sức đấu tranh quyết liệt hơn; chưa kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chống bắt lính và vận động thanh niên tham gia cách mạng.

Ban binh vận các cấp và lực lượng chuyên trách công tác binh vận ở dưới còn quá yếu. Một số tỉnh chưa có Ban binh vận, nề nếp công tác chưa được xây dựng; huyện có phân công cấp uỷ phụ trách nhưng chưa thiết thực hoạt động; lực lượng nòng cốt làm công tác binh vận ở cơ sở nhiều nơi chưa có.

Nguyên nhân căn bản những khuyết điểm trên là: do nhận thức ý nghĩa công tác binh vận chưa sâu sắc, nhất là từ cấp huyện trở xuống, thấy công tác binh vận chưa bức xúc bằng những công tác khác, thiếu tích cực giáo dục đường lối, chính sách binh vận sâu rộng trong Đảng, cơ sở, nhân dân và lực lượng vũ trang, thiếu quyết tâm đầy đủ trong việc tổ chức thực hiện.

3. Khả năng, triển vọng công tác binh vận

Hiện nay công tác binh vận có những khó khăn: nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhiều lệch lạc; cơ sở cách mạng ở nông thôn đồng bằng, thành thị còn hẹp; quan hệ giữa nhân dân Thượng và binh lính Kinh còn khó khăn. Đại bộ phận binh lính địch tuy là quân chúng lao động nhưng khi vào lính thì có những diễn biến khá phức tạp, bị đầu độc một phần, địch lại ra sức xuyên tạc, bưng bít, không chế mọi cách, tăng cường chống công tác binh vận của ta.

Nhưng mặt khác, ta có những thuận lợi căn bản: tình hình cách mạng miền Nam ngày càng phát triển; ta vừa đấu tranh chính trị vừa hoạt động vũ trang ngày một nâng lên; Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời cộng với tình hình thế giới ngày càng biến chuyển thuận lợi cho ta; miền Bắc kiến thiết thắng lợi; chính sách của Đảng đối với binh sĩ miền Nam được cụ thể và phù hợp với quần chúng binh lính. Mỹ - Diệm ngày càng bị cô lập, uy tín chúng bị suy sụp rõ

nhất là trong vụ đảo chính vừa qua, sắp đến càng suy sụp hơn nữa, mâu thuẫn nội bộ ngày thêm gay gắt, bộ mặt thật Mỹ - Diệm ngày càng lộ rõ làm cho binh sĩ miền Nam càng thêm chán ghét và không tin tưởng chúng. Những điều đó nhất định sẽ có chuyển biến mới trong hàng ngũ quân đội địch, tạo điều kiện cho công tác binh vận phát triển.

II- NHIỆM VỤ, YÊU CẦU, PHƯƠNG CHÂM, KHẨU HIỆU CÔNG TÁC BINH VẬN

1. Cần nhận rõ công tác binh vận là một trong những nhiệm vụ cơ bản có tính chất quyết định thắng lợi của cách mạng

Từ ngày thành lập, Đảng đã đặt thành nhiệm vụ cách mạng lớn nhờ đó mà đưa cách mạng đến thắng lợi. Hoà bình lập lại, Đảng đã đặt mạnh công tác binh vận, Nghị quyết Trung ương 15 đã chỉ rõ: "Đảng cần phải xúc tiến đặc biệt công tác binh vận, kiên trì, bí mật và khéo léo đi sâu tranh thủ cho được đa số binh lính đồng tình với cách mạng, tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hiệp". Đó là một trong những nhiệm vụ lớn để chuẩn bị lực lượng ta, làm yếu địch tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền, giải phóng miền Nam; phải làm cho địch không thể dùng lực lượng vũ trang đối phó với cách mạng; phải nhận rõ công tác binh vận là một cuộc vận động cách mạng của quần chúng, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, phải giáo dục toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thấy rõ trách nhiệm thiết thực làm công tác binh vận. Nếu sự chỉ đạo không chủ ý hoặc chủ ý không đúng mức thì trước mắt và lâu dài cách mạng sẽ gặp nhiều khó khăn.

2. Nhiệm vụ lâu dài

- Vận động binh lính đoàn kết với nhân dân chống âm

mưu của Mỹ - Diệm dùng quân đội miền Nam làm công cụ đàn áp, đánh phá cách mạng miền Nam, sẵn sàng phá tan âm mưu gây chiến của đế quốc Mỹ.

- Xây dựng cơ sở cách mạng trong quân đội địch để tiến tới thực hiện khối công nông binh liên hiệp chuẩn bị điều kiện kịp thời cùng với nhân dân đánh đổ chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm thực hiện hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập ở miền Nam tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc.

- Tích cực vận động phong trào chống bắt lính phá tan âm mưu xây dựng quân đội và phát triển các lực lượng hậu bị khác của địch.

3. Yêu cầu chung

- Tranh thủ binh lính và sĩ quan đồng tình, ủng hộ, đoàn kết với nhân dân đấu tranh chống chế độ độc tài phát xít, chống âm mưu gây chiến tranh của Mỹ - Diệm; làm tan rã về chính trị, tư tưởng và làm tan rã từng bộ phận về tổ chức tiến tới làm tan rã toàn bộ khi có thời cơ.

- Tranh thủ nắm một số binh sĩ trong từng đơn vị tiến tới nắm chắc những đơn vị, bộ phận, vị trí quan trọng, xây dựng thực lực cách mạng trong hàng ngũ địch để phục vụ yêu cầu cách mạng khi có thời cơ.

- Đối với dân vệ, tích cực tranh thủ số đông lòng chừng, nắm chắc số tốt, cô lập, khống chế số đầu sỏ gian ác làm mất tác dụng đàn áp phong trào cách mạng địa phương tiến tới làm tan rã những nơi có điều kiện; ở miền núi làm tan rã toàn bộ; vận động nắm chắc và tiến lên làm tan rã các lực lượng hậu bị khác của địch.

4. Phương châm

- Coi trọng ba mặt công tác: tuyên truyền giáo dục, gây dựng cơ sở nội tuyến và lãnh đạo đấu tranh.

- Kết hợp chặt chẽ giữa tác chiến và binh vận, giữa binh vận và dân vận.

- Diện phải thật rộng, điểm phải thật chắc.

- Nắm dưới là căn bản, nắm trên là quan trọng.

- Phối hợp nội ngoại tuyến chặt chẽ.

5. Khẩu hiệu tuyên truyền chung

- Anh em binh sĩ trong quân đội miền Nam đoàn kết với nhân dân đấu tranh chống chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm tiến lên vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền giải phóng miền Nam.

- Chống chính sách dùng quân đội miền Nam làm công cụ đàn áp và gây chiến của Mỹ - Diệm.

- Bãi bỏ chế độ cổ vấn quân sự Mỹ.

- Hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập và hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Đó là khẩu hiệu tuyên truyền chung, tùy nơi, từng lúc để ra khẩu hiệu cụ thể trước mắt nhằm xoay quanh vấn đề sau đây:

- Chống càn quét khủng bố.

- Chống bắt lính.

- Đòi cải thiện vật chất và bản thân gia đình binh lính.

- Chống chế độ hà khắc, ngược đãi, đảm bảo quyền lợi chính trị cho quân nhân.

- Đòi đối xử bình đẳng giữa Kinh và Thượng, giữ quan hệ bình thường giữa lính và dân.

- Khẩu hiệu trong tác chiến.

- Kêu gọi đảo ngũ, binh biến, v.v..

Dựa vào các vấn đề trên mà đề ra những khẩu hiệu thiết thực, thích hợp với tâm lý, nguyện vọng khả năng đồng đạo của quần chúng binh sĩ có tác dụng động viên tập hợp họ

hướng ứng và hành động. Phải kết hợp chặt chẽ giữa khẩu hiệu quyền lợi trước mắt và khẩu hiệu chính trị lâu dài; giữa khẩu hiệu đấu tranh trong hàng ngũ binh sĩ và khẩu hiệu đấu tranh của quần chúng bên ngoài.

III- YÊU CẦU, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC BINH VẬN SÁP ĐẾN

Dựa vào tình hình, nhiệm vụ, phương châm chung X và phương hướng công tác binh vận trước mắt của...; công tác binh vận sắp đến cần phải:

- Ra sức tuyên truyền tấn công chính trị vào hàng ngũ quân đội địch mạnh mẽ, sâu rộng, liên tục và kịp thời chủ yếu làm cho binh lính hiểu chính sách của ta, hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ cấp bách của họ phải cùng với toàn dân đứng lên đánh đổ Mỹ - Diệm. Phổ cập và chấp hành đúng chính sách đối với binh sĩ và gia đình họ. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong binh lính; tranh thủ số đông binh lính đồng tình, ủng hộ hoặc tham gia phong trào đấu tranh của quần chúng chủ trọng làm tan rã về tư tưởng, tiến đến tan rã từng bộ phận lực lượng vũ trang và bán vũ trang địch làm cho chúng khó khăn về quân số, hạn chế tác dụng đàn áp, phá thế kìm kẹp của địch ở các địa phương; vận động phong trào đào ngũ, giải ngũ, kêu gọi binh biến, nơi có điều kiện tổ chức một số đơn vị làm binh biến đứng lên chống Diệm gia nhập mặt trận. Tích cực lãnh đạo phong trào chống bắt lính, chống dồn quân từng bước, chống quân sự hoá thanh niên, nội tuyến vững chắc, đặc biệt chú trọng các đơn vị, vị trí quan trọng..., chủ yếu là binh lính đồng thời phải chú trọng

sĩ quan. Đặc biệt chú trọng công tác binh vận trong hoạt động vũ trang; trong các phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhất là đấu tranh chống càn quét, khủng bố.

Chỉ đạo phải lấy việc giáo dục cho toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang, bán vũ trang nhận thức đầy đủ đường lối chính sách và biết làm công tác binh vận là quan trọng nhất. Tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo của các cấp uỷ đối với công tác binh vận nhất là từ cấp huyện trở xuống, kiên quyết sắp xếp cán bộ, tổ chức bộ máy binh vận các cấp đủ sức giúp cấp uỷ chỉ đạo, đồng thời đào tạo lực lượng trực tiếp làm binh vận sát cơ sở. Phải chú ý tạo mọi điều kiện đi sâu, nắm chắc các bộ phận, vị trí chiến lược quan trọng.

A- Đẩy mạnh ba mặt công tác vào hàng ngũ địch

1. Ra sức tuyên truyền tấn công chính trị vào hàng ngũ quân đội địch mạnh mẽ, sâu rộng, liên tục và kịp thời nhằm vào các yêu cầu chính là:

- Làm cho binh sĩ hiểu rõ kẻ thù của họ là đế quốc Mỹ, tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm chúng đang dùng họ tàn sát đồng bào để bảo vệ quyền lợi ích kỷ của chúng; làm cho họ hiểu chính sách của cách mạng; tin vào sức mạnh của phong trào quần chúng, thấy rõ tính chất chính nghĩa và con đường tất thắng của cách mạng; phát huy tinh thần dân tộc, kêu gọi ý thức giai cấp, chỉ rõ nhiệm vụ cấp bách của họ cần phải cùng toàn dân đứng lên đánh đổ Mỹ - Diệm.

- Nội dung nhằm: Tuyên truyền rộng rãi Cương lĩnh Mặt trận Giải phóng miền Nam, chính sách đối với binh sĩ và gia đình họ, phong trào dân tộc tự trị đối với binh lính người dân tộc, chính sách tự do tín ngưỡng đối với binh lính tôn giáo, chính sách của Đảng và Chính phủ ở miền Bắc đối với lính

miền Bắc di cư vào Nam. Trong lúc tuyên truyền chính sách cần ngăn ngừa thái độ lợi dụng chính sách của họ.

- Vạch trần bản chất chế độ độc tài phát xít và sự suy yếu của Mỹ - Diệm, lấy thực tế đập lại luận điệu lừa bịp, xuyên tạc của chúng một cách sắc bén. Tuyên truyền sự lớn mạnh của phe ta, phong trào đấu tranh chống Mỹ trên thế giới; chế độ tốt đẹp và kiến thiết thắng lợi ở miền Bắc; truyền thông của dân tộc Việt Nam anh hùng chống đế quốc Pháp - Nhật; sức mạnh của phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm của nhân dân miền Nam hiện nay trong đó binh sĩ miền Nam tham gia.

- Tuyên truyền khẩu hiệu "công nông binh liên hiệp". Chỉ rõ phương hướng đấu tranh nhằm lôi kéo cho được binh lính đồng tình, ủng hộ cùng với nhân dân đấu tranh chống Mỹ - Diệm tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền giải phóng miền Nam thực hiện hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập và hoà bình thống nhất Tổ quốc. Rút bài học trong vụ đảo chính vừa qua làm cho binh lính và sĩ quan của địch hiểu rằng muốn đánh đổ Mỹ - Diệm không thể "chống Cộng", chống nhân dân, mà phải dựa vào nhân dân đi theo với cách mạng, không thể dựa vào đế quốc nào được.

Chủ yếu là dựa vào đảng viên, cơ sở và lực lượng đồng đạo của quần chúng mà tuyên truyền bằng những biện pháp gây quan hệ bình thường, dựa vào gia đình, quan hệ bà con, tạo quan hệ mới, dùng binh sĩ và sĩ quan đã giải ngũ; bằng hành động khen chê phê phán, đoàn kết tương trợ, kể khổ gọi khổ, v.v.. Cần phải tiến hành thật khéo léo từ thấp đến cao tranh thủ tình cảm tiến đến tranh thủ về chính trị; nhưng nói chung lúc có phong trào mạnh vận động quần chúng xáp vào tranh thủ, tuyên truyền rộng rãi

hơn. Xây dựng cơ sở hợp pháp tuyên truyền trên các hành lang, trục giao thông, các cứ điểm, trong thôn xóm, trong các cuộc đấu tranh của quần chúng.

Phát triển mạnh mẽ các hình thức gọi loa, rải truyền đơn, gởi thư tay, cổ gắng sáng tác thơ, ca, hò vè; tài liệu truyền đơn chú trọng cả nội dung và hình thức; giáo dục tốt và chấp hành đúng các chính sách đối với tù hàng binh làm tài liệu sống để tuyên truyền; khi địch đi càn quét và các đồn bốt ở miền núi cần tấn công mạnh mẽ và rầm rộ hơn. Mỗi tỉnh cố gắng ra tờ tin đặc biệt hàng tháng cho binh sĩ và tích cực giải quyết phương tiện để tuyên truyền kịp thời.

2. Phải tích cực, vững chắc, bí mật xây dựng lực lượng bên trong quân đội địch. Phải hết sức bí mật khéo che giấu, mai phục lâu dài chờ thời cơ.

- Tổ chức phải tuyệt đối bí mật, hoạt động của cơ sở phải dựa vào quan hệ hợp pháp để vận động quần chúng khác; tuyệt đối không cho biết giữa cơ sở đơn vị này với đơn vị khác; giữa binh lính và sĩ quan, giữa cơ sở mai phục và cơ sở hoạt động, giữa cơ sở binh vận và cơ sở quân báo, giữa cơ sở lính Kinh và lính Thượng; cơ sở không được đem tài liệu mật vào đơn vị, vào nhà ở, để trong người; không nhận làm công tác bí mật với người khác vô nguyên tắc. Tổ chức cơ sở theo nhu cầu không theo khả năng, hoạt động của cơ sở cũng theo nhu cầu không theo khả năng; có lúc cần phải bất nhiệm vụ; tuyệt đối không được sử dụng vô nguyên tắc.

Khi cơ sở có điều kiện phát triển thì không nên dàn dụa mà phải nhằm vào hướng chủ yếu, vào các đơn vị, bộ phận, vị trí quan trọng và phải nắm chắc các điểm ấy. Yêu cầu hiện nay mỗi đại đội tập trung tổ chức ba cơ sở hoạt động nếu tổ chức 4 - 5 thì do Tỉnh uỷ quyết định; mỗi trung đội người dân

tộc có thể tổ chức từ hai đến ba cơ sở hoạt động (trừ cơ sở mai phục); mỗi tiểu đội dân vệ có hai hoặc ba cơ sở; ngoài những cơ sở vùng này ta còn tranh thủ giáo dục hợp pháp số còn lại; cơ sở mai phục có khả năng đến đâu phát triển đến đó không hạn chế. Tổ chức cơ sở theo đơn tuyến là phổ biến, nơi nào cơ sở vững thì một tổ chức một, một tổ chức hai, cơ sở mai phục chỉ đơn tuyến; mỗi cơ sở không kể loại nào cần một số cảm tình, bè bạn.

- Phương pháp tổ chức cơ sở: dùng gia đình, bà con, bạn bè đào tạo mật giáo, dùng quan hệ kết nghĩa, đoàn kết tương trợ gần gũi tuyên truyền gây cơ sở, dùng cơ sở bên trong phát triển (phải đảm bảo bí mật để phòng bị vỡ) hoặc dùng cơ sở bên trong tìm người tốt bí mật giới thiệu ra ngoài để tổ chức thành cơ sở, xây dựng người ngoài đưa vào; dùng binh sĩ cũ đã về nhà để bắt mối xây dựng cơ sở (vùng dân tộc).

- Điều kiện lựa chọn người để tổ chức cơ sở: "Tân thành đường lối cách mạng, tối thiểu là tân thành cương lĩnh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, tin tưởng cách mạng nhất định thắng lợi, có tinh thần quyết tâm, có quan hệ tốt với quần chúng, lịch sử rõ ràng"; đối với binh lính chủ yếu là thành phần cơ bản; cần coi trọng bồi dưỡng loại cơ sở này theo tiêu chuẩn chiến sĩ cách mạng bí mật trong hàng ngũ địch: Căm thù đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, quyết tâm với nhiệm vụ, tin tưởng cách mạng (tuyên truyền về Đảng để nâng dần tin tưởng với sự lãnh đạo của Đảng), có ý thức tổ chức và kỷ luật, biết giữ bí mật, chủ yếu là thông qua mật giáo để giáo dục. Tuỳ hoàn cảnh mà cán bộ bất hợp pháp trực tiếp giáo dục, để tài liệu bất hợp pháp tại gia đình hoặc nhà mật giáo có kế hoạch cho cơ sở nghiên cứu. Cần mạnh dạn cất đảng viên, cơ sở có điều kiện hiện đang hoạt động, tốt

nhất là gia đình và những người có quan hệ với binh lính để đào tạo mật giáo và cán bộ hợp pháp, chú ý cắt đứt nhiệm vụ và liên hệ với cơ sở địa phương. Mỗi mật giáo nắm một nội tuyến, trường hợp đặc biệt và thật đảm bảo có thể nắm hai. Mỗi cán bộ hợp pháp có thể nắm ba mật giáo trở lại. Cơ sở có tính chất quan trọng phải có mật giáo thật bảo đảm.

- Về Đảng: đối với đảng viên cũ dựa theo chủ trương của X trước đây; những cơ sở nào đảm bảo đủ tiêu chuẩn thì phát triển đảng viên mới nhưng phải hết sức thận trọng, đảm bảo và phát triển đơn tuyến.

- Cán chia ra mấy loại cơ sở để sử dụng:

+ Cơ sở trường kỳ mai phục: gồm có sĩ quan và binh lính ở các bộ phận quan trọng như: tham mưu, thông tin liên lạc, cơ yếu, kho tàng, văn phòng, những cơ sở quan trọng trong hải, không quân, pháo binh, cơ giới, vận tải, trường huấn luyện, v.v., loại này chỉ tìm hiểu tình hình trong phạm vi mình biết, tạo quan hệ tình cảm với quần chúng chung quanh.

+ Cơ sở hoạt động làm nhiệm vụ điều tra, tuyên truyền, giáo dục, lãnh đạo binh lính đấu tranh; việc sử dụng loại này phải nắm vững phương châm, nguyên tắc, tổ chức và hoạt động của cơ sở đã nói ở trên.

+ Cơ sở tình hình: bất kỳ sĩ quan hay binh lính có khả năng giao nhiệm vụ điều tra cung cấp tình hình cho ta, ngoài ra không làm gì nữa (tiêu chuẩn loại này không đòi hỏi như hai loại trên).

+ Loại mới bắt mới không phải cơ sở tuy đó mà giao nhiệm vụ để thử thách kiểm tra họ.

Nói chung tất cả các loại cơ sở đều phải che giấu lâu dài chờ thời cơ, trường hợp cần thiết có thể sử dụng để phục vụ cho tác chiến nhưng phải cân nhắc kỹ, những cơ sở nào có tác

dụng mai phục lâu dài thì nhất thiết không được sử dụng (sử dụng loại này phải do tỉnh và trên quyết định). Cơ sở người dân tộc trừ những cơ sở có tác dụng mai phục lâu dài còn có thể sử dụng hoạt động trong binh lính người dân tộc rộng rãi hơn. Các loại cơ sở phải giáo dục cho họ trước trường hợp có đảo chính hoặc khởi nghĩa họ sẽ tham gia như thế nào để khỏi bị động mà lúc đó ta không trực tiếp chỉ đạo kịp.

- Phạm vi quản lý cơ sở: X từ cấp thiếu úy trở lên và những cơ sở quan trọng khác trong chủ lực; từ cấp tiểu đoàn phó trở lên trong bảo an. Tỉnh nắm số còn lại trong chủ lực; từ trung đội phó trở lên và những cơ sở quan trọng trong bảo an. Huyện nắm số còn lại trong bảo an và dân vệ xã.

Cơ sở tổ chức đến đâu phải củng cố và nắm chắc mọi mặt (lại lịch, chất lượng, khả năng) để có kế hoạch phân loại, sử dụng, bồi dưỡng cho đúng và kịp thời; phải giáo dục về nguyên tắc sử dụng, bảo vệ cho những cán bộ, đảng viên, cơ sở trực tiếp làm công tác tổ chức nội tuyến, có kiểm tra chặt chẽ. Kiên quyết khắc phục khó khăn trong việc dịch chuyển chuyển đổi phó và bảo vệ cơ sở trong tác chiến; sắp đến, kiên quyết bố trí cán bộ đi sâu vào xây dựng cơ sở các đối tượng, vị trí quan trọng; nhân lúc địch bắt lính cần giáo dục số thanh niên và sĩ quan trừ bị cho chui vào hàng ngũ địch.

3. Lãnh đạo phong trào đấu tranh trong binh lính.

Yêu cầu chủ yếu là: đòi dân sinh, dân chủ, tăng lương và cải thiện đời sống cho bản thân và gia đình, chống hành hạ, ngược đãi khổ tập, chống cưỡng bức lưu ngũ, tái đảng, đối xử bình đẳng giữa Kinh và Thượng, đòi chế độ về phép, để gia đình được tự do đến thăm, v.v.. Kết hợp với khẩu hiệu chính trị như "chống âm mưu dùng quân đội đi càn quét khủng bố",

"chống đưa quân đội miền Nam đi đánh ở Lào", "đào ngũ, giải ngũ, binh biến", v.v..

Trong mỗi phong trào đấu tranh của quần chúng phải đưa ra những khẩu hiệu thích hợp để vận động tranh thủ đa số binh lính đồng tình, ủng hộ hoặc tham gia đấu tranh nhất là trong đấu tranh chống càn quét, khủng bố, cướp bóc, v.v.. Mặt khác, quần chúng cũng phải đưa ra những khẩu hiệu đồng tình, ủng hộ phong trào đấu tranh của binh lính; lãnh đạo phong trào đấu tranh của gia đình để phối hợp với phong trào đấu tranh trong binh lính.

Chỉ đạo phải theo dõi thật sát thủ đoạn của địch, sự diễn biến trong hàng ngũ binh lính để có khẩu hiệu cho thích hợp với tâm tư nguyện vọng của họ mà hướng dẫn đấu tranh; giáo dục kỹ cho cơ sở bên trong, theo dõi thật sát những dư luận, bất bình, bất mãn của quần chúng binh sĩ hoặc những thủ đoạn bịp bợm của địch để khéo khéo gợi kích động tình thần đấu tranh của quần chúng. Qua mỗi cuộc đấu tranh phải kịp thời rút kinh nghiệm để lãnh đạo đấu tranh sau này, phát huy thắng lợi để động viên lòng tin tưởng đối với binh lính.

B- Nắm vững và chấp hành đúng chính sách đối với binh sĩ miền Nam và gia đình họ

Giáo dục cho cán bộ, đảng viên, quần chúng và lực lượng vũ trang, bán vũ trang thông suốt ý nghĩa, nội dung chính sách để chấp hành nghiêm chỉnh (đặc biệt chú ý đảng viên, cơ sở, quần chúng và chiến sĩ người dân tộc). Phải biến chính sách thành hành động thực tế gây ảnh hưởng tốt vào quần đội địch.

Trong lúc tác chiến phải có cán bộ nắm vững chính sách,

có kế hoạch và tổ chức chu đáo để thực hiện tốt chính sách đối với thương, tù, hàng binh; trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải cố gắng giáo dục tốt tù hàng binh, ở những nơi có điều kiện cần giáo dục với thời gian dài ngày hơn; đi đôi với việc giáo dục tốt cần lấy hành động thực tế của ta đối với họ để cảm hoá, thuyết phục họ. Làm thế nào mỗi cuộc phóng thích tù, hàng binh có ảnh hưởng tác động lớn vào hàng ngũ địch.

Có thể lấy một số bổ sung lực lượng hoặc tăng người ở vùng căn cứ, chủ yếu nhằm vào quân địch, lính mới từ hoà binh, nhưng phải tiếp tục giáo dục, theo dõi giúp đỡ.

Chỉ đạo phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc chấp hành chính sách lấy thực tế để giáo dục nâng trình độ nhận thức chính sách, đồng thời phải khen thưởng, kỷ luật đối với việc chấp hành chính sách.

C- Đẩy mạnh công tác binh vận trong hoạt động võ trang

Tiến hành giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ nhận thức đầy đủ ý nghĩa, đường lối, chính sách công tác binh vận của Đảng nhất là thấy rõ tác chiến hiện nay một mặt nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, nhưng mặt khác tạo điều kiện thuận lợi để tấn công tranh thủ chính trị giác ngộ và tranh thủ binh lính đồng tình ngả về phía cách mạng, nhất thiết không để binh lính đối lập với ta. Do đó, trong tác chiến một mặt phải kiên quyết tiêu diệt địch nhưng mặt khác vừa đánh vừa tích cực kêu gọi, chấp hành thật đúng chính sách để phân hoá, tranh thủ.

Nắm vững phương châm: "kết hợp chặt chẽ giữa binh vận và tác chiến". Mỗi cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ binh vận

như lực lượng tác chiến. Kiên quyết khắc phục tư tưởng nặng đánh nhẹ vận động, cho là công tác binh vận không có thành tích bằng tác chiến, gặp khó khăn buông xuôi.

Chỉ đạo phải hướng dẫn kế hoạch, nội dung cho công tác binh vận trong từng trường hợp như: chống càn quét, đánh điểm, VT3¹⁾... để cán bộ, chiến sĩ thực hiện; phải có kế hoạch binh vận trước, trong và sau mỗi đợt hoạt động; trong từng trận tác chiến, phải phối hợp chặt chẽ giữa tác chiến và binh vận.

Trong tác chiến nói chung là tất cả cán bộ, chiến sĩ phải làm công tác binh vận nhưng phải kiên quyết bố trí bộ phận chuyên trách coi như lực lượng tác chiến; gấp rút kiện toàn hệ thống binh vận trong lực lượng võ trang để có tác dụng thật sự hướng dẫn toàn quân làm công tác binh vận.

D- Tiến hành vận động các đối tượng đặc biệt

1- Tích cực vận động gia đình binh lính và sĩ quan

Cần làm cho gia đình binh sĩ hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn độc ác của Mỹ - Diệm, sự nguy hại của bản thân chống con, anh em họ khi còn ở trong hàng ngũ quân đội địch; hiểu rõ chính sách ta để họ quyết tâm giáo dục, thuyết phục tranh thủ chống con, anh em họ trở về với gia đình, với làng xóm, với cách mạng.

Công tác tuyên truyền phải đi đôi với hành động thực tế, đảng viên, cơ sở, quần chúng phải thông suốt và chấp hành đúng chính sách đối với gia đình binh sĩ và sĩ quan, dựa vào đoàn kết tương trợ, bạn bè, bà con thôn xóm mà vận động. Ngoài ra, còn dựa VT3, võ trang công tác, thư tay hoặc nói có

1) VT3: Vũ trang tuyên truyền.

điều kiện tập hợp lại giáo dục; trong các cuộc đấu tranh của quần chúng phải hết sức vận động gia đình binh lính tham gia để có tác động lôi kéo quần chúng binh sĩ đồng tình.

2- Đối với dân vệ

Dân vệ là tổ chức trực tiếp làm chỗ dựa cho bọn phản động địa phương, đàn áp, khống chế phong trào quần chúng; địch lợi dụng lực lượng này bổ sung dần lực lượng võ trang của chúng. Phải đặc biệt chú ý vận động dân vệ.

Dựa vào lực lượng đồng đạo của quần chúng và hoạt động VT3 để ra sức tranh thủ số lũng chừng, nắm chắc số tốt, có lập không chế số cạm mưu gian ác, làm mất dần tác dụng đàn áp phong trào quần chúng, tiến lên làm tan rã ở những nơi có điều kiện. Riêng đối với miền núi làm tan rã toàn bộ.

Tiếp tục VT3 để giáo dục, khống chế tước vũ khí dân vệ nhưng không xem dân vệ là đối tượng tác chiến tiêu diệt trừ những tên đầu sỏ, gian ác; làm cho đảng viên, cơ sở và quần chúng hiểu rõ chính sách đối với dân vệ, tích cực lãnh đạo quần chúng thôn xóm, dùng tình cảm, quan hệ sản xuất, tương trợ, dựa vào khí thế cách mạng để lôi kéo tranh thủ; tiến hành xây dựng cơ sở trong dân vệ, tranh thủ nắm chắc quần chúng tốt để khi có điều kiện làm tan rã bằng nhiều cách: đấu tranh thổi việc về nhà làm ăn, mang vũ khí nổ và theo cách mạng...

Khẩu hiệu đối với dân vệ:

- Kiên quyết chống âm mưu dùng dân vệ khủng bố đồng bào thôn xóm, phá hoại cách mạng.
- Trả súng thổi việc về nhà làm ăn với gia đình, với nhân dân.
- Kiên quyết không tập trung lên bảo an và cộng hoà.

Tuỳ từng nơi, từng lúc mà đề ra khẩu hiệu cụ thể hơn nữa để vận động cho sát.

3- Tiến hành vận động sĩ quan

Vận động sĩ quan là vấn đề có tác dụng và ý nghĩa lớn, trong thực tế có khó khăn nhưng vừa qua chưa thật chú ý; tình hình sắp đến có lợi cho ta và có khả năng vận động được nhất là sĩ quan cấp úy. Cần tích cực khai thác mọi khả năng, dựa vào quan hệ bạn bè, thầy trò, gia đình, giáo dục hướng dẫn cho họ từng bước theo dõi thái độ tiến hành tuyên truyền vận động; những đảng viên, cơ sở hiện đang hoạt động nếu có khả năng vận động sĩ quan cần nắm ngay nhiệm vụ địa phương để giao nhiệm vụ vận động sĩ quan ấy.

Những cơ sở sĩ quan đã nắm được hoặc có thể tranh thủ được, Tinh uỷ có kế hoạch và kiên quyết cất cán bộ tiến hành xây dựng, nắm chắc theo phương châm mai phục lâu dài và hướng dẫn họ khéo léo trên địa vị cao đồng thời báo cáo cụ thể về X.

Việc tranh thủ sĩ quan hết sức quan trọng nhưng cũng rất phức tạp nên phải nắm vững sách lược mặt trận, phải khéo léo, kiên trì, phải tuỳ từng người mà có kế hoạch vận động họ, phải phát huy đầy đủ tác dụng cương lĩnh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam để vận động sĩ quan. Khai thác và nắm học sinh trong các trường học, số học sinh cũ của ta trong kháng chiến để có kế hoạch cho chui vào các trường huấn luyện sĩ quan của địch.

E- Vận động phong trào chống bắt lính

Hiện nay địch đang ra sức bắt lính một cách quy mô hơn, tái đảng và tăng hạn lính tái ngũ, đang huấn luyện và lần lượt gọi nhập ngũ những sĩ quan, binh lính trừ bị.

Tình hình ta ngày một phát triển, căn cứ ta ngày càng mở rộng, cần lấy số đông thanh niên bổ sung lực lượng võ trang của ta và những nhu cầu khác của cách mạng.

- Cần giáo dục cho thanh niên và quần chúng thấy rõ âm mưu địch mà gây cảm thù sâu sắc, đấu tranh quyết liệt bằng mọi hình thức như: dư luận phản đối sôi nổi, từ kêu xin đến tri hoãn, lẩn tránh, níu kéo, v.v., hoặc trong những đợt chúng bắt lính mạnh ta cần dùng VT3 để hỗ trợ và kêu gọi thanh niên tham gia cách mạng hoặc gây cho thanh niên có ý thức chạy lên căn cứ khi địch bắt lính gắt ta tìm cách tiếp thu; mặt khác cần giáo dục đường lối công tác binh vận cho họ, nếu trường hợp địch bắt ép không thể trốn tránh được thì họ đã thấy phương hướng mà đấu tranh liên tục trong quân đội địch.

Nhân trong lúc địch bắt lính ta tích cực chọn một số thanh niên giáo dục kỹ và có kế hoạch chui vào hàng ngũ địch, có thể cho vào hàng loạt, một mặt chống bắt lính tích cực, mặt khác cho người chui vào không mâu thuẫn nhau. Riêng miền núi kiên quyết chống không để địch bắt thanh niên đi lính. Đi đối chống bắt lính cần chống âm mưu quân sự hoá thanh niên, ra sức vận động nắm chắc "Thanh niên cộng hoà" tiến lên làm tan rã khi có điều kiện. Vận động lính trừ bị chống đi tập luyện thường kỳ, chống gọi nhập ngũ.

G- Để đảm bảo đẩy mạnh công tác binh vận chỉ đạo cần phải:

1. Đặt thành một đợt giáo dục công tác binh vận làm cho toàn Đảng, các lực lượng võ trang và quần chúng hiểu rõ ý nghĩa, đường lối, chính sách, nhiệm vụ và biết cách làm binh vận; tùy theo mỗi cấp, mỗi đối tượng mà quy định việc phổ biến,

học tập nội dung Nghị quyết binh vận và các chính sách đến tận quần chúng, chiến sĩ. Phải có kế hoạch cụ thể kiểm tra theo dõi kết quả, học tập có liên hệ kiểm điểm để khắc phục những nhận thức lệch lạc và có kế hoạch đẩy mạnh công tác binh vận ở địa phương, đơn vị mình. Các trường huấn luyện chính trị, quân sự, các lớp văn hoá, các tờ báo, v.v. phải có phần phổ biến, học tập công tác và chính sách binh vận.

Đối với cán bộ chuyên trách, phụ trách công tác binh vận phải kết hợp với sinh hoạt thường kỳ mà bồi dưỡng thường xuyên về đường lối, chính sách và nghiệp vụ; chuẩn bị điều kiện tiến tới mở các lớp huấn luyện nghiệp vụ ngăn ngừa cho cán bộ chuyên trách binh vận ở tỉnh và huyện, cơ sở.

2. Kiến toàn các Ban binh vận để đủ sức giúp cấp uỷ chỉ đạo. Phải kiến toàn xong Ban binh vận tỉnh. Dựa vào yêu cầu sắp đến tạm thời quy định con số cán bộ thiết thực làm công tác binh vận các cấp: tỉnh quan trọng từ 8 đến 10 người (cả uỷ viên và cán bộ trong Ban), tỉnh uỷ viên chuyên trách, TV¹⁾ phụ trách, các tỉnh khác từ 5 đến 6 người nếu không có TUV²⁾ chuyên trách thì bố trí cán bộ có trình độ vững chuyên trách, TV phụ trách. Huyện quan trọng phải có HUV³⁾ chuyên trách, những nơi khác phải có cấp uỷ phụ trách nhưng phải thiết thực làm công tác binh vận đi sâu giúp cấp uỷ chỉ đạo chung. Xã uỷ, chi bộ phải có người chuyên trách công tác binh vận.

Ra sức đào tạo cán bộ hợp pháp làm công tác binh vận ở các cứ điểm, hành lang địch thường qua lại, phải chú trọng giáo dục kỹ về chính sách và nghiệp vụ.

1) TV: Thường vụ (B.T).

2) TUV: Tỉnh uỷ viên (B.T).

3) HUV: Huyện uỷ viên (B.T).

Xây dựng nề nếp làm việc Ban binh vận; quy định quyền hạn, nhiệm vụ và quan hệ các ngành, trên dưới chặt chẽ; phải có bộ phận theo dõi nghiên cứu chung và bộ phận bám điểm. Thực hiện chỉ đạo điển hình kịp thời rút kinh nghiệm phổ biến.

Đảng uỷ quân sự chịu trách nhiệm lãnh đạo và thực hiện công tác binh vận trong lực lượng võ trang, trong đó phần chính trị phải có người chuyên trách công tác binh vận giúp đỡ Đảng uỷ chỉ đạo, tùy theo trình độ cán bộ đóng chỉ này có thể có chẵn trong Ban binh vận cấp uỷ, nếu không có trong Ban phải có nề nếp liên hệ chặt chẽ. Từ tiểu đoàn trở lên có một cán sự chuyên trách công tác binh vận, tiến tới có điều kiện thành lập tổ binh vận đại đội. Mỗi đại đội, trung đội, tiểu đội và tổ 3/3 có người phụ trách công tác binh vận; trong lực tác chiến đại đội hoặc trung đội phải có người thực hiện kế hoạch binh vận xem như lực lượng tác chiến.

*
* * *

Tình hình phát triển ngày càng có lợi cho ta, nhiệm vụ cấp bách của cách mạng miền Nam hiện nay đòi hỏi phải đặt công tác binh vận đúng mức hơn nữa; phải làm cho toàn Đảng, các lực lượng võ trang và quần chúng thông suốt, nắm vững đường lối chính sách, kiên quyết khắc phục khó khăn và khuyết điểm hiện có, tận dụng những thuận lợi thiết thực đẩy mạnh công tác binh vận phục vụ kịp thời nhiệm vụ trước mắt và yêu cầu cách mạng khi có thời cơ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

(Nguồn: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 22, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2002, tr.731 – 753)

Phụ lục 2

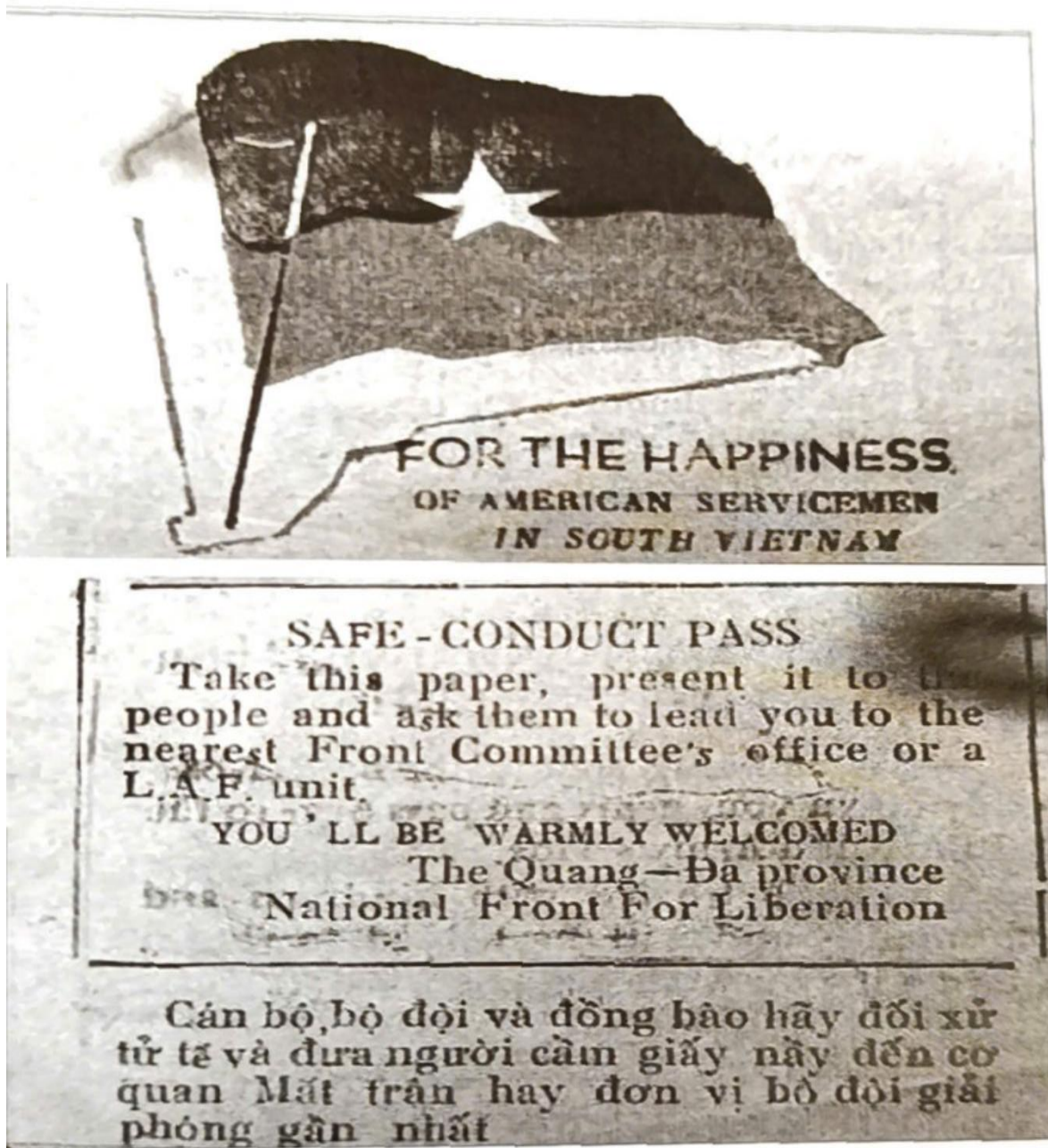
Giấy thông hành - một loại truyền đơn được cán bộ binh vận, đấu tranh chính trị phát tán vào đồn Quế Sơn (Quảng Nam)



(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Ban Dân vận (2021), *Tổng kết công tác đấu tranh chính trị, binh vận trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Đà Nẵng. TP Đà Nẵng)

Phục lục 3

Giấy thông hành - một loại truyền đơn được sử dụng để binh vận, cấp phát cho binh lính Mỹ đào ngũ



(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Ban Dân vận (2021), *Tổng kết công tác đấu tranh chính trị, binh vận trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Đà Nẵng. TP Đà Nẵng)

Phục lục 4

Thư cảnh cáo do cán bộ Ban Binh vận tỉnh Quảng Đà
tấn phát vào nhà những tên ác ôn năm 1971

Ngày tháng năm 1971.

Gửi ông.....

Từ lâu, chúng tôi luôn theo dõi đã biết rõ những hành động của ông tiếp tay cho đế quốc Mỹ và bọn Việt gian đầu sỏ Thiệu-Kỳ-Khiêm hại nhân dân, chống phá Cách-mạng. Nhưng thế theo chính sách khoan hồng của Mặt-trận Dân-tộc Giải-phóng, chúng tôi đã nhiều lần khuyên ông sớm từ bỏ con đường phản dân hại nước, gia đình ông cũng như nhân dân nhiều lần can gián, song ông vẫn tiếp tục đi theo con đường tội lỗi.

Nay tình thế đã thay đổi rõ ràng, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ngày càng sa lầy và thất bại thảm hại. Những chiến thắng vang dội gần đây trên khắp chiến trường Đông-đương của các lực lượng Cách-mạng đang day dứt đi đến thất bại hoàn toàn. Một lần nữa chúng tôi khuyên ông hãy mau thức tỉnh, nhanh chóng từ bỏ con đường tội lỗi, sớm trở về với đại nghĩa Dân-tộc, chung lòng chung sức cùng nhân dân chống Mỹ, cứu nước. Đó là con đường cứu sống mình đưa gia đình ông thoát khỏi những tiếng xấu muôn đời về sau.

Là người thức thời, ông cần suy nghĩ kỹ và hành động kịp thời. Mọi sự dè dặt chần chờ trong lúc này sẽ dẫn đến những hậu quả không thể lường được.

Tên Trung tá Cao-Diên quận trưởng Điện-bản đến t tội tại Xuyên-mỹ, tên Hồ-Diệp gian ác khét tiếng dân tại Đà-nẵng, gần đây tại An-hoà Đức-đục hàng 100 tên ác ôn bị đến tội, nhiều chỉ bộ Quốc-dân-dang phản lớn những tên ngoan cố trong quận bộ Đức-đục phải ngã sức dưới đầu lê mũi súng của quân giải-phóng lãnh hùng cảnh cáo đánh thép cho những kẻ ngoan cố, đã gieo gió thì nhất nhất sẽ gặt bão.

Chúng tôi đang chờ thư phúc đáp của ông. Bà lằng coi như cự tuyệt, tiếp tục đi theo con đường tội lỗi.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẢNG NAM TỈNH
QUẢNG NAM TỈNH



(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Ban Dân vận (2021), *Tổng kết công tác đấu tranh chính trị, binh vận trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Đà Nẵng. TP Đà Nẵng)

Phục lục 5

Truyền đơn của phụ nữ Hội An (Quảng Nam) sử dụng binh vận
lính Nam Triều Tiên



(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Ban Dân vận (2021), *Tổng kết công tác đấu tranh chính trị, binh vận trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Đà Nẵng. TP Đà Nẵng)

Phục lục 6

Tài liệu “Chánh sách 10 điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với Mỹ - Thiệu cường bức con em nhân dân ta cầm súng đánh thuê, chết thay cho giặc Mỹ” được công bố ngày 25/01/1972. Tài liệu của đồng chí Phan Thị Yến Nhi, nguyên cán bộ đấu tranh chính trị, binh vận huyện Quế Tiên



Để thực hiện ý nguyện của dân và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người Việt-nam yêu nước, mọi gia đình có con em bị địch bắt lính, cũng như cho mọi người bị địch cưỡng bức cầm súng đi chết thay cho giặc Mỹ tham gia đuổi Mỹ, lật Thiệu, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chồng con, anh em, tiền tời đánh bại hoàn toàn chánh sách « Việt-nam hóa » của địch.

Cần cứ vào đường lối đại đoàn kết, trước sau như một và

1

cương lĩnh chống Mỹ, cứu nước của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam và của Đại hội Quốc dân họp tháng 6 năm 1969.

Nay Chánh phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt-nam công bố những chánh sách cụ thể sau đây:

1. Toàn dân đoàn kết đấu tranh, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thanh niên, chống Mỹ—Thiệu bắt lính dòn quân đưa đi chết thay cho giặc Mỹ.

a) Mọi người Việt-nam yêu nước đều có vinh dự bảo vệ

2

Tổ quốc bằng mọi hình thức, tùy theo hoàn cảnh và khả năng của mình.

Chánh phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt-nam kêu gọi toàn dân tăng cường đoàn kết đấu tranh đánh bại chánh sách « Việt-nam hóa chiến tranh » « dùng người Việt giết người Việt », « dùng người châu Á giết người châu Á » của đế quốc Mỹ, không để cho Mỹ—Thiệu biến chồng con, anh em mình thành công cụ giết hại đồng bào và chết thay cho giặc Mỹ ở Lào và Căm-pu-chia.

3

b) Ai tích cực bảo vệ thân nhân của mình, tích cực báo bọc, che chở cho thanh niên, không để cho địch bắt lính dòn quân thì nhân dân và chánh quyền cách mạng hết lòng giúp đỡ.

c) Ai tích cực vận động và giúp đỡ binh lính bỏ hàng ngũ giặc trở về với nhân dân hoặc vận động binh sĩ đứng lên chống Mỹ—Thiệu cứu nước thì được ghi công và khen thưởng.

d) Những người bị Mỹ—Thiệu đàn áp, khủng bố, thương tật, tù đày trong đấu tranh bảo vệ thanh niên, chống bắt lính,

4

đồn quân thì được nhân dân và chánh quyền cách mạng hết lòng giúp đỡ, tương trợ trong sản xuất và đời sống.

2. Đối với những gia đình có thân nhân bị địch bắt vào phòng vệ dân sự, vào các sắc lệnh nguy.

a) Những gia đình có thân nhân bị Mỹ - Thiệu bắt vào phòng vệ dân sự, vào các sắc lệnh nguy nói chung đều là nạn nhân đau khổ của chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ. Nhân dân, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam

5

và chánh quyền cách mạng không phân biệt đối xử.

b) Những gia đình tích cực khuyến bảo chồng con, anh em mình giữ quan hệ tốt với nhân dân, không để cho bọn ác ôn thúc ép đi làm hại nhân dân, làm hại cách mạng thì được hoan nghênh và biểu dương.

c) Những gia đình có công vận động chồng con, anh em mình bỏ hàng ngũ giặc trở về với gia đình, với nhân dân thì được ghi công, nếu chồng con, anh em có lập công thì được biểu dương khen thưởng.

6

d) Những gia đình có công vận động chồng con, anh em mình đứng lên khởi nghĩa thì được công nhận là gia đình khởi nghĩa và khen thưởng xứng đáng.

3. Đối với những người bị bắt vào phòng vệ dân sự hoặc bị cưỡng bức vào các tổ chức bán quân sự của địch.

a) Những người bị bắt vào phòng vệ dân sự hoặc bị cưỡng bức vào các tổ chức bán quân sự của địch cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống tổ chức phòng vệ dân sự, chống luyện

7

tập quân sự, chống quân sự hóa học đường, chống các tổ chức bán quân sự khác của địch và chống đồn quân thì được nhân dân và chánh quyền cách mạng coi đó là những hành động yêu nước được biểu dương.

b) Những người bị địch cưỡng bức vào phòng vệ dân sự chưa tìm được cách thoát, nhưng vẫn quan hệ tốt với nhân dân và cách mạng, chống bọn ác ôn kìm kẹp, không đi khủng bố đồng bào, chống đồn quân bắt lính, đồng tình ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân

8

thì được nhân dân và chánh quyền cách mạng ghi công.

c) Những người trong phòng vệ dân sự đứng lên cùng với nhân dân diệt ác ôn, phá ách kim kẹp, giành quyền làm chủ của nhân dân, giải phóng xóm làng, quê hương hoặc tìm mọi cách giúp đỡ nhân dân và cách mạng thì tùy thành tích được xét khen thưởng xứng đáng. Nhân dân và chánh quyền cách mạng khuyến khích, hoan nghênh tất cả những ai muốn tiếp tục tham gia chiến đấu trong hàng ngũ nhân dân và cách mạng.

9

4. Đối với binh lính, sĩ quan và đơn vị, đồn bốt thuộc hệ thống dân vệ, bảo an.

a) Những binh lính, sĩ quan và đơn vị, đồn bốt thuộc hệ thống dân vệ, bảo an có hào động chống đồn quân, bắt lính chống kim kẹp hà khắc và bóc lột của bọn chỉ huy ác ôn, chống đi hành quân cần quét, khủng bố nhân dân, chống đi đóng đồn bốt lấn chiếm thi nhân dân và chánh quyền cách mạng tích cực giúp đỡ.

b) Những binh lính, sĩ quan và đơn vị, đồn bốt thuộc hệ thống dân vệ, bảo an giữ quan

10

hệ (đối với nhân dân, để nhân dân tự do đi lại làm ăn, đồng tình ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân thì được nhân dân và chánh quyền cách mạng công nhận là hành động yêu nước và được ghi công.

c) Những binh lính, sĩ quan và đơn vị, đồn bốt thuộc hệ thống dân vệ, bảo an đứng lên cùng với nhân dân diệt ác ôn, phá ách kim kẹp của bọn chỉ huy ác ôn, giải phóng xóm làng thì nhân dân và chánh quyền cách mạng hoan nghênh, khuyến khích, tiếp tục tham gia chiến đấu trong hàng ngũ nhân dân và cách mạng.

11

vị khởi nghĩa, thành tích được xét khen thưởng xứng đáng.

5. Đối với binh lính, sĩ quan trong các binh chủng chủ lực.

a) Những binh lính, sĩ quan trong các binh chủng chủ lực nguy đấu tranh không chế độ quân phiệt, hà khắc, tàn bạo của Mỹ — Thiệu, đòi cải thiện đời sống bản thân và gia đình thì được nhân dân và chánh quyền cách mạng đồng tình

b) Những binh lính, sĩ quan và đơn vị, đồn bốt thuộc hệ thống dân vệ bị đưa đi một trận,

12

đi Căm-pu-chia, đi Lào v.v. mà chống lại hoặc tìm mọi cách bỏ hàng ngũ địch chạy về với gia đình, với nhân dân thì được nhân dân và chánh quyền cách mạng tích cực đùm bọc, che chở, giúp đỡ làm ăn sinh sống và tạo mọi cơ hội cho trở về gia đình, quê hương.

c) Binh lính, sĩ quan, ca nhân, tập thể hoặc đơn vị có hành động phản chiến tại mặt trận kịp thời báo cho Quân giải phóng biết thì được giúp đỡ. Nếu chạy sang hàng ngũ cách mạng, thì được nhân dân và chánh quyền cách mạng hoan

13

ghênh. Bộ chỉ huy Quân giải phóng tại mặt trận sẵn sàng giúp đỡ tiếp nhận và giải quyết theo nguyện vọng, nếu có lập công thì được khen thưởng.

d) Những binh lính, sĩ quan, đơn vị đứng lên làm binh biến khởi nghĩa được nhân dân và chánh quyền cách mạng hoan nghênh, thành tích được xét khen thưởng, được công nhận là cá nhân binh lính, sĩ quan hoặc đơn vị khởi nghĩa được giữ nguyên đơn vị, sĩ quan được giữ chức vụ cũ được trọng dụng, đối xử bình đẳng.

14

6. Đối với những học sinh, sinh viên, trí thức, công chức bị bắt đi làm sĩ quan nguy và đối với sĩ quan nguy.

a) Những học sinh, sinh viên, trí thức, công chức bị bắt đi làm sĩ quan nguy mà vẫn giữ quan hệ tốt với nhân dân, không hạ hiếp binh sĩ, không thúc ép binh sĩ dưới quyền đi hành quân cần quét làm hại đến tài sản, tính mạng của nhân dân, đồng tình ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân, thì được nhân dân và chánh quyền cách mạng hoan nghênh và ghi công.

15

b) Những sĩ quan có hành động chống Mỹ, chống Thiệu, tán thành hòa bình trung lập, hòa hợp dân tộc thì Mặt trận dân tộc giải phóng và Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt-nam sẵn sàng có quan hệ tốt và cùng nhau hợp tác chống Mỹ - Thiệu để giành lại hòa bình, độc lập, tự do và cơm áo của toàn dân.

7. Đối với nhân viên nguy quyền các cấp.

a) Những người vì hoàn cảnh nào đó còn phải làm việc trong

16

bộ máy nguy quyền các cấp mà giữ quan hệ tốt với nhân dân, tìm mọi cách bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, chống mọi âm mưu thâm độc của Mỹ — Thiệu và bọn tay sai ác ôn, đồng tình ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân thì được ghi công.

b) Những người có tinh thần dân tộc, căm ghét với nhân dân đứng lên đấu tranh đánh đổ ách thống trị của Mỹ — Thiệu, giải phóng xóm làng, lập công cứu nước thì được khen thưởng và trọng dụng.

17

nào đó còn phải làm cảnh sát, nhưng vẫn giữ thái độ tốt với nhân dân, không khủng bố nhân dân, đồng tình ủng hộ hoặc không đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân thì nhân dân và chánh quyền cách mạng hoan nghênh.

c) Nếu muốn thoát khỏi tổ chức cảnh sát về nhà làm ăn thì sẽ được nhân dân và chánh quyền cách mạng giúp đỡ.

d) Nếu bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, giúp đỡ nhân dân và cách mạng thì được nhân dân và chánh quyền cách mạng ghi công. Nếu lập

19

8. Đối với cảnh sát.

a) Mỹ — Thiệu lập ra lực lượng cảnh sát làm công cụ trực tiếp vơ vét, cướp bóc nhân dân, đàn áp, khủng bố các phong trào đấu tranh của nhân dân. Nhân dân và chánh quyền cách mạng kêu gọi những người trong tổ chức cảnh sát, công an hoặc các tổ chức tương tự của Mỹ — Thiệu hãy mau mau thức tỉnh tìm mọi cách thoát khỏi âm mưu độc ác của giặc, đừng để chúng đẩy vào con đường gây tội lỗi đối với nhân dân, với Tổ quốc.

b) Những người vi hoàn cảnh

18

công thì được khen thưởng thích đáng.

9. Đối với hàng binh và tù binh.

Hàng binh được nhân dân và chánh quyền cách mạng đối xử tử tế và giải quyết theo nguyện vọng. Tù binh được đối xử nhân đạo.

10. Đối với những người phạm tội mà thật tha hối cải.

Nhân dân và chánh quyền cách mạng khoan hồng đối với những người đã phạm tội ác với nhân dân, với Tổ quốc nhưng thật tha hối cải. Ai lập công chuộc tội thì lủy công mà được xét khen thưởng.

(Nguồn: Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam)

Phụ lục 7

Đội quân đấu tranh chính trị, binh vận tại căn cứ Ao Lầy, xã Kỳ Thịnh, huyện Bắc Tam Kỳ năm 1972 - 1973



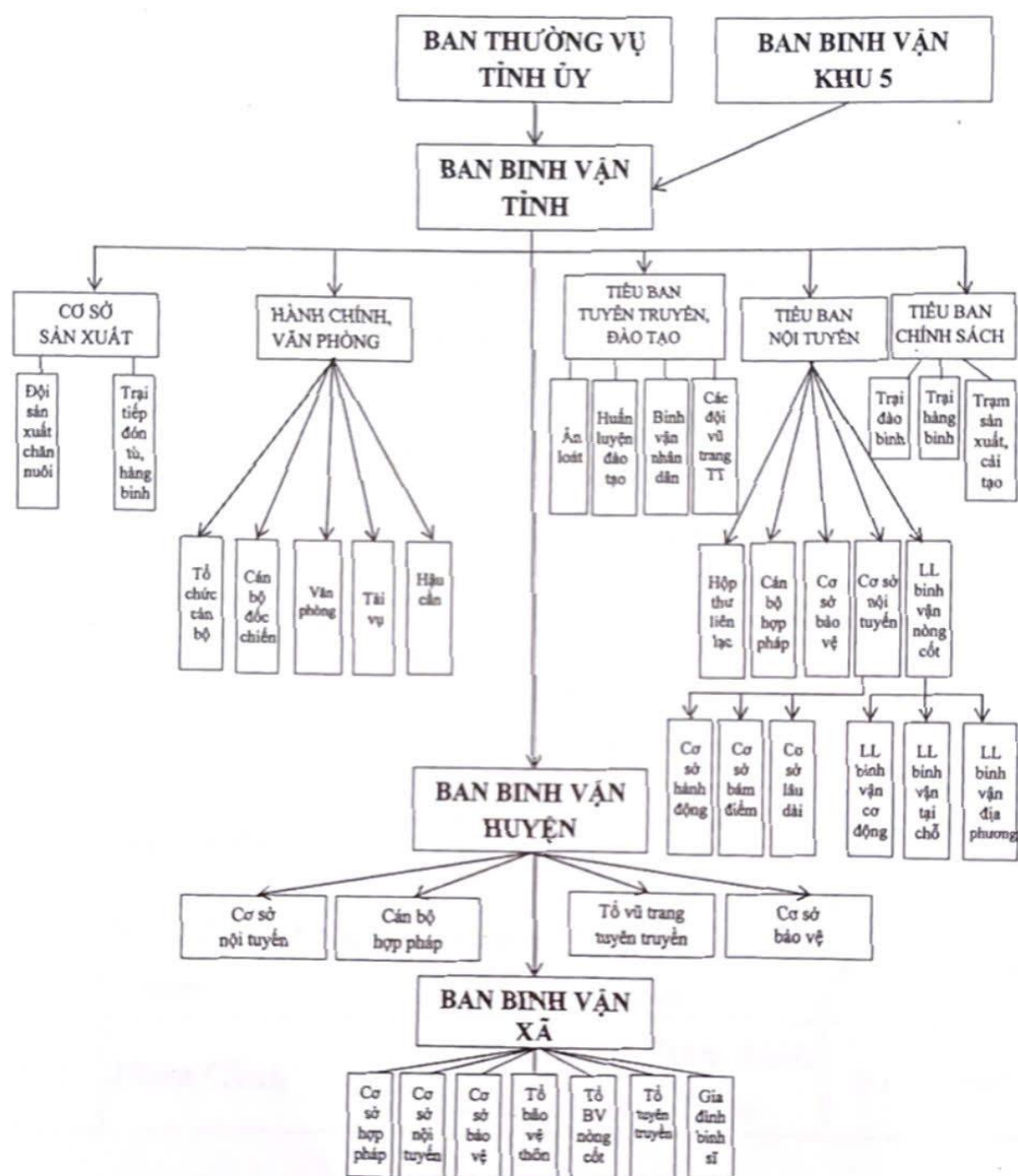
Phụ lục 7. Nữ du kích Trần Thị Thanh Xuân áp giải hàng binh địch sau chiến thắng Tiên Phước (3/1975)



(Phục lục 6 và 7, Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Ban Dân vận (2021), *Tổng kết công tác đấu tranh chính trị, binh vận trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Đà Nẵng. TP Đà Nẵng)

Phụ lục 8

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO NGÀNH BINH VẬN TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG ĐÀ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)



Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Ban Dân vận (2021), *Tổng kết công tác đấu tranh chính trị, binh vận trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Đà Nẵng. TP Đà Nẵng)

Phục lục 9
Lực lượng vũ trang của địch ở chiến trường Khu 5
(từ năm 1961 đến tháng 4/1975)

PHỤ LỤC 6 **LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CỦA ĐỊCH Ở CHIẾN TRƯỜNG KHU 5 (Từ năm 1961 đến tháng 4 năm 1975)**

Thời gian	Tổng số (chủ lực và địa phương)	SỐ ĐƠN VỊ CHỦ LỰC	CÁC LOẠI QUÂN									
			CHỦ LỰC						ĐỊA PHƯƠNG			
			MỸ		NAM TRIỀU TIÊN		NGUYỄN		BẢO AN		DÂN VỆ	BIỆT KÍCH CẢNH SÁT
			Số quân	Đơn vị	Số quân	Đơn vị	Số quân	Đơn vị	Số quân	Đơn vị		
1961	106.500	3f (38d)	3.000				64.000	3f	20.000	4d, 126c	13.000	6.500
1962	155.000	5f (53d)	5.000				67.000	5f	25.000	18d, 62c	32.000	25.000
1963	155.000	4f, 1c (43d)	5.000				67.000	4f, 1c	25.000	11d, 80c	32.000	25.000
1964	156.000	4f, 1c (42d)	9.000				67.000	4f, 1c	30.000	12d, 100c	30.000	20.000
1965	257.800	5f, 3c (68d)	104.000	3f, 1c	24.000	1f, 1 lữ	67.000	2f, 1c	37.000	10d, 150c	28.000	16.800
1966	354.000	7f, 1 lữ, 3c (93d)	160.000	3f, 3c	40.000	2f, 1 lữ	68.000	2f	40.000	10d, 192c	29.000	17.000
1967	376.000	8f, 11c (100d)	180.000	4f, 1c	42.000	2f, 1 lữ	70.000	2f, 6c	38.000	10d, 202c	28.300	17.700
1968	365.000	7f, 8c (100d)	185.000	3f, 2c	42.000	2f, 1 lữ	60.000	2f, 5c	34.000	10d, 387c	23.000	21.000
1969	389.800	7f, 8c (99d)	186.000	3f, 2c	41.000	2f, 1 lữ	65.000	2f, 5c	47.300	10d, 436c	28.400	22.100
1970	352.000	6f, 6c (88d)	143.000	2f, 1c	40.000	2f, 1 lữ	61.000	2f, 4c	48.300	12d, 63 liên đội	36.800	22.900
1971	307.000	4f, 6c (91d)	80.000	1c	40.000	2f, 1 lữ	74.000	2f, 4c	43.000	14d, 63 liên đội	39.000	31.000
1972	241.000	6f (84d)	9.000		31.000	2f	101.000	4f	43.000	36d, 53 liên đội	24.300	33.000
1973	212.240	3f, 1c, 8 liên đoàn (55d)					101.000	3f, 1c, 8 liên đoàn	43.000	103d, 10 liên đội	33.240	35.000
1974	201.600	5f, 11c và liên đoàn (69d)					100.500	5f, 11c và liên đoàn	41.800	104d, 10 liên đội	30.800	28.500
4/75	268.000	5f, 11c và liên đoàn (70d)					116.124	5f, 11c và liên đoàn	63.455	103d, 10 liên đội	60.421	28.000

(Nguồn: Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 3 Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1969 - 1975)*)

Phụ lục 10

Thành tích giành dân ở Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
(từ năm 1961 đến tháng 5/1975)

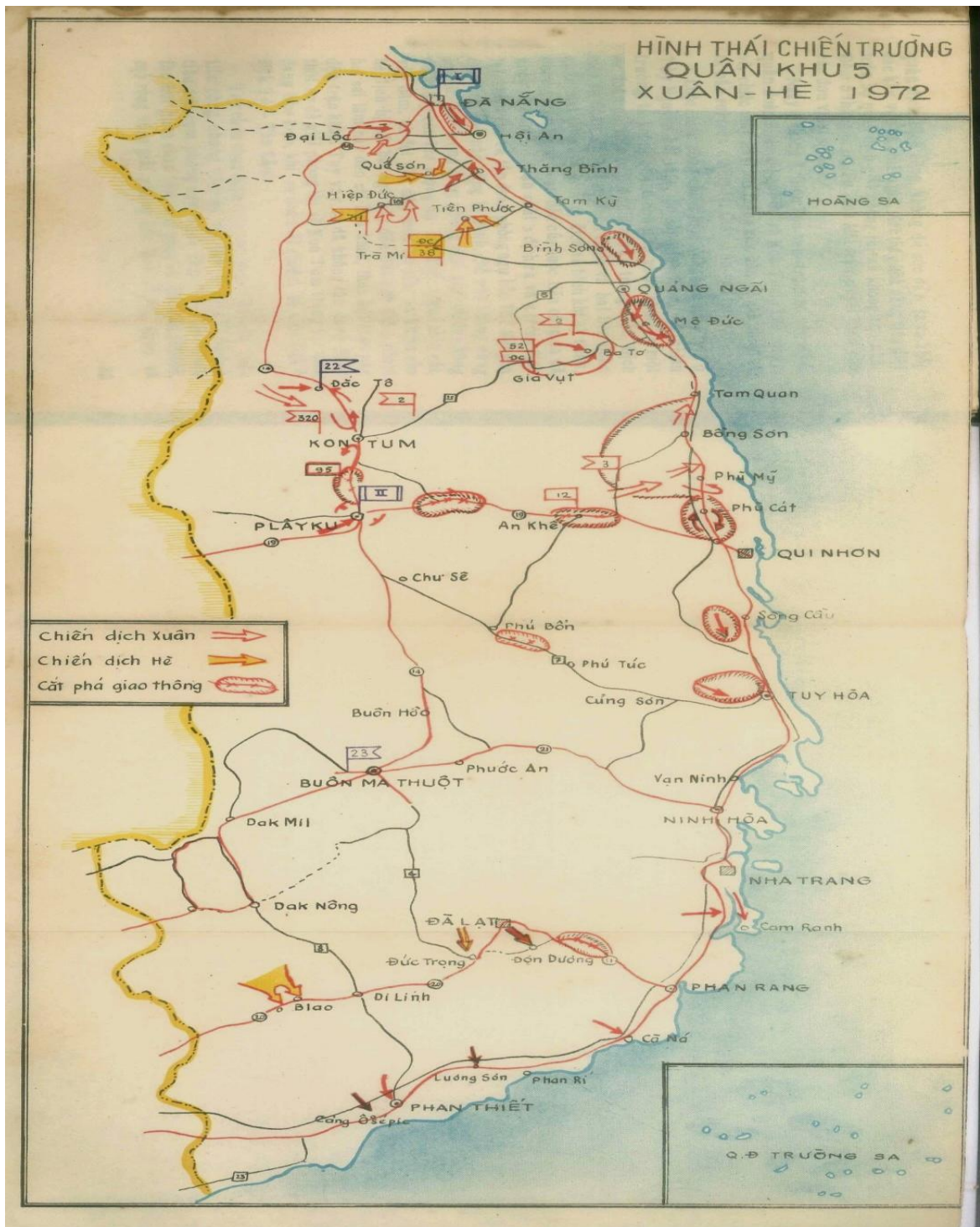
THÀNH TÍCH GIÀNH DÂN Ở CHIẾN TRƯỜNG KHU 5 (bao gồm Tây Nguyên) TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC <i>(Từ năm 1961 đến tháng 5-1975)</i>			
Thời gian	Số dân vùng làm chủ và vùng giải phóng		
	Tổng số	Đồng bằng	Miền núi (.)
1961	310.000	25.000	285.000
1962	652.000	400.000	252.000
1963	502.000	260.000	242.000
1964	1.520.000	1.192.000	328.000
1965	2.104.000	1.692.000	412.000
1966	1.626.000	1.259.000	367.000
1967	1.219.000	884.000	335.000
4-1968	1.300.000	970.000	330.000
12-1968	1.110.000	835.000	275.000
1969	838.000	575.000	263.000
1970	846.700	588.000	258.700
1971	699.000	480.000	219.000
1972	803.000	557.000	246.000
1-1973	918.000	638.000	280.000
12-1973	564.000	309.000	255.000
1974	764.000	494.000	270.000
5-1975	5.107.000		

(.) Bao gồm Tây Nguyên và các huyện miền núi của các tỉnh đồng bằng.

(Nguồn: Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 3 Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1969 - 1975*)

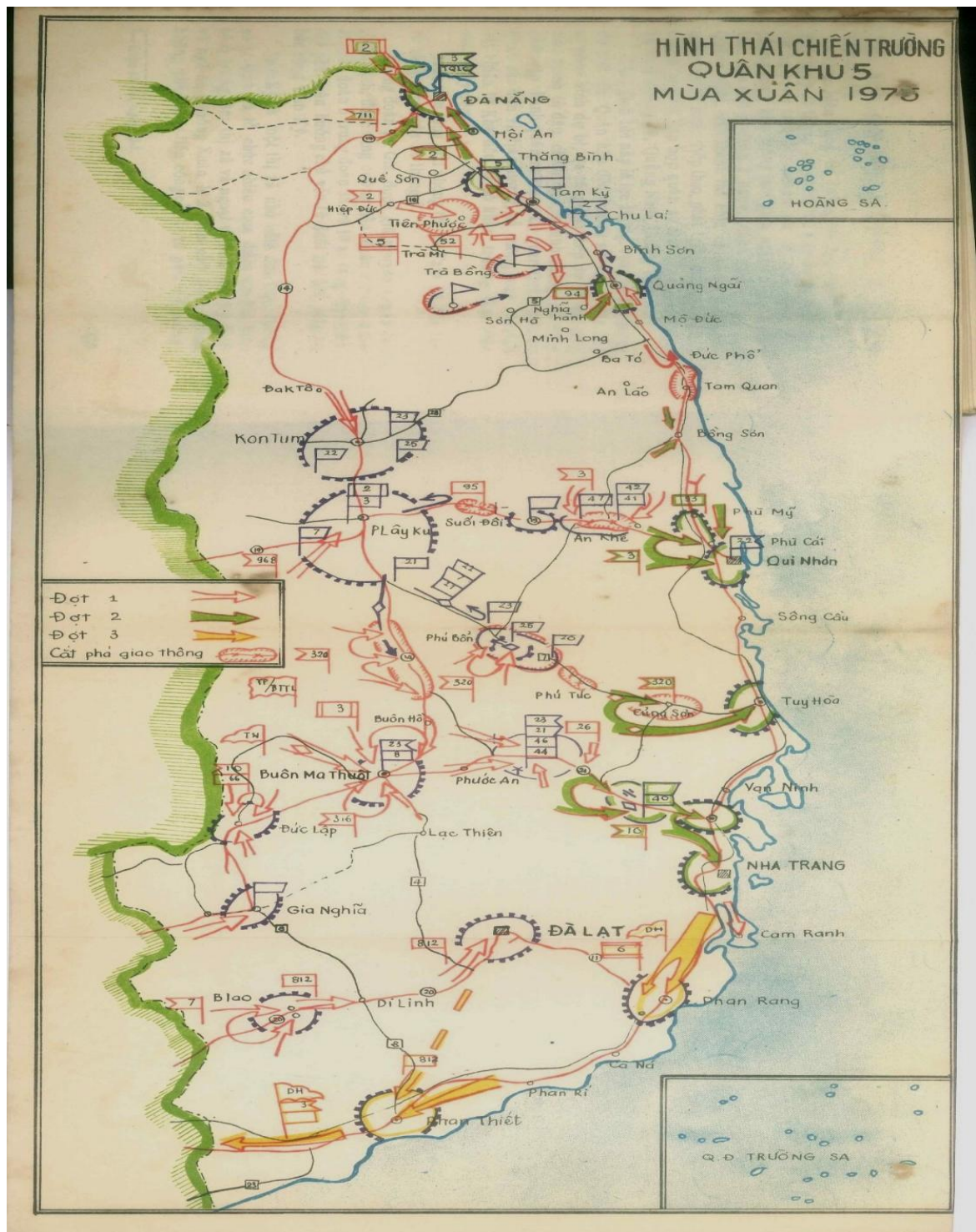
Phụ lục 11

Hình thái chiến trường Quân Khu 5 Xuân - Hè năm 1972



(Nguồn: Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 3 Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1969 - 1975)*)

Phục lục 12
Hình thái chiến trường Quân khu 5 Xuân năm 1975



(Nguồn: Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 3 Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1969 - 1975)*)